

Ngày soạn: 10, 11 / 04 /2023

Tiết:1, 2, 3: CHUYÊN ĐỀ 1:

RÈN KỸ NĂNG LÀM DẠNG BÀI PHÁT HIỆN, PHÂN TÍCH TÁC DỤNG CỦA BIỆN PHÁP TU TỪ DẠNG CÂU HỎI ĐỌC – HIỂU

I.MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Ôn lại một số kiến thức cơ bản về các biện pháp tu từ từ vựng. Phát hiện và chỉ được các biện pháp tu từ trong văn, thơ.

2. Năng lực

- Sử dụng các biện pháp tu từ từ vựng để cảm nhận và viết đoạn văn.

3. Phẩm chất:

- Bộc lộ đ- ọc tình cảm, cảm xúc của mình trong đoạn văn.

II.CHUẨN BỊ

+ Thầy: Soạn bài, bảng phụ

+ Trò: ôn tập theo sự hướng dẫn .

III.TIẾN TRÌNH HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC.

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN CẦN NẮM

a. Các biện pháp tu từ từ vựng:

1. So sánh:

- Là đối chiếu các sự vật hiện tượng này với các sự vật, sự việc khác trên cơ sở quan hệ tương đồng để làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho ngôn ngữ. So sánh vừa giúp cho sự miêu tả các sự vật cụ thể , sinh động vừa có tác dụng bộc lộ tình cảm cảm xúc.

Thân em như hạt mưa sa

Hạt vào đài các hạt ra ruộng cày.

-> Bằng hình ảnh hạt mưa bé nhỏ không thể chọn nơi rơi xuống/g dân gian đã thể hiện được ý thức về thân phận mong manh và bị lệ thuộc của người PN trong xã hội xưa. H/a so sánh ấy bộc lộ sự đồng cảm, chia sẻ, nỗi xót thương.

2. Ẩn dụ:

- Ẩn dụ là cách gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên sự vật hiện khác có nét tương đồng quen thuộc nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.

VỖ dô

Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng

Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ.

Mặt trời thứ hai là hình ảnh ẩn dụ vì: lấy tên mặt trời gọi Bác. Mặt trời →Bác có sự tương đồng về công lao giá trị.

3. Nhân hóa :

- Là dùng những từ ngữ, hình ảnh gắn với con người để miêu tả các đồ vật , con vật, cảnh vật...

-> Bp Nhân hoá giúp cho các đồ tượng cần miêu tả trở nên sinh động, có sức sống và gần gũi với con người.

* Các kiểu nhân hoá

+ Gọi sự vật bằng những từ vốn gọi người

+ Những từ chỉ hoạt động, tính chất của con người được dùng để chỉ hoạt động, tính chất sự vật.

+ Trò chuyện tâm sự với vật như đối với người

Ví dụ: Núi uẩn mình trong chiếc áo the xanh
Đồi thoa son nằm dưới ánh bình minh
(Chợ tết- Đoàn Văn Cừ)

4. Hoán dụ:

- Gọi tên sự vật , hiện tượng, khái niệm bằng tên của một sự vật, hiện tượng, khái niệm khác có quan hệ gần gũi với nó nhằm khắc sâu đặc điểm tiêu biểu của đối tượng được miêu tả và tăng khả năng khái quát cho ngôn ngữ.

* Các kiểu hoán dụ

- + Lấy bộ phận để gọi toàn thể: Ví dụ lấy cây bút để chỉ nhà văn
- + Lấy vật chứa đựng để gọi vật bị chứa đựng: làng xóm chỉ nông dân
- + Lấy dấu hiệu của sự vật để gọi sự vật: Hoa đào, hoa mai để chỉ mùa xuân
- + Lấy cái cụ thể để gọi cái trừu tượng: Mồ hôi để chỉ sự vất vả

Ví dụ: Áo chàm chia buổi phân li
 Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay
 (Việt Bắc – Tố Hữu)

5. Nói quá:

- Biện pháp tu từ phóng đại mức độ quy mô tính chất của sự vật hiện tượng được miêu tả để nhấn mạnh, gây ấn tượng, tăng sức biểu cảm.

Ví dụ: Gươm mài đá đá núi cũng mòn
 Voi uống nước, nước sông phải cạn
-> Ngợi ca sức mạnh hùng hậu của nghĩa quân Lam Sơn

6. Nói giảm, nói tránh

- Là biện pháp tu từ dùng cách diễn đạt tế nhị uyển chuyển, tránh gây cảm giác đau buồn, ghê sợ, tránh thô tục, thiếu lịch sự

Ví dụ: Áo bào thay chiếu anh về đất
 Sông Mã gầm lên khúc độc hành

-> Nói giảm không chỉ làm vơi bớt nỗi đau mất mát mà còn có giá trị khẳng định, ngợi ca sự bất tử của những người lính hy sinh vì Tổ quốc. Linh hồn các anh trở về với đất mẹ và sẽ trường tồn cùng sông núi.

b. Các biện pháp tu từ cú pháp:

1. Đảo trật tự cú pháp: (Đảo ngữ) Là sự thay đổi trật tự cú pháp thông thường của câu nhằm nhấn mạnh tính chất, đặc điểm... của đối tượng cần miêu tả.

Ví dụ: Lặn lội thân cò khi quãng vắng
 Eo sèo mặt nước buổi đò đông.

-> Cấu trúc đảo ngữ trong câu trên đã nhấn mạnh được nỗi nhọc nhằn, cơ cực của người phụ nữ phải một mình đương đầu với những vất vả, gian nan... để kiếm sống, nuôi chồng con đồng thời nhà thơ cũng thể hiện được sự thấu hiểu, xót xa, cảm thương cho người vợ tần tảo, chịu thương chịu khó.

2. Điệp ngữ:

Là lặp lại có ý thức những từ ngữ nhằm mục đích nhấn mạnh, mở rộng ý hoặc gợi những cảm xúc trong lòng người đọc, người nghe.

Điệp ngữ vừa để nhấn mạnh ý vừa tạo cho câu văn câu thơ, đoạn văn, đoạn thơ giàu âm điệu, nhịp nhàng, hoặc hào hùng mạnh mẽ.

Ví dụ:

Buồn trông cửa bể chiều hôm
Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa
Buồn trông ngọn nước mới xa

Hoa trôi man mác biết là về đâu
(Truyện Kiều- Nguyễn Du)

-> Điệp từ buồn trông diễn tả được nỗi buồn chông chênh, triền miên trong tâm hồn nhân vật Thuý Kiều khi ở lầu Ngưng Bích. Những nỗi buồn thương, cô đơn ấy bao trùm cả không gian, nhuộm vào cảnh vật...

3. Liệt kê:

Là sắp xếp nối tiếp những đơn vị cú pháp cùng loại (Các từ ngữ, các thành phần câu) nhằm mục đích nhấn mạnh ý.

Ví dụ: Trời xanh đây là của chúng ta
Núi rừng đây là của chúng ta
Những cánh đồng thơm mát
Những ngả đường bát ngát
Những dòng sông đỏ lặng phù sa
(Đất nước- Nguyễn Đình Thi)

-> Biện pháp liệt kê tác giả sử dụng để tái hiện những khoảng thời gian rộng lớn, mệnh mông của đất nước độc lập tự do, tràn đầy sức sống... Đồng thời, tác giả cũng diễn tả niềm tự hào và hạnh phúc lớn lao khi được làm chủ quê hương đất nước

B. LUYỆN KĨ NĂNG LÀM BÀI TẬP

Câu 1. Đọc đoạn thơ sau rồi trả lời câu hỏi:

*“Quê hương anh nước mặn đồng chua
Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá
Anh với tôi đôi người xa lạ
Tự phương trời chẳng hẹn quen nhau.
Súng bên súng, đầu sát bên đầu
Đèn rét chung chã thành đôi tri kỷ
Đồng chí!”*

(Chính Hữu, *Đồng chí*)

1. Ghi lại một câu thành ngữ có trong đoạn thơ trên? Giải thích câu thành ngữ đó?

2. Câu thơ *Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá* sử dụng biện pháp tu từ nào? Nêu tác dụng của biện pháp tu từ này?

3. Chỉ ra biện pháp tu từ được sử dụng ở câu thơ *Súng bên súng, đầu sát bên đầu*. Nêu tác dụng của biện pháp tu từ đó?

Gợi ý:

1. “*nước mặn, đồng chua*” là câu thành ngữ để nói về những vùng đồng quê gần biển, nghèo nàn nước mặn, đồng chua như chẳng hoa màu gì có thể lên được.
2. “*Đất cày lên sỏi đá*”: nơi đồi núi, trung du, đất đá bị ong hóa, khó canh tác.
→ Hai thành ngữ này để nhằm chỉ ra sự tương đồng về cảnh ngộ, xuất thân nghèo khó là cơ sở hình thành tình đồng chí.
3. Biện pháp ẩn dụ được thể hiện qua hình ảnh “*đất cày lên sỏi đá*”. Tác dụng: nhấn mạnh sự nghèo khó của “làng tôi”.

Câu 2. Biện pháp điệp ngữ và hoán dụ ở hai từ “súng, đầu”

Biện pháp điệp từ được sử dụng trong câu thơ “Súng bên súng đầu sát bên đầu” nhằm tạo nên sự đối ứng trong một câu thơ:

+ Gọi lên sự khắc nghiệt, nguy hiểm của chiến tranh (hình ảnh súng sẵn sàng chiến đấu).

+ Thể hiện sự chung sức, cùng nhau đoàn kết, chiến đấu.

Câu 3. Chỉ ra và nêu tác dụng của các biện pháp tu từ được sử dụng trong câu thơ *Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính*.

Câu thơ sử dụng biện pháp tu từ hoán dụ (giếng nước gốc đa – chỉ quê hương và những người thân nơi hậu phương của người lính) và nhân hóa qua từ “nhớ”. Từ đó kể hai bp đó cho thấy nỗi nhớ của qh và của những người thân yêu với người lính đồng thời người lính cũng nhớ về qh với t/c sâu nặng.

Câu 4. Đọc và trả lời câu hỏi

Không có kính, rồi xe không có đèn

Không có mui xe, thùng xe có xước

Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước:

Chỉ cần trong xe có một trái tim.

1. Hai câu đầu tác giả sử dụng nghệ thuật gì? Nêu tác dụng?

2. Qua hình ảnh chiếc xe trong khổ thơ, em hình dung như thế nào về hiện thực của cuộc kháng chiến chống Mỹ?

3. Biện pháp tu từ nào được sử dụng ở câu thơ cuối của khổ thơ? Nêu tác dụng của biện pháp tu từ đó?

1: Trong hai câu thơ đầu, tg sử dụng NT liệt kê, điệp ngữ *không có*: *không có kính, không có đèn, không có mui xe*.

Tác dụng: + gọi lên một chiếc xe không vẹn toàn, thiếu thôn đủ thứ. Những cái quan trọng cần có lại không có, những cái không cần có lại có thừa.

a. + Nhấn mạnh sự biến dạng, hư hỏng nặng nề của những chiếc xe do bom đạn kẻ thù tàn phá. Càng đi sâu vào chiến trường, những chiếc xe càng bị hư hỏng: từ không có kính trở thành không có đèn, không có mui xe và thùng xe có *xước*.+ Đặt trong đoạn thơ, điệp ngữ *không có* còn tạo nên sự đối sánh đầy hiệu quả giữa cái **không có** (kính, đèn, mui xe,...) và cái **có** (một trái tim), giữa sự thiếu thôn khó khăn về điều kiện, phương tiện chiến đấu với tinh thần, ý chí của con người.

b. + Bằng việc sử dụng NT liệt kê, điệp ngữ, tác giả ca ngợi tư thế hiên ngang, tinh thần dũng cảm, bất chấp khó khăn nguy hiểm, lí tưởng sống cao đẹp và trái tim yêu nước cháy bỏng của người lính Trường Sơn.

2. Phản ánh sự khốc liệt và dữ dội của chiến trường, bom đạn có thể làm cho những chiếc xe trở nên trần trụi biến dạng hoàn toàn. Người lính lái xe lại chất chồng khó khăn. Sự gian khổ nơi chiến trường ngày càng nâng lên gấp bội lần nhưng không thể làm chùn bước những đoàn xe nối đuôi nhau ngày đêm tiến về phía trước.

3. câu cuối sử dụng biện pháp hoán dụ: Từ “trái tim” được dùng theo nghĩa chuyển.

- Trái tim thay thế cho tất cả những thiếu thôn trên xe “không kính, không đèn, không mui”, hợp nhất với tinh thần, ý chí của người lính lái xe không gì có thể ngăn cản, tàn phá được.

- Xe được chạy bằng chính trái tim, xương máu của chiến sĩ, trái tim ấy là niềm tin, niềm lạc quan và sức mạnh chiến thắng. Những chiếc xe càng thêm độc đáo vì đó là những chiếc xe do ý chí, niềm tin sắt đá cầm lái.

- Hình ảnh trái tim được hiểu theo nghĩa ẩn dụ và hoán dụ: trái tim tượng trưng cho tâm hồn và phẩm chất của người chiến sĩ lái xe. Trái tim nồng cháy một lẽ cao đẹp thiêng liêng: tất cả vì miền Nam thân yêu, trái tim chứa đựng bản lĩnh, chất ngang tàng, lòng dũng cảm cùng tinh thần lạc quan vào ngày thống nhất.

- Trái tim trở thành nhãn tự toàn bài thơ, hội tụ tất cả vẻ đẹp của tinh thần, ý chí của người lính lái xe cũng như để lại cảm xúc sâu lắng trong lòng người đọc.

Câu 5. Bài thơ về tiểu đội xe không kính của Phạm Tiến Duật được mở đầu bằng một đoạn thơ rất độc đáo:

Không có kính không phải vì xe không có kính

Bom giạt bom rung kính vỡ đi rồi

Ung dung buồng lái ta ngồi

Nhìn đất, nhìn trời, nhìn thẳng...”

(Trích Ngữ văn 9, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam)

Xác định biện pháp tu từ điệp ngữ trong đoạn thơ và nêu tác dụng?

- Điệp ngữ “không” được lặp lại ba lần trong câu thơ đầu tiên.

Tác dụng: Nhấn mạnh hiện thực thiếu thốn, gian khổ của điều kiện, phương tiện chiến đấu; nhấn mạnh nét ngang tàng, hồn nhiên qua giọng điệu tinh nghịch của người lính trẻ.

- Điệp ngữ “bom” lặp lại hai lần trong câu thơ thứ hai.

Tác dụng: Nhấn mạnh hiện thực khốc liệt của tuyến đường Trường Sơn cũng như những năm tháng kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

- Điệp ngữ “nhìn” lặp lại ba lần trong câu thơ thứ tư.

Tác dụng: Nhấn mạnh tư thế hiên ngang, chủ động, ung dung, tinh thần lạc quan, dũng cảm bất chấp mọi khó khăn hiểm nguy của người lính lái xe.

- Các điệp ngữ góp phần tạo nhạc điệu cho lời thơ.

Câu 6. Đọc đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi:

Bếp Hoàng Cầm ta dựng giữa trời

Chung bát đũa nghĩa là gia đình đấy

Võng mắc chông chênh đường xe chạy

Lại đi, lại đi trời xanh thêm.

Không có kính, rồi xe không có đèn

Không có mui xe, thùng xe có xước,

Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước

Chỉ cần trong xe có một trái tim.

(Trích Ngữ văn 9, tập một, NXB. Giáo dục, 2014).

1. Tìm một hình ảnh ẩn dụ trong đoạn thơ trên và nêu tác dụng của hình ảnh ẩn dụ đó.

Hình ảnh ẩn dụ: trời xanh hoặc trái tim

Nêu được tác dụng của hình ảnh ẩn dụ: làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho điều tác giả muốn thể hiện

Câu 7. Kết thúc bài thơ “Bài thơ về tiểu đội xe không kính”, Phạm Tiến Duật viết:

... Không có kính, rồi xe không có đèn
Không có mui xe, thùng xe có xước
Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước:
Chỉ cần trong xe có một trái tim.

(Trích Ngữ văn 9, tập 1, NXB Giáo dục)

Chỉ ra các biện pháp tu từ được sử dụng trong hai câu đầu của khổ thơ trên và nêu tác dụng?

- Các biện pháp điệp ngữ và liệt kê (chỉ rõ)

- Tác dụng:

+ Tái hiện chân thực hình ảnh những chiếc xe trên tuyến đường TS

+ Tô đậm những thiếu thốn, khó khăn, gian khổ của người lính, sự khốc liệt của chiến trường và bản lĩnh của những người lính lái xe

Câu 8. Xác định các từ thuộc trường từ vựng chỉ thiên nhiên ở những câu thơ sau:

“Thuyền ta lái gió với buồm trăng

Lướt giữa mây cao với biển bằng”.

Biện pháp tu từ nói quá cùng những hình ảnh giàu sức liên tưởng được sử dụng trong hai câu thơ này có tác dụng gì?

2. Các từ thuộc trường từ vựng chỉ thiên nhiên:

lái gió, buồm căng, mây cao, biển bằng.

- Biện pháp: “Lướt giữa mây cao với biển bằng” có tác dụng miêu tả con thuyền bỗng mang sức mạnh và vẻ đẹp của vũ trụ. Con người trong tư thế làm chủ thiên nhiên, làm chủ biển trời quê hương.

Câu 9: Đọc đoạn thơ sau và trả lời câu hỏi:

Mặt trời xuống biển như hòn lửa.

Sóng đã cài then, đêm sập cửa.

Đoàn thuyền đánh cá lại ra khơi,

Câu hát căng buồm cùng gió khơi.

(Trích Ngữ văn 9, Tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2016, tr.139)

Chỉ ra biện pháp tu từ và nêu tác dụng?

Phép tu từ: So sánh, nhân hóa

- Cho thấy cảnh biển hoàng hôn vô cùng tráng lệ, hùng vĩ. Mặt trời được ví như một hòn lửa khổng lồ đang từ từ lặn xuống. Trong hình ảnh liên tưởng này, vũ trụ như một ngôi nhà lớn, với đêm buông xuống là tấm cửa khổng lồ, những lượn sóng là then cửa.

Với sự quan sát tinh tế nhà thơ đã miêu tả rất thực chuyển đổi thời khắc giữa ngày và đêm khi mặt trời lặn.

- Vũ trụ như ngôi nhà lớn với màn đêm buông xuống là tấm cửa khổng lồ, những lượn sóng hiền hòa gối đầu nhau chạy ngang trên biển như những chiếc then cài cửa.

- Là hình ảnh ẩn dụ mang tính chất khoa trương. Tiếng hát khỏe khoắn tiếp sức cho gió làm căng cánh buồm. Tiếng hát ấy, làm nổi bật khí thế hồ hởi của người lao động trong buổi xuất quân chinh phục biển cả...

Câu 9. Ở bài thơ “Bếp lửa” (Bằng Việt) trong dòng hồi tưởng người cháu nhớ lại:

“Năm ấy là năm đói mòn đói mỏi....”

Rồi trở về thực tại:

“ Giờ cháu đã đi xa, có ngọn khói trăm tàu
Cỏ lửa trăm nhà niềm vui trăm ngã
Nhưng vẫn chẳng lúc nào quên nhắc nhở:
- sớm mai này bà nhóm bếp lên chưa?... ”

“**Năm ấy là năm đói mòn đói mỏi**” được nhắc tới trong bài thơ gợi nhớ về thời điểm nào của đất nước? Việc nhà thơ tách từ “mòn mỏi” để ghép thành “đói mòn đói mỏi” có tác dụng gì?

Câu thơ “**Năm ấy là năm đói mòn đói mỏi**” nhắc nhớ đến kỉ niệm khi nhà thơ lên bốn tuổi, năm 1945, miền Bắc lâm vào nạn đói khủng khiếp khiến 2 triệu đồng bào chết đói tập trung từ Quảng Trị đến Bắc Kì.

– Việc tách từ “mòn mỏi” tạo thành tổ hợp “đói mòn đói mỏi” có tác dụng nhấn mạnh sự dai dẳng, khủng khiếp của cơn đói cũng như nỗi cơ cực, nhọc nhằn của mỗi người dân trong nạn đói.

- Về mặt ngữ âm, nó tạo sự nhịp nhàng cho câu thơ

- Về mặt cấu trúc, nó tạo nên sự cân xứng cho từ ngữ;

- Về mặt nội dung ý nghĩa, nó tạo nên sự nhấn mạnh, gây ấn tượng cho người đọc về cảm giác nặng nề, u ám và lê thê của nạn đói đối với nhân vật trữ tình khi hồi tưởng về thời điểm ấy của lịch sử, của kỉ niệm với người bà.

HDVN: Học nắm lí thuyết, hoàn thành các bài tập .

Ngày soạn: 12, 13/04 /2023

Tiết:4, 5, 6: CHUYÊN ĐỀ 2:

RÈN KỸ NĂNG SỬ DỤNG CÂU VÀ CÁC THÀNH PHẦN CÂU TRONG ĐOẠN VĂN NGHỊ LUẬN VĂN HỌC

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

Ôn lại một số kiến thức cơ bản về các thành phần câu, câu.

2. Năng lực

Sử dụng và viết đoạn văn có các kiểu câu, thành phần câu.

4. Phẩm chất

Yêu thích, chăm chỉ học tập bộ môn

II. CHUẨN BỊ

+ Thầy: Soạn bài, bảng phụ

+ Trò: ôn tập theo sự hướng dẫn .

III. HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN CẦN NẮM

1. THÀNH PHẦN CÂU

Tên thành phần		
	Chủ ngữ	Vị ngữ
	Nêu tên sự vật, hiện tượng có	Nêu hành động, trạng thái, tính chất

Thành phần chính	hành động, trạng thái, tính chất được miêu tả ở VN. Nó thường trả lời cho câu hỏi: Ai? Con gì? Cái gì? VD: <i>Cây tre// là người bạn thân của nông dân Việt Nam. (Thép Mới)</i> => Chủ ngữ: <i>Cây tre</i>		của người, vật đã nói đến ở CN. Nó trả lời cho câu hỏi: Là gì? Làm gì? Như thế nào? Làm sao? VD: <i>Cây tre// là người bạn thân của nông dân Việt Nam. (Thép Mới)</i> => Vị ngữ: <i>là người bạn thân của nông dân Việt Nam</i>	
Thành phần phụ	Trạng ngữ Là những từ ngữ chỉ thời gian, nơi chốn, mục đích, nguyên nhân, phương tiện, cách thức.. diễn ra sự việc nói ở trong câu. VD: <i>Mùa xuân</i>, chim chóc kéo về từng đàn.		Khởi ngữ Là thành phần câu đứng trước chủ ngữ để nêu lên đề tài được nói đến trong câu. Trước khởi ngữ, thường có các quan hệ từ: <i>về, đối với, còn, ...</i> VD: - Về <i>mùa xuân</i>, đó là mùa đẹp nhất trong năm. - Về <i>nghệ thuật</i>, tác giả đã sử dụng thành công nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật.	
Thành phần biệt lập	Thành phần tình thái Dùng để thể hiện cách nhìn của người nói đối với sự việc được nói đến trong câu VD: <i>Có lẽ</i> vì khổ tâm đến nỗi không khóc được, nên anh phải cười vậy thôi. (<i>Chiếc lược ngà</i> - Nguyễn Quang Sáng)	Thành phần cảm thán Dùng để bộc lộ tâm lý của người nói (vui, buồn, mừng, giận...) VD: <i>Chao ôi</i>, ông lão nhớ làng, nhớ cái làng quá. (Làng – Kim Lân)	Thành phần phụ chú Bổ sung một số chi tiết cho nội dung chính của câu (đặt giữa 2 dấu gạch ngang, 2 dấu phẩy, 2 dấu ngoặc đơn, sau dấu hai chấm) VD: Lão không hiểu tôi, <i>tôi nghĩ vậy</i>, và tôi càng buồn lắm (Lão Hạc – Nam Cao)	Thành phần gọi đáp Dùng để tạo lập hoặc để duy trì quan hệ giao tiếp. VD: <i>Ồi con chim chiến chiến</i> <i>Hót chi mà vang trời</i> (Mùa xuân nho nhỏ - Thanh Hải)

2. CÂU

a. Câu – phân loại theo cấu tạo ngữ pháp

TT	Kiểu câu	Định nghĩa	Ví dụ	Lưu ý khi đặt câu
----	----------	------------	-------	-------------------

1	Câu đơn	Là câu chỉ do một cụm C-V tạo thành	<i>Mùa xuân, cây cối/đâm chồi nảy lộc.</i>	- Đặt câu ngắn gọn (theo cấu trúc Ai là gì? Ai làm gì? Ai như thế nào?)
2	Câu ghép	Là câu do 2 hoặc nhiều C – V không bao chứa nhau tạo thành	Vì <u>trời/mưa</u> nên <u>đường/rất trơn</u> .	- Đặt câu ngắn gọn, thường chỉ nên có 2 vế câu. - Nên dùng cặp quan hệ từ (vì..nên..;...) để nối các vế. - Vế nào cũng phải có đầy đủ C – V. Không nên đặt câu ghép có vế ỉn CN hoặc VN
3	Câu mở rộng thành phần	- Có từ hai kết cấu C-V trở lên - Trong đó, các kết cấu C-V bao chứa nhau: một kết cấu C-V lớn nhất, đóng vai trò nòng cốt câu; các kết cấu C-V còn lại làm thành phần trong nòng cốt câu.	<u>Trời/ mưa to</u> // <u>khuyến cả khu phố</u> / <u>bị ngập</u> .	- Nên đặt theo mô hình: A <i>khuyến/làm cho</i> B (Trong đó A và B là những cấu trúc C-V)
4	Câu rút gọn	- Câu rút gọn là loại câu không cấu tạo theo mô hình C-V. - <i>Mục đích:</i> + Làm cho câu gọn hơn, vừa thông tin được nhanh, vừa tránh lặp những từ ngữ đã xuất hiện trong câu đứng trước. + Ngụ ý hành động, đặc điểm nói trong câu là của chung mọi người (lược bỏ chủ ngữ)	- Bao giờ cậu đi Hà Nội? - <u>Ngây mai!</u>	
5	Câu đặc biệt	- Câu đặc biệt là loại câu không cấu tạo theo mô hình C – V. - <i>Tác dụng:</i> + Nêu lên thời gian, nơi chốn diễn ra sự việc được nói đến trong đoạn	<u>Trời ơi!</u> Cô giáo tái mặt và nước mắt giàn giụa (Khánh Hoài)	

		vấn. + Liệt kê thông báo về sự tồn tại của sự vật, hiện tượng. + Bộc lộ cảm xúc + Gọi đáp		
--	--	--	--	--

b Câu – phân loại theo mục đích nói

TT	Kiểu câu	Định nghĩa	Ví dụ	Lưu ý khi đặt câu
1	<i>Câu nghi vấn</i>	- Là câu có những từ nghi vấn như: <i>ai, tại sao, vì...</i> - Chức năng chính dùng để hỏi; ngoài ra còn dùng để khẳng định, phủ định hay bộc lộ cảm xúc.	- <i>Sớm mai này bà nhóm bếp lên <u>chưa?</u> (Bếp lửa – Bằng Việt)</i>	- Đặt câu đơn. - Phải có từ nghi vấn. - Cuối câu phải đặt dấu chấm hỏi.
2	<i>Câu cầu khiến</i>	- Là câu có những từ cầu khiến như: <i>hãy, đừng, chớ...</i> hoặc có ngữ điệu cầu khiến. - Dùng để ra lệnh, yêu cầu, đề nghị, khuyên bảo	<i>Mẹ <u>đừng</u> vớt con đi mà tội nghiệp (Sọ Dừa)</i>	- Đặt câu đơn. - Phải có từ cầu khiến. - Cuối câu đặt dấu chấm hoặc dấu chấm than.
3	<i>Câu cảm thán</i>	- Là câu có những từ ngữ cảm thán như: <i>ôi, chao ôi, biết bao, xiết bao, làm sao...</i> - Dùng để bộc lộ cảm xúc	<u>Chao ôi</u> , chú chuồn chuồn nước mới đẹp <u>làm sao!</u>	- Đặt câu đơn. - Phải có từ cảm thán. - Cuối câu đặt dấu chấm hoặc dấu chấm than.
4	<i>Câu trần thuật</i>	- Là câu không chứa các dấu hiệu hình thức của các kiểu câu nghi vấn, câu cảm thán, câu cầu khiến. - Dùng để kể, nhận xét, thông báo, giới thiệu, bộc lộ cảm xúc...	<i>Vào đêm trước ngày khai trường của con, mẹ không ngủ được. (Cổng trường mở ra – Lí Lan)</i>	- Đặt câu đơn. - KHÔNG sử dụng các từ cầu khiến, nghi vấn, cảm thán. - Cuối câu đặt dấu chấm. - Nên đặt câu dùng để giới thiệu, kể.

c. Câu – phân loại theo ý nghĩa

TT	Kiểu câu	Định nghĩa	Ví dụ	Lưu ý khi đặt câu
1	<i>Câu phủ</i>	- Là câu có những từ	- Choắt <u>không</u>	- Đặt câu đơn ngắn

	định	ngữ phủ định như: không, chưa, đâu có... - Dùng để thông báo, xác nhận không có sự vật, sự việc, tính chất, quan hệ nào đó (<i>câu phủ định miêu tả</i>) - Dùng để phản bác ý kiến, một nhận định (<i>câu phủ định bác bỏ</i>) - Đôi khi câu phủ định dùng để diễn tả ý khẳng định mạnh hơn.	<i>dậy được nữa, năm thoi thóp. (Để mèn phiêu lưu ký – Tô Hoài)</i> <i>- Trầm rất đau xót về việc đó, không thể không dờn dờn. (Chiếu dờn dờn – Lí Công Uẩn)</i>	gọn. - Trong câu có sử dụng từ phủ định.
2	Câu khẳng định	Là câu không có từ phủ định.	<i>Anh ấy là người tốt.</i>	

d.. Câu – phân loại theo quan hệ giữa CN và hành động được nói đến ở VN

TT	Kiểu câu	Định nghĩa	Ví dụ	Lưu ý khi đặt câu
1	Câu chủ động	- Câu có chủ ngữ chỉ người hoặc vật thực hiện một hành động hướng vào người, vật khác	<i>Người ta // làm tất cả cánh cửa chùa bằng gỗ lim.</i>	- Đặt câu đơn ngắn gọn. - Chủ ngữ chỉ chủ thể thực hiện hành động. - Câu chủ động chỉ được xác định khi có thể đổi thành câu bị động tương ứng
2	Câu bị động	- Câu có CN chỉ người hoặc vật bị (được) một người, vật khác tác động vào.	<i>Tất cả cánh cửa chùa // được người ta làm bằng gỗ lim.</i>	- Đặt câu đơn ngắn gọn. - Chủ ngữ chỉ đối tượng chịu tác động. - Câu bị động chỉ được xác định khi có thể đổi thành câu chủ động tương ứng - Chú ý: không phải câu nào có từ <i>bị/ được</i> cũng là câu bị động

B. LUYỆN KĨ NĂNG LÀM BÀI TẬP

Câu 1: Nhớ về kỉ niệm tuổi thơ bên bà và bên bếp lửa, Bằng Việt có viết:

*Năm giặc đốt làng cháy tàn cháy rụi
Hàng xóm bốn bên trở về lầm lụi*

Đỡ đàn bà dựng lại túp lều tranh
 Vẫn vững lòng bà dặn cháu đinh ninh:
 “Bố ở chiến khu, bố còn việc bố,
 Mày có viết thư chớ kể này, kể nọ
 Cứ bảo nhà vẫn được bình yên!”

Rồi sớm rồi chiều lại bếp lửa bà nhen
 Một ngọn lửa, lòng bà luôn ủ sẵn
 Một ngọn lửa chứa niềm tin dai dẳng....

(Sách giáo khoa Ngữ văn 9, tập 1- NXB Giáo dục)

- Vì sao tác giả đặt tên bài thơ viết về tình bà cháu của mình là “Bếp lửa”?
- Giải nghĩa từ “đinh ninh”.
- Trong đoạn thơ trên, khi dặn dò cháu, người bà đã vi phạm phương châm hội thoại nào? Vì sao bà lại cố tình vi phạm phương châm hội thoại đó? Năm tháng và thời gian có trôi qua nhưng trong tâm trí của mình, người cháu vì sao người cháu vẫn khắc ghi lời dặn dò ấy?
- Vì sao ở hai câu cuối đoạn trên, tác giả dùng hình ảnh “ngọn lửa” mà không nhắc lại hình ảnh “bếp lửa”? Hình ảnh “ngọn lửa” ở đây có ý nghĩa gì?
- Hãy viết một đoạn văn khoảng 12 câu theo phương pháp tổng-phân-hợp *nêu cảm nhận về hình ảnh người bà trong đoạn thơ trên*. Đoạn văn có câu kết là một câu cảm thán và trong đoạn có sử dụng lời dẫn gián tiếp.

GỢI Ý

a	Giải thích ý nghĩa nhan đề “Bếp lửa” - Nghĩa tả thực: Bếp lửa củi rơm – một hình ảnh quen thuộc của làng quê Việt Nam tự bao đời - Nghĩa biểu tượng: + Bếp lửa gợi nhắc về những kỉ niệm thân thiết của tuổi thơ ở bên bà + Bếp lửa gắn liền với hình ảnh của người bà - người phụ nữ VN tảo tần, nhẫn nại, đầy yêu thương và giàu đức hi sinh. Bếp lửa gắn liền với những khó khăn gian khổ của đời bà. Bếp lửa là tình bà ấm nóng, là tay bà chăm chút yêu thương + Bếp lửa còn là hình ảnh của gia đình, quê hương, đất nước trong tâm hồn của người xa xứ. =>Đó là hình ảnh thể hiện tập trung chủ đề của tác phẩm: là biểu tượng sâu sắc cho tình bà cháu, tình yêu đối với gia đình, quê hương, đất nước.
b	Giải nghĩa từ “đinh ninh”: nhắc đi nhắc lại cho người khác nắm chắc, nhớ chắc
c	Người bà vi phạm phương châm về chất Vì: bà thương con cháu, mong muốn các con của mình không phải lo lắng việc gia đình để có thể yên tâm công tác. Đến giờ người cháu vẫn nhớ lời dặn ấy bởi đó là lời nói dối thiện chí, xuất phát từ tình yêu thương của bà. Nó giúp người cháu hiểu rõ nhân cách cao đẹp của bà: nhân hậu, giàu tình yêu thương và giàu đức hi sinh. Bà chính là hậu

	phương vững chắc cho cả gia đình. Hình ảnh của bà là hình ảnh tiêu biểu của người mẹ Việt Nam anh hùng
d	Tác giả dùng hình ảnh “ngọn lửa” mà không nhắc lại hình ảnh “bếp lửa” vì: Bếp lửa: bếp lửa củi rơm – vật dụng quen thuộc ở nông thôn. Nó mang nghĩa cụ thể. Ngọn lửa: linh hồn của bếp lửa, có sức toả sáng, truyền hơi ấm. Nó mang nghĩa ẩn dụ tượng trưng cho tấm lòng nhân hậu, tình yêu thương nồng ấm của bà dành cho con cháu cũng như niềm tin bất diệt của bà vào cuộc kháng chiến. Sự chuyển đổi từ “bếp lửa” sang “ngọn lửa”: báo hiệu sự thay đổi về mạch xúc của bài: từ hồi tưởng về kỉ niệm bên bà, bài thơ lắng dần vào suy tưởng (suy ngẫm) về bà và bếp lửa.
e	-Hình thức: đoạn văn tổng-phân-hợp, 12 câu (+ 1) -Tiếng Việt: Sử dụng hợp câu kết là một câu cảm thán, lời dẫn gián tiếp -Nội dung: nêu cảm nhận về hình ảnh người bà trong đoạn thơ trên. - Kỉ niệm thứ ba là kỉ niệm về “Năm giặc đốt làng cháy tàn cháy rụi”. Đó là những năm tháng chiến tranh, ngọn lửa chết chóc của giặc gió đó thiêu hủy cả ngôi làng. - - Điệp từ “cháy” kết hợp với việc tách đôi chữ “tàn”, “rụi” càng nhấn mạnh vào sự tàn khốc của chiến tranh. - Nhờ sự giúp đỡ của dân làng, bà “dừng lại túp lều tranh”. Tình làng nghĩa xóm thật ấm áp biết bao. Giữa tro tàn mất mát, đau thương, hình ảnh của bà vẫn hiện lên, vững vàng, kiên định. - Cho đến giờ, cháu vẫn nhớ lời bà dặn đinh ninh “..”- một lời nói dối thiện chí và tốt lành, cốt để làm yên lòng những người con ở nơi tiền tuyến. => Bà hiện lên như một hậu phương vững chắc trong kháng chiến => Bà là hiện thân của người phụ nữ Việt Nam nhân hậu, giàu đức hi sinh, giàu tình yêu thương, bà là hình ảnh tiêu biểu của bà mẹ Việt Nam anh hùng. <i>Bằng những hình ảnh thơ giàu sức biểu cảm cùng giọng điệu tâm tình, tha thiết, đoạn thơ trên đã làm nổi bật lên hình ảnh người bà đôn hậu, giàu tình yêu thương, đồng thời cho thấy tình cảm kính yêu và biết ơn sâu sắc của người cháu đối với bà.</i>

Câu 2: Trong bài thơ “Mùa xuân nho nhỏ”, Thanh Hải nguyện làm một con chim, một cành hoa và một nốt nhạc trầm để kết thành:

Một mùa xuân nho nhỏ
 Lặng lẽ dâng cho đời
 Dù là tuổi hai mươi
 Dù là khi tóc bạc

- Hãy trình bày mạch cảm xúc của bài thơ.
- Chỉ ra và nêu hiệu quả nghệ thuật của các biện pháp tu từ được sử dụng trong hai câu thơ cuối của khổ thơ trên.
- Trong bài thơ, “mùa xuân nho nhỏ” là một hình ảnh đẹp. Hãy cho biết ý nghĩa của hình ảnh ấy.
- Dựa vào khổ thơ trên, hãy viết một đoạn văn nghị luận khoảng 12 câu theo cách lập luận tổng hợp - phân tích – tổng hợp làm rõ *ước nguyện được cống hiến của nhà thơ*.

Trong đoạn văn có sử dụng 1 câu bị động và 1 phép lặp liên kết câu (gạch dưới câu bị động và những từ ngữ dùng trong phép lặp).

e. Ước nguyện của nhà thơ gợi chúng ta liên tưởng đến sự cống hiến của các nhân vật trong một văn bản đã học ở chương trình Ngữ văn lớp 9. Đó là văn bản nào? Của ai? Hãy chỉ ra điểm chung trong ước nguyện cống hiến được phản ánh trong hai tác phẩm?

GỢI Ý

a.	Mạch cảm xúc bài thơ: - Dòng cảm xúc được khơi nguồn từ vẻ đẹp và sức sống của mùa xuân thiên nhiên từ đó mở rộng ra với mùa xuân của đất nước. - Cảm xúc lắng dần vào sự suy tư và ước nguyện của nhà thơ muốn được hòa nhập và đóng góp cho cuộc đời chung. - Bài thơ kết thúc với những tình cảm thiết tha tự hào về quê hương đất nước.
b.	- Các biện pháp nghệ thuật: + Điệp ngữ “ Dù là...” + Hoán dụ: “tuổi hai mươi”, “khi tóc bạc” - Hiệu quả nghệ thuật: + Hình ảnh hoán dụ: “tuổi hai mươi” (tuổi trẻ mạnh mẽ đầy sức sống) và “khi tóc bạc” (tuổi đã xế bóng) => khát vọng cống hiến, hiến dâng tất cả sức lực của mình cho cuộc đời và đất nước. + Điệp ngữ “ dù là”: * Tạo giọng điệu tha thiết , sâu lắng, * Nhấn mạnh ước nguyện chân thành, khiêm nhường nhưng tha thiết và cháy bỏng của nhà thơ * Làm người đọc xúc động trước lời tâm sự thiết tha của một con người đã từng trải qua hai cuộc kháng chiến, đã cống hiến trọn cuộc đời cho cách mạng vẫn tha thiết được cống hiến, được sống có ích với tất cả sức sống tươi trẻ của mình cho cuộc đời chung
c.	Hình ảnh “ mùa xuân nho nhỏ” là một ẩn dụ đầy sáng tạo: - Mùa xuân là khái niệm trừu tượng, không hình hài cụ thể lại được cụ thể hoá nhờ gắn với tính từ “nho nhỏ”, một từ láy có tính gợi hình. Hình ảnh “mùa xuân nho nhỏ” là biểu tượng cho những gì tinh túy, đẹp đẽ nhất của sự sống và cuộc đời mỗi con người. - Thể hiện nguyện ước của nhà thơ muốn làm một mùa xuân, nghĩa là sống đẹp, sống với tất cả sức sống tươi trẻ của mình nhưng rất khiêm nhường là một mùa xuân nho nhỏ góp vào mùa xuân lớn của đất nước, của cuộc đời chung. => chủ đề của bài thơ mà nhà thơ muốn gửi gắm.
d.	*Hình thức: đoạn văn tổng – phân – hợp khoảng 12 câu *Tiếng Việt: phép lặp liên kết câu và 1 câu bị động *Nội dung: bám sát khổ thơ để phân tích làm rõ ước nguyện được cống hiến không phô trương, ồn ào mà khiêm nhường, lặng lẽ của nhà thơ - Nếu như ở khổ trước, tâm niệm của nhà thơ được thể hiện một cách chân thành qua điệp ngữ “ta làm” và qua những hình ảnh thiên nhiên đẹp tự nhiên, giản dị: "con chim hót", “một cành hoa...” thì khổ thơ tiếp theo, nhà thơ tự nhận mình là "Một mùa xuân nho nhỏ".

	+ Từ láy “nhỏ nhỏ” làm định ngữ cho danh từ “mùa xuân” đã diễn tả mùa xuân là mùa đẹp nhất, mùa của sức sống, sức phát triển của vạn vật và con người. + Đây còn là hình ảnh ẩn dụ thể hiện sự hòa nhập, dâng hiến những gì đẹp đẽ nhất, tinh túy nhất của con người, góp phần làm nên mùa xuân chung cho đất nước. + Qua cụm từ “Một mùa xuân nhỏ nhỏ”, bạn đọc thấy được mối quan hệ giữa cá nhân và tập thể, thấy được cái hữu hạn của con người và cái vô hạn của đất trời: Một con người - Một mùa xuân nhỏ nhỏ, chưa thể tạo thành mùa xuân chung cho đất nước nhưng có nhiều “Mùa xuân nhỏ nhỏ” góp lại sẽ tạo nên được mùa xuân cho đất nước, dân tộc. - Sự cống hiến này giống như “nốt nhạc trầm” nhỏ bé, khiêm nhường “Lặng lẽ dâng cho đời”, không khoa trương, ồn ào. - Các hình ảnh hoán dụ “tuổi hai mươi”, “khi tóc bạc” cùng điệp ngữ “Dù là” với sắc thái ý nghĩa khẳng định như một lời hứa của nhà thơ với đất nước, với chính lòng mình sẽ cống hiến bền bỉ suốt cả cuộc đời, bất chấp thời gian, tuổi tác: “Dù là tuổi đôi mươi/ Dù là khi tóc bạc” - Nhà thơ đã đi vào cõi vĩnh hằng nhưng ước nguyện cao cả ấy của ông vẫn bất tử với thời gian. Bài thơ được phổ nhạc thành bài hát vẫn được cất lên mỗi độ xuân về làm xao xuyến biết bao lòng
e.	- Văn bản: “Lặng lẽ Sa Pa” - Tác giả: Nguyễn Thành Long - Điểm chung trong ước nguyện cống hiến được phản ánh trong hai tác phẩm: + Mong muốn được cống hiến, góp phần dù nhỏ bé cho cuộc đời, đất nước, nhân dân. + Ước nguyện lặng lẽ, bình dị, khiêm nhường mà mãnh liệt

Câu 3. Cảm nhận được sự biến chuyển diệu kì của thiên nhiên, đất trời trong khoảnh khắc giao mùa, ở khổ thơ thứ hai của bài thơ “Sang thu”, Hữu Thỉnh viết:

Sông được lúc dềnh dàng

Chim bắt đầu vội vã

Có đám mây mùa hạ

Vắt nửa mình sang thu

(Trích SGK Ngữ văn 9, tập hai, NXB Giáo dục)

a. Nêu hoàn cảnh sáng tác và mạch cảm xúc của bài thơ.

b. “Sang thu” được sáng tác theo thể thơ nào? Kể tên một bài thơ khác đã học trong chương trình Ngữ văn 9 cũng được sáng tác theo thể thơ đó.

c. Em hiểu như thế nào về nghĩa của từ “dềnh dàng”? Tìm trong văn bản một từ đồng nghĩa với từ này. Phân tích hiệu quả nghệ thuật của việc sử dụng từ láy này trong khổ thơ?

d. Dựa vào khổ thơ trên, hãy viết một đoạn văn nghị luận khoảng 10 -12 câu theo cách lập luận tổng hợp - phân tích – tổng hợp để làm rõ *những cảm nhận của nhà thơ về những biến chuyển trong không gian lúc sang thu*, trong đoạn có sử dụng thành phần

tình thái và phép lặp để liên kết câu. (Gạch dưới thành phần tình thái và những từ ngữ dùng làm phép lặp).

e. Những hình ảnh thiên nhiên như dòng sông, đàn chim luôn là sự lựa chọn của các thi nhân để gửi gắm cảm xúc. Hãy chép lại một khổ thơ khác cũng có hình ảnh dòng sông và đàn chim mà em đã học trong chương trình Ngữ văn lớp 9 và cho biết rõ tên tác giả, tác phẩm.

GỢI Ý

a	- Hoàn cảnh sáng tác: Bài thơ được sáng tác năm 1977, khi đất nước vừa hòa bình, thiên nhiên bắt đầu sang thu, lúc này, tác giả đang tham gia trại sáng tác văn ở ngoại thành Hà Nội. - Mạch cảm xúc: Bất ngờ, ngỡ ngàng => say sưa => trầm ngâm suy ngẫm
b	- Thể thơ: 5 chữ (ngũ ngôn) - Tên bài thơ khác cùng thể thơ: Ánh trăng (Nguyễn Duy), Mùa xuân nho nhỏ (Thanh Hải).
c	- dềnh dàng: chậm chạp, thong thả - Từ đồng nghĩa trong bài: chùng chình - Hiệu quả nghệ thuật: + Nhân hoá → dòng sông trở nên có hồn, sống động như mang tình cảm, suy nghĩ như con người + Khi sang thu không còn cuộn cuộn gấp gáp như mùa hè mưa lũ mà chậm chạp, thong thả trôi. + Gọi cảm giác dòng sông như mang tâm trạng của con người, đang lắng lại, suy nghĩ, trầm tư về những trải nghiệm đã qua.
d	* Hình thức: Tổng phân hợp, 10 -12 câu * Tiếng Việt: Sử dụng hợp lý thành phần tình thái và phép lặp. * Nội dung: Làm rõ sự cảm nhận của nhà thơ về những biến chuyển trong không gian lúc sang thu qua khổ thơ thứ 2 - Cũng như sương thu, dòng sông thu dường như thong thả chậm chạp hơn, như hút vào lòng mình tất cả niềm sung sướng, thỏa thích của cuộc sống để dềnh lên những con nước mát lành. Mọi chuyển động có chầm chầm, rất êm nhẹ, đối lập với cánh chim "vội vã" của đất trời. Đó phải chăng là sự vội vàng trong tâm hồn Hữu Thỉnh, muốn được mở lòng mình đón nhận mọi sự rung động dù là nhỏ nhất. - Các từ "vội vã" đối rất đẹp với "dềnh dàng" nhưng còn độc đáo hơn ở cái "bắt đầu", bắt đầu vội vã thôi chứ chưa phải là đang vội vã. Phải tinh tế lắm mới có thể nhận ra sự "bắt đầu" này trong những cánh chim. Dù sự vội vã mới chớm nơi những cánh chim nhưng không khí thu vẫn là không khí thư thái, lắng đọng, chậm rãi và lâng lâng. - Chính vì thế mà "đám mây mùa hạ" mới thanh thoi duyên dáng "vắt nửa mình sang thu", mang trên mình cả hai mùa thật đẹp. Nghệ thuật nhân hóa làm người đọc cảm nhận đám mây mỏng như dải lụa treo trên bầu trời đồng thời tạo ranh giới vô hình nửa nghiêng về mùa hạ, nửa nghiêng về mùa thu. Đây chính là một phát hiện rất mới lạ và độc đáo của Hữu Thỉnh và bức tranh thu vì thế càng trở nên sinh động, giàu sức gợi cảm.

	- Nghệ thuật: hình ảnh thơ giàu sức gợi cảm, phép đối và nghệ thuật nhân hoá được sử dụng thành công, giọng thơ nhẹ nhàng, êm đềm, tha thiết.
e	Chép chính xác khổ 1 của bài thơ “Mùa xuân nho nhỏ” của tác giả Thanh Hải.

Câu 4: Đọc đoạn thơ sau:

Người đồng mình thương lắm con ơi
 Cao đo nỗi buồn
 Xa nuôi chí lớn
 Dẫu làm sao thì cha vẫn muốn
 Sống trên đá không chê đá gập ghềnh
 Sống trong thung không chê thung nghèo đói
 Sống như sông như suối
 Lên thác xuống ghềnh
 Không lo cực nhọc

(“Nói với con”- SGK Ngữ văn 9, tập hai)

- Bài thơ được sáng tác theo thể thơ gì? Nêu mạch cảm xúc của bài thơ.
- Vì sao ở khổ thơ trên tác giả viết: “Người đồng mình yêu lắm con ơi” thì đến khổ thơ này, ông lại mở đầu bằng “Người đồng mình thương lắm con ơi”?
- Chỉ ra những từ ngữ được lặp lại nhiều lần trong khổ thơ trên và cho biết sự lặp lại đó có tác dụng gì?
- Em hiểu, người cha muốn căn dặn con điều gì qua những câu thơ:
 Sống như sông như suối
 Lên thác xuống ghềnh
 Không lo cực nhọc
- Dựa vào khổ thơ trên, hãy viết một đoạn văn khoảng 12 câu theo phương pháp lập luận tổng hợp - phân tích – tổng hợp để làm rõ *những đức tính cao đẹp của “người đồng mình” và lời nhắc nhở của người cha đối với con về lẽ sống trên đường đời*. Trong đó có sử dụng một câu ghép và phép lặp (gạch chân câu ghép và những từ ngữ dùng làm phép lặp).

GỢI Ý

a	- Thể thơ: tự do - Mạch cảm xúc: từ tình cảm gia đình mở rộng ra tình cảm quê hương, từ những kỉ niệm gần gũi mà nâng lên thành lẽ sống.
b	- Người đồng mình yêu lắm con ơi: từ “yêu” thể hiện tình cảm yêu quý, trân trọng, tự hào của nhà thơ khi nói về vẻ đẹp của cuộc sống của quê hương - Người đồng mình thương lắm con ơi: từ “thương” thể hiện sự thương mến, xót xa, đồng cảm của nhà thơ khi nói về cuộc sống còn nhiều khó khăn vất vả của người dân quê mình.
c	- Từ ngữ được lặp lại nhiều lần: sống, không chê - Tác dụng: + Tạo nghệ thuật điệp ngữ + Nhấn mạnh vào lời căn dặn của cha đối với con về lẽ sống ở đời: phải biết sống thủy chung, nghĩa tình với làng bản, quê hương, không được chê bai quê hương mình dù quê còn nghèo khó, sống mạnh mẽ, nghị lực vượt qua khó khăn trên đường đời.

	+ Tạo giọng điệu vừa nghiêm khắc vừa thiết tha căn dặn
d	- Người cha muốn dặn con: Phải sống mạnh mẽ, biết chấp nhận và vượt qua mọi gian nan thử thách trên đường đời bằng niềm tin và ý chí nghị lực của mình
e	-Hình thức: đoạn văn tổng-phân-hợp, 12 câu (+ 1) -Tiếng Việt: Sử dụng hợp lí 1 câu ghép, 1 phép lặp -Nội dung: Phân tích khổ thơ để làm rõ <i>những đức tính cao đẹp của “người đồng mình”</i> và lời nhắc nhở của người cha đối với con về lẽ sống trên đường đời - <i>Người đồng mình</i>”: người vùng mình, miền mình, những người cùng chung quê hương, dân tộc => cách gọi mộc mạc, thể hiện một tình cảm trìu mến, yêu thương, gắn bó. - Cụm từ “Thương lắm”: bộc lộ trực tiếp tình cảm yêu thương, nỗi xót xa, đồng cảm của tác giả với người dân miền mình. - “ <i>Cao đo nỗi buồn, xa nuôi chí lớn</i>” là cách nói quen thuộc của người dân miền núi: lấy chiều cao, xa của không gian để diễn tả tâm tình, lấy chiều cao của không gian để đo nỗi buồn, lấy độ xa, rộng của không gian để đo chí lớn => cuộc sống còn nhiều buồn thương, vất vả chỉ càng nuôi dưỡng, rèn đúc thêm ý chí, nghị lực của con người -Điệp từ “<i>sống</i>”, “<i>không chê</i>” lặp lại nhiều lần như muốn khắc ghi lời căn dặn của cha đối với con về lẽ sống ở đời: phải biết sống thủy chung, nghĩa tình với làng bản, quê hương, không được chê bai quê hương mình dù quê còn nghèo khó. - Người cha còn nhắc nhở con: “<i>Sống như sông như suối/ Lên thác xuống ghềnh/ Không lo cực nhọc</i>” =>Hình ảnh so sánh “<i>sống như sông như suối</i>” và thành ngữ mang nghĩa ẩn dụ “<i>lên thác xuống ghềnh</i>” gợi nhắc con phải sống mạnh mẽ, biết chấp nhận và vượt qua gian nan thử thách bằng ý chí, niềm tin của mình.

HĐVN: Hoàn thành các bài tập .

Ngày soạn: 17 /4/ 2023

Tiết: 7,8,9: CHUYÊN ĐỀ 3:
RÈN KỸ NĂNG TRẢ LỜI CÂU HỎI TÌM HIỂU NHAN ĐỀ,
MẠCH CẢM XÚC CỦA TÁC PHẨM DẠNG CÂU HỎI ĐỌC – HIỂU.

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Ôn lại một số kiến thức cơ bản về nhan đề, mạch cảm xúc của các tác phẩm văn học.
Trả lời được các câu hỏi đọc – hiểu trong văn, thơ.

2. Năng lực

- Phát hiện được câu hỏi để cảm nhận và viết đoạn văn. Trả lời đầy đủ các ý của nhan đề, mạch cảm xúc.

3. Phẩm chất:

- Bộc lộ đ- ọc tình cảm, cảm xúc của mình trong đoạn thơ văn.

II. CHUẨN BỊ

+ Thầy: Soạn bài, bảng phụ

+ Trò: ôn tập theo sự hướng dẫn .

III. TIẾN TRÌNH HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC.

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN CẦN NẮM

Mạch cảm xúc, ý nghĩa nhan đề:

1. Đồng chí

+ **Cấu trúc:** Ngắn gọn, hàm súc

+ **Ý nghĩa:**

- Đồng chí: những người có cùng chí hướng, lí tưởng. Người trong cùng một đoàn thể chính trị hay tổ chức cách mạng thường gọi nhau là “đồng chí”.

- Tình đồng chí là bản chất cách mạng của tình đồng đội, thể hiện sâu sắc tình đồng đội. Nó là một tình cảm thiêng liêng, là cơ sở để cho những người lính sát cánh bên nhau, vượt lên mọi khó khăn gian khổ để hoàn thành nhiệm vụ. Vì thế , Chính Hữu đã đặt tên bài thơ viết về tình đồng đội của người lính là “Đồng chí” => Hai chữ ấy là kết tinh tư tưởng chủ đề của tác phẩm.

2. Bài thơ về TĐXKK

- **Nhan đề:** dài, tưởng như có chỗ thừa nhưng thu hút người đọc ở cái vẻ lạ, độc đáo của nó:

+ Làm nổi bật hình ảnh toàn bài: những chiếc xe không kính- không lạ trên tuyến đường Trường Sơn nhưng độc đáo, mới lạ trong thơ ca.

+ Ba chữ “ *bài thơ về*” thêm vào cho thấy rõ hơn cách khai thác hiện thực của tác giả: điều chủ yếu mà nhà thơ muốn nhấn mạnh là chất thơ vút lên từ hiện thực: chất thơ của tuổi trẻ hiên ngang, dũng cảm vượt lên gian khổ hiểm nguy chiến trường.

⇒ Nhan đề cho thấy rõ sự am hiểu về hiện thực cũng như tính cách độc đáo tinh nghịch của hồn thơ Phạm Tiến Duật

3. Bếp lửa

- **Mạch cảm xúc** : đi từ đến **quá khứ** đến **hiện tại**, từ kỉ niệm **hồi tưởng** đến **suy ngẫm** (suy tưởng)

- **Nhan đề: ngắn gọn, nêu bật một hình ảnh giàu ý nghĩa trong bài thơ**

+ **Nghĩa tả thực**: Bếp lửa là hình ảnh quen thuộc của làng quê Việt Nam tự bao đời—bếp lửa củi rơm.

+ **Nghĩa biểu tượng**:

-Bếp lửa gợi nhắc về những kỉ niệm thân thiết của tuổi thơ ở bên bà

- Bếp lửa gắn liền với hình ảnh của **người bà** - người phụ nữ VN tảo tần, nhẫn nại, đầy yêu thương và giàu đức hi sinh. Bếp lửa gắn liền với những khó khăn gian khổ của đời bà. Bếp lửa là tình bà ấm nóng, là tay bà chăm chút yêu thương, tình yêu thương mà bà dành cho con, cháu, cho mọi người.

- Bếp lửa còn là hình ảnh của gia đình, quê hương, đất nước trong tâm hồn của người xa xứ.

=>**Hình ảnh thể hiện tập trung chủ đề của tác phẩm: là biểu tượng sâu sắc cho tình bà cháu, tình yêu đối với gia đình, quê hương, đất nước.**

- **Mạch cảm xúc**: đi từ hồi tưởng đến hiện tại, từ kỉ niệm đến suy ngẫm.

- Bài thơ là lời của người cháu ở nơi xa nhớ về bà và những kỉ niệm với bà, nói lên lòng kính yêu và những suy ngẫm về bà.

5. Đoàn thuyền đánh cá

- **Cảm hứng chủ đạo**: cảm hứng về lao động kết hợp với cảm hứng về thiên nhiên vũ trụ

- **Nhân vật trữ tình** : là “ta” - tác giả hóa thân vào người lao động đánh cá để bộc lộ cảm xúc

-**Mạch cảm xúc**

- Bài thơ trình bày theo trình tự: Hành trình của chuyến ra khơi đánh cá, từ lúc ra đi đến lúc trở về.

- Cảm hứng bao trùm bao trùm bài thơ: Thiên nhiên và con người lao động

6 .Ánh trăng

+ chỉ một thứ ánh sáng dịu hiền, ánh sáng ấy có thể len lỏi vào những nơi khuất lấp trong tâm hồn con người để thức tỉnh họ nhận ra những điều sai trái, hướng con người ta đến với những giá trị đích thực của cuộc sống.

7. Viếng Lăng Bác

- Niềm xúc động thiêng liêng, thành kính,lòng biết ơn và tự hào pha lẫn xót đau của tác giả khi ra viếng lăng Bác.

- **Cảm hứng bao trùm**: là niềm xúc động thiêng liêng thành kính, lòng biết ơn và tự hào xen lẫn nỗi đau xót, tiếc thương vô hạn của nhà thơ

- **Mạch cảm xúc**: theo trình tự của một cuộc vào lăng viếng Bác. (thời gian + không gian

8. Mùa xuân nho nhỏ

- **Mạch cảm xúc và tư tưởng**: từ vẻ đẹp của **mùa xuân thiên nhiên đất trời** --> gợi lên cảm xúc và suy nghĩ về **mùa xuân cách mạng, đất nước** → suy nghĩ và ước

nguyện hiến dâng, muốn làm **một mùa xuân nho nhỏ** góp vào mùa xuân chung của dân tộc

- **Ý nghĩa nhan đề :**

- Hình ảnh “mùa xuân nho nhỏ” là biểu tượng cho những gì tinh túy nhất, đẹp đẽ nhất, **ẩn dụ** về cuộc đời mỗi con người, đây là một sáng tạo rất độc đáo và mới lạ của nhà thơ

- Thể hiện quan điểm về sự thống nhất giữa cái **riêng** với cái **chung**, giữa cá nhân với **cộng đồng**

- Nhan đề thể hiện **ước nguyện được cống hiến** của nhà thơ: làm một mùa xuân nghĩa là sống đẹp, sống với tất cả sức sống tươi trẻ của mình nhưng rất khiêm nhường là một mùa xuân nho nhỏ góp vào mùa xuân lớn của đất nước, của cuộc đời chung.

=> *cách đặt nhan đề bài thơ như vậy nên càng góp phần thể hiện sâu sắc ý nghĩa chủ đề của tác phẩm*

9 Sang thu

- **Mạch cảm xúc** : từ thu của ngoại giới mà thu dần vào thu trong tâm tưởng. Từ ngỡ ngàng băng khuâng, dần trở nên say đắm và cuối cùng lắng vào suy tư.

- **Nói với con**

=> **mạch cảm xúc** : từ tình cảm **gia đình** mở rộng ra tình cảm **quê hương**, từ những **kỉ niệm gần gũi** mà nâng lên thành **lẽ sống**.

- **Làng**

10. Làng

Nhan đề tác phẩm

+ **Cấu trúc**: ngắn gọn

+ **Ý nghĩa**: “Làng” là danh từ chung chỉ mọi ngôi làng trên đất nước. “Làng chợ Dầu” là danh từ riêng chỉ một ngôi làng trên đất nước ta. Nhà văn đặt tên “Làng” là để làm tăng tính khái quát của tác phẩm. Nhà văn muốn nói nói đến tình yêu làng của mọi người nông dân Việt Nam trong cuộc kháng chiến chứ không phải là tình yêu làng của một con người cụ thể.

➔ **Nhan đề thể hiện được chủ đề của tác phẩm.**

- **11. Lặng lẽ Sa Pa**

- **Nhan đề:**

+ **Cấu trúc**: Có kết cấu đảo ngữ: đảo từ “lặng lẽ” lên trước “Sa Pa” nhằm nhấn mạnh vào vẻ lặng lẽ nơi đây

+ **Ý nghĩa**:

- Nó gợi ấn tượng về sự lặng lẽ của thiên nhiên Sa Pa- vùng đất mà chỉ nhắc đến tên, người ta nghĩ ngay đến chốn nghỉ ngơi, an dưỡng

- Nó còn nhấn mạnh vào sự cống hiến thầm lặng của những con người lao động Sa Pa. Họ chỉ là những con người bình dị, vô danh, nhưng hàng ngày, hàng giờ, họ đang âm thầm lao động và cống hiến sức mình cho đất nước

⇒ **Nhan đề kết tinh chủ đề tác phẩm: Ca ngợi những con người lao động và ý nghĩa của công việc thầm lặng**

12. Chiếc lược ngà

Nhan đề:

- *Chiếc lược ngà biểu tượng thiêng liêng của tình phụ tử:*

+ Đối với ông Sáu: đó là món quà nhỏ, làm dịu đi nỗi ân hận, làm vui bớt nỗi nhớ con và chứa đựng bao nhiêu tình yêu, niềm mong nhớ của một người cha đối với con gái.

+ Đối với bé Thu: chiếc lược ngà là kỉ vật duy nhất mà người cha để lại trước lúc hi sinh.

- *Chiếc lược ngà còn đóng vai trò kết nối các nhân vật, kết nối các phần của câu chuyện*

- *Đó cũng là một bằng chứng tố cáo chiến tranh đã gây ra bi kịch cho bao con người.*

=> **Hình ảnh chiếc lược ngà đã kết tinh tư tưởng chủ đề truyện.**

13. Những ngôi sao xa xôi

- **Nhan đề:** độc đáo, giàu chất mơ mộng

+ **Cấu trúc :** có năm chữ thì bốn chữ thanh bằng, kết thúc bằng một từ láy “xa xôi” gợi cho ta cảm nhận lãng mạn, nên thơ.

+ **Ý nghĩa:** Từ đầu đến cuối tác phẩm, hình ảnh ngôi sao **xuất hiện rất nhiều lần** trong cả cuộc sống hiện thực cũng như trong hồi ức của Phương Định- những ngôi sao của hoài niệm, khát khao và hi vọng. Nhưng hình ảnh những ngôi sao trong nhan đề lại mang một ý nghĩa biểu tượng đặc biệt. Những ngôi sao vốn là một hình ảnh giản dị nhưng vô cùng đẹp đẽ, có sức tỏa sáng và cuốn hút lòng người nhưng nếu không để ý kĩ, không phải lúc nào ta cũng thấy hết vẻ đẹp kì diệu của nó. Hình ảnh những ngôi sao ở đây là **ẩn dụ tượng trưng** cho vẻ đẹp phẩm chất và tâm hồn của những cô gái thanh niên xung phong trong tác phẩm. Họ thực sự là những ngôi sao lung linh ẩn hiện giữa núi rừng Trường Sơn và vượt lên trên đạn bom khốc liệt, phẩm chất, tâm hồn của họ vẫn có sức tỏa sáng gợi cho người ta cảm phục và ngưỡng mộ.

=> **Nhan đề lãng mạn, mang nét đặc trưng của văn học thời chống Mỹ, kết tinh cao độ của tư tưởng chủ đề của tác phẩm: ngợi ca tâm hồn và phẩm chất của các cô gái thanh niên xung phong trên tuyến đường Trường Sơn.**

II. LUYỆN KỸ NĂNG LÀM BÀI TẬP

ĐỀ 1

Hình ảnh mùa xuân được khắc hoạ thật đẹp trong đoạn thơ có câu thơ sau:

“Mọc giữa dòng sông xanh”

1. Chép tiếp 5 câu thơ để hoàn thiện khổ thơ. Đoạn thơ vừa chép nằm trong tác phẩm nào, của ai? Nêu hoàn cảnh ra đời và mạch cảm xúc của tác phẩm ấy?

2. Thành phần biệt lập được sử dụng trong đoạn thơ trên là gì? Chỉ rõ.

Chỉ ra từ ngữ địa phương trong đoạn thơ trên, giải nghĩa từ đó. Liệt kê các biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn thơ và phân tích tác dụng của một biện pháp tu từ em vừa nêu.

3. Dựa vào đoạn thơ trên, em hãy viết một đoạn văn khoảng **12 câu** theo cách lập luận **tổng – phân – hợp** phân tích đoạn thơ vừa chép, trong đó có sử dụng **phép nối và một**

câu chứa thành phần tình thái. (Gạch dưới thành phần tình thái và những từ ngữ dùng làm phép nối).

GỢI Ý:

Câu 1

-Chép thơ:

(1)Mọc giữa (2)dòng sông xanh

Một (3)bông hoa tím biếc(4)

Oi con chim chiền chiện(5)

Hót **chi** mà **vang trời**(6)

Từng **giọt long lanh** (7) rơi

Tôi đưa tay tôi **hứng**.(8)

-Đoạn thơ nằm trong bài thơ: Mùa xuân nho nhỏ

-Tác giả Thanh Hải

-Hoàn cảnh ra đời: Bài thơ viết tháng 11/1980, khi nhà thơ đang nằm trên giường, không lâu sau nhà thơ qua đời.

-Mạch cảm xúc của bài thơ: Bài thơ bắt đầu từ cảm xúc trước mx thiên nhiên đất trời, từ đó mở rộng cảm nghĩ về mùa xuân đất nước và liên tưởng đến mùa xuân của mỗi con ng. Bài thơ kết thúc bằng lời ngợi ca quê hương đất nước qua điệu dân ca xứ Huế.

Câu 2:

-Thành phần biệt lập: gọi đáp “oi”

-Từ ngữ địa phương: chi (nghĩa là gì)

-Các BPTT trong đoạn thơ: đảo ngữ, nhân hóa, nói quá, ẩn dụ chuyển đổi cảm giác.

-Nêu tác dụng của một biện pháp tu từ:

+Đảo ngữ:

Câu 3:

(1)Đọc bài thơ “Mùa xuân nho nhỏ” của nhà thơ TH **chắc hẳn** chúng ta sẽ còn nhớ mãi những vần thơ viết về *cảm xúc của ông trước mùa xuân của thiên nhiên đất trời* trong (ở) khổ thơ thứ nhất.(Trích thơ)

(2)Ngay từ câu thơ mở đầu, ta đã bắt gặp một cách viết khác lạ, nhà thơ đảo động từ “mọc” lên đầu câu để khắc sâu ấn tượng sức sống trỗi dậy của mùa xuân, đồng thời tưởng như bông hoa có cội rễ đang từ từ vươn lên xòe nở trên mặt nước.(3)Không gian mùa xuân rộng mở, tươi tắn với hình ảnh dòng sông trong xanh, hiền hòa chảy.(4) Nổi bật lên trên nền xanh của dòng sông là hình ảnh “một bông hoa tím biếc”-một h/a hết sức quen thuộc mà ta thường gặp ở các ao hồ sông nước của làng quê.(5) Bức tranh thiên nhiên mx có sự hài hòa đến tuyệt diệu của hai gam màu “xanh” và “tím” đem lại vẻ đẹp tự nhiên, sống động mang đặc trưng của mx xứ Huế.(6)Bức tranh không chỉ có họa (hình ảnh, màu sắc) mà còn có nhạc (âm thanh) bởi tiếng chim chiền chiện cất lên:

Oi con chim...vang trời

(7) Nhà thơ sd nghệ thuật nhân hoá qua tiếng gọi triu mến “oi” và sd từ địa phương “chi” cùng nghệ thuật nói quá để cất lên từ sâu thẳm tình yêu thiên nhiên.(8) Cảm xúc của nhà thơ thực sự trào dâng qua câu hỏi tu từ “Hót chi mà vang trời”, bởi thứ âm thanh làm sống dậy cả k gian vực dậy cả một tâm hồn.(9)...

ĐỀ 2

Cho câu thơ sau: ***Mùa xuân người cầm súng***

a. Chép 5 câu thơ tiếp theo để hoàn thiện khổ thơ và cho biết ý nghĩa nhan đề của bài thơ.

b. Việc sử dụng hai từ “**giắt đầy**” và “**trải dài**” trong đoạn thơ có ý nghĩa gì?

c. Có thể thay từ “**xôn xao**” bằng “**lao xao**” được không? Vì sao?

d. Cho câu chủ đề: “*Vậy là, với việc sử dụng biện pháp tu từ điệp ngữ và lời thơ giàu nhạc điệu, nhà thơ Thanh Hải đã thể hiện một sức xuân náo nức đang dâng trào trên khắp đất nước*”. bằng một đoạn văn **quy nạp** 10-12 câu, em hãy phân tích đoạn thơ trên để làm rõ câu chủ đề. Trong đoạn văn có sử dụng lời dẫn trực tiếp và một câu có thành phần phụ chú. (gạch chân, chỉ rõ)

a.

-Chép thơ (1) **Mùa xuân** người cầm súng (2)

(3) **Lộc giắt đầy** trên lưng

(1) **Mùa xuân** người ra đồng (2)

(3) **Lộc trải dài** nương mạ

(4) Tất cả như **hối hả**

Tất cả như **xôn xao**...

-Ý nghĩa nhan đề: +Gợi một đề tài quen thuộc: Mùa xuân

+Là một sáng tạo độc đáo, một phát hiện mới mẻ bởi nhà thơ kết hợp một danh từ trừu tượng “mùa xuân” với một tính từ cụ thể là “nhỏ nhỏ” để biến mùa xuân từ trừu tượng trở nên hữu hình cụ thể.

+Nhan đề cũng thể hiện ước nguyện của nhà thơ mỗi ng hãy là một mùa xuân nhỏ để đóng góp cho đất nước những gì đẹp đẽ nhất. Đó là quan niệm sống thống nhất giữa cái tôi với cái ta, giữa cá nhân với cộng đồng.

b. Hai từ “giắt đầy” và “trải dài” gợi cảm giác mùa xuân và không khí mùa xuân đang lan tỏa, đang tràn ngập trên khắp mọi miền của tổ quốc.

c.

-Không thể thay từ “xôn xao” bằng “lao xao” vì:

+ “lao xao”: chỉ những âm thanh nhỏ rộn lên xen lẫn vào nhau k đều

+ “xôn xao”: âm thanh tiếng động rộn lên từ nhiều phía.

-Là cảm xúc trào dâng, xôn xang trong lòng

Tuy cả hai từ đều là từ láy mô phỏng âm thanh nhưng từ “xôn xao” k chỉ mô phỏng âm thanh mà còn bộc lộ tâm trạng náo nức rộn ràng trong lòng mọi ng và của chính nhà thơ.

d. Đoạn văn:

(1) Trong bài thơ “Mùa xuân nhỏ nhỏ” của Thanh Hải có đoạn:

Trích thơ

(2) Với những cảm xúc trước mx của thiên nhiên đất trời, TH đã tìm thấy niềm xúc cảm lan tỏa ngân nga trong mx của đất nước và con người. (3) Bằng việc sd điệp từ “mùa xuân” được lặp lại hai lần gắn với hai h/a, hai đối tượng: người cầm súng và người ra đồng, nhà thơ cho ta thấy đây là những câu thơ viết về mx của con người. (4) **Người cầm súng gắn với xứ mệnh bảo vệ tổ quốc thiêng liêng, “ng ra đồng” gắn với nhiệm vụ xây dựng đất nước- hai hình ảnh, 2 lực lượng, hai nhiệm vụ tiêu biểu của công cuộc đổi mới đất nước.** (5) Cả hai đối tượng ấy, đều mang đến lộc xuân cho đất nước. (6)

Hình ảnh “Lộc giắt...lưng” và “lộc trải...mạ” trước hết đó là hình ảnh thực chỉ chòi non trên cành lá ngụy trang mà ng c/s mang theo trên nẻo đường hành quân, là những mạ tươi xanh của người nông dân mang ra đồng cấy cấy vun trồng.(7) Nhưng “lộc” còn có nghĩa sâu xa chỉ sự sinh sôi nảy nở, sự may mắn và những thành quả tốt đẹp.(8) Vậy là k ai khác người cầm súng và ng ra đồng chính là những ng mang đến lộc xuân vĩnh cửu cho đất nước.(9) Tất cả những đối tượng ấy được nhà thơ gửi gắm vào điệp cấu trúc **“tất cả như”** và hai từ (láy) giàu sức gợi “hối hả”, “xôn xao”.(10) Có thể nhận thấy một kk khăn trương trên khắp mọi miền tổ quốc qua từ láy (tính từ) “hối hả” và tâm trạng náo nức niềm vui mênh mang lan tỏa khắp đất trời qua từ “xôn xao”.(11) Hai câu thơ còn là tâm trạng vui sướng dạt dào của nhà thơ trước c/s lúc xuân về. (12) Câu chủ đề.

ĐỀ 3

Trong bài hát **“Đất nước”**, nhạc sĩ Tạ Hữu Yên đã viết:

Đất nước tôi, sáng chấn bão đông, chiều ngăn nắng lửa”

a. Trong một bài thơ của chương trình Ngữ văn 9, tác giả cũng có cách tư duy về hình ảnh đất nước tương tự như vậy. Em hãy chép nguyên văn khổ thơ thể hiện sự tư duy ấy và cho biết khổ thơ em vừa chép nằm trong bài thơ nào? Của ai?

b. Trong đoạn thơ em vừa chép, tác giả đã sử dụng thành công **những biện pháp tu từ** nào? Nêu tác dụng của một trong những biện pháp tu từ đó.

c. Trình bày cảm nhận của em về đoạn thơ trên bằng một đoạn văn tổng-phân-hợp khoảng 12 câu. Trong đoạn văn có sử dụng **câu bị động** và thành phần **biệt lập tình thái**.

Gợi ý.

a.

-Chép thơ:

Đất nước bốn ngàn năm
Vất vả và **gian lao**
Đất nước như vì sao
Cứ đi lên phía trước.

-Bài thơ “mùa xuân nho nhỏ”.

-Tác giả: Thanh Hải.

b.

-Các biện pháp tu từ: nhân hóa (vất vả, gian lao); so sánh (đất nước như vì sao); điệp ngữ (đất nước)

-Tác dụng:

Nghệ thuật nhân khiến hình ảnh đất nước trở nên gần gũi, thân thiết. Gợi liên tưởng Tổ quốc như người mẹ tần tảo, vất vả, trải qua bao biến cố thăng trầm. Làm cho sự diễn đạt có sức biểu cảm.

c.

(1) Đọc bài thơ “Mùa xuân nho nhỏ” của nhà thơ Thanh Hải **chắc hẳn** chúng ta sẽ còn nhớ mãi những vần thơ mộc mạc viết về cảm xúc của ông trước mùa xuân đất nước:

Trích thơ

(2) Điệp ngữ “đất nước” được nhắc lại hai lần khắc sâu ấn tượng về một đất nước trong suốt chiều dài của lịch sử: đất nước của quá khứ, đất nước của hiện tại và đất nước của tương lai. (3) Với đất nước của quá khứ Thanh Hải viết:

“Đất nước...gian lao”

(4) Nghệ thuật nhân hóa đất nước “vất vả”, “gian lao” khiến đất nước trở nên gần gũi, mang vóc dáng của người mẹ tần tảo, vất vả.(5) Nhìn lại lịch sử phát triển của dân tộc không một thời đại nào, một triều đại nào chúng ta không đi qua những thăng trầm biến cố: từ thiên tai, địch họa đến giặc ngoại xâm.(6) Nhưng dù trở lực có mạnh đến đâu cũng không thể khuất phục được dân tộc VN: “Sống vững chãi bốn nghìn năm sừng sững-Lưng đeo gươm tay mềm mại bút hoa” (Huy Cận). (7) Một đất nước vất vả gian lao như thế nhưng TH vẫn bộc lộ niềm tin tưởng sâu sắc vào hiện tại và tương lai qua hình ảnh nhân hóa và so sánh:

“Đất nước như vì sao

Cứ đi lên phía trước”

(8) **Nghệ thuật so sánh “đất nước như vì sao” được tác giả thể hiện thật độc đáo, mới mẻ, sáng tạo.** (9) Bởi lẽ, sao là nguồn sáng bất diệt của thiên hà, là vẻ đẹp lung linh của bầu trời đêm, là hiện thân của sự vĩnh hằng trong vũ trụ. (10) So sánh như thế là tác giả đã ngợi ca sự trường tồn tráng lệ mà rất khiêm nhường, bình dị. (11) Đặt trong hoàn cảnh đất nước mới bước ra khỏi cuộc chiến tranh còn bao khó khăn gian khổ mới thấy hết được niềm tin tưởng lạc quan yêu đời, yêu tổ quốc thiết tha của nhà thơ xứ Huế. (12) Trong câu thơ cuối của đoạn, phó từ “cứ” đi liền với cụm từ “đi lên phía trước” đã khẳng định mạnh mẽ: trên con đường phát triển hướng tới tương lai của đất nước không một thế lực nào có thể ngăn cản được. (13) Tóm lại, bằng những hình ảnh giàu biểu tượng nhà thơ TH thể hiện niềm tin tưởng vào tương lai rạng ngời của dân tộc từ trong những vất vả gian lao.

ĐỀ 4

Trong tác phẩm “Mùa xuân nho nhỏ” Thanh Hải có viết:

Ta làm con chim hót

a. Chép 7 câu thơ tiếp theo và nêu nội dung chính của đoạn thơ và cho biết bài thơ viết bằng thể thơ nào? Kể tên một số bài thơ được học trong chương trình Ngữ văn 9 cũng viết bằng thể thơ đó. Ghi rõ tên tác giả.

b. Chỉ ra ý nghĩa của việc chuyển đổi **đại từ** trong bài thơ.

c. Trong bài thơ “Viếng lăng Bác” Viễn Phương cũng có một khổ thơ thể hiện ước nguyện của mình. Hãy chép khổ thơ ấy và chỉ ra điểm tương đồng và khác biệt về nội dung tư tưởng của hai khổ thơ.

d. Viết đoạn văn diễn dịch khoảng 12 câu phân tích đoạn thơ vừa chép của Thanh Hải.

Trong đoạn văn có sử dụng câu **bị động và phép nối**.

e. Từ quan niệm sống của Thanh Hải em hãy viết đoạn văn nghị luận khoảng 1 trang giấy thi nêu suy nghĩ của em về mối quan hệ nhân quả giữa “cho” và “nhận”.

f. Viết đoạn văn trình bày mối quan hệ giữa **cá nhân** và **cộng đồng** (tập thể)

a.

-Chép thơ: Tự làm.

-Nội dung chính: Suy ngẫm và ước nguyện của nhà thơ. Hoặc “Lời ước nguyện chân thành tha thiết của nhà thơ.

-Bài thơ được viết bằng thể thơ: năm chữ.

-Các bài thơ Ngữ văn 9 viết cùng thể thơ:

Ánh trăng (Nguyễn Duy)

Sang thu (Hữu Thỉnh)

b. Đại từ “tôi” trong khổ thơ 1 chuyển thành đại từ “ta” trong khổ thơ 4.

Sự chuyển đổi cho thấy cái tôi nhỏ bé khao khát được tận hưởng đã chuyển thành khao khát được cống (tận) hiến những gì đẹp đẽ, tinh túy nhất không chỉ của riêng nhà thơ mà còn là khát nguyện chung của nhiều người.

c.

-Chép thơ: Khổ cuối.

-Điểm tương đồng và khác biệt về nội dung tư tưởng của hai khổ thơ.

+Giống: Hai nhà thơ đều muốn hóa thân vào những sự vật: con chim, cảnh hoa, bông hoa, cây tre để bày tỏ khát vọng đẹp đẽ.

+Khác biệt:

.Bài “Viếng lăng Bác” viết về đề tài lãnh tụ. Thể hiện ước nguyện được hóa thân vào những sự vật để được ở gần Bác. Ước nguyện đó thể hiện t/c kính yêu với Bác Hồ.

.Bài “Mùa xuân nho nhỏ” viết về đề tài đất nước. Nhà thơ khao khát được hóa thân vào những sự vật để góp những gì tốt đẹp nhất, tinh túy nhất cho mùa xuân đất nước. Thể hiện tình yêu quê hương đất nước thiết tha.

d. Viết đoạn văn.

e.

-Dẫn dắt: +

+ Từ quan niệm sống của Thanh Hải mỗi chúng ta đều đau đáu nghĩ về mối quan giữa “cho” và “nhận”.

-Giải thích: “Cho” là sự san sẻ, giúp đỡ, yêu thương xuất phát từ trái tim của mỗi người. “Nhận” là mang về, là được đáp trả, được đền ơn. Vậy “cho” và “nhận” là một mối quan hệ nhân quả nhưng ẩn chứa trong đó nhiều MQH tương trợ bổ sung cho nhau.

-Nêu biểu hiện:

Trong cuộc sống, hoạt động cho và nhận luôn hiện hữu: Những túi gạo từ cây ATM dành tặng cho người yếu thế trong đại dịch Covid-19, những cốc cháo cho đi từ nhà tâm với các bệnh nhân trong bệnh viện, chúng ta được cha mẹ cho cuộc sống tình yêu thương... Những cử chỉ cho đi ấy có khi được nhận lại là một lời cảm ơn, có khi là một nụ cười và cũng có khi là một món vật chất nào đó.

-Ý nghĩa vai trò: Cả cho và nhận đều mang lại niềm vui niềm hạnh phúc. Cho và nhận là qui luật của tự nhiên và xã hội loài ng. Cho và nhận là biểu hiện cao nhất tinh thần biết sống vì người khác, mình vì mọi ng, mọi ng vì mình. Cho là một hạnh phúc, vì phải có mới cho...Xã hội càng phát triển hơn càng nhân văn hơn khi cho và nhận trở thành biểu hiện quen thuộc, được nhận thức rõ ràng.

-Mở rộng: Cho và nhận đáng phê phán khi những kẻ tham lam tàn nhẫn sống trên mồ hôi nước mắt của ng khác những kẻ tầm thường chỉ muốn nhận muốn vay mà không muốn cho muốn trả.

-Bài học nhận thức và hành động:

+Cho và nhận là qui luật của tự nhiên và xã hội loài ng.

+Vì thế mỗi chúng ta hãy học cách cho và nhận.

f.

-Dẫn dắt (chọn câu trong đề bài, hoặc chọn những câu thơ của Tố Hữu)

-Giải thích:

+Cá thể: là cá thể riêng lẻ.

+Tập thể (cộng đồng): Là tập hợp những ng có quan hệ gắn bó, cùng sinh hoạt hoặc cùng làm việc chung với nhau.

Vậy cá nhân và tập thể là hai khái niệm có MQH biện chứng khăng khít.

-Vai trò ý nghĩa:

+Cá nhân là nhân tố tạo nên tập thể. Trong XH k có một cá nhân nào tồn tại độc lập với tập thể. Tập thể chỉ tốt khi được xây dựng bởi nhiều cá nhân tốt.

+Cá nhân chỉ có sức mạnh khi hòa hợp gắn bó với tập thể. Tập thể tạo đk cho cá nhân hoạt động và bộc lộ khả năng.

VD: trong gia đình, trong nhà trường và ngoài xã hội.

-Mở rộng vấn đề: Trong xã hội vẫn có những cá nhân sống tách biệt với cộng đồng, chỉ nghĩ lợi cho riêng mình... những cá nhân đó đáng bị lên án phê phán và ngược lại ở đâu đó vẫn có những tập thể đùm cá nhân, không tạo đk để cá nhân phát huy khả năng.

-Bài học nhận thức và hành động:

+Rõ ràng cá nhân và tập thể có MQH khăng khít.

+Mỗi cá nhân cần có ý thức xây dựng cho cộng đồng và cộng đồng cần tôn trọng quyền mỗi cá nhân, tạo đk để cá nhân hoạt động.

Là một học sinh em cần làm tốt vai trò của mình là người con ngoan, người trò giỏi đồng thời đoàn kết giúp đỡ bạn bè, tham gia các phong trào thi đua của lớp.

*Các vấn đề liên hệ:

-Đề tài: mùa xuân (Cảnh ngày xuân-Nguyễn Du); (Mùa xuân của tôi -Vũ Bằng)

-Thể thơ:

-Ước nguyện:

-Chuyên đổi đại từ: Những ngôi sao xa xôi-Lê Minh Khuê.

Hai cây phong –Ai-ma-tốp.

-Nhạc điệu ca Huế: Ca Huế trên sông Hương-Hà Ánh Minh....

* HDVN: Tập viết các đoạn văn

Ngày soạn: 19, 20 /4/2023

**TIẾT 10, 11, 12 : CHUYÊN ĐỀ 4:
RÈN KỸ NĂNG LÀM BÀI NGHỊ LUẬN XÃ HỘI**

A. Mục tiêu

1. Kiến thức: Giúp học sinh nắm đ- ọc kiến thức về nghị luận xã hội
Hiểu rõ đ- ọc yêu cầu phân của dàn ý kiểu bài.
2. Kỹ năng: tạo lập văn bản nghị luận.
3. Phẩm chất: có ý thức chuẩn bị bài ở nhà, ý thức thực hành viết bài.

B. Chuẩn bị:

Thầy: Nghiên cứu soạn nội dung bài dạy.

Trò: Soạn bài học bài

C. Hoạt động dạy – học

PHẦN I: HỆ THỐNG KIẾN THỨC LÝ THUYẾT

I. Một số khái niệm về nghị luận xã hội

1. Nghị luận xã hội là gì?

- Là bàn bạc những vấn đề về xã hội, chính trị, đời sống.

2. Các dạng bài nghị luận xã hội:

- Nghị luận về tư tưởng đạo lí
- Nghị luận về hiện tượng xã hội

II. Hướng dẫn viết đoạn nghị luận về tư tưởng đạo lí

1. Nhận diện đề văn nghị luận tư tưởng đạo lí

- a. Đề tài:** thường hướng đến các vấn đề thuộc về đạo đức, tư tưởng, lối sống

- **Nhận thức, quan điểm**

VD: *Thời gian là vàng; Tri thức là sức mạnh,...*

- **Lí tưởng, lẽ sống**

VD: *Khát vọng sống của thế hệ trẻ hiện nay*

- **Phẩm chất đạo đức, tình cảm, tâm hồn**

VD: *Đức tính khiêm nhường; Đức tính trung thực,...*

- **Cách ứng xử**

VD: *Bàn về tranh giành và nhường nhịn.*

- b. Hình thức:** thường được thể hiện ở bốn dạng sau

- **Ý kiến, nhận định**

VD: *Hút thuốc lá có hại*

- **Câu tục ngữ, ca dao/ câu châm ngôn, danh ngôn**

VD: Suy nghĩ từ câu ca dao: “*Công cha như núi Thái Sơn - Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra*”

- **Câu chuyện**

VD: Suy nghĩ từ câu chuyện ngụ ngôn “*Đẽo cày giữa đường*”

- **Từ và cụm từ**

VD: *Đức tính trung thực*

* **Lưu ý** : Đề bài có thể

- Có đầy đủ các phần: *phương thức nghị luận, vấn đề nghị luận, phạm vi* → Đề hiện

- Cũng có thể không hiện đầy đủ các phần trên, người viết phải tự rút ra → Đề ẩn

2. Cách làm bài

Bước 1: Tìm hiểu đề, tìm ý

* **Tìm hiểu đề**: Đọc kĩ đề bài và gạch chân từ ngữ quan trọng để xác định:

- Phương thức nghị luận : “*nêu suy nghĩ*”, “*nêu ý kiến*”, “*nêu nhận định*”,...(1)

- Vấn đề nghị luận (2)

- Phạm vi nghị luận (3)

VD: Suy nghĩ về công lao của cha mẹ qua câu ca dao: “*Công cha như núi Thái Sơn/ Nghĩa*

(1) (2) (3)

mẹ như nước trong nguồn chảy ra”

* **Tìm ý**: tìm dẫn chứng và lí lẽ cho vấn đề nghị luận

VD:

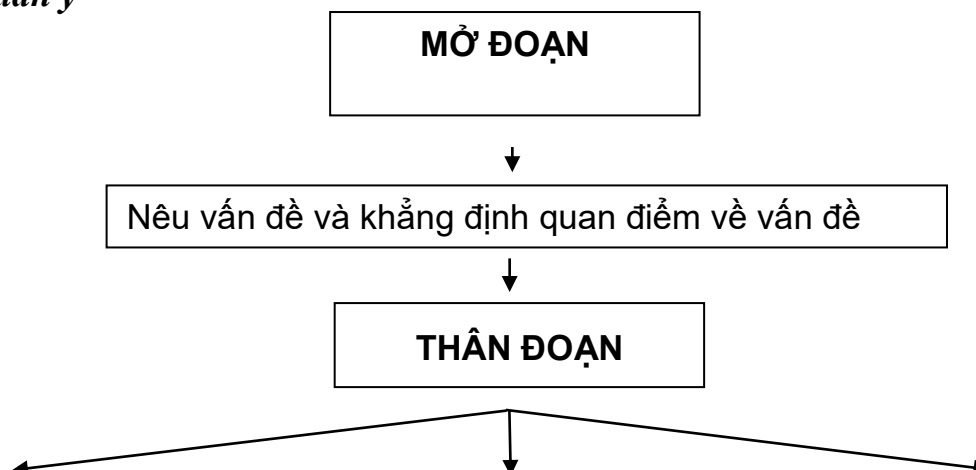
+ Giải thích câu ca dao -> Ý nghĩa

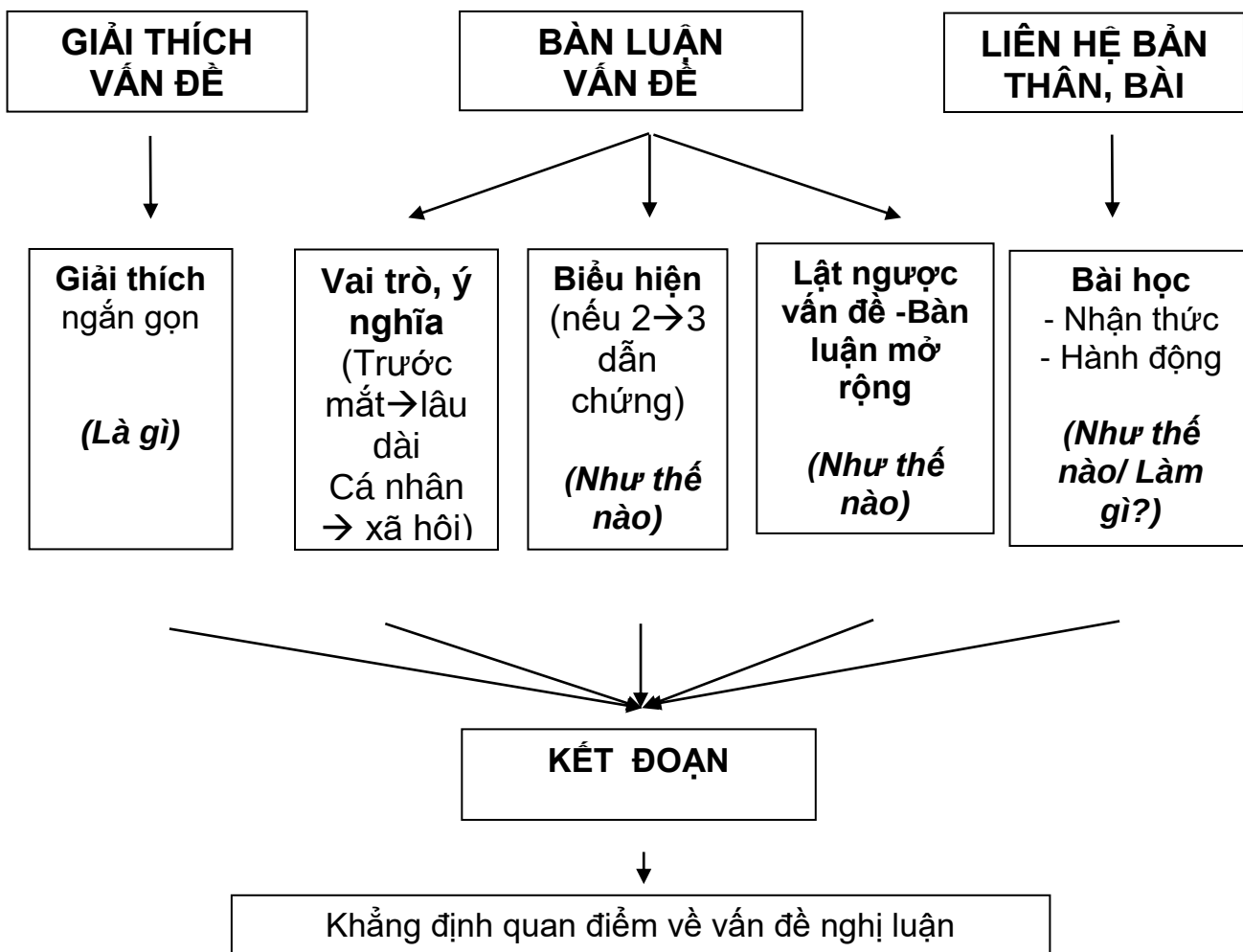
+ Đưa ra lí lẽ để khẳng định ý nghĩa lớn lao của công cha, nghĩa mẹ...

+ Dẫn chứng trong thực tế cuộc sống và trong văn chương thể hiện công lao cha mẹ

+ Sự đền đáp của con cái đối với công lao ấy...

Bước 2: Lập dàn ý





Bước 3: Viết đoạn

Bước 4: Kiểm tra lại

III. Hướng dẫn viết đoạn nghị luận về hiện tượng xã hội

1. Nhận diện dạng bài nghị luận về hiện tượng xã hội

a. Đề tài: thường hướng đến một sự việc, hiện tượng trong đời sống có ý nghĩa đối với xã hội, đáng khen (đáng chê), đáng suy nghĩ.

VD: *Hiện tượng hút thuốc lá ở lứa tuổi học sinh; bạo lực học đường; bệnh lè mề; sự ô nhiễm môi trường,*

b. Hình thức:

- Câu chuyện người thật, việc thật

VD: Đọc mẫu chuyện sau đây và nêu những nhận xét, suy nghĩ của em về con người và thái độ học tập của nhân vật:

Nguyễn Hiền nhà rất nghèo, phải xin làm chú tiểu trong chùa. Việc chính là quét lá và dọn dẹp vệ sinh. Nhưng cậu rất thông minh và ham học. Những buổi thầy giảng kinh, cậu đều nép bên cửa lắng nghe, rồi chỗ nào chưa hiểu, cậu hỏi thầy giảng thêm. Thấy Nguyễn Hiền thông minh, mau hiểu, thầy dạy cho cậu học chữ....

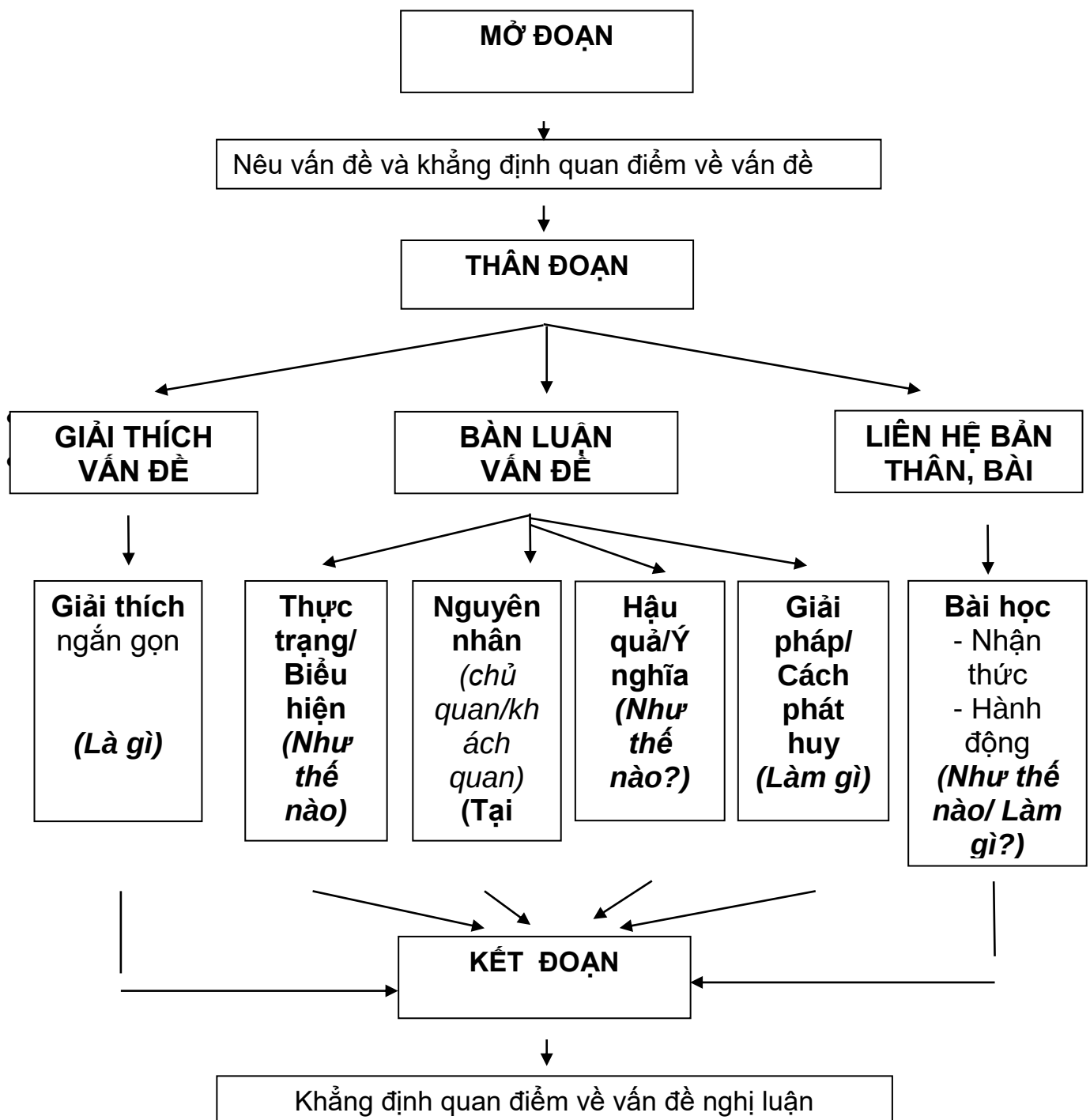
(Trích đề 4, Sgk Ngữ văn 9 trang 22)

- **Từ và cụm từ**
VD: *Bệnh lẻ mề*

2. Cách làm bài

Bước 1: Tìm hiểu đề và tìm ý (giống với dạng bài nghị luận về tư tưởng đạo lí)

Bước 2: Lập dàn ý:



Bước 3: Viết đoạn

Bước 4: Kiểm tra lại

Lưu ý:

- **Về hình thức:** Đoạn văn khoảng 2/3 trang. (Không bắt buộc về kiểu đoạn văn)
- **Về lập luận:** Dẫn chứng chân thực, xác đáng, lí lẽ thuyết phục làm nổi bật vấn đề nghị luận. Chủ yếu là dẫn chứng trong đời sống thực tế. (Tìm hiểu qua sách, báo, mạng...)
- Bên cạnh đó, phần mở đoạn nên đi thẳng vào vấn đề và khẳng định quan điểm về vấn đề nghị luận.
- Cần kết hợp linh hoạt các yếu tố biểu cảm, miêu tả, tự sự... Tuy nhiên, phương thức nghị luận vẫn là chủ đạo.
- Lời văn cần mạch lạc, có liên kết chặt chẽ, giàu hình ảnh và có những ý tưởng sáng tạo.

II. RÈN KỸ NĂNG LÀM BÀI TẬP

1. Ngữ liệu từ các bài Tiếng Việt và Tập làm văn lớp 9

Bài 1: Cho văn bản sau :

“Chuyện kể, một danh tướng có lần đi ngang qua trường học cũ của mình, liền ghé vào thăm. Ông gặp lại người thầy từng dạy mình hồi nhỏ và kính cẩn thưa:

- Thưa thầy, thầy còn nhớ con không? Con là...

Người thầy giáo già hoảng hốt:

- Thưa ngài, ngài là...

- Thưa thầy, với thầy con vẫn là đứa học trò cũ. Con có được những thành công hôm nay là nhờ sự giáo dục của thầy ngày nào...”

(SGK Ngữ văn 9, tập 1, NXB Giáo dục, trang

40)

- Phân tích cách dùng từ xưng hô và thái độ của người nói trong câu chuyện.
- Giải thích nghĩa của từ « danh tướng » và « kính cẩn » trong đoạn văn trên.
- Qua câu chuyện trên, em hiểu vị danh tướng là người như thế nào?
- Lòng biết ơn là sự ghi nhớ và trân trọng những gì có giá trị mà mình nhận được từ người khác hay với những thành quả lao động do cha ông để lại. Từ câu chuyện của người học trò cũ trong văn bản trên, kết hợp với hiểu biết xã hội, em hãy viết đoạn văn khoảng 2/3 trang giấy trình bày suy nghĩ về **lòng biết ơn** trong cuộc sống hôm nay.

Gợi ý trả lời :

- Vị danh tướng : xưng « con » → ứng xử rất khiêm tốn và đúng mực, thể hiện thái độ kính trọng và lòng biết ơn của người học trò đối với thầy giáo mình.
- Thầy giáo: gọi “ngài” → cách xưng hô lịch sự, tôn trọng cương vị hiện tại của người học trò cũ.
- “Danh tướng”: vị tướng lừng danh

“Kính cẩn”: tỏ rõ sự kính trọng bằng điệu bộ, cử chỉ, nét mặt rất nghiêm trang

- c. Một vị tướng lừng danh lại thể hiện thái độ kính trọng người thầy giáo dạy mình hồi nhỏ. Điều đó cho thấy sự lễ độ, biết ơn thầy sâu sắc của vị danh tướng.

d.

***Hình thức:**

- **Đúng văn nghị luận. HS có cách trình bày ý khác nhau, nhưng phải thể hiện rõ ràng quan điểm tích cực của mình, có lý lẽ, dẫn chứng rõ ràng**
- **Đoạn văn dài khoảng 2/3 trang giấy**

*** Nội dung:**

- **Mở đoạn : Giới thiệu vấn đề cần nghị luận. Khẳng định ý nghĩa của lòng biết ơn trong cuộc sống hiện tại**
- **Thân đoạn :**
 - + **Giải thích : thế nào là lòng biết ơn ?**
 - + **Biểu hiện của lòng biết ơn (Luôn ghi nhớ công ơn, có hành động thể hiện sự biết ơn, mong muốn đền đáp công ơn của những người đã giúp đỡ mình...) đặc biệt trong cuộc sống hôm nay**
 - + **Ý nghĩa của lòng biết ơn trong cuộc sống hôm nay**
 - + **Lật ngược vấn đề, bàn luận mở rộng : phê phán những hiện tượng thiếu lòng biết ơn.**
- **Bài học nhận thức và hành động**

Bài 2: Cho văn bản :

“Một người ăn xin đã già. Đôi mắt ông đỏ hoe, nước mắt ông giàn giụa, đôi môi tái nhợt áo quần tả tơi. Ông chìa tay xin tôi.

Tôi lục hết túi nọ đến túi kia, không có lấy một xu, không có cả khăn tay, chẳng có gì hết. Ông vẫn đợi tôi. Tôi chẳng biết làm thế nào. Bàn tay tôi run run nắm chặt lấy bàn tay nóng hổi của ông:

– Xin ông đừng giận cháu! Cháu không có gì cho ông cả.

Ông nhìn tôi chăm chăm, đôi môi nở nụ cười:

- Cháu ơi, cảm ơn cháu! Như vậy là cháu đã cho lão rồi.

Khi ấy tôi chợt hiểu ra: cả tôi nữa tôi cũng vừa nhận được một cái gì đó của ông.”

(SGK Ngữ Văn lớp 9, Tập 1, NXB Giáo dục - Trang 22)

- a. Nêu phương thức biểu đạt chính của văn bản trên.
- b. Em hãy nhận xét về thái độ giao tiếp của nhân vật “tôi” và người ăn xin trong văn bản trên.
- c. Hãy ghi lại một câu tục ngữ, ca dao trong kho tàng văn học Việt Nam để khẳng định vai trò quan trọng của lời nói trong giao tiếp giữa mọi người.

d. Theo em, “cái gì đó “ mà người ăn xin và cậu bé trong truyện đều cảm thấy mình đã nhận được từ người kia là gì ? Em có thể rút ra bài học gì cho riêng mình từ câu chuyện này?

d. Từ nội dung văn bản trên, kết hợp với những hiểu biết xã hội em hãy viết đoạn văn 2/3 trang giấy thi nêu suy nghĩ của em về nhận định: **"Tôn trọng người khác là tôn trọng chính bản thân mình"**.

Gợi ý trả lời:

a. Phương thức biểu đạt chính: Tự sự

b. Thái độ giao tiếp của nhân vật tôi và người ăn xin thể hiện bằng lời nói và hành động rất lịch sự chân thành, yêu thương; tôn trọng, cảm kích.

c. Lời nói không mất tiền mua/ Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau; Lời nói gói vàng; Chim khôn kêu tiếng rảnh rang /Người khôn ăn nói dịu dàng dễ nghe.

c. Điều mà người ăn xin già nhận được từ cậu bé là tình yêu thương, sự lễ phép; điều mà nhân vật cậu bé nhận được sau khi trao đi là sự trân trọng, lòng cảm kích, biết ơn của người ăn xin già. Những tình cảm ấy làm cho con người trở nên gắn kết, yêu thương nhau hơn, đó là những điều vô giá, không có tiền bạc nào mua được.

d. Học sinh cần rút ra được bài học về giá trị của tình yêu thương giữa con người; thái độ giao tiếp tôn trọng, lễ phép ...với mọi người.

d. Viết đoạn:

***Hình thức:**

- Đúng văn nghị luận. HS có thể có cách trình bày ý khác nhưng phải thể hiện quan điểm tích cực. Lời văn lưu loát, đúng độ dài

***Nội dung:**

- Mở đoạn : Giới thiệu vấn đề nghị luận, khẳng định " Tôn trọng người khác là tôn trọng bản thân mình" là nhận định đúng đắn.

- Thân đoạn :

+ Giải thích khái niệm tôn trọng người khác là gì; tôn trọng bản thân là gì;

+ Biểu hiện của việc tôn trọng người khác trong đời sống;

+ Lấy dẫn chứng, lí lẽ chứng minh và giải thích vì sao " Tôn trọng người khác là tôn trọng bản thân mình";

+ Phê phán cách ứng xử thiếu tôn trọng người khác, tự làm xấu đi hình ảnh, nhân cách của mình của một số người trong xã hội;

+ Rút ra bài học...

- Kết đoạn : Khái quát, khẳng định lại vấn đề.

Bài 3: Cho văn bản sau:

THỜI GIAN LÀ VÀNG

Ngạn ngữ có câu: Thời gian là vàng. Nhưng vàng thì mua được mà thời gian không mua được. Thế mới biết vàng có giá mà thời gian là vô giá.

Thật vậy, thời gian là sự sống. Bạn vào bệnh viện mà xem, người bệnh nặng, nếu kịp thời chạy chữa thì sống, để chậm là chết.

Thời gian là thắng lợi. Bạn hỏi các anh bộ đội mà xem, trong chiến đấu, biết nắm thời cơ, đánh địch đúng lúc là thắng lợi, để mất thời cơ là thất bại.

Thời gian là tiền. Trong kinh doanh, sản xuất hàng hóa đúng lúc là lãi, không đúng lúc là lỗ.

Thời gian là tri thức. Phải thường xuyên học tập thì mới giỏi. Học ngoại ngữ mà bữa được, bữa cái, thiếu kiên trì, thì học mấy cũng không giỏi được.

Thế mới biết, nếu tận dụng thời gian thì làm được bao nhiêu điều cho bản thân và cho xã hội. Bỏ phí thời gian thì có hại và về sau hối tiếc cũng không kịp.

(Ngữ văn 9, tập 2, NXB Giáo dục Việt Nam, tr.36,37)

a. Hãy chỉ rõ biện pháp tu từ được sử dụng ở nhan đề của văn bản và nêu ý nghĩa của nhan đề.

b. Câu: “Thật vậy, thời gian là sự sống” xét về cấu tạo thuộc kiểu câu gì? Trong văn bản có mấy câu cùng kiểu câu với câu văn trên? Nêu vai trò của từ “thật vậy” trong mạch lập luận văn bản trên.

c. Từ nội dung của văn bản “Thời gian là vàng”, kết hợp với những hiểu biết thực tế, em hãy viết đoạn văn khoảng 2/3 trang giấy trình bày suy nghĩ **về thái độ, cách sử dụng thời gian của thế hệ trẻ hiện nay**

Gợi ý trả lời:

a. - Biện pháp tu từ: so sánh

- Ý nghĩa của nhan đề :

+ Nêu luận điểm tổng quát của cả bài văn nghị luận

+ Khẳng định sự quý giá của thời gian

+ Thể hiện thái độ ngợi ca sự quý giá thời gian của người viết, từ đó nhắc nhở con người phải biết quý trọng thời gian

b. Kiểu câu: trần thuật đơn có từ “là”

- Có 4 câu có cùng kiểu câu:

+ Thời gian là vàng

+ Thời gian là thắng lợi

+ Thời gian là tiền

+ Thời gian là tri thức

- Vai trò của từ “thật vậy”

+ Từ nối tạo phép nối

+ Liên kết chặt chẽ các phần của văn bản

c. Viết đoạn:

*** Hình thức:**

- Đúng phương thức nghị luận
- Bài dài khoảng 2/3 trang giấy
- HS có thể có cách trình bày ý khác nhau, nhưng phải thể hiện rõ quan điểm tích cực của mình, lập luận chặt chẽ, thuyết phục, thể hiện được sự hiểu biết thực tế

*** Nội dung:**

- **Mở đoạn:** nêu ý kiến khái quát về giá trị của thời gian và cách sử dụng thời gian của thế hệ trẻ hiện nay.
- **Thân đoạn:**
 - + **Giải thích:** các quan niệm về thời gian dẫn đến các thái độ và cách sử dụng khác nhau của giới trẻ.
 - + **Biểu hiện:** đưa ra một vài dẫn chứng tiêu biểu, thuyết phục.(lấy trong đời sống)
 - + **Tại sao phải biết cách sử dụng thời gian hợp lý.**
 - + **Lật ngược vấn đề:** những biểu hiện sai, những thái độ sai trong việc sử dụng thời gian và hậu quả.
 - + **Bài học rút ra:** phải sử dụng thời gian như thế nào
- **Kết đoạn:** liên hệ bản thân

Bài 4: Cho đoạn sau :

*Tri thức đúng là sức mạnh. Người ta kể rằng, có một máy phát điện cỡ lớn của công ti Pho bị hỏng. Một hội đồng gồm nhiều kĩ sư họp 3 tháng liền tìm không ra nguyên nhân. Người ta phải mời đến chuyên gia Xten-mét-xơ. Ông xem xét và làm cho máy hoạt động trở lại. Công ti phải trả cho ông 10 000 đôla. Nhiều người cho Xten-mét-xơ là tham, bắt bí để lấy tiền. Nhưng trong giấy biên nhận, Xten-mét-xơ ghi : **“Tiền vạch một đường thẳng là 1 đôla. Tiền tìm ra chỗ để vạch đúng đường ấy giá 9.999 đôla”**. Rõ ràng người có tri thức thâm hậu có thể làm được những việc mà nhiều người khác không làm nổi. Thử hỏi, nếu không biết cách chữa thì cỗ máy kia có thể thoát khỏi số phận trở thành đồng phế liệu được không !?*

((Ngữ văn 9, tập 2, NXB Giáo dục Việt Nam , tr.35)

- a. Ở đoạn văn trên, người viết đã sử dụng cách lập luận giải thích hay chứng minh ? Việc người viết kể tỉ mỉ sự việc vị chuyên gia chữa máy có ý nghĩa thế nào trong đoạn ?
- b. Theo em, bộ phận in đậm trong đoạn văn trên là lời dẫn trực tiếp hay lời dẫn gián tiếp ? Nêu giá trị của lời dẫn đó trong việc thể hiện vị chuyên gia.
- c. Câu nghi vấn được sử dụng trong đoạn văn nhằm mục đích gì ?
- d. Từ nội dung văn bản trên, kết hợp với những hiểu biết thực tế, em hãy viết đoạn văn khoảng 2/3 trang giấy trình bày suy nghĩ **về ý nghĩa của tri thức** trong cuộc sống hôm nay.

Gợi ý trả lời :

a. Cách lập luận : chứng minh

Việc tác giả kể tỉ mỉ câu chuyện vị chuyên gia chữa máy khẳng định giá trị của tri thức, khẳng định tài năng của vị chuyên gia. Bằng tri thức, vị chuyên gia đã chữa được cỗ máy mà không ai chữa được.

b. Lời dẫn trực tiếp. Lời dẫn khắc họa cụ thể thái độ tự tin của vị chuyên gia

c. Câu nghị vấn có mục đích : Khẳng định+ Bộc lộ cảm xúc

d. Viết đoạn:

*** Hình thức:**

- Đoạn văn nghị luận. HS có cách trình bày ý khác nhau, nhưng phải thể hiện rõ ràng quan điểm tích cực của mình, có lý lẽ, dẫn chứng rõ ràng, thể hiện được những hiểu biết thực tế

- Đoạn khoảng 2/3 trang giấy

*** Nội dung:**

- *Mở đoạn* : Nêu ý kiến khái quát về vai trò của tri thức trong cuộc sống.

- *Thân đoạn* :

+ Giải thích : tri thức là gì ?

+ Vai trò của tri thức trong cuộc sống hôm nay (Lí lẽ+Dẫn chứng) :

Với bản thân mỗi người

Với đất nước

+ Lật ngược, mở rộng vấn đề : phê phán hiện tượng lười học hỏi ; không trau dồi tri thức đi kèm đạo đức

+ Bài học rút ra : tích cực học hỏi, trau dồi tri thức thế nào ?

- *Kết đoạn* : Khẳng định lại vấn đề

Bài 5 : Cho đoạn văn sau :

Tri thức có sức mạnh to lớn như thế nhưng đáng tiếc là còn không ít người chưa biết quý trọng tri thức. Họ coi mục đích của việc học chỉ là để có mảnh bằng mong sau này tìm việc kiếm ăn hoặc thăng quan tiến chức. Họ không biết rằng, muốn biến nước ta thành một quốc gia giàu mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh, sánh vai cùng các nước trong khu vực và thế giới cần phải có biết bao nhà trí thức tài năng trên mọi lĩnh vực !

(Ngữ văn 9, tập 2, NXB Giáo dục Việt Nam , tr 35)

a. Ở đoạn văn trên, người viết sử dụng phép liên kết câu nào ? Chỉ rõ từ ngữ thể hiện phép liên kết đó.

b. Qua đoạn trên, tác giả muốn phê phán điều gì?

c. Từ những suy nghĩ được gợi ra qua đoạn trích trên, kết hợp với những hiểu biết xã hội, hãy viết đoạn văn khoảng 2/3 trang giấy trình bày về **sức mạnh của tri thức** đối với đất nước ta hiện nay.

Gợi ý trả lời:

- a. Phép liên kết :
+ Phép lặp (tri thức, họ)
+ Phép thế (“họ” thay cho “những người chưa biết coi trọng tri thức”)
- b. Phê phán thái độ của những người chưa biết quý trọng tri thức, coi mục đích của việc học chỉ là để có mảnh bằng mong sau này tìm việc kiếm ăn hoặc thăng quan tiến chức
- c. Viết đoạn: (tương tự câu 4đ)

Bài 6: Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

Xưa nay, cái đẹp bao giờ cũng đi với cái giản dị, nhất là phù hợp với môi trường. Người có văn hóa, biết ứng xử chính là người biết tự hòa mình vào cộng đồng như thế, không kể hình thức còn phải đi với nội dung, tức là con người phải có trình độ, có hiểu biết. Một nhà văn đã nói: “Nếu có cô gái khen tôi chỉ vì bộ quần áo đẹp mà không khen tôi có bộ óc thông minh thì tôi chẳng có gì đáng hãnh diện”. Chỉ lí thay!

(Ngữ văn 9, tập 2, NXB Giáo dục Việt Nam , tr.9)

- a. Theo tác giả, thế nào là “người có văn hóa”?
- b. Xét theo mục đích nói, câu cuối đoạn trích thuộc kiểu câu gì? Nêu tác dụng của câu văn đó.
- c. Từ nội dung đoạn trích trên và những hiểu biết về xã hội, trình bày suy nghĩ của em (khoảng 2/3 trang giấy) về ý kiến: ***Cái đẹp bao giờ cũng đi với cái giản dị.***

Gợi ý trả lời:

- a. “Người có văn hóa” là người biết tự hòa mình vào cộng đồng, không kể hình thức còn phải đi với nội dung, tức là con người phải có trình độ, có hiểu biết.

b. - Câu cảm thán.

- Tác dụng: bộc lộ cảm xúc tâm đắc, đồng tình của tác giả.

c. Viết đoạn:

*** Hình thức:**

- HS viết đúng kiểu đoạn nghị luận, có trình tự mạch lạc, lập luận chặt chẽ, lý lẽ và dẫn chứng rõ ràng. Không cho điểm bài làm có suy nghĩ lệch lạc, tiêu cực.

- Đoạn văn dài khoảng 2/3 trang giấy.

*** Nội dung:**

- Mở đoạn: Nêu ý kiến khái quát về vấn đề cái đẹp gắn liền với cái giản dị.

- Thân đoạn:

+ Giải thích: Cái đẹp là gì? Giản dị là gì?

+ Biểu hiện của cái đẹp trong sự giản dị

+ Tại sao cái đẹp lại chính là sự giản dị?

+ **Bài học rút ra:** Thể hiện cái đẹp giản dị như thế nào? Làm thế nào để giản dị mà vẫn đẹp?

c) Kết đoạn: Liên hệ bản thân

Bài 7: Cho đoạn:

“Cuộc sống văn minh hiện đại đòi hỏi mọi người phải tôn trọng lẫn nhau và hợp tác với nhau. Những cuộc họp không thật cần thiết thì không nên tổ chức. Nhưng những cuộc họp cần thiết thì mọi người cần tự giác tham dự đúng giờ. Làm việc đúng giờ là tác phong của người có văn hoá.”

(“*Bệnh lề mề*”, Ngữ Văn 9, tập 2, Nhà XB GD, trang

20)

a. Phép lập luận chính ở đoạn trên là giải thích hay chứng minh? Đoạn văn trình bày theo phương pháp lập luận nào?

b. Nội dung chính của đoạn trên là gì? Nội dung đó có liên quan thế nào đến « Bệnh lề mề » ?

c. Từ đoạn trên kết hợp với hiểu biết thực tế, em hãy trình bày suy nghĩ về ý kiến **“Cuộc sống văn minh hiện đại đòi hỏi mọi người phải tôn trọng lẫn nhau và hợp tác với nhau”** bằng một đoạn văn dài khoảng 2/3 trang giấy thi.

Gợi ý trả lời:

a. - Phép lập luận chính là giải thích

- Đoạn văn trình bày theo phương pháp lập luận: quy nạp

b. - Nội dung chính của đoạn: mọi người cần phải làm việc đúng giờ

- Nội dung đó liên quan chặt chẽ với chủ đề của văn bản là nói đến bệnh lề mề. Bệnh lề mề là bệnh đi muộn của nhiều người trong những việc chung, gây tác hại đến nhiều người. Những biện pháp mà người viết nêu trong đoạn sẽ chữa căn bệnh này

c. Viết đoạn văn:

*** Hình thức:**

- **Đúng văn nghị luận.** Có lý lẽ và dẫn chứng để làm rõ quan điểm tích cực của mình. Tổ ra có hiểu đoạn đã cho và có hiểu biết thực tế

- **Độ dài 2/3 trang giấy**

*** Nội dung:**

- **Mở đoạn:** Nêu và khẳng định ý kiến

- **Thân đoạn :**

+ **Giải thích:** *cuộc sống văn minh hiện đại; tôn trọng lẫn nhau, hợp tác lẫn nhau*

+ **Biểu hiện của thái độ tôn trọng, hợp tác lẫn nhau**

+ **Tại sao cuộc sống văn minh lại cần thái độ tôn trọng, hợp tác lẫn nhau của mọi người? tác hại nếu không có thái độ đó...**

+ **Phê phán những biểu hiện coi thường mọi người, coi thường cộng đồng, sống ích kỷ...**

+ **Bài học tư tưởng, hành động rút ra**

- **Kết đoạn: liên hệ bản thân...**

II. Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa:

Bài 1: Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

Trong chiến tranh thế giới lần thứ hai, trận tấn công Normandy mang tính quyết định đã thành công vang dội. Tại sao lại có được thành công to như vậy? Liên minh quân đội Mỹ - Anh trước khi tấn công đã có một sự chuẩn bị vô cùng kỹ lưỡng. Họ diễn tập rất nhiều lần, không chỉ diễn tập bình thường mà tập dượt cả phương hướng, địa điểm, thời gian, tất cả những việc cần làm khi tấn công. Cuối cùng, khi tấn công thực sự, thắng lợi như đã nằm gọn trong lòng bàn tay, thời gian tấn công chỉ lệch mấy giây so với kế hoạch. Đó chính là sức mạnh của sự chuẩn bị.

Người xưa đã dạy, biết lo xa sẽ tránh được tai họa. Chỉ có sự chuẩn bị kỹ lưỡng mới mang đến kết quả tốt nhất. Một người có sự chuẩn bị càng kỹ lưỡng thì khả năng thành công càng cao. Chúng ta đều thuộc lòng câu ngạn ngữ: “Nuôi binh ngàn ngày, dụng binh một giờ” hay “một phút huy hoàng trên sân khấu, mười năm khổ luyện trong cánh gà”. Đó chính là triết lý sâu xa về sự chuẩn bị.

Michael Jordan “không trung” là tuyển thủ vĩ đại nhất mọi thời đại trong lịch sử bóng rổ Mỹ, được tôn xưng là vua bóng rổ. Anh có đủ mọi tố chất và điều kiện của một ông vua bóng rổ, anh tham gia bất kì trận đấu nào thì tỉ lệ chiến thắng đều rất cao. Nhưng trước mỗi trận đấu, dù quan trọng hay thông thường, anh đều luyện tập kỹ càng. Anh tập ném bóng, tập các động tác cơ bản. Anh luôn là người luyện tập vất vả nhất trong đội bóng, cũng là người có sự chuẩn bị chu đáo nhất.

(Trích Giáo dục thành công theo kiểu Harvard, Tập 2, Vương Nghệ Lộ,

người dịch: Nguyễn Đăng Chi, NXB Lao động, 2016, trang 235 - 236)

- Xác định các phép lập luận được sử dụng trong đoạn trích?
- Theo tác giả, vì sao “trận tấn công Normandy mang tính quyết định đã thành công vang dội” và Michael Jordan “được tôn xưng là vua bóng rổ”?
- Nêu tác dụng của việc trích dẫn các câu ngạn ngữ trong văn bản?
- Thông điệp nào của đoạn trích trên có ý nghĩa nhất với em? Vì sao?
- Em hãy viết 1 đoạn văn (khoảng 2/3 trang giấy) trình bày suy nghĩ của mình về ý kiến: **“Chỉ có sự chuẩn bị kỹ lưỡng mới mang đến kết quả tốt nhất”.**

Gợi ý trả lời

- Phép lập luận được sử dụng trong đoạn trích: bình luận, chứng minh.
- Theo tác giả, trận tấn công Normandy mang tính quyết định đã thành công vang dội và Michael Jordan được tôn xưng là vua bóng rổ vì có sự chuẩn bị kỹ lưỡng, chu đáo.

c. Những câu ngạn ngữ:

- + Nuôi binh ngàn ngày, dụng binh một giờ
- + Một phút huy hoàng trên sân khấu, mười năm khổ luyện trong cánh gà
- Tác dụng: khẳng định tính đúng đắn và độ tin cậy cao của vấn đề, tăng tính thuyết phục cho đoạn trích...
- HS lựa chọn thông điệp có ý nghĩa nhất.
- HS lí giải hợp lí, thuyết phục.

d. Viết đoạn văn

*** Hình thức: Đoạn 2/3 trang giấy**

*** Nội dung: HS lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng phải làm rõ vấn đề nghị luận. Dưới đây là một vài gợi ý:**

- **Giải thích**

- + **Sự chuẩn bị** : trang bị, tích lũy những gì cần thiết; xem xét, cân nhắc, tập dượt, dự tính các phương án khác nhau... trước khi hành động.
- + **Kĩ lưỡng** : chú ý đầy đủ đến từng chi tiết, cẩn trọng, đến nơi đến chốn...
- Ý kiến khẳng định, đề cao tầm quan trọng, ý nghĩa, sự cần thiết của khâu chuẩn bị chu đáo. Chính khâu này sẽ giúp ta thành công.
- **Dùng lí lẽ và dẫn chứng thực tế để làm sáng tỏ tính đúng đắn của ý kiến:**
- + **Khi thực sự chú trọng việc chuẩn bị, thực tâm chuẩn bị kĩ lưỡng:** đáp ứng được yêu cầu, hành động trơn tru, hiệu quả nhất; sẵn sàng ứng phó tốt nhất trước mọi tình huống; có thể đảm bảo sẽ không mắc sai lầm hoặc giảm sai sót đến mức tối thiểu...
- + **Khi tỏ ra chủ quan, coi nhẹ công tác chuẩn bị, không chuẩn bị hoặc chuẩn bị một cách qua loa, hời hợt, không đầy đủ, thiếu chu đáo:** dễ mắc sai lầm, phải gánh chịu thất bại...

(HS tự lấy những dẫn chứng thực tế đời sống)

- **Lật ngược vấn đề - bàn luận mở rộng:**

- + **Chuẩn bị kĩ lưỡng không có nghĩa là chậm chạp, chần chừ; thiếu quyết đoán, mạo hiểm; bỏ lỡ cơ hội...**
- + **Phê phán những tư tưởng lệch lạc, những biểu hiện chủ quan...**
- **Bài học nhận thức và hành động**
- + **Nhận thức rõ về bản thân để có những sự chuẩn bị cần thiết, đúng đắn.**
- + **Hành động kiên trì, tích cực để sự chuẩn bị có kết quả tốt.**

Bài 2: Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu

Bạn không cần phải thắng bằng mọi giá

Một trong những câu hỏi quan trọng bạn có thể tự hỏi là: “Tôi muốn mình luôn luôn đúng hay tôi muốn được hạnh phúc?”. Trong nhiều trường hợp, hai điều này thường không đi cùng nhau.

Việc tỏ ra mình là người luôn đúng - nghĩa là người khác sai - sẽ đẩy chúng ta vào thế sẵn sàng tranh cãi với bất kỳ ai không cùng quan điểm. Và nếu tình trạng này cứ tiếp diễn sẽ khiến đầu óc chúng ta tốn rất nhiều năng lượng cũng như làm chúng ta xao nhãng với cuộc sống xung quanh. Mặc dù vậy, nhiều người vẫn dành rất nhiều thời gian và công sức để chứng minh (hay bảo vệ) quan điểm của mình và cho rằng người khác đã sai. Vô tình hay hữu ý, nhiều người tin rằng việc đưa ra ý kiến riêng “đúng đắn” sẽ giúp người khác điều chỉnh họ và học hỏi thêm nhiều điều. Thực ra, điều này hoàn toàn sai.

Bạn hãy nhớ lại xem, đã bao giờ bạn bị ai đó “sửa lưng” và bạn nói với họ: “Cảm ơn bạn đã chỉ cho tôi thấy điều tôi sai!”. Hoặc đã bao giờ có ai đó nói cảm ơn khi bạn phản đối họ hay chứng tỏ bạn đúng họ sai. Sự thật là đa phần chúng ta đều không thích bị người khác vạch ra sai lầm của mình. Con người luôn mong muốn người khác lắng nghe và được công nhận. Do đó, một người biết cách lắng nghe thường là người được yêu quý và tôn trọng. Những người có thói quen hay phản đối người khác thường chỉ nhận được phản ứng bực bội và bị lảng tránh.

(Richard Carlson - **Tất cả đều là chuyện nhỏ**, NXB Tổng hợp Thành phố HCM, trang 35)

- a. Xác định phương thức biểu đạt của văn bản.
- b. Theo em việc bảo vệ quan điểm của mình và cho rằng người khác đã sai là đúng hay sai?
- c. Xác định lời dẫn trực tiếp trong câu sau, chuyển thành lời dẫn gián tiếp: Một trong những câu hỏi quan trọng bạn có thể tự hỏi là: “Tôi muốn mình luôn luôn đúng hay tôi muốn được hạnh phúc?”.
- d. Em có đồng tình với quan điểm của tác giả cho rằng việc khẳng định mình luôn đúng và mình muốn được hạnh phúc thường không đi cùng nhau không? Vì sao?
- e. Từ nội dung đoạn trích trên, em hãy viết 01 đoạn văn (khoảng 2/3 trang giấy) trình bày suy nghĩ của mình về câu nói: **“Cảm ơn bạn đã chỉ cho tôi thấy điều tôi sai!”**.

Gợi ý trả lời

- a. Phương thức biểu đạt: Nghị luận
- b. Học sinh có thể lập luận theo nhiều quan điểm khác nhau, song cần làm rõ được các ý:
 - Việc bảo vệ quan điểm của mình là đúng. Bởi đó là cách để khẳng định bản thân và cần thiết phải giữ vững lập trường, suy nghĩ của mình.
 - Tuy nhiên, không phải lúc nào cũng cho rằng mình luôn đúng và người khác đã sai. Bởi vì sự đánh giá của mình về chính mình và người khác là sự đánh giá phiến diện.

- Cho nên không nhất thiết trong mọi trường hợp cần bảo vệ quan điểm của mình và cố gắng chỉ ra người khác đã sai.
- c. Lời dẫn trực tiếp: “Tôi muốn mình luôn luôn đúng hay tôi muốn được hạnh phúc?”.
- Chuyển sang lời dẫn gián tiếp: Một trong những câu hỏi quan trọng bạn có thể tự hỏi là bạn muốn mình luôn luôn đúng hay bạn muốn được hạnh phúc.
- d. Học sinh có thể đưa ra kiến giải riêng của mình và lập luận thuyết phục. Song cần làm rõ được các ý:
 - Việc khẳng định mình luôn đúng là thái độ hiếu thắng, tự kiêu tự đại không nên có trong giao tiếp.
 - Niềm hạnh phúc là cảm giác mãn nguyện khi chúng ta đạt được ước mơ trong cuộc sống.
 - Việc khẳng định mình luôn đúng không thể đem lại hạnh phúc cho con người bởi vì:
 - + Tâm lí hiếu thắng có thể đem lại cho bạn cảm giác hãnh diện vui sướng nhất thời. Nhưng sẽ khiến bạn trở nên bị ghen ghét, xa lánh.
 - + Bản thân mình không lắng nghe và nhận thấy lỗi sai của mình.
 - + Khiến cho người khác thấy bức bối, không muốn lại gần
- e. Viết đoạn:
 - * Hình thức:**
 - **Đảm bảo bố cục đoạn văn, dung lượng 2/3 trang**
 - **Trình bày câu văn mạch lạc, lập luận rõ ràng, sáng nghĩa**
 - * Nội dung:**
 - **Giải thích câu nói: là lời cảm ơn cần thiết khi có ai đó vạch ra lỗi sai của chính mình**
 - **Câu nói đã khẳng định rằng: không phải mọi lúc bản thân mình luôn đúng. Do đó, khi được người khác chỉ ra sai lầm của mình cần biết lắng nghe để sửa lỗi**
 - **Biết nói lời cảm ơn khi có người giúp bạn sửa sai và hoàn thiện chính mình. Đó là lối ứng xử văn hóa**
 - **Bàn luận:**
 - + **Trong giao tiếp, không ai luôn đúng hoặc luôn sai. Chúng ta nhất thiết cần phải lắng nghe quan điểm của người khác và nhìn thấy chỗ sai của mình.**
 - (HS tự lấy dẫn chứng)**
 - + **Trên thực tế, nhiều người luôn cố tỏ ra mình luôn đúng và phủ nhận người khác. Khi bị vạch ra sai lầm thì luôn cảm thấy khó chịu, ảm ức. Đó là thái độ tiêu cực, cần loại bỏ khi giao tiếp.**
 - **Bài học nhận thức và hành động:**
 - + **Luôn học hỏi, lắng nghe từ người khác**
 - + **Luôn cầu thị, tự sửa lỗi để hoàn thiện mình**

+ Không nhất thiết phải thắng bằng mọi giá trong giao tiếp. Luôn khiêm tốn với chính mình, luôn khéo léo trong cách chỉ ra lỗi sai của người khác.

Bài 3: Đọc đoạn trích dưới đây

Khi nói đến ước mơ của mỗi người thì điều đầu tiên cần phải xác định đó không phải là những mong ước viễn vông mà chính là mục đích con người đặt ra và cố gắng phấn đấu để đạt đến trong cuộc đời mình.

Đồng thời một yếu tố cũng hết sức quan trọng là cần phải xác định cách thức để đạt được mục đích đó, bởi không ai trong cuộc đời này lại không muốn đạt đến một điều gì đó. Sự khác biệt chính là ở phương thức thực hiện, cách thức đạt đến ước mơ của mỗi người và điều này sẽ quyết định “đẳng cấp” về nhân cách của mỗi người.

Có người đi đến ước mơ của mình bằng cách trung thực và trong sáng thông qua những nỗ lực tự thân tốt cùng. Đây là những người có lòng tự trọng cao và biết dựa vào sức của chính mình, tin vào khả năng của chính mình và sự công bằng của xã hội. Đối với họ, mục tiêu chưa chắc là điều họ quan tâm, cái họ quan tâm hơn chính là phương thế để đạt đến mục tiêu trong cuộc sống.

Chính vì vậy họ là những người không bao giờ chấp nhận sống trong thân phận “tâm gửi”, trở thành công cụ trong tay người khác hay giao phó tương lai của mình cho người khác. Sở dĩ như thế là bởi họ chỉ tự hào với những gì do chính bản thân họ làm ra và đạt đến, đồng thời cũng là những người xem phương tiện quan trọng như mục tiêu của cuộc đời mình.

(Nguồn: Lê Minh Tiên, *Đẳng cấp về nhân cách*, <http://tuoitre.vn>)

- Chỉ ra phương thức biểu đạt của đoạn trích.
- Xác định khởi ngữ trong câu sau: *Đối với họ, mục tiêu chưa chắc là điều họ quan tâm, cái họ quan tâm hơn chính là phương thế để đạt đến mục tiêu trong cuộc sống.*
- Vì sao tác giả cho rằng: những người không bao giờ chấp nhận sống trong thân phận “tâm gửi” chỉ tự hào với những gì do chính bản thân họ làm ra và đạt đến?
- Từ đoạn trích trên, hãy rút ra bài học có ý nghĩa nhất đối với em.
- Từ nội dung của đoạn trích trên, em hãy viết một đoạn văn (khoảng 2/3 trang giấy) bàn về ***cách đạt đến ước mơ của mỗi người.***

Gợi ý trả lời

- Phương thức biểu đạt: nghị luận
- Khởi ngữ: “đối với họ”
- Những người không bao giờ chấp nhận sống trong thân phận “tâm gửi” chỉ tự hào với những gì do chính bản thân họ làm ra và đạt đến. Tác giả nói như vậy vì:
 - “Tâm gửi” là lối sống dựa dẫm vào người khác, là những người kém bản lĩnh, bất tài.

- Những người không bao giờ chấp nhận sống trong thân phận “tầm gửi” là những người có lòng tự trọng, có ý thức về giá trị bản thân, luôn nỗ lực vươn lên để đạt được mục đích.

d. Bài học có thể rút ra

- Nỗ lực thực hiện ước mơ bằng chính khát vọng và khả năng của bản thân.
- Tự tin, tự trọng làm nên giá trị con người.

e. Viết đoạn

*** Hình thức:**

- Đảm bảo bố cục đoạn văn, dung lượng 2/3 trang
- Trình bày câu văn mạch lạc, lập luận rõ ràng, sáng nghĩa

*** Nội dung:**

- **Giải thích:** Ước mơ là mong muốn đến những điều tốt đẹp ở tương lai. Cách thức thực hiện ước mơ của mỗi người sẽ cho thấy bản lĩnh, đạo đức, lối sống và giá trị đích thực của người đó.

- **Vai trò, ý nghĩa của ước mơ trong cuộc đời mỗi người:**

+ Ước mơ hiện diện trong tất cả các lĩnh vực có vai trò quan trọng trong cuộc sống con người.

+ Nhờ có ước mơ con người có thể chinh phục tự nhiên, cải thiện đời sống, tạo nên những thành tựu về khoa học và công nghệ, làm nên cuộc sống tốt đẹp hơn...

- **Cách hiện thực hoá ước mơ:**

+ Thực tế cho thấy có nhiều cách thức để thực hiện những mong ước như tự thân theo đuổi mục tiêu đúng đắn, rèn luyện ý chí và nghị lực, nỗ lực phấn đấu không ngừng, tương tác trí tuệ tập thể...

(HS tự lấy dẫn chứng)

+ Cách thức chính đáng để chinh phục ước mơ không chỉ làm nên vinh quang và giá trị của ước mơ mà còn thể hiện sự trung thực, trong sáng, tài năng, ý chí... là biểu hiện của nhân cách, bản lĩnh, trí tuệ và đạo đức ở con người.

+ Nhưng cũng có trường hợp dựa dẫm, ỷ lại vào các mối quan hệ, dùng vật chất đánh đổi...

- **Lật ngược vấn đề:** phê phán thói dựa dẫm, ỷ lại, thụ động, không có ước mơ, hoài bão;

- **Bài học nhận thức và hành động:** Cần sống có ước mơ và dám ước mơ. Tự trọng, tự tin khi thực hiện ước mơ của mình.

Bài 4: Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu

“Bất cứ ai cũng đã từng thất bại, đã từng vấp ngã ít nhất một lần trong đời như một quy luật bất biến của tự nhiên. Có nhiều người có khả năng vực dậy, đứng lên rồi nhẹ nhàng bước tiếp như thể chẳng có chuyện gì xảy ra, nhưng cũng có nhiều người chỉ có thể ngồi một chỗ và vẫn luôn tự hỏi lí do vì sao bản thân lại có thể dễ dàng “mắc bẫy” đến như thế...”

Bất kì vấp ngã nào trong cuộc sống cũng đều mang lại cho ta một bài học đáng giá: Về một bài toán đã áp dụng cách giải sai, về lòng tốt đã gửi nhầm chủ nhân hay về một tình yêu lâu dài bỗng phát hiện đã trao nhầm đối tượng.

(...) Đừng để khi tia nắng ngoài kia đã lên, mà con tim vẫn còn băng lạnh. Đừng để khi cơn mưa kia đã tạnh, mà những giọt lệ trên mi mắt vẫn còn tuôn rơi. Thời gian làm tuổi trẻ đi qua nhanh lắm, không gì là mãi mãi, nên hãy sống hết mình để không nuối tiếc những gì chỉ còn lại trong quá khứ mà thôi...”

(Trích “ *Hãy học cách đứng lên sau vấp ngã* ”)

- Hãy chỉ ra phương thức biểu đạt chính của đoạn trích trên?
- Tác giả đã đưa ra những dẫn chứng nào để khẳng định “Bất kì vấp ngã nào trong cuộc sống cũng đều mang lại cho ta một bài học đáng giá”?
- Tác giả đã sử dụng biện pháp tu từ gì trong hai câu văn sau: “Đừng để khi tia nắng ngoài kia đã lên, mà con tim vẫn còn băng lạnh. Đừng để khi cơn mưa kia đã tạnh, mà những giọt lệ trên mi mắt vẫn còn tuôn rơi”? Hãy phân tích hiệu quả biểu đạt của biện pháp tu từ đó?
- Thông điệp rút ra từ đoạn trích trên?
- Từ nội dung đoạn trích trên, em hãy viết một đoạn văn (khoảng 2/3 trang giấy) trình bày suy nghĩ về **vai trò của niềm tin trong cuộc sống**

Gợi ý trả lời

- Phương thức biểu đạt chính là nghị luận.
- Tác giả đã đưa ra những dẫn chứng sau: “Về một bài toán đã áp dụng cách giải sai; về lòng tốt đã gửi nhầm chủ nhân; một tình yêu lâu dài bỗng phát hiện đã trao nhầm đối tượng” để khẳng định “Bất kì vấp ngã nào trong cuộc sống cũng đều mang lại cho ta một bài học đáng giá”
- Học sinh trả lời được một trong ba phép tu từ sau:
 - * Biện pháp tu từ: Điệp ngữ (Đừng để khi) ; điệp cấu trúc ngữ pháp (lặp CTNP); đối lập (tia nắng...đã lên><giọt lệ....rơi).
 - * Tác dụng:
 - Điệp ngữ ; điệp cấu trúc ngữ pháp: Tạo âm hưởng nhịp nhàng, cân đối. Nhấn mạnh, khuyến khích mọi người hãy từ bỏ những ưu phiền để sống vui vẻ, hòa nhịp với thế giới xung quanh...
 - Đối lập: Làm nổi bật sự trái ngược giữa ngoại cảnh với tâm trạng con người, nhằm khích lệ con người từ bỏ những ưu phiền, hướng đến cuộc sống vui tươi, ý nghĩa....
- HS có thể trả lời nhiều cách như : Sống như thế nào để không phải nuối tiếc khi nhìn lại quá khứ; đứng dậy sau khi vấp ngã để có cuộc sống tươi đẹp trong tương lai; có niềm tin vào cuộc sống.....
- Viết đoạn:

*** Hình thức:**

- Đảm bảo cấu trúc đoạn văn, dung lượng 2/3 trang
- Vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận

*** Nội dung:**

- Giải thích: Niềm tin là hi vọng của con người vào những điều tốt đẹp vẫn luôn tồn tại trong cuộc sống.

- Ý nghĩa của niềm tin:

- + Chỉ khi có được niềm tin vào con người và cuộc đời thì những điều tốt đẹp mới có thể xuất hiện.

- + Chỉ khi giữ được niềm tin thì con người mới tạo nên kì tích, và hơn nữa, mới có thể thư thái và hạnh phúc dù ở trong nghịch cảnh.

(HS tự lấy dẫn chứng)

- Lật ngược vấn đề: Niềm tin là điều quan trọng nhưng nên tùy trường hợp để vận dụng, không nên đặt niềm tin mù quáng, thiếu căn cứ bởi điều đó sẽ phản tác dụng, sẽ đem đến sự hoài nghi, phủ nhận tất cả, sống thiếu lí tưởng sau này.

- Bài học nhận thức và hành động: Để giữ được niềm tin, giữ được sự tồn tại của những giá trị tốt đẹp, cần có một cái nhìn sáng suốt, đặt niềm tin đúng chỗ. Hơn nữa cần phải có lập trường kiên định, có niềm tin đủ lớn, và đặc biệt cần sống một cách nhân văn, tự tạo nên những điều tốt đẹp để tỏa bóng cho mình và cho đời.

Bài 5: Đọc đoạn trích dưới đây và thực hiện các yêu cầu:

“*Tỷ phú Hồng Kông Yu Pang-Lin vừa qua đời ở tuổi 93, để lại di chúc hiến toàn bộ tài sản trị giá khoảng 2 tỉ USD cho hoạt động từ thiện. Ông giải thích hành động của mình: “Nếu các con tôi giỏi hơn tôi thì chẳng cần phải để nhiều tiền cho chúng. Nếu chúng kém cỏi thì có nhiều tiền cũng chỉ có hại cho chúng mà thôi”. Yu Pang-Lin không phải là người đầu tiên trên thế giới “keo kiệt” với con nhưng lại hào phóng với xã hội. Người giàu nhất thế giới – Bill Gates – từng tuyên bố chỉ để lại cho con 0,05% tổng tài sản kếch xù của mình. Báo chí hỏi tại sao lại như vậy, ông trả lời đại ý: Con tôi là con người, mà đã là con người thì phải tự kiếm sống, không chỉ kiếm sống phục vụ chính bản thân mình mà còn phải góp phần thúc đẩy xã hội. Đã là con người thì phải lao động. Tại sao tôi phải cho con tiền?*

(...) *Có người nói rằng, có hai thứ mà cha mẹ cần trang bị cho con cái và chỉ hai thứ đó là đủ, còn không, nếu có để lại cho con thứ gì đi nữa mà thiếu hai thứ đó thì coi như chưa cho con gì cả. Hai thứ đó là: ý thức tự chịu trách nhiệm về bản thân mình và năng lực để tự chịu trách nhiệm”.*

(Theo Nhật Huy, *Không để lại tiền cho con*, dẫn theo [http:// tuoitre.vn](http://tuoitre.vn), ngày 10/5/2015)

- a. Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản ?
- b. Tìm lời dẫn gián tiếp trong câu sau: *Báo chí hỏi tại sao lại như vậy, ông trả lời đại ý: Con tôi là con người, mà đã là con người thì phải tự kiếm sống, không chỉ kiếm sống phục vụ chính bản thân mình mà còn phải góp phần thúc đẩy xã hội.*
- c. Em hiểu “ý thức tự chịu trách nhiệm về bản thân mình và năng lực để tự chịu trách nhiệm” nghĩa là gì ?
- d. Em có đồng tình với ý kiến được nêu ở đoạn kết trong đoạn trên: “*Có người nói rằng, Hai thứ đó là: ý thức tự chịu trách nhiệm về bản thân mình và năng lực để tự chịu trách nhiệm*” không ? Vì sao ?
- e. Hãy viết một đoạn văn ngắn (khoảng 2/3 trang giấy) trình bày suy nghĩ của em về câu nói của Bill Gates thể hiện ở phần Đọc hiểu: *Con tôi là con người, mà đã là con người thì phải tự kiếm sống, không chỉ kiếm sống phục vụ chính bản thân mình mà còn phải góp phần thúc đẩy xã hội*”.

Gợi ý trả lời:

- a. Phương thức biểu đạt chính của văn bản: Nghị luận.
 - b. Lời dẫn gián tiếp: Con tôi là con người, mà đã là con người thì phải tự kiếm sống, không chỉ kiếm sống phục vụ chính bản thân mình mà còn phải góp phần thúc đẩy xã hội
 - c. Ý thức tự chịu trách nhiệm về bản thân mình: Chịu trách nhiệm về mọi suy nghĩ, hành động, sự trưởng thành về trí tuệ và nhân cách... của chính mình.
- Năng lực để tự chịu trách nhiệm bao gồm: Tri thức (hiểu biết về thế giới, kiến thức chuyên môn...), khả năng lao động, sáng tạo và đạo đức (lòng trung thực, nghị lực sống, quan niệm sống đúng đắn,...)
 - d. Học sinh có thể trình bày suy nghĩ cá nhân (đồng ý/ không đồng ý), có phân tích, lí giải cụ thể, thuyết phục về quan điểm của mình. Dưới đây là một vài gợi ý:
+ Đồng ý:
- Chỉ hai thứ ấy là đủ: Con cái sẽ sống cuộc sống của chính mình không phụ thuộc vào người khác và không sống cuộc sống do người khác sắp đặt, đường đời con cái có thể vấp ngã nhưng phải tự đứng dậy, đương đầu,... Đó là sự tự do, sự trải nghiệm và trưởng thành quý giá mà cha mẹ ban tặng.
- Ngược lại đưa con được bao bọc sẽ trở nên yếu đuối không thể vững bước trên đường đời, sớm ngã gục trước phong ba và sẵn sàng phung phí mọi của cải vật chất không phải do mình làm nên.
+ Không đồng ý: Cuộc sống con người vô cùng phức tạp, không phải chỉ có hai thứ trên mà đảm bảo cuộc sống, con người rất cần sự giúp đỡ của cha mẹ về kinh tế vật chất,...
+ Học sinh có thể kết hợp hai quan điểm trên và lí giải thuyết phục
 - e. Đoạn văn:
- * Hình thức:**

- Viết đúng 01 đoạn văn khoảng 2/3 trang giấy, đảm bảo kết cấu của đoạn văn (có mở đoạn, thân đoạn, kết đoạn), trình bày được hiểu biết, suy nghĩ đúng đắn, tích cực.

- Hành văn chặt chẽ, trong sáng, không mắc lỗi về chính tả, dùng từ, đặt câu

* Nội dung: Học sinh có thể triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều hướng nhưng cần đảm bảo một số nội dung chính sau:

- Giới thiệu được vấn đề cần nghị luận → Khẳng định đây là câu nói đúng, có nhiều ý nghĩa: “Con tôi là con người, mà đã là con người thì phải tự kiếm sống, không chỉ kiếm sống để phục vụ chính bản thân mình mà còn phải góp phần thúc đẩy xã hội.

- Giải thích:

Con người khẳng định sự tồn tại của mình qua lao động, khẳng định sự trưởng thành của mình qua tính tự lập và phải tự kiếm sống. Không chỉ kiếm sống để phục vụ chính bản thân mình mà còn phải góp phần để thúc đẩy xã hội: Sống tự lập đem lại lợi ích cho bản thân và xã hội.

→ Câu nói trên nhắc nhở con người phải có ý thức trách nhiệm với bản thân, lấy lao động làm động lực để tạo nên cuộc sống cá nhân và góp phần làm thay đổi xã hội.

- Bàn luận, chứng minh:

+ Tự kiếm sống giúp con người tăng cường sự tự tin trong công việc, tự quyết định nhiều vấn đề cho bản thân mà không bị phụ thuộc vào người khác.

+ Có tự kiếm sống, tự lao động, con người mới biết trân quý giá trị lao động.

+ Có tự kiếm sống, tự lao động, con người mới biết tự nếm trải những khó khăn thử thách, biết rút ra nhiều kinh nghiệm, từ đó có thêm nhiều kỹ năng sống, tự tin, bản lĩnh, biết xử lý tình huống trước cuộc sống phức tạp, muôn màu.

(HS tự lấy dẫn chứng)

- Lật ngược vấn đề:

+ Phê phán những bậc cha mẹ, bao bọc con quá mức khiến con không thể trưởng thành,...

+ Phê phán những người sống ỷ lại, lười biếng, chủ quan → trở thành người sống lệ thuộc vào người khác, dù đó là người thân, trở thành gánh nặng cho gia đình và xã hội...

- Bài học nhận thức và hành động :

+ Nhận thức được vai trò, sứ mệnh của gia đình đối với mỗi người: là mái ấm chở che, là cái nôi để ta trưởng thành, là nơi ta trở về,... Biết lắng nghe, tiếp thu những lời răn dạy của cha mẹ, những người đi trước để trưởng thành, trở thành người có ích.

+ **Mỗi con người vẫn phải tự lập, sống cuộc sống đúng nghĩa của mình để xứng đáng với sự tin cậy của cha mẹ.**

MỘT SỐ KHÁI NIỆM PHỤC VỤ CHO ĐOẠN VĂN NGHỊ LUẬN XÃ HỘI

1. Siêng năng : Là đức tính của con người, biểu hiện ở sự cần cù, tự giác, miệt mài, làm việc thường xuyên đều đặn.

2. Kiên trì: Là sự quyết tâm làm đến cùng dù có gặp khó khăn gian khổ.

3. Tiết kiệm: Là biết sử dụng một cách hợp lí, đúng mức của cải, vật chất, thời gian, sức lực của mình và của người khác

4. Tôn trọng kỷ luật: Là biết chấp hành mọi quy định chung của tập thể, xã hội ở mọi nơi, mọi lúc.

5. Biết ơn: Là sự bày tỏ thái độ trân trọng, về những việc làm đền ơn đáp nghĩa với những người đã từng giúp đỡ mình khi gặp khó khăn hoạn nạn.

6. Sống chan hòa: Là sống vui vẻ , hoà hợp với mọi người và sẵn sàng tham gia vào các hoạt động chung có ích.

7. Sống giản dị: Là những người sống không xa hoa, cầu kì, lãng phí, sống , sống phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của bản thân, gia đình và xã hội.

8. Trung thực: Trung thực là luôn tôn trọng sự thật , tôn trọng chân lí , lẽ phải ; sống ngay thẳng , thật thà và dũng cảm nhận lỗi khi mình mắc khuyết điểm.

9. Yêu thương con người: Là quan tâm, giúp đỡ, làm những điều tốt đẹp cho người khác. Giúp người khác khi họ gặp khó khăn, hoạn nạn.

10. Tự trọng: Là biết coi trọng và giữ gìn phẩm cách. Biết điều chỉnh hành vi của mình phù hợp với các chuẩn mực xã hội

11. Tôn sư trọng đạo: Là biết tôn trọng , kính yêu và biết ơn những người đã làm thầy giáo, cô giáo (đặc biệt là những người đã từng dạy mình) ở mọi lúc mọi nơi, tôn trọng những gì thầy cô giáo đã dạy cho mình , tôn trọng theo đạo lí mà thầy cô giáo đã từng dạy cho mình. Là truyền thống quý báu của dân tộc cần được phát huy.

12. Đoàn kết tương trợ: Là đoàn kết, tương trợ là sự thông cảm, chia sẻ và có việc làm cụ thể giúp đỡ nhau khi gặp khó khăn.

Ý nghĩa: Giúp chúng ta dễ dàng hòa nhập vào cuộc sống với những người xung quanh và được người khác giúp đỡ. Tạo nên sức mạnh vượt qua khó khăn Là truyền thống quý báu của dân tộc ta

13. Khoan dung: Là rộng lòng tha thứ, tôn trọng và thông cảm với người khác, biết tha thứ cho người khác khi họ hối hận và sửa chữa lỗi lầm.

Ý nghĩa: Là một đức tính quý báu của con người. Người có lòng khoan dung luôn được mọi người yêu mến, tin cậy và có nhiều bạn tốt. Nhờ có lòng khoan dung cuộc sống và quan hệ giữa mọi người với nhau trở nên lành mạnh, thân ái, dễ chịu.

14. Tự tin: là tin tưởng vào khả năng của bản thân, chủ động trong mọi việc, dám tự quyết định và hành động một cách chắc chắn, không hoang mang dao động.

Ý nghĩa Tự tin giúp con người có thêm sức mạnh, nghị lực và sức sáng tạo làm nên nghiệp lớn. Nếu sống mà không có lòng tự tin con người trở nên nhỏ bé yếu đuối

Phê phán: Trong cuộc sống vẫn còn có nhiều người sống thiếu tự tin. Họ tỏ ra rụt rè, nhút nhát, lúng túng khi xuất hiện trước tập thể. Người thiếu tự tin ít khi hòa nhập cùng tập thể. Họ thường lựa chọn lối sống âm thầm, tách biệt với xung quanh. Họ ít dám đấu tranh vì lợi ích của bản thân hay tập thể. Bởi thế, họ thường là người thất bại trong cuộc sống. Những người như thế thật đáng chê trách.

15. Lễ phải: Là những điều được coi là đúng đắn, phù hợp với đạo lý và lợi ích chung của xã hội.

- Tôn trọng lễ phải là công nhận, ủng hộ, tuân theo và bảo vệ những điều đúng đắn, biết điều chỉnh hành vi của mình theo hướng tích cực, không chấp nhận và không làm những việc sai trái.

Ý nghĩa: Giúp mọi người có cách ứng xử phù hợp. Làm lành mạnh các mối quan hệ xã hội. Góp phần thúc đẩy xã hội ổn định và phát triển.

16. Liêm khiết: là một phẩm chất của con người thể hiện lối sống trong sạch, không hám danh lợi không bận tâm về những toan tính nhỏ nhen, ích kỉ.

Ý nghĩa: Sống liêm khiết sẽ làm cho con người thanh thản, nhận được sự quý trọng, tin cậy của mọi người, góp phần làm cho xã hội trong sạch, tốt đẹp hơn.

17. Gia đình: Là tế bào của XH, là nơi những con người cùng chung huyết thống cùng chung dòng tộc, sẽ là nhiều thành viên cùng sống dưới một mái nhà. Gia đình có thể gồm nhiều thế hệ sống chung với nhau. Đặc điểm chung của mỗi gđ là tinh thần ruột thịt thiêng liêng, là sự gắn bó che chở.

18. Lạc quan: Là một thái độ sống luôn vui tươi cho dù có bất cứ chuyện gì xảy ra, lạc quan là tài sản tinh thần giúp cho cuộc sống tốt đẹp hơn.

19. Lòng tự trọng: Là coi trọng danh dự, phẩm chất, nhân cách của bản thân

20. Dũng cảm: Là không sợ nguy hiểm, khó khăn. Người có lòng dũng cảm là người không run sợ, không hèn nhát, dám đứng lên đấu tranh chống lại cái xấu, cái ác, các thế lực tàn bạo để bảo vệ công lý, chính nghĩa. Là phẩm chất cao đẹp mà con người cần có.

21. Bệnh vô cảm: Là thái độ sống thờ ơ không quan tâm tới những người xung quanh mà không liên quan đến quyền lợi của mình.

22. Khát vọng sống: Là ước mơ là mong muốn là đích đến của con người> Đó là những gì tốt đẹp ở phía trước mà người ta khao khát hướng tới. Khát vọng sống chính là ngọn hải đăng soi sáng cho cuộc đời chúng ta.

23. Bản lĩnh: Chính là dám nghĩ dám làm những gì mà mình cho là đúng không ảnh hưởng đến người khác. Bản lĩnh cũng là sự gan dạ kiên cường vượt qua mọi thử thách để dành được những gì mà mình mong đợi.

24. Cống hiến: Là sự hi sinh của bản thân, không mang lợi ích cá nhân mà làm việc hết mình vì người khác vì tập thể vì cộng đồng.

25. Lòng tin hay tin tưởng: Là đặt niềm tin vào một người hay một sự vật sự việc nào đó.

26. Tình bạn: Là tình cảm của một người biết quan tâm, giúp đỡ, đồng cảm, một người mình có thể tin tưởng để chia sẻ những niềm vui, nỗi buồn

27. Tôn trọng người khác: Là sự đánh giá đúng mực, coi trọng danh dự, phẩm giá và lợi ích của người khác, thể hiện lối sống văn hóa của mỗi người.

28. Giữ chữ tín: Là coi trọng lòng tin của mọi người đối với mình, biết trọng lời hứa và biết tin tưởng.

29. Tự lập: Là một cách sống tự quyết định, tự hành động, tự lựa chọn cho mình một con đường trong tương lai để đi. Tự lập là hành động mà không dựa dẫm vào người khác.

30. Chí công vô tư: Là phẩm chất đạo đức của con người, thể hiện ở sự bằng không thiên vị, giải quyết công việc theo lẽ phải, xuất phát từ lợi ích chung và đặt lợi ích chung lên lợi ích cá nhân.

Ý nghĩa: Làm cho quan hệ xã hội thêm tốt đẹp, xã hội công bằng, dân chủ văn minh.. Được mọi người tin cậy và tôn trọng.

31. Tự chủ: Là làm chủ bản thân. Người biết tự chủ là người làm chủ được suy nghĩ, tình cảm, hành vi của mình trong mọi hoàn cảnh, điều kiện của cuộc sống.

32. Dân chủ: Là mọi người làm chủ công việc. Mọi người được viết được cùng tham gia. Mọi người góp ý kiến thực hiện kiểm tra giám sát những công việc chung của tập thể của XH có liên quan đến mọi người cộng đồng đất nước.

33. Hòa bình: Là tình trạng không có chiến tranh hay xung đột vũ trang; là mối quan hệ hiểu biết, tôn trọng, bình đẳng, hợp tác giữa các quốc gia- dân tộc, giữa con người với con người; là khát vọng của toàn nhân loại.

34. Lòng yêu nước: Là tình yêu quê hương, đất nước và tinh thần sẵn sàng đem hết khả năng của mình phục vụ cho lợi ích của tổ quốc. là tình cảm thiêng liêng cao cả mà mỗi người dành cho quê hương đất nước. Đó là truyền thống đạo đức cao quý và thiêng liêng của dân tộc ta.

35. Lòng vị tha: Là sự nhân ái cao thượng sự tha thứ cho người khác về những lỗi lầm mà người ấy mắc phải.

Ngày dạy : 03, 04 / 05 /2023

TIẾT 13, 14, 15 : CHUYÊN ĐỀ 4:

RÈN KỸ NĂNG LÀM BÀI NGHỊ LUẬN XÃ HỘI (Tiếp)

A. Mục tiêu

1. Kiến thức: Giúp học sinh nắm đ-ợc kiến thức về nghị luận xã hội
Hiểu rõ đ-ợc yêu cầu phân của dàn ý kiểu bài.
2. Kỹ năng: tạo lập văn bản nghị luận.
3. Phẩm chất: có ý thức chuẩn bị bài ở nhà, ý thức thực hành viết bài.

B. Chuẩn bị:

Thầy: Nghiên cứu soạn nội dung bài dạy.

Trò: Soạn bài học bài

C. Hoạt động dạy – học

PHẦN I: HỆ THỐNG KIẾN THỨC LÝ THUYẾT

I. Một số khái niệm về nghị luận xã hội

1. Nghị luận xã hội là gì?

- Là bàn bạc những vấn đề về xã hội, chính trị, đời sống.

2. Các dạng bài nghị luận xã hội:

- Nghị luận về tư tưởng đạo lí
- Nghị luận về hiện tượng xã hội

II. Hướng dẫn viết đoạn nghị luận xã hội

NLXH GẮN VỚI NGŨ LIỆU TRONG SGK

HK I

1, trang 12, bài Hạ Long – Đá và Nước: *Bảo vệ thiên nhiên là bảo vệ sự sống của con người*

Sự sáng tạo trong cuộc sống

2, trang 22, Người ăn xin: *Bài học ở câu chuyện*

3, trang 26, Trò chơi ngày xuân: *Ý nghĩa của sự sáng tạo trong cuộc sống*

4, trang 160, *Tha thứ sẽ đem lại cho con người niềm hạnh phúc trong cuộc sống*

Lòng biết ơn sẽ làm cho con người sống đẹp hơn

5, trang 40, Xung hô trong hội thoại: *Lòng biết ơn là khởi nguồn của mọi đức tính tốt đẹp khác.*

HK II

1, SGK trang 9, bài Trang phục: *Cách ăn mặc của giới trẻ hiện nay*

Quan niệm về sự giản dị

2, trang 11, bàn về bài Thu điếu: *tình yêu văn học trong học sinh hiện nay*

3, trang 20, Bệnh lề mề: *Tác phong của học sinh ngày nay*

4, trang 22, câu chuyện về Nguyễn Hiền: *Nghị lực vươn lên của con người trong cuộc sống*

Đức tính chăm chỉ

Tự học là một yếu tố quan trọng giúp ta thành công

5, trang 23, bài báo về học sinh Phạm Văn Nghĩa: *Lòng hiếu thảo*

Phương pháp học tập kết hợp giữa học và hành

Sự sáng tạo của tuổi trẻ

Tình yêu lao động trong cuộc sống

6, trang 35, Tri thức là sức mạnh: *Vai trò, giá trị của tri thức đối với mỗi con người*

Tri thức đối với thế hệ trẻ

Tri thức là hành trang của thế hệ trẻ tiến bước vào tương lai

Vai trò của tri thức đối với con người trong đời sống

7, trang 67, Thời gian là vàng: *Giá trị của thời gian*

Thời gian là vô giá

8, trang 61,62,63 nghị luận về tác phẩm Lặng lẽ Sa Pa: *Phong cách sống của thế hệ trẻ ngày nay*

Tình yêu của con người đối với cuộc sống

Sự cống hiến thầm lặng trong cuộc sống hôm nay

9, trang 64, Chiều sâu truyện ngắn Lão Hạc: *Lòng tự trọng* *Tình phụ tử*

Sự hi sinh thầm lặng trong cuộc sống

Giá trị nhân văn cao cả của mỗi con người

10, trang 77,78, Khát vọng hòa nhập dân hiến cho đời: *Sự cống hiến, tình yêu thương chia sẻ của mỗi con người*

Khát vọng hòa nhập và dâng hiến

11, Quê hương trong tình thương nỗi nhớ: *Tình yêu quê hương cội nguồn của mỗi con người*

12, trang 84,85, Nghị luận về tác phẩm Viếng lăng Bác: *Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*

PHẦN II (4 điểm) Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

Sự kì lạ của Hạ Long là vô tận. Tạo hóa đã biết dùng đúng chất liệu hay nhất cho cuộc sáng tạo của mình: Nước. Chính Nước làm cho Đá sống dậy, làm cho Đá vốn bất động và vô tri bỗng trở nên linh hoạt, có thể động đến vô tận, và có tri giác, có tâm hồn. [...] Hạ Long vậy đó, cho ta một bài học, sơ đẳng mà cao sâu: Trên thế gian này chẳng có gì là vô tri cả.

(Theo Nguyễn Ngọc, *Hạ Long – Đá và Nước*, NXB GDVN, 2019)

1, Chỉ ra phương thức biểu đạt chính của đoạn trích trên? Hãy giải thích tại sao các danh từ *Đá* và *Nước* lại được tác giả viết hoa? (1 điểm)

2, Theo em, *Hạ Long* cho ta bài học gì? (1 điểm)

3, Từ những hiểu biết xã hội của mình, em hãy trình bày suy nghĩ (khoảng 2/3 trang giấy) ý kiến: ***Bảo vệ thiên nhiên là bảo vệ sự sống của con người.*** (2 điểm)

Câu 3 2 điểm	Vấn đề cần bàn luận: Tầm quan trọng của việc bảo vệ thiên nhiên Nội dung: HS có thể diễn đạt khác nhau song cần đảm bảo nội dung chính sau: 1. Giải thích: Thiên nhiên là gì? Bảo vệ thiên nhiên là gì? (bảo vệ thiên nhiên là yêu mến, trân trọng thiên nhiên; ...) 2. Biểu hiện của việc bảo vệ thiên nhiên 3. Vai trò, tầm quan trọng của việc bảo vệ thiên nhiên...(lấy dẫn chứng để chứng minh) - bảo vệ thiên nhiên là bảo vệ sự sống của con người vì con người có quan hệ mật thiết với thiên nhiên; phải bảo vệ thiên nhiên vì thiên nhiên đem đến cho con người bao điều kì diệu, có giá trị về cả v/c (tài nguyên, nguồn nước, không khí...) và tinh thần (vẻ đẹp của những danh lam thắng cảnh...) 4. Bàn luận, mở rộng vấn đề: phê phán những người không có ý thức bảo vệ thiên nhiên... 5. Liên hệ rút ra bài học nhận thức và hành động cho bản thân Hiểu được tầm quan trọng của thiên nhiên với cuộc sống con người; biết chung tay bảo vệ và làm cho thiên nhiên ngày càng tươi đẹp - Hành động... => GV chấm linh hoạt theo cách trình bày của học sinh...Điểm thưởng cho những hs có lập luận chặt chẽ, thuyết phục, sáng tạo.
-----------------	--

PHẦN II (5,5 điểm) Đọc câu chuyện sau và trả lời câu hỏi:

NGƯỜI ĂN XIN

Một người ăn xin đã già. Đôi mắt ông đỏ hoe, nước mắt ông giàn giụa, đôi môi tái nhợt, áo quần tả tơi. Ông chìa tay xin tôi.

Tôi lục hết túi nọ, túi kia, không có lấy một xu, không có cả khăn tay, chẳng có gì hết. Ông vẫn đợi tôi. Tôi chẳng biết làm thế nào. Bàn tay tôi run run nắm chặt lấy bàn tay run rẩy của ông:

- Xin ông đừng giận cháu! Cháu không có gì cho ông cả.

Ông nhìn tôi chăm chăm, đôi môi nở nụ cười:

- Cháu ơi, cảm ơn cháu! Như vậy là cháu đã cho lão rồi.

Khi ấy tôi chợt hiểu ra: cả tôi nữa, tôi cũng vừa nhận được được một cái gì đó của ông.

(Theo Tuốc-ghê-nhép, SGK Ngữ văn 9, tập 1. NXB Giáo dục Việt Nam 2018)

1, Truyện được kể ở ngôi thứ mấy? Tác dụng của ngôi kể này? (1 điểm)

2, Người ăn xin và cậu bé đã tuân thủ phương châm hội thoại nào ? Sự tuân thủ đó thể hiện qua những từ ngữ nào? (1điểm)

3, Câu văn “ *Đôi mắt ông đỏ hoe, nước mắt ông giàn giụa, đôi môi tái nhợt, áo quần tả tơi.* ” sử dụng biện pháp tu từ nào? Nêu giá trị của biện pháp tu từ đó trong việc thể hiện nội dung? (1điểm)

4. Vì sao ông lão ăn xin ở câu chuyện trên vẫn nở một nụ cười ngay cả khi nhân vật tôi “ không có gì cho ông cả”? (1,5 điểm)

5. Cả người ăn xin và cậu bé đều cảm thấy mình đã nhận từ người kia một cái gì đó. Theo em *cái gì đó* mà mỗi người họ đã nhận được là gì? Em rút ra bài học gì qua câu chuyện trên? (1,5 điểm)

Câu 5 1,5đ	- Cả hai nhân vật đều thấy mình được nhận: + Ông lão: sự thông cảm và kính trọng qua hành động cố gắng lục tìm quà tặng và qua lời xin lỗi chân thực, qua cái nắm tay rất chặt của cậu bé. + Cậu bé: nhận của ông lão lòng biết ơn và nhất là sự đồng cảm: ông đã hiểu được tấm lòng chân thành của cậu bé. + Bài học rút ra: ., Sự quan tâm, lòng chân thành chính là món quà tinh thần quý giá nhất đối với những mảnh đời bất hạnh, nó vượt lên trên mọi giá trị vật chất khác... ., Phải biết yêu thương, chia sẻ, đồng cảm với hoàn cảnh, số phận của người khác, khi cho đi cũng là khi ta nhận lại...
-----------------------	---

PHẦN II (3.5 điểm) Đọc đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

Hai người bạn cùng đi qua sa mạc. Trong chuyến đi, giữa hai người có xảy ra một cuộc tranh luận, và một người nổi nóng không kiềm chế được mình nên đã nặng lời miệt thị người kia. Cảm thấy bị xúc phạm, anh không nói gì chỉ viết lên cát: “Hôm nay, người bạn tốt nhất của tôi đã làm khác đi những gì tôi nghĩ.”

Họ đi tiếp, tìm thấy một ốc đảo và quyết định đi bơi. Người bị miệt thị lúc này bị đuối sức và chìm dần xuống. Người bạn kia đã tìm cách cứu anh. Khi lên bờ, anh lấy một miếng kim loại khắc lên đá: “Hôm nay người bạn tốt nhất của tôi đã cứu sống tôi.”

(Trích *Lỗi lầm và sự biết ơn* – Ngữ văn 9, tập 1, NXB Giáo dục Tr.160)

1, Xác định lời dẫn và kiểu lời dẫn trong đoạn văn thứ nhất của phần trích trên. (0,5 điểm)

2, Khi cảm thấy bị xúc phạm, nhân vật *anh* đã có hành động gì? Qua đó, em hiểu được điều gì về nhân vật *anh*? (1 điểm)

3, Hãy bằng một văn bản nghị luận khoảng 2/3 trang giấy, trình bày suy nghĩ của em về ý kiến: *Tha thứ sẽ mang lại cho con người niềm hạnh phúc trong cuộc sống.* (2 điểm)

Câu 2 (2 đ)	* Hình thức: - Đủ dung lượng đoạn (2/3 đến 3/4 trang), đúng hình thức đoạn văn - Diễn đạt trôi chảy, trình bày sạch đẹp, không mắc lỗi chính tả * Nội dung : - <i>nêu vấn đề và khẳng định ý kiến đúng (0,25đ)</i> - <i>Giải thích</i> + <i>tha thứ là gì ? (bỏ qua, không trách cứ lỗi lầm của người khác)</i> + <i>nghĩa của câu : nhân mạnh giá trị của hành động tha thứ : đem tới</i>	0,25đ 0,25
------------------------	---	--------------------------

	niềm vui, niềm hạnh phúc cho cả người tha thứ và người nhận sự tha thứ	0,25
	- <i>Bàn luận : Tại sao tha thứ lại có thể đem đến niềm hạnh phúc cho mọi người ?</i>	
	- lý lẽ (0,25đ)	0,5
	+ Khi tha thứ, mọi tức giận, hận thù không còn nên con người thấy thanh thản	
	+ người nhận được sự tha thứ sẽ thấy được sự đồng cảm của người tha thứ, từ đó được cảm hóa mà sửa chữa lỗi lầm	0,25
	- dẫn chứng thể hiện việc tha thứ (khoan dung) được đề cao trong xã hội (0,25đ)	0,5
	- <i>Phê phán những con người hoặc hiện tượng thiếu lòng khoan dung</i>	
	- <i>Rút ra bài học nhận thức hành động (0,25đ)</i>	
	+ ý kiến giúp ta hiểu ý nghĩa của việc tha thứ	
	+ cần thể hiện lòng tha thứ (khoan dung) qua việc làm cụ thể...	
	- <i>liên hệ bản thân (0,25đ)</i>	

PHẦN II (4 điểm) Đọc câu chuyện sau và trả lời câu hỏi:

Chuyện kể , một danh tướng có lần đi ngang qua trường học cũ của mình, liền ghé vào thăm. Ông gặp lại người thầy từng dạy mình hồi nhỏ và kính cẩn thưa:

- Thưa thầy, thầy có còn nhớ con không? Con là ...

Người thầy giáo già hoảng hốt:

- Thưa ngài, ngài là ...

- Thưa thầy, với thầy, con vẫn là học trò cũ. Con có được những thành công hôm nay là nhờ sự giáo dục của thầy ngày nào...

(Ngữ văn 9, tập 1, NXB Giáo dục năm

2019)

1, Chỉ rõ những từ ngữ dùng để xưng hô trong câu chuyện trên. Cách xưng hô ấy giúp em hiểu gì về lối sống đẹp của các nhân vật trong câu chuyện. (0,5 điểm)

2, Kể tên một văn bản cũng nói về lòng biết ơn của con người đối với quá khứ dù cuộc sống đã có nhiều đổi thay, nêu tác giả của văn bản đó. (0,5 điểm)

3, Từ nội dung đoạn trích trên kết hợp với những hiểu biết xã hội, em hãy viết một văn bản nghị luận khoảng 2/3 trang giấy bày tỏ suy nghĩ về ý kiến cho rằng: Lòng biết ơn là khởi nguồn của mọi đức tính tốt đẹp khác. (2 điểm)

Câu 3 2 điểm	* HT: đúng đoạn văn ; dung lượng đủ * Nội dung: Lòng biết ơn là khởi nguồn của mọi đức tính tốt đẹp - Giải thích: Lòng biết ơn là gì? - Biểu hiện của lòng biết ơn (lấy dẫn chứng) - Vai trò ý nghĩa: Tại sao lòng biết ơn ... tốt đẹp? (dung lí lẽ và dẫn chứng để chứng minh) - Phản đề: phê phán những con người sống vô ơn... - Liên hệ bản thân...
-----------------	---

PHẦN II (3.5 điểm) Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

“...Được tiến hành trong những kì hội làng ngày xuân, thi nấu cơm lại cho thấy sự khéo léo, tháo vát của các chàng trai, cô gái. Tục thi này bắt nguồn từ quá trình chống chọi với thiên tai, dịch họa, vừa lao động, hành quân đánh giặc, vừa cõng nước gọng gang, do đó đòi hỏi mỗi người tính tự lực và óc sáng tạo. Có nhiều hình thức thi tài: thổi cơm bông con, thổi cơm trong lúc hành lễ, khênh kiệu chạy, thổi cơm trên thuyền. Với khoảng thời gian nhất định trong điều kiện không bình thường, người thi phải vo gạo, nhóm bếp, giữ lửa đến khi cơm chín ngon mà không bị cháy, khô. Sau đó, nôi cơm của các thí sinh được những bô lão có uy tín trong làng chấm điểm. Ở một số vùng còn hát đối đáp, giao duyên trong hội thi, tạo không khí náo nhiệt, vui vẻ...”

(Trích “Trò chơi ngày xuân”, *Ngữ văn 9*, tập 1, NXB Giáo dục năm 2019)

- 1, Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích trên.
- 2, Qua đoạn trích, em hiểu tục thi nấu cơm bắt nguồn từ đâu, và tục thi đó phát huy được những điểm mạnh nào của người tham gia?
- 3, Trò chơi ngày xuân đòi hỏi khả năng sáng tạo của người chơi. Từ nội dung đoạn trích trên kết hợp với những hiểu biết xã hội, em hãy viết một văn bản nghị luận khoảng 2/3 trang giấy bày tỏ suy nghĩ về vai trò, ý nghĩa của sự sáng tạo trong cuộc sống.

Câu 3 2 điểm	* HT: đúng đoạn văn ; dung lượng đủ * Nội dung: <i>Vai trò, ý nghĩa của sự sáng tạo trong cuộc sống</i> - Giải thích: Sáng tạo là gì? - Biểu hiện của sáng tạo (lấy dẫn chứng) - Vai trò ý nghĩa: Tại sao <i>sự sáng tạo có ý nghĩa lớn trong cuộc sống của con người?</i> (dung lí lẽ và dẫn chứng để chứng minh) - Phản đề: phê phán những con người sống thụ động, phụ thuộc, công thức... - Liên hệ bản thân...	0,5 1,5
-------------------------	---	--------------------

Phần II (3,5 điểm) Cho đoạn trích sau:

“Hai người bạn cùng đi qua sa mạc. Trong chuyến đi, giữa hai người có xảy ra một cuộc tranh luận, và một người nổi nóng không kiềm chế được mình nên đã nặng lời miệt thị người kia. Cảm thấy bị xúc phạm, anh không nói gì, chỉ viết lên cát: “Hôm nay người bạn tốt nhất của tôi đã làm khác đi những gì tôi nghĩ”.

Họ đi tiếp, tìm thấy một ốc đảo và quyết định đi bơi. Người bị miệt thị lúc này bị đuối sức và chìm dần xuống. Người bạn kia đã tìm cách cứu anh. Khi lên bờ, anh lấy một miếng kim loại khắc lên đá: “Hôm nay người bạn tốt nhất của tôi đã cứu sống tôi”.

(*Lỗi lầm và sự biết ơn*, *Ngữ Văn 9*, tập một, NXB Giáo dục, tr.160)

1. Xác định lời dẫn và kiểu lời dẫn trong đoạn văn thứ hai của phần trích trên.

2. Khi được người bạn cứu sống, nhân vật “anh” đã có hành động gì? Qua đó, em hiểu được điều gì về nhân vật “anh”?

3. Em hãy viết một đoạn văn nghị luận (khoảng 2/3 trang giấy thi) bàn về ý kiến: “*Lòng biết ơn làm con người sống đẹp hơn*”

Câu 2 (2 điểm)	* Hình thức: - Đủ dung lượng đoạn (2/3 đến $\frac{3}{4}$ trang), đúng hình thức đoạn văn - Diễn đạt trôi chảy, trình bày sạch đẹp, không mắc lỗi chính tả * Nội dung: - <i>Nêu vấn đề</i> -> <i>Khẳng định vấn đề đúng (0,25đ)</i> - <i>Giải thích</i> + khái niệm: biết ơn là gì ? (hiểu và ghi nhớ công ơn của người khác..) + Ý kiến khẳng định giá trị lớn lao của lòng biết ơn : lòng biết ơn khiến con người biết sống yêu thương, cảm thông, trách nhiệm... - <i>Bàn luận: Tại sao lòng biết ơn lại làm con người sống đẹp hơn?</i> ▪ lý lẽ (0,25đ) + khi có lòng biết ơn, con người sẽ làm những việc đúng đắn để đền đáp công ơn của người đã giúp đỡ mình + những người con có lòng biết ơn cha mẹ, những học trò biết ơn thầy cô cũng là những con người có trách nhiệm, tự giác học tập rèn luyện để trưởng thành * Dẫn chứng cho thấy lòng biết ơn luôn được đề cao (0,25đ) - <i>Phê phán những người thiếu lòng biết ơn (0,25đ)</i> - <i>Bài học nhận thức, hành động</i> : Lòng biết ơn là đạo lý làm người, cũng là một trong những phẩm chất để con người thành công Vì vậy cần rèn luyện đức tính này qua những hành động cụ thể (0,25đ) - Liên hệ bản thân. (0,25 điểm) Lưu ý : HS có thể trình bày ý kiến riêng nhưng lập luận phải có sức thuyết phục. Khuyến khích bài làm sáng tạo.
-------------------	--

Phần II. (3 điểm) Đọc đoạn văn sau đây và trả lời câu hỏi.

“Một người mà lúc nào cũng sợ thất bại, làm gì cũng sợ sai lầm là một người sợ hãi thực tế, trốn tránh thực tế và suốt đời không bao giờ có thể tự lập được. Bạn sợ sặc nước thì bạn không biết bơi; bạn sợ nói sai thì bạn không nói được ngoại ngữ! Một người mà không chịu mất gì thì sẽ không được gì. Sai lầm cũng có hai mặt. Tuy nó đem lại tổn thất nhưng nó cũng đem đến bài học cho đời...”

(Theo Hồng Diễm, Không sợ sai lầm- Sách giáo khoa Ngữ văn 7- tập II)

Câu 1: Nêu phương thức biểu đạt chính của đoạn văn?

Câu 2: Hai câu văn in đậm gợi cho con nghĩ tới câu tục ngữ nào?

Câu 3: Bằng một đoạn văn khoảng 2/3 trang giấy thi để làm rõ luận điểm sau: *Tuy thất bại đem lại tổn thất nhưng nó cũng đem đến bài học cho đời.*

PHẦN II (3 điểm) Đọc đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

Nguyễn Hiền nhà rất nghèo, phải xin làm chú tiểu trong chùa. Việc chính là quét lá và dọn dẹp vệ sinh. Nhưng cậu rất thông minh và ham học. Những buổi thầy giảng kinh, cậu đều nép bên cửa lắng nghe, rồi chỗ nào chưa hiểu, cậu hỏi thầy giảng thêm. Thấy Nguyễn Hiền thông minh, mau hiểu, thầy dạy cho cậu học chữ. Không có giấy, Nguyễn Hiền lấy lá để viết chữ rồi lấy que tre xâu thành từng xâu ghim xuống đất. Mỗi ghim là một bài.

Một hôm Nguyễn Hiền xin thầy cho đi thi. Thầy ngạc nhiên bảo:

- Con đã học tập được bao nhiêu mà dám thi thố với thiên hạ?
- Con xin thi thử xem sức học của mình đến đâu.

Năm ấy, Nguyễn Hiền đã đỗ Trạng Nguyên. Vua Trần cho Nguyễn Hiền còn nhỏ quá, mới 12 tuổi, nên không bổ dụng.

(Ngữ Văn 9, tập 2, NXB Giáo dục Việt Nam, 2019)

- 1, Xác định một phép liên kết được sử dụng trong hai câu văn in đậm trên. Chỉ rõ từ ngữ dùng làm phương tiện liên kết. (0,5 điểm)
- 2, Theo tác giả bài viết, Nguyễn Hiền có quá trình học tập như thế nào? (0,5 điểm)
- 3, Từ nội dung đoạn trích trên, hãy viết một đoạn văn nghị luận khoảng 2/3 trang giấy thi trình bày suy nghĩ về ý kiến: **Tự học là một yếu tố quan trọng giúp chúng ta thành công.** (2 điểm)

PHẦN II (3 điểm) Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

Tri thức đúng là sức mạnh. Người ta kể rằng, có một máy phát điện cỡ lớn của công ti Pho bị hỏng. Một hội đồng gồm nhiều kĩ sư họp ba tháng liền tìm không ra nguyên nhân. Người ra phải mời đến chuyên gia Xten-mét-tơ. Ông xem xét và làm cho máy hoạt động trở lại. Công ti phải trả cho ông 10.000 đô la. Nhiều người cho Xten-mét-tơ là tham lam, bắt bí để lấy tiền. Nhưng trong giấy biên nhận, Xten-mét-tơ ghi: “Tiền vạch một đường thẳng là 1 đô la. Tiền tìm ra chỗ để vạch đúng đường ấy giá 9.999 đô la. Rõ ràng, người có tri thức thâm hậu có thể làm được những việc mà nhiều người khác không làm nổi. Thử hỏi, nếu không biết cách chữa thì cỗ máy kia có thể thoát khỏi số phận trở thành phế liệu được không?”

1. Xác định phương thức biểu đạt của đoạn trích trên. (0,5 điểm)
2. Theo tác giả, việc Xten-mét-tơ đã xem xét và làm cho máy phát điện hoạt động trở lại nói lên điều gì? (0,5 điểm)
3. Từ nội dung đoạn trích kết hợp với hiểu biết xã hội, em hãy viết một đoạn văn khoảng 2/3 trang giấy thi nêu suy nghĩ của mình về vai trò của tri thức đối với con người trong cuộc sống. (2 điểm)

PHẦN II: (3 điểm) Đọc đoạn văn sau và thực hiện yêu cầu bên dưới:

“Trong cuộc chiến đầy cam go, hiểm nguy chống “giặc vô hình COVID-19”, thời gian qua đã có không ít những hy sinh thầm lặng, những câu chuyện cảm động như: Bộ đội dựng lán trại trong rừng để ở, nhường chỗ cho người cách ly; nữ y tá nọ vành khăn xô không thể về chịu tang mẹ. Có người lính trẻ tạm hoãn ngày cưới để tham gia trực chống dịch ở vùng biên giới; sinh viên trường y xung phong tham gia

kiểm soát và thực hiện việc cách ly cho người dân về nước tại các sân bay, cửa khẩu...

Đi đầu trong “cuộc chiến không tiếng súng” này là những “người lính áo trắng” - các y, bác sỹ, cán bộ, nhân viên y tế sẵn sàng bất kể ngày đêm, túc trực 24/24 giờ để ứng phó những tình huống khẩn cấp. Không chỉ thực hiện công việc chuyên môn chăm sóc, điều trị bệnh nhân và phòng chống dịch bệnh, bản thân các y, bác sỹ luôn phải tập trung cao độ, không để xảy ra sai sót, tránh lây nhiễm chéo. Họ cũng phải cách ly tuyệt đối với gia đình, người thân. Những “người chiến sỹ” ấy đã giúp đất nước viết nên một trang sử hào hùng trong “cuộc chiến thầm lặng”, cuộc chiến chống COVID -19”.

(Trích Đại dịch Covid 19 từ góc nhìn nhân đạo – Nguyễn Thị Xuân Thu)

Câu 1: Nêu phương thức biểu đạt chính của đoạn trích trên. (0,5 đ)

Câu 2: Biện pháp nghệ thuật nào được sử dụng chủ yếu ở đoạn một. Nêu ngắn gọn giá trị của biện pháp nghệ thuật đó. (0,5 đ)

Câu 3: Đại dịch Cô vid 19 đã lấy đi nhiều cơ hội phát triển của mỗi người. Tuy nhiên, chính trong những tháng ngày chống dịch căng thẳng thì tinh thần tự học của nhiều em học sinh trên cả nước lại được phát huy. Em hãy viết một đoạn văn nghị luận khoảng 2/3 trang giấy thi nêu suy nghĩ của em về tinh thần tự học của các bạn học sinh trong mùa dịch Cô vid 19. (2 đ)

Câu 3	Hình thức: + Đúng đoạn văn + Không ngắn quá hoặc viết vượt số câu + Sạch đẹp, ít sai lỗi chính tả..
	Nội dung: Mở đoạn: Dẫn dắt nêu được vấn đề nghị luận Thân đoạn: Giải thích : Tinh thần tự học. (Học: là quá trình tiếp thu tri thức, kĩ năng. Tự học: Tự mình lĩnh hội tri thức, là hành trình tiếp thu độc lập...) Biểu hiện: Tại sao mỗi người phải tự học nhất là trong giai đoạn dịch bệnh như hiện nay? + Tự học thu nhận được kiến thức bổ ích + Làm phong phú kho kiến thức của mình, là cách đánh giá nhân cách con người.. Chứng minh: + Xưa – nay, trong nước – ngoài nước, các lĩnh vực khác nhau (Doanh nhân, nông dân, công nhân....tự học?) Bàn luận mở rộng: + Nếu không tự học con người sẽ? (lạc hậu.. + Tự học không có nghĩa là không cần trường lớp thầy cô.. + Tự học cũng cần có phương pháp, có phương tiện có cơ sở tra cứu dữ liệu.. Bài học: + Nhận thức: Nhận ra ý nghĩa bài học to lớn của tinh thần tự học + Hành động: Tự học ở nhà, trong cuộc sống hay nhiều nguồn khác nhau.. Kết đoạn: Tinh thần tự học chính là lời khuyên để mỗi người thành công

Phần II (3 điểm): Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

"..Như những con chim kì diệu trong truyện cổ tích, sách ca hát về cuộc sống đa dạng và phong phú như thế nào, con người táo bạo như thế nào trong khát vọng đạt tới cái thiện và cái đẹp. Và càng đọc, trong lòng tôi càng tràn đầy tinh thần lành mạnh và hăng hái. Tôi trở nên điềm tĩnh hơn, tin ở mình hơn, làm việc hợp lí hơn và ngày càng không để ý đến vô số những chuyện bực bội trong cuộc sống.

Mỗi cuốn sách đều là một bậc thang nhỏ mà khi bước lên, tôi tách khỏi con thú để lên tới gần con người, tới gần quan niệm về cuộc sống tốt đẹp nhất và về sự thèm khát cuộc sống ấy."

(Mác-xim Go-rơ-ki, *Tôi đã học tập như thế nào*, Ngữ văn 8, tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam)

1. Chỉ rõ 2 phép liên kết câu trong đoạn trích trên?
2. Theo tác giả, việc đọc sách đã mang đến những thay đổi gì trong con người ông?
3. Bằng một đoạn văn có độ dài khoảng 2/3 trang giấy thi trình bày suy nghĩ của em về việc đọc sách của thanh thiếu niên hiện nay.

Phần 2 (4 điểm) Cho đoạn văn sau:

“Đọc sách là muốn trả món nợ đối với thành quả nhân loại trong quá khứ, là ôn lại kinh nghiệm, tư tưởng của nhân loại tích lũy mấy nghìn năm trong mấy chục năm ngắn ngủi, là một mình hưởng thụ các kiến thức, lời dạy mà biết bao người trong quá khứ đã khổ công tìm kiếm mới thu nhận được. Có được sự chuẩn bị như thế thì một con người mới có thể làm được cuộc trường chinh vạn dặm trên con đường học vấn, nhằm phát hiện thế giới mới.”

(“Bàn về đọc sách”, SGK Ngữ văn 9, tập 2, Trang 4)

1. Cho biết tác giả và xuất xứ của văn bản “**Bàn về đọc sách**”? (0,75 điểm)
2. Nội dung chính của đoạn văn trên là gì? (0,5 đ)
3. Tại sao tác giả lại ví đọc sách trước hết là trả món nợ sau mới là ôn lại và hưởng thụ các kiến thức các kinh nghiệm của quá khứ? (0,75 đ)
4. Dưới đây là những số liệu được đăng tải trên **Chinhphu.vn vào 08:30, 22/04/2019**

“Số liệu do Cục Xuất bản Việt Nam thống kê trong ba năm gần đây cho thấy, bình quân mỗi năm Việt Nam xuất bản khoảng 400 triệu bản sách. Điều đáng nói là trong số này có trên 300 triệu bản là sách giáo khoa, giáo trình phục vụ cho nhu cầu học tập, nghiên cứu, tham khảo kiến thức cho 2,2 triệu học sinh, sinh viên trên cả nước. Như vậy, chỉ còn khoảng 100 triệu bản sách chia trên 90 triệu dân. Điều này đồng nghĩa với việc mỗi năm một người Việt đọc chừng một quyển sách.

Chưa dừng lại ở đó, một khảo sát mới đây của báo Dân Trí nhắm vào đối tượng là giới trẻ cho thấy kết quả đáng quan ngại. 98% giới trẻ cho biết họ không hề đọc quyển sách nào trong tuần qua; 80% bạn trẻ không đụng đến sách suốt một năm qua và chỉ 12% bạn trẻ trong nhóm 20-30 tuổi cho biết bản thân có đọc sách, truyện khác ngoài sách chuyên môn”.

Hãy viết đoạn nghị luận xã hội khoảng 2/3 trang trình bày suy nghĩ của em về thực trạng văn hóa đọc được gợi ra từ chính những số liệu của bài báo trên đây. (2 điểm)

Phần II (3 điểm) . Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

“Trong thời đại hoàng kim của khoa học, trí tuệ con người chẳng có gì để tự hào vì đã phát minh ra một biện pháp, chỉ cần bấm nút một cái là đưa cả quá trình vĩ đại và tốn kém đó của hàng bao nhiêu triệu năm trở lại xuất phát điểm của nó...”.

(Ngữ Văn 9, tập 1, NXB giáo dục Việt Nam)

1. Đoạn văn trên nằm trong văn bản nào? Ai là tác giả? (0,5 điểm).
2. Em hiểu một biện pháp trong đoạn văn trên nghĩa là gì? (0,5 điểm)
3. Văn bản chứa đoạn văn trên đã khơi dậy trong lòng người đọc khát khao xây dựng một thế giới hòa bình bằng tình yêu thương và sự thấu hiểu. Hãy trình bày suy nghĩ của em về vấn đề này? (2 điểm)

Phần II (3 điểm) .

Thời gian là vàng

Ngạn ngữ có câu: Thời gian là vàng. Nhưng vàng thì mua được mà thời gian không mua được. Thế mới biết vàng có giá mà thời gian là vô giá.

Thật vậy, thời gian là sự sống. Bạn vào bệnh viện mà xem, người bệnh nặng nếu kịp thời chạy chữa thì sống, để chậm là chết.

Thời gian là thắng lợi. Bạn hỏi các anh bộ đội mà xem, trong chiến đấu, biết nắm thời cơ, đánh địch đúng lúc là thắng lợi, để mất thời cơ là thất bại.

Thời gian là tiền. Trong kinh doanh, sản xuất hàng hóa đúng lúc là có lãi, không đúng lúc là lỗ.

Thời gian là trí thức. Phải thường xuyên học tập thì mới giỏi. Học ngoại ngữ mà bữa đực, bữa cái, thiếu kiên trì, thì học mấy cũng không giỏi được.

Thế mới biết, nếu biết tận dụng thời gian thì làm được bao nhiêu điều cho bản thân và cho xã hội. Bỏ phí thời gian thì có hại và về sau hối tiếc cũng không kịp. (Theo Phương Liên, dẫn theo Ngữ văn 9, tập hai)

1. Văn bản trên sử dụng chủ yếu phương thức biểu đạt nào?
2. Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp điệp ngữ và điệp cấu trúc được sử dụng trong văn bản trên?
3. Qua văn bản trên và hiểu biết xã hội, em hãy viết đoạn văn khoảng 1 trang giấy thi trình bày suy nghĩ của mình về giá trị của thời gian đối với con người đặc biệt là các bạn trẻ ngày nay.

Phần II (3 điểm) .

LỖI LÀM VÀ SỰ BIẾT ƠN

Hai người bạn cùng đi qua sa mạc. Trong chuyến đi, giữa hai người có xảy ra một cuộc tranh luận, và một người nổi nóng, không kiềm chế được mình đã nặng lời miệt thị người kia. Cảm thấy bị xúc phạm, nhưng anh không nói gì, chỉ viết lên cát: “Hôm nay người bạn tốt nhất của tôi đã làm khác đi những gì tôi nghĩ”.

Họ đi tiếp, tìm thấy một ốc đảo, và quyết định đi bơi. Người bị miệt thị lúc này bây giờ bị sa lầy và lún dần xuống, và người bạn kia đã tìm cách cứu anh, Thoát khỏi vũng lầy, anh lấy một miếng kim loại khắc lên đá: “Hôm nay người bạn tốt nhất của tôi đã cứu sống tôi”.

Người kia hỏi: “Tại sao khi tôi xúc phạm anh, anh viết lên cát, còn bây giờ anh lại khắc lên đá?”.

Anh ta trả lời: “Những điều viết lên cát sẽ mau chóng xóa nhòa theo thời gian, nhưng không ai có thể xóa được những điều tốt đẹp được ghi tạc trên đá, trong lòng người”.

Vậy mỗi chúng ta hãy học cách viết những nỗi đau buồn, thù hận lên cát và khắc ghi những ân nghĩa lên đá. (Theo Hạt giống tâm hồn)

Câu 1 (0,5đ). Bài học em rút ra được từ câu chuyện trên là gì?

Câu 1 (0,5đ). Tìm và chỉ rõ một câu văn có sử dụng lời dẫn trực tiếp?

Câu 3 (2,0đ). Từ văn bản trên, hãy viết đoạn văn khoảng hai phần ba trang giấy thi trình bày suy nghĩ của em về “Cách viết những đau buồn, thù hận lên cát và khắc ghi những ân nghĩa lên đá”.

Phần II (3,5 điểm) Đọc đoạn trích sau và thực hiện yêu cầu bên dưới:

Giáo dục tức là giải phóng. Nó mở ra cánh cửa dẫn đến hòa bình, công bằng và công lí. Những người nắm giữ chìa khóa của cánh cửa này - các thầy giáo, các bậc cha mẹ, đặc biệt là những người mẹ - gánh một trách nhiệm vô cùng quan trọng, bởi vì cái thế giới mà chúng ta để lại cho các thế hệ mai sau sẽ tùy thuộc vào những trẻ em mà chúng ta để lại cho thế giới ấy.

(Trích Ngữ văn 8, tập 1, trang 133, NXB Giáo dục, 2016)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích.

Câu 2. Gọi tên và ghi lại một thành phần biệt lập được sử dụng trong đoạn trích.

Câu 3. Hãy viết một đoạn văn khoảng 2/3 trang giấy thi để trả lời câu hỏi: Phải chăng tự học luôn có vai trò quan trọng, đặc biệt trong bối cảnh hiện nay?

Câu 3.

*Đoạn văn nghị luận xã hội: (2,0 đ)

- Nội dung:

+ Thế nào là tự học?

+ Vai trò của tự học?

+ Vì sao trong giai đoạn hiện nay, tự học càng trở nên quan trọng ?

+ Liên hệ của bản thân.

- Hình thức: là một đoạn văn, có sự kết hợp các phương thức biểu đạt, diễn đạt sinh động, độ dài theo qui định...

Phần II (3 điểm): Đọc đoạn trích sau và thực hiện yêu cầu nêu bên dưới:

“Tri thức có sức mạnh to lớn như thế nhưng đáng tiếc là còn không ít người chưa biết quý trọng tri thức. Họ coi mục đích của việc học chỉ là có mảnh bằng mong sau này tìm việc kiếm ăn hoặc thăng quan tiến chức. Họ không biết rằng, muốn biến nước ta trở thành một quốc gia giàu mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh, sánh vai cùng với các nước trong khu vực và thế giới cần phải có biết bao nhiêu nhà trí thức tài năng trên mọi lĩnh vực!”.

(Ngữ văn 9, tập 2)

1/ Tìm và chỉ ra hai phép liên kết trong đoạn văn trên. (0,5điểm)

2/ Theo tác giả, trong xã hội hiện nay có không ít người coi mục đích của việc học là chỉ để “Có mảnh bằng mong sau này tìm việc kiếm ăn hoặc thăng quan tiến chức”. Theo em quan điểm này đúng hay sai? Vì sao ? (0,5 điểm)

3/ Từ nội dung đoạn văn trên, em hãy viết một văn bản nghị luận (khoảng 1 trang giấy thi) bàn về mục đích chân chính của việc học. (2 điểm)

Câu 3 (2,0 điểm)	* Về hình thức: +Viết đúng kiểu bài nghị luận xã hội. +Đảm bảo hình thức của một văn bản nghị luận với bố cục 3 phần (nếu không đảm bảo yêu cầu trừ 0,25 điểm) +Đảm bảo dung lượng (khoảng một trang giấy thi. Nếu quá dài hoặc quá ngắn trừ 0,25 điểm)) +Luận điểm rõ ràng, lập luận chặt chẽ, dẫn chứng cụ thể. *Về nội dung: -MB: Dẫn dắt và nêu vấn đề cần nghị luận: Mục đích chân chính của việc học. - TB: Đảm bảo những ý cơ bản sau: +Giải thích khái niệm: Học là gì? Học là quá trình tìm hiểu để tiếp thu và tích lũy tri thức trong mọi lĩnh vực của đời sống. +Mục đích chân chính của việc học đó là: Học để trở thành người có tri thức, có đạo đức, góp phần làm hưng thịnh đất nước điều đó cũng có nghĩa là: Học để biết, học để làm, học để cùng chung sống và học để tự khẳng định. -Học để biết: Có nghĩa là học sẽ giúp chúng ta tiếp thu và tích lũy tri thức trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Mở mang hiểu biết (Dẫn chứng) -Học để làm: Trên cơ sở những tri thức tiếp thu được trong quá trình học tập chúng ta vận dụng để thực hành giải quyết những công việc trong thực tế cuộc sống (Dẫn chứng) - Học để cùng chung sống: Nghĩa là học để có vốn sống, tri thức, có đạo đức để bắt nhịp với cuộc sống đang xoay vần chuyển nhịp từng ngày. Biết cách ứng xử với những người xung quanh, với cộng đồng phù hợp với chuẩn mực đạo đức chung của xã hội. Nếu không học bạn sẽ trở thành
-----------------------------	--

	kẻ lạc hậu (Dẫn chứng) -Học để khẳng định mình: Khi có tri thức, đạo đức bạn sẽ đóng góp công sức của mình góp phần xây dựng đất nước, khẳng định vị trí của mình trong xã hội. -Ý nghĩa: Việc xác định đúng mục đích của việc học có ý nghĩa vô cùng quan trọng giúp chúng ta có động lực đúng đắn hoàn thiện bản thân trở thành người có ích trong xã hội. -Tuy nhiên trong xã hội hiện nay vẫn còn những người chưa xác định được mục đích chân chính của việc học; Với họ học chỉ để có mảnh bằng để tìm việc kiếm ăn hay để thăng quan tiến chức hoặc để khoe mẽ... Cách học ấy thể hiện nhân cách tầm thường thấp kém, lối sống ích kỷ thực dụng gây tổn hại cho chính bản thân người học và cho xã hội. (dẫn chứng) -Liên hệ và rút ra bài học về nhận thức và hành động cho bản thân. KB: Khẳng định lại ý nghĩa của vấn đề nghị luận. <i>(Học sinh có thể diễn đạt bằng nhiều cách khác nhau nhưng đảm bảo được ý cơ bản vẫn cho điểm)</i>
--	--

Phần I (4,0 điểm): Đọc đoạn trích sau và thực hiện yêu cầu bên dưới:

Sự kì lạ của Hạ Long là vô tận. Tạo hóa đã biết dùng đúng chất liệu hay nhất cho cuộc sáng tạo của mình: Nước. Chính Nước làm cho Đá sống dậy, làm cho Đá vốn bất động và vô tri bỗng trở nên linh hoạt, có thể động đến vô tận, và có tri giác, có tâm hồn.

Nước tạo nên sự di chuyển. Và di chuyển theo mọi cách. Có thể mặc cho con thuyền của ta mỏng như lá tre tự nó bập bênh lên xuống theo con triều; có thể thả trôi theo chiều gió, theo các dòng chảy quanh co phức tạp giữa các đảo; cũng có thể thông thả khua khẽ mái chèo mà lướt đi, trượt nhẹ và êm trên sóng; có thể nhanh tay hơn một chút để tạo một cảm giác xê dịch thanh thoát; có thể bơi nhanh hơn bằng thuyền buồm, nhanh hơn nữa bằng thuyền máy, cũng như bay trên các ngọn sóng lượn vun vút giữa các đảo trên cao tốc; có thể thả sức phóng nhanh hàng giờ, hàng buổi, hàng ngày khắp các trận đồ bát quái Đá trộn với Nước này; mà cũng có thể, như một người bộ hành tùy hứng, lúc đi lúc dừng, lúc nhanh lúc chậm, lúc tiến lúc lùi, thẳng tắp hay quanh co, lao ra những quãng trống hay len lỏi qua các khe hẹp giữa các đảo đá... Và cái thập loại chúng sinh Đá chen chúc khắp vịnh Hạ Long kia, già đi, trẻ lại, trang nghiêm hơn hay bỗng nhiên nhí nhảnh, tinh nghịch hơn, buồn hơn hay vui hơn,... hoá thân không ngừng là tùy theo góc độ và tốc độ di chuyển của ta trên mặt nước quanh chúng, hoặc độ xa gần và hướng ta tiến đến chúng hoặc rời xa chúng; còn tùy theo cả hướng ánh sáng rọi vào chúng, hoặc đột nhiên khiến cho mái đầu một nhân vật Đá trẻ trung ta chừng đã quen lắm bỗng bạc xóa lên, và rõ ràng trước mắt ta là một bậc tiên ông không còn có tuổi. Ánh sáng hắt lên từ mặt nước lung linh chảy khiến những con người bằng đá vây quanh ta trên mặt vịnh càng lung linh, xao động như đang đi lại, đang tụ lại cùng nhau, hay đang tỏa ra. Hoặc cũng rất có thể, khi đêm đã xuống, dưới ánh sao chỉ chút trên bầu trời

và chỉ chút xao động cả mặt nước bí ẩn nữa, sẽ có cuộc tụ họp của cả thế giới người bằng đá sống động đó, biết đâu!...

(Nguyễn Ngọc, Hạ Long – Đá và Nước, theo sách Ngữ văn 9, tập 1, NXB Giáo dục)

Câu 1 (0,5 điểm) Đoạn trích trên thuyết minh về vấn đề gì?

Câu 2 (0,75 điểm) Ghi lại một hình ảnh nhân hóa trong đoạn trích trên và nêu tác dụng.

Câu 3 (0,75 điểm) Theo em, vì sao tác giả khẳng định: “Sự kì lạ của Hạ Long là vô tận”?

Câu 4 (2,0 điểm) Từ đoạn trích trên, em hãy trình bày một đoạn văn khoảng 2/3 trang giấy thi về sự sáng tạo trong cuộc sống.

	* Hình thức: Đảm bảo dung lượng 2/3 trang giấy thi, diễn đạt lưu loát, đảm bảo cấu trúc,...
4	* Nội dung đảm bảo các ý: - Hiểu: Sáng tạo chính là khả năng tạo ra những điều mới, hiệu quả và tiên tiến hơn những gì đã có - Ý nghĩa: tạo nên sự phát triển bản thân và xã hội,... - Biểu hiện: + Người mang trong mình khả năng sáng tạo luôn không ngừng nỗ lực, tìm tòi để cải tiến phương thức lao động hay tạo nên những tác phẩm nghệ thuật độc đáo, giàu giá trị (dẫn chứng) + Phê phán những kẻ thụ động, lười suy nghĩ, thích hưởng thụ, họ đang dần trở thành gánh nặng cho xã hội. - Bài học: cần nghiêm túc học tập và làm việc, đánh thức khả năng sáng tạo bằng những suy nghĩ, hành động cụ thể....
	* Lưu ý: GV cần linh hoạt khi chấm và khuyến khích hs có sự sáng tạo và thuyết phục trong diễn đạt nhưng vẫn đảm bảo ý của nội dung triển khai

PHẦN II. (3,0 điểm)

TỰ HÀO CÓ MỘT TỔ QUỐC ĐỨNG SAU LƯNG! ❤️🇻🇳

Trong bối cảnh dịch Covid-19 tăng mạnh ở Ấn Độ, Chính phủ Việt Nam đã tổ chức 6 chuyến bay, đưa gần 1.000 người Việt về nước và chỉ còn khoảng 100 người ở lại, sẽ tiếp tục được sắp xếp đưa về trong thời gian tới.

Dù việc Chính phủ có mặt kịp thời, đưa công dân Việt trong hoàn cảnh khó khăn ở mọi nơi trên thế giới về nước không phải là vấn đề mới, nhưng nó để lại cho chúng ta thật sự nhiều cảm xúc. Sau bao biến cố từ chiến tranh đến dịch bệnh, chúng ta chưa bỏ rơi một đồng bào nào cả, dù họ là người vượt biên trái phép gặp tai họa nơi xứ người hay là đồng bào nhiễm bệnh ở quốc gia khác. Người Việt gặp khó khăn, hoạn nạn ở đâu đều vẫn luôn có một Tổ quốc bao dung sau lưng, một dân tộc đầy lòng nhân ái đón nhận. Đó là một thể chế thống nhất, một nền y tế cộng đồng và một mục tiêu tối thượng là bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ nhân dân.

Những khi gặp khó khăn, chúng ta mới thực nhớ rằng thực phẩm, nước uống, thuốc men, điều kiện chăm sóc y tế mới là quan trọng chứ không phải là những thứ xa xỉ mà chúng ta vẫn cho rằng giá trị. Và có một thứ giá trị hơn tất cả: đó là nghĩa đồng bào, là một **TỔ QUỐC luôn đứng sau lưng tất cả công dân của mình.**

Nam)

1. Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích trên.
2. Theo em, việc Chính phủ có mặt kịp thời đưa công dân Việt trong hoàn cảnh khó khăn ở mọi nơi trên thế giới, đặc biệt là khi dịch Covid-19 đang hoành hành ở Ấn Độ về nước đã để lại cho em cảm xúc gì về Tổ quốc Việt Nam? Vì sao?
3. Từ đoạn trích trên kết hợp với hiểu biết xã hội, hãy viết đoạn văn nghị luận khoảng 2/3 trang giấy thi trình bày suy nghĩ của em về ý thức trách nhiệm của mỗi công dân với Tổ quốc, đặc biệt là trong đại dịch Covid-19 hiện nay.

* Hình thức: Đảm bảo dung lượng, có trình tự mạch lạc, lập luận chặt chẽ, xác định đúng vấn đề NL...	0,5
* Nội dung: - Giải thích khái niệm: Ý thức trách nhiệm là thái độ nghiêm túc, hết mình của một người đối với công việc được giao - Khẳng định: Thế hệ trẻ ngày nay đã có ý thức trách nhiệm cao đối với TQ đặc biệt là trong đại dịch covid-19. - Lấy dẫn chứng trong đại dịch + Đội ngũ bác sĩ, nhân viên y tế...sẵn sàng vào tâm dịch để “chống giặc”, phát hiện, chăm sóc, chữa bệnh cho các bệnh nhân mắc co-vid. + Các chiến sĩ bộ đội, công an sẵn sàng canh giữ biên giới, hạn chế những người nhập cư trái phép mang mầm bệnh về nước, bảo vệ các khu cách ly, phong tỏa để vi rút không lây lan trong cộng đồng. + Các nhà KH sử dụng tri thức nghiên cứu các test xét nghiệm, vac-xin... + Toàn dân thực hiện nghiêm túc các khuyến cáo của chính phủ và Bộ y tế trong phòng chống dịch bệnh, thực hiện thông điệp 5K, ủng hộ về vật chất và tinh thần cho tuyến đầu chống dịch và đồng bào gặp khó khăn do dịch bệnh... ... - Mở rộng, phản đề: Phê phán thói ích kỉ, vụ lợi cá nhân, vô cảm; sống thiếu trách nhiệm với cộng đồng để lây lan dịch bệnh... - Liên hệ bản thân: * <u>Chú ý:</u> Học sinh có thể có những ý khác nhưng phải hợp lý; Cần kết hợp trình bày các ý với một/một vài dẫn chứng phù hợp.	1.5

- * HDVN : - Tiếp tục viết đoạn văn
- Chuẩn bị truyện trung đại

Ngày Soạn : / 05 /2023

CHUYÊN ĐỀ 5: PHẦN VĂN HỌC TRUNG ĐẠI

I. Mục tiêu cần đạt.

1. Kiến thức:

- Hs nắm đ- ọc tác giả, tác phẩm, cảm nhận đ- ọc những nội dung của các tác phẩm văn học trung đại Việt Nam
- 2. Kỹ năng: Hs có kỹ năng cảm nhận truyện trung đại, có kỹ năng phân tích nhân vật.
- 3. Thái độ: Hs có thái độ trân trọng ngợi ca yêu thích môn học. ng- ời phụ nữ, thông cảm với những nỗi đau mà họ phải gánh chịu, đồng thời có thái độ phê phán, tố cáo những bất công trong xã hội pk x- a.

II. Chuẩn bị :

Thầy : Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án

Trò : Đọc kỹ tác phẩm, nội dung văn bản trung đại .

III. Tiến trình lên lớp.

1. ổn định tổ chức:
2. Kiểm tra.bài cũ:
3. Bài mới:

Ngày dạy : / 05 /2023

TIẾT 16, 17,18 :

ÔN LUYỆN VĂN BẢN : CHUYỆN NGƯỜI CON GAI NAM XƯƠNG

A. Kiến thức cơ bản:

I. Tác giả:

- Chưa rõ năm sinh, năm mất, sống vào khoảng đầu thế kỉ 16, mở đầu cho chặng đường lịch sử tối đen của nước ta thời Phong kiến.
- Ông là học trò của Nguyễn Bình Khiêm, đỗ hương cống, làm quan được một năm thì về ẩn cư ở vùng Thanh Hóa.

II. Tác phẩm:

1. Hoàn cảnh sáng tác:

- Tác phẩm ra đời vào thế kỉ XVI. Đây là thời kì triều đình nhà Lê đã bắt đầu khủng hoảng, các tập đoàn phong kiến Lê – Trịnh – Mạc tranh giành quyền lực, gây ra cuộc nội chiến kéo dài, làm đời sống nhân dân vô cùng khổ cực, cũng như gây ra bi kịch cho biết bao gia đình.

2. Chủ đề:

Bi kịch Vũ Nương là lời tố cáo XHPK nam quyền, bày tỏ niềm cảm thông của tác giả với số phận bi thảm của người phụ nữ trong XHPK.

3. Thể loại: Truyền kì mạn lục: ghi chép tản mạn những câu chuyện kì lạ được lưu truyền trong dân gian

B. Các câu hỏi và bài tập ôn Đ/C:

Câu 1 (Tr56)

a) Giải thích nhan đề: Truyền kỳ mạn lục:

Truyền kỳ: Tên một thể loại văn học mang tính truyền miệng trong dân gian, thể loại truyền kỳ (thuật ngữ văn học rất quan trọng)

Mạn: tản mạn

Lục: ghi chép

=> Truyền kỳ mạn lục: Ghi chép về những truyện truyền kỳ của dân gian.

Nhưng không chỉ là ghi chép mà nhiều nhà nghiên cứu khẳng định đây là một trong những tập truyện ngắn đầu tiên của VN.

b) Thể hiện phẩm chất cao đẹp:

- Trọng ân nghĩa, sống thủy chung.
- Gắn bó sâu nặng với gia đình, với cuộc đời trần thế.
- Bao dung, vị tha.

c) Tại sao Vũ Nương lại không trở về trần thế:

- Vũ Nương nói sẽ trở về khi Trương lập đàn giải oan vì nàng khao khát được phục hồi danh dự, mong được chồng chiêu tuyết cho nỗi oan khuất của mình.
- Nhưng cuối cùng nàng lại không trở về vì nàng chẳng còn gì để trở về. Đàn giải oan chỉ là một chút an ủi cho người bạc phận chứ không thể làm sống lại tình xưa. Sự dứt áo ra đi của Vũ Nương biểu hiện thái độ phủ định cõi trần thế với cái xã hội bất công đương thời, cái xã hội mà ở đó người phụ nữ không thể có hạnh phúc.

d) Đáp án cho đúng: 4.

Câu 2 (Tr56) Tóm tắt nội dung tác phẩm: Chuyện bằng đoạn văn 15 câu:

Vũ Thị Thiết quê ở Nam Xương là người con gái thủy mị nét na, xinh đẹp được Trương Sinh cưới về làm vợ. Trương Sinh là con nhà khá giả, ít học lại có tính đa nghi. Cuộc sống gia đình đang êm ấm thì chàng Trương phải đi lính. Ở nhà, ít lâu sau, Vũ Nương sinh con trai và đặt tên là Đản. Bà mẹ Trương Sinh vì nhớ con mà sinh bệnh, Vũ Nương hết lòng chăm sóc, thuốc thang nhưng bà không qua khỏi. Năm sau, Trương Sinh trở về, bé Đản không chịu nhận chàng là cha mà một mực nói cha Đản buổi tối mới đến. Trương Sinh nghi ngờ vợ, mắng nhiếc, đuổi Vũ Nương đi. Vũ Nương oan ức nên gieo

mình xuống sông Hoàng Giang tự vẫn. Một đêm dưới ngọn đèn dầu, bé Đản chỉ bóng Trương Sinh bảo đó là cha. Trương Sinh tỉnh ngộ, thần nổi oan của vợ nhưng chuyện đã quá muộn. Vũ Nương trầm mình nhưng được các nàng tiên dưới thủy cung cứu sống, nàng ở trong cung điện của Linh Phi. Một lần Linh Phi mở tiệc khoản đãi Phan Lang (người cùng làng với Vũ Nương, là ân nhân của Linh Phi bị chết đuối được Linh Phi cứu sống), trong bữa tiệc, tình cờ Phan Lang nhận ra Vũ Nương. Vũ Nương bày tỏ nỗi oan khuất và nàng nhờ họ Phan gửi cho chồng chiếc thoa vàng làm tin, mong chồng lập đàn giải oan cho mình. Trương Sinh tin lời, lập đàn giải oan cho vợ, Vũ Nương hiện lên giữa dòng sông trong khung cảnh lộng lẫy, rực rỡ cờ hoa. Nhưng nàng chỉ hiện lên trong chốc lát, nói với chồng mấy lời từ biệt “*Xin đa tạ tình chàng, thiếp chẳng thể trở về nhân gian được nữa*” rồi biến mất.

Câu 3 (Tr56)

Các yếu tố kì ảo trong truyện:

- Phan Lang nằm mộng rồi thả rùa.
- Phan Lang gặp nạn, lạc vào động rùa, gặp Linh Phi, được cứu giúp, gặp lại Vũ Nương, được sử giả của Linh Phi rẽ đường nước đưa về dương thế.
- Vũ Nương hiện về trong lễ giải oan trên bến Hoàng Giang giữa lưng linh huyền ảo rồi từ từ biến mất đi.

-> Các yếu tố kì ảo được đưa xen kẽ với yếu tố thực có tác dụng:

- + Làm thể hiện vẻ đẹp của Vũ Nương: nặng tình, nặng nghĩa, quan tâm đến chồng con, bao dung, vị tha.
- + Tạo lên một kết thúc phần nào có hậu cho câu chuyện.
- + Thể hiện ước mơ và lẽ công bằng ở đời của nhân dân ta.
- + Làm nổi bật giá trị hiện thực và nhân đạo của tác phẩm.

Câu 1(Tr60)

“*Chuyện người con gái Nam Xương*” của Nguyễn Dữ đã xây dựng thành công hình ảnh “**cái bóng**”. Đây là chi tiết vừa tạo ra mâu thuẫn, xung đột cho truyện (thắt nút) vừa đóng vai trò giải quyết những mâu thuẫn (mở nút), bên cạnh ý nghĩa đó thì đây còn là một chi tiết NT được cài đặt đầy dụng ý. Hình ảnh *cái bóng* tưởng như vô tình, ngẫu nhiên nhưng thực ra là một chi tiết quan trọng của câu chuyện. Cái bóng xuất hiện với Vũ Nương là cách để nàng dỗ dành con, mong muốn bù đắp tình cảm của người cha luôn thiếu vắng trong lòng bé Đản. Đó cũng là cách để người vợ thủy chung ấy ngời ngoai đi nỗi nhớ chồng. Cái bóng sang với bé Đản thì trở thành người thật – một người đàn ông bí ẩn, hàng đêm đến với mẹ, người cha chưa bao giờ bế bé Đản. Và khi đến tai TS lần thứ nhất thì cái bóng trở thành người đàn ông gian díu với vợ mình, là bằng chứng không thể chối cãi về sự hư hỏng của vợ...để rồi dẫn đến một kết cục đau lòng. Cũng chính cái bóng ấy khi xuất hiện lần thứ hai – cái bóng của chính chàng Trương đã mở mắt cho chàng về sự thật độc ác do chính chàng gây ra. Cái bóng cũng giải tỏa nỗi oan của VN dù tất cả đã quá muộn. Như vậy “*cái bóng*” là chi tiết quan trọng góp phần thể hiện nội dung chủ đề của tác phẩm.

Câu 2 (Tr 60)

* Khi nói: *Truyện kết thúc có hậu, thể hiện được ước mong của con người về sự công bằng trong cuộc đời*, bởi vì người nói đã thấy được giá trị nhân đạo, nhân văn của tác phẩm: người tốt dù có gặp bao nhiêu oan khuất, cuối cùng cũng sẽ được

minh oan, được trả lại thanh danh và phẩm giá. Cách kết đó mang dáng dấp một kết thúc có hậu của truyện cổ tích.

* Khi nhận xét: *Tính bi kịch của truyện vẫn tiềm ẩn ở ngay trong cái kết lung linh kì ảo*, bởi ý kiến đó xuất phát từ việc nắm bắt giá trị hiện thực của tác phẩm: tuy nhân vật Vũ Nương vẫn được miêu tả với kiếp sống ở chốn thủy cung và sự trở về lung linh kì ảo để thể hiện ước mơ của con người về sự công bằng trong cuộc đời, nhưng tính bi kịch cũng tiềm ẩn ngay từ cái kết này bởi sự trở về và ước mơ hạnh phúc của Vũ Nương mang màu sắc ảo ảnh, hư vô, con người chỉ biết tìm đến cho mình hạnh phúc ở một thế giới không hiện hữu.

-> Hai ý kiến trên tưởng chừng là mâu thuẫn, đối lập nhưng thực chất là bổ sung, soi sáng trong việc khám phá dụng ý nghệ thuật của nhà văn Nguyễn Dữ, nó được xem là hai mặt của một vấn đề.

- Mở rộng và nâng cao vấn đề :

+ Mỗi ý kiến trên đều xuất phát từ một góc nhìn, cách khám phá và tiếp cận ở phần kết của tác phẩm

+ Từ hai ý kiến trên, người đọc sẽ thấy được tài năng nghệ thuật của Nguyễn Dữ trong việc “dồn nén tư tưởng và cảm xúc” ở một cái kết độc đáo.

Kết thúc "chuyện người con gái Nam Xương" của Nguyễn Dữ là một chi tiết kì ảo mang nhiều ý nghĩa. Nếu chuyện chỉ dừng lại ở chi tiết Vũ Nương nhảy xuống bến hoàng giang thì câu chuyện nghiêng về nghệ thuật của thể truyền kì. Ngoài ra chi tiết kì ảo cuối truyện còn đưa con người đến 1 quan niệm nhân sinh sâu sắc. Vũ Nương ăn ở hiền lành nên không chết, nàng được Linh Phi cứu về và sống ở thủy cung . Rồi nàng trở về thắp thoáng giữa dòng nước nói vọng vào "đa tạ tình chàng nhưng thiếp chẳng trở về nhân gian được nữa". Người ăn ở hiền lành sẽ được thần tiên giúp đỡ, chỉ có điều câu chuyện vẫn mang tính bi kịch. Vũ Nương chết, vợ xa chồng, con thơ mất mẹ, gia đình tan vỡ. Vũ Nương dù nhớ quê, nhớ con và tha thứ cho chồng nhưng tại sao nàng không thể trở về? Phải chăng người chết thì không thể trở về? Vũ Nương không chết nhưng nàng không thể trở về sum họp cùng ra đình vì vậy chi tiết kết thúc truyện chỉ làm giảm phần nào bi kịch cho câu chuyện. Văn bản thể hiện rõ tinh thần nhân đạo cao cả của nhà văn đối với số phận bất hạnh của người phụ nữ trong xã hội phong kiến . Chi tiết cuối chuyện cũng nhằm an ủi những con người hiền lành lương thiện "ở hiền gặp lành".

Câu 5 (Tr 61)

Gợi ý:

1. Mở Bài:

- Nhấn mạnh về số phận bất hạnh của người phụ nữ việt nam xưa.

- Giới thiệu hai tác phẩm Chuyện Người con gái nam xương - Nguyễn Dữ và Truyện Kiều - ND).

2. Thân bài:

+ Số phận bi kịch của người phụ nữ xưa:

- Vũ Nương: đau khổ, bất hạnh, oan khuất tài hoa bạc mệnh . Hồng nhan đa truân. (Không được sum họp vợ chồng hạnh phúc, một mình nuôi mẹ già, dạy trẻ, bị chồng nghi oan, phải tìm đến cái chết, vĩnh viễn không thể đoàn tụ với gia đình chồng con...

- Số phận Thuý Kiều: Bị kịch tình yêu, mối tình đầu tan vỡ, phải bán mình chuộc cha, thanh lâu hai lượt thanh y hai lần (Hai lần tự tử, hai lần đi tu, hai lần phải vào lầu xanh, hai lần làm con ớ) quyền sống và quyền hạnh phúc bị cướp đoạt nhiều lần...).

+ Cảm thương xót xa cho cuộc đời của những người phụ nữ xưa. Cảm giận xã hội phong kiến bất công tàn bạo đã trả đũa lên nhân phẩm cuộc đời họ...

- Vẻ đẹp, nhân phẩm của họ:

+ Tài sắc vẹn toàn:

- Chung thủy son sắt (Vũ Thị Thiết)

- Tài sắc hiếu thảo nhân hậu, bao dung khát vọng tự do công lý và chính nghĩa (Thuý Kiều).

3. Kết bài:

- Nêu cảm nhận bản thân. (Xót xa thương cảm) .

- Bày tỏ thái độ không đồng tình, lên án chế độ xã hội phong kiến bất công vô nhân đạo xưa).

- Khẳng định sự ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa hôm nay...

* HDVN : - Tiếp tục viết đoạn văn

- Chuẩn bị : ôn lại vb : Hoàng Lê nhất thống chí

Ngày dạy : / 05 /2023

TIẾT 19, 20, 21 :

ÔN LUYỆN VĂN BẢN : - HOÀNG LÊ NHẤT THỐNG CHÍ

(Ngô gia văn Phái)

- CÁC ĐOẠN TRÍCH TRUYỆN KIỀU

A. TÓM TẮT KIẾN THỨC CƠ BẢN:

1. Tác giả:

Ngô gia văn Phái là một nhóm tác giả thuộc dòng họ Ngô Thì ở làng Tả Thanh Oai nay thuộc huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Tây. Trong đó hai tác giả chính là Ngô Thì Chí, Ngô Thì Du làm quan thời Lê Chiêu Thống...

2. Tác phẩm:

a/ Nội dung: phản ánh vẻ đẹp hào hùng của người anh hùng dân tộc Nguyễn Huệ trong chiến công đại phá quân Thanh. Sự thảm bại của quân tướng nhà Thanh và bè lũ bán nước Vua tôi nhà Lê.

b/ Nghệ thuật:

- Lối văn trần thuật kết hợp miêu tả chân thực, sinh động. Thể loại tiểu thuyết viết theo lối chương hồi. Tất cả các sự kiện lịch sử trên đều được miêu tả một cách cụ thể, sinh động.

- Tác phẩm được viết bằng văn xuôi chữ Hán, có quy mô lớn đạt được những thành công xuất sắc về mặt nghệ thuật, đặc biệt trong những lĩnh vực tiểu thuyết lịch sử.

c/ Chủ đề: Phản ánh chân thực vẻ đẹp của người anh hùng dân tộc Nguyễn Huệ với lòng yêu nước, quả cảm, tài trí, nhân cách cao đẹp. Sự hèn nhát, thần phục ngoại bang một cách nhục nhã của quân tướng nhà Thanh và vua tôi nhà Lê.

B. CÂU HỎI ĐỀ CƯƠNG:

Câu 4 (Tr 57)

a) Đoạn văn trên là lời của nhân vật vua Quang Trung (trong đoạn trích hồi thứ 14, tác phẩm Hoàng Lê nhất thống chí - Ngô gia văn phái)

b) Vua Quang Trung nói với các tướng lĩnh (Ngô Thì Nhậm, Ngô Văn Sở...) ở Tam Điệp, trên đường đưa đại quân ra Bắc đánh đuổi quan xâm lược nhà Thanh.

-> Những lời nói đó thể hiện phẩm chất cao đẹp của vua Quang Trung: Lòng quả cảm, trí tuệ sắc sảo, tự tin, quyết đoán, tầm nhìn xa, rộng, suy nghĩ sâu sắc và đặc biệt là tư tưởng nhân nghĩa.

Câu 5 (Tr 58)

Nội dung lời phủ dụ của vua Quang Trung với binh sĩ:

- Khẳng định chủ quyền của dân tộc ta: lên án, tố cáo hành động xâm lăng phi nghĩa và dã tâm cướp nước của quân Thanh.

- Nhắc lại truyền thống chống giặc ngoại xâm của dân tộc ta.

- Kêu gọi quân sĩ đồng tâm hiệp lực chống lại kẻ thù, bảo vệ đất nước.

- Đề ra kỉ luật nghiêm minh

-> Lời kêu gọi thấu tình đạt lý, khích lệ nghiêm khắc có tác động chấn chỉnh đội ngũ, củng cố sức mạnh của đạo quân

*** Đề tham khảo:**

Phân tích ngắn gọn hình tượng người anh hùng Nguyễn Huệ ở hồi 14 trong tác phẩm Hoàng Lê nhất thống chí

*** Gợi ý**

a. Mở bài:

- Giới thiệu khái quát về tác giả và hoàn cảnh ra đời tác phẩm.

- Giới thiệu chung về hình tượng người anh hùng Nguyễn Huệ ở hồi 14.

b. Thân bài:

- Con người hành động mạnh mẽ, quyết đoán.

+ Nghe tin giặc chiếm thành Thăng Long, Quang Trung định thân chinh cầm quân đi ngay.

+ Chỉ trong vòng hơn một tháng lên ngôi Hoàng đế, đốc xuất đại binh ra Bắc gặp gỡ người Cống Sỹ ở huyện La Sơn, tuyển mộ quân lính và mở cuộc duyệt binh lớn ở Nghệ An, phủ dụ tướng sỹ, định kế hoạch hành quân, đánh giặc và cả kế hoạch đối phó với nhà Thanh sau chiến thắng.

- Trí tuệ sáng suốt, nhạy bén.

+ Sáng suốt trong việc phân tích tình hình thời cuộc và thế tương quan chiến lược giữa ta và địch.

+ Sáng suốt, nhạy bén trong việc xét đoán và dùng người thể hiện qua cách xử trí với các tướng sỹ ở Tam Điệp ...

- Ý chí quyết chiến, quyết thắng và tầm nhìn xa trông rộng.

- Tài dùng binh như thần.
- + Cuộc hành quân thần tốc của vua Quang Trung làm cho giặc phải kinh ngạc...
- + Vừa hành quân vừa đánh giặc
- Hình ảnh lâm liệt trong chiến trận.
- + Vua Quang Trung thân chinh cầm quân
- + Đội quân không phải là lính thiện chiến, lại trải qua cuộc hành quân cấp tốc, không có thời gian nghỉ ngơi mà dưới sự lãnh đạo tài tình của Quang Trung trận nào cũng thắng lớn...

c. Kết bài:

- Khẳng định lòng yêu nước, tài trí, mưu lược của người anh hùng Nguyễn Huệ

C. LUYỆN VIẾT ĐOẠN VĂN :

Bài 1: *Viết một đoạn văn ngắn tóm tắt hồi 14: Đánh Ngọc Hồi quân Thanh bị thua trận. Bỏ Thăng Long, Chiêu Thống trốn ra ngoài (trích Hoàng Lê nhất thống chí) của Ngô Gia Văn Phái.*

* Gợi ý:

a/ Mở đoạn: Giới thiệu khái quát tác giả, tác phẩm và vị trí đoạn trích.

b/ Thân đoạn:

- Nhận được tin cấp báo quân Thanh chiếm được thành Thăng Long, Nguyễn Huệ lên ngôi Hoàng đế và thân chinh cầm quân đi dẹp giặc.
- Cuộc hành quân thần tốc và chiến thắng lẫy lừng của vua Quang Trung.
- Sự đại bại của quân tướng nhà Thanh và tình trạng thảm hại của vua tôi Lê Chiêu Thống.

c. Kết đoạn:

- Hình tượng người anh hùng Nguyễn Huệ với lòng yêu nước quả cảm tài chí và sự thất bại thảm hại của quân tướng nhà Thanh và vua tôi nhà Lê

Bài 2: *Viết một đoạn văn ngắn giới thiệu về tác giả và hoàn cảnh ra đời của tác phẩm Hoàng Lê nhất thống chí.*

a. Mở đoạn:

- Giới thiệu khái quát về tác giả, tác phẩm.

b. Thân đoạn:

- Giới thiệu nhóm tác giả Ngô Thì với hai tác giả chính là Ngô Thì Chí và Ngô Thì Du.
- Giới thiệu hoàn cảnh ra đời của tác phẩm Hoàng Lê nhất thống chí.

c. Kết đoạn:

- Khẳng định giá trị và nội dung nghệ thuật của tác phẩm.

Bài 3: Phân tích ngắn gọn hình tượng người anh hùng Nguyễn Huệ ở hồi 14 trong tác

phẩm Hoàng Lê nhất thống chí

** Gợi ý*

a. Mở bài:

- Giới thiệu khái quát về tác giả và hoàn cảnh ra đời tác phẩm.
- Giới thiệu chung về hình tượng người anh hùng Nguyễn Huệ ở hồi 14.

b. Thân bài:

- *Con người hành động mạnh mẽ, quyết đoán.*
- + Nghe tin giặc chiếm thành Thăng Long, Quang Trung định thân chinh cầm quân đi ngay.
- + Chỉ trong vòng hơn một tháng lên ngôi Hoàng đế, đốc xuất đại binh ra Bắc gặp gỡ người Công Sỹ ở huyện La Sơn, tuyển mộ quân lính và mở cuộc duyệt binh lớn ở Nghệ An, phủ dụ tướng sỹ, định kế hoạch hành quân, đánh giặc và cả kế hoạch đối phó với nhà Thanh sau chiến thắng.
- *Trí tuệ sáng suốt, nhạy bén.*
- + Sáng suốt trong việc phân tích tình hình thời cuộc và thể tương quan chiến lược giữa ta và địch.
- + Sáng suốt, nhạy bén trong việc xét đoán và dùng người thể hiện qua cách xử trí với các tướng sỹ ở Tam Điệp ...
- *Ý chí quyết chiến, quyết thắng và tầm nhìn xa trông rộng.*
- *Tài dùng binh như thần.*
- + Cuộc hành quân thần tốc của vua Quang Trung làm cho giặc phải kinh ngạc...
- + Vừa hành quân vừa đánh giặc
- *Hình ảnh lâm liệt trong chiến trận.*
- + Vua Quang Trung thân chinh cầm quân...
- + Đội quân không phải là lính thiện chiến, lại trải qua cuộc hành quân cấp tốc, không có thời gian nghỉ ngơi mà dưới sự lãnh đạo tài tình của Quang Trung trận nào cũng thắng lớn...

c. Kết bài:

- Khẳng định lòng yêu nước, tài trí, mưu lược của người anh hùng Nguyễn Huệ.
- Bài 4: Cảm nhận của em về sự thất bại của quân tướng nhà Thanh và số phận thảm hại của bọn vua tôi phản nước hại dân.*

** Dàn bài:*

a. Mở bài:

- Giới thiệu khái quát về tác giả, tác phẩm và vị trí đoạn trích.

b. Thân bài:

- Sự thất bại của quân tướng nhà Thanh:
- + Tôn Sĩ Nghị là một tên tướng bất tài, kiêu căng, tự mãn, chủ quan khinh địch.
- + Không đề phòng, suốt ngày chỉ lo vui chơi, yến tiệc.
- + Khi quân Tây Sơn tấn công thì sợ mất mật, quân tướng ai nấy đều rụng rời sợ hãi xin hàng, ai nấy đều rụng rời sợ hãi hoảng hồn tan tác.
- Số phận thảm hại của bọn vua tôi phản nước hại dân:
- + Đem vận mệnh của cả dân tộc đặt vào tay kẻ thù xâm lược nên đã phải chịu đựng nỗi sỉ nhục của kẻ di cầu cạnh van xin, không còn tư cách của một quân vương.
- + Chịu chung số phận bi thảm của kẻ vong quốc.

- + Tình cảnh của vua tôi nhà Lê trên đường tháo chạy.
- + Suy nghĩ của bản thân.
- c. Kết bài:
 - Khẳng định giá trị nội dung, nghệ thuật của tác phẩm.

BÀI 3 : TRUYỆN KIỀU (Nguyễn Du)

CÂU HỎI ĐỀ CƯƠNG:

Câu 6 (Tr58)

Viết bài văn ngắn giới thiệu truyện kiều của Nguyễn Du.

- Nguồn gốc : Nguyễn Du sáng tác TK đã dựa vào cốt truyện từ một tác phẩm văn học Trung Quốc “ Kim vân kiều truyện” của tác giả Thanh Tâm Tài Nhân.
- Tác phẩm kể về cuộc đời của TK qua ba giai đoạn.(Gặp gỡ và đính ước; Gia biến và lưu lạc; Đoàn tụ)

TK là một người phụ nữ tài sắc vẹn toàn con gái đầu lòng của một gia đình trung lưu lương thiện. Trong buổi du xuân TK gặp KT, hai người đã chủ động tự do đính ước với nhau. Trong lúc KT về quê chịu tang chú, gia đình Kiều gặp nạn. Kiều bán mình chuộc cha. Kiều bị rơi vào chốn lầu xanh. Kiều được Thúc Sinh chuộc khỏi lầu xanh, bị vợ cả của TS là Hoạn Thư ghen tuông, đày đoạ. Kiều đành phải trốn đến nương nhờ của phật. Sư Giác Duyên vô tình gửi nàng cha Bạc Bà - kẻ lừa người như Tú Bà. Kiều rơi vào Lầu xanh lần 2. Kiều gặp từ Hải và kết duyên với TH, TH đã giúp Kiều báo ân, báo oán. Do mắc lừa HT Hiến, TH bị giết, Kiều phải hầu đàn, hầu rượu cho hắn, rồi bị ép gả cho Viên Thổ Quan. Đau đớn tủi nhục Kiều trẫm mình xuống sông, được sư Giác Duyên cứu, Kiều nương nhờ của phật lần 2.. Chịu tang chú xong, KT trở lại tìm Kiều, hay tin, KT đau đớn vô cùng. Tuy kết duyên với TV nhưng KT vẫn không thể quên mối tình đầu. Chàng quyết đi tìm Kiều, gặp lại Kiều, nối lại duyên xưa nhưng cả hai cùng nguyện ước “ Duyên đôi lứa cũng là duyên bạn bầy”.

- Giá trị ND và NT:

+ Nội dung: - Giá trị hiện thực: (Phản ánh bộ mặt tàn bạo của tầng lớp thống trị và thế lực hắc ám chà đạp lên quyền sống của con người; Phơi bày nỗi khổ đau của những con người bị áp bức, đặc biệt là người phụ nữ)

- Giá trị nhân đạo: Bộc lộ niềm thương cảm sâu sắc trước những khổ đau của con người; (Tố cáo thế lực tàn bạo chà đạp lên quyền sống của những con người lương thiện khiến họ phải điêu đứng, khổ sở; trân trọng đề cao vẻ đẹp, ước mơ và khát vọng chân chính của con người.)

+ Nghệ thuật: - Truyện được coi là đỉnh cao NT của NĐ

- Về ngôn ngữ: Tiếng Việt trong truyện Kiều không chỉ có chức năng biểu cảm mà còn có chức năng thẩm mỹ.

- Khắc họa nhân vật qua phương thức tự sự, MT chỉ bằng vài nét chấm phá, bút pháp ước lệ và tả thực.

-> Truyện Kiều không những có vị trí quan trọng trong lịch sử văn học nước nhà mà còn có vai trò đặc biệt trong đời sống tâm hồn dân tộc.

Câu 7 (Tr58)

a) Điểm giống và khác nhau giữa NT tả cảnh và tả cảnh ngụ tình?

* Giống nhau:

- Đều lấy TN làm đối tượng miệt tả.
- Người viết đều cần có sự qua sát, có trí tưởng tượng, liên tưởng phong phú.
- MĐ giúp người đọc thấy được cảnh TN hiện lên một cách sống động.

* Khác nhau:

- Tả cảnh: TN làm đối tượng chính -> MĐ gợi lên trong lòng mình hoặc bạn đọc một bức tranh phong cảnh TN cụ thể.
- Tả cảnh ngụ tình: Sử dụng TN làm phương tiện để khám phá, khắc họa thế giới nội tâm nhân vật...

b) Chéo đoạn thơ tả cảnh ngụ tình:

- 6 câu cuối đoạn trích “ Cảnh ngầu xuân”
“ Tà tàbắc ngang”
- 8 câu cuối trong đoạn trích “ Kiều ở lầu ngưng bích”
“ Buồn trông.....ngề ngồi”

Câu 8 (Tr58)

a) Em hiểu thế nào là bút pháp ước lệ?

- Sử dụng những tín hiệu thẩm mỹ đã thành quy ước chung của cộng đồng văn chương như: (dùng vẻ đẹp của thiên nhiên để gợi tả vẻ đẹp của con người: Hoa ngọc, trăng, mây, tuyết)
- Lối miêu tả thiên về gợi, chủ yếu tác động đến trí tưởng tượng của người đọc.

b) Hai câu miêu tả TV: “Vân xem....nở nang”

Hai câu tả TK: “ Làn thu thủy.....kém xanh”

Câu 9 (Tr58)

a) Bốn câu thơ trên thuộc trích trong “ Kiều ở Lầu Ngưng Bích” -TK của Ndu.

Đoạn trích đó nằm ở phần II của tác phẩm: “ Gia biến và lưu lạc”

b) - ... “ người tựa cửa hôm mai” được nói đến trong đoạn trích là cha mẹ cuat TK.

- Những suy nghĩ thể hiện vẻ đẹp của Kiều: Lòng hiếu thảo, đức hi sinh.

(Trong tình cảnh cô đơn, bơ vơ của mình khi bị giam lỏng ở lầu Ngưng Bích nhưng lúc nào Kiều cũng nghĩ về cha mẹ, thương cho cha mẹ ngày đêm ngóng tin con; đau xót vì không được sớm hôm chăm sóc cha mẹ lúc tuổi già. Những tình cảm đó cho thấy Kiều luôn gắn bó sâu nặng với gai đình; thủy chung, vị tha trong tình yêu.

Câu 3 (Tr 60)

a) Đoạn thơ trên được trích trong từ văn bản “ Kiều ở lầu Ngưng Bích” TK - NĐu

b) Đoạn thơ trên tác giả sử dụng biện pháp điệp từ “ Buồn trông”

-> Để diễn tả tâm trạng đau buồn triền miên, chông chênh của TK. Nỗi buồn trong lòng người đã nhuốm vào cảnh vật.

c) Viết đoạn văn phân tích NT miệt tả nội tâm nhân vật (khoảng 1 trang giấy).

H/S nêu được các ý sau:

- Giới thiệu ngắn gọn vị trí, chủ đề khái quát đoạn trích.
- Trong đoạn trích trên tác giả đã sử dụng bút pháp tả cảnh ngụ tình để khám phá thế giới nội tâm của nhân vật.

+ Tất cả các cặp câu lục bát đều được mở đầu bằng điệp từ “ Buồn trông” để diễn tả tâm trạng đau buồn triền miên, chông chênh của TK. Nỗi buồn trong lòng người đã nhuốm vào cảnh vật. Nhìn về phía nào, cũng chỉ thấy không gian sóng nước mênh mông, rợn ngợp: cửa bể chiều hôm, ngọn nước mới sa...

+ Trên nền không gian ấy, thấp thoáng con thuyền cô lẻ, cánh ychao nhỏ nhoi, lênh đênh, trôi dạt sẽ không biết sẽ không biết đi đâu, về đâu...ngoài trở về mặt đất cũng chỉ thấy “ nội cỏ rầu rầu” ảm đạm, thê lương và nhìn đến hút tầm mắt cũng không thấy gì ngoài những màu cây lá trải ra vô tận. Khung cảnh thiên nhiên phản chiếu cảm giác cô đơn, rợn ngợp trước một thế giới xa lạ, mênh mông, trống vắng.

+ Đặc biệt hình ảnh thiên nhiên hiên dũ dội “ gió cuốn mặt duềnh” và âm thanh của tiếng sóng “ kêu quanh ghế ngồi” đã diễn tả nỗi lo âu, kinh sợ trước những sóng gió của cuộc đời. Đây là dự cảm của TK về những biến cố đau đớn, kinh hoàng sắp ập tới...Cảnh sắc thiên nhiên đã được “ tâm trọng hóa” một cách cao độ.

- Bức tranh TN được miêu tả từ xa đến gần, màu sắc từ nhạt đến đậm, âm thanh từ tĩnh đến động...qua đó, nhà thơ thể hiện được thế giới nội tâm của nhân vật với nhiều cung bậc, sắc thái cảm xúc, với diễn biến chân thực, hợp lí:từ cảm giác cô đơn, lạc lõng đến những lo âu, hãi hùng; từ nỗi nhớ người yêu đến niềm thương xót cha mẹ...

Câu 5 (Tr 61)

Suy nghĩ về thân phận người phụ nữ qua: Chuyện người con gái Nam Xương, TK.

1. Mở Bài:

- Nhấn mạnh về số phận bất hạnh của người phụ nữ việt nam xưa.
- Giới thiệu hai tác phẩm Chuyện Người con gái nam xương- Nguyễn Dữ và Truyện Kiều-ND).

2. Thân bài:

+ Số phận bi kịch của người phụ nữ xưa:

- Vũ Nương: đau khổ, bất hạnh, oan khuất tài hoa bạc mệnh . Hồng nhan đa truân. (Không được sum họp vợ chồng hạnh phúc, một mình nuôi mẹ già, dạy trẻ, bị chồng nghi oan, phải tìm đến cái chết, vĩnh viễn không thể đoàn tụ với gia đình chồng con...

- Số phận Thuý Kiều: Bị kịch tình yêu, mối tình đầu tan vỡ, phải bán mình chuộc cha, thanh lâu hai lượt thanh y hai lần (Hai lần tự tử, hai lần đi tu, hai lần phải vào lầu xanh, hai lần làm con ở) quyền sống và quyền hạnh phúc bị cướp đoạt nhiều lần...).

+ Cảm thương xót xa cho cuộc đời của những người phụ nữ xưa. Cảm giận xã hội phong kiến bất công tàn bạo đã trả đũa lên nhân phẩm cuộc đời họ...

- Vẻ đẹp, nhân phẩm của họ:

+ Tài sắc vẹn toàn:

- Chung thủy son sắt (Vũ Thị Thiết)

- Tài sắc hiếu thảo nhân hậu, bao dung khát vọng tự do công lý và chính nghĩa (Thuý Kiều).

3. Kết bài:

- Nêu cảm nhận bản thân. (Xót xa thương cảm) .

- Bày tỏ thái độ không đồng tình, lên án chế độ xã hội phong kiến bất công vô nhân đạo xưa).

- Khẳng định sự ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa hôm nay...

Câu 14 (Tr 68)

Đoạn trích Chị em Thuy Kiều rất tiêu biểu cho NT tả người của NDU.

a) Chép 8 dòng thơ tả TK, TV:

“ Vân xem trang trọng khác vời

.....

Hoa ghen thua thắm liễu hờn kém xanh”

b) Vì sao tác giả lại chọn MT TV trước TK?

Tác giả miêu tả TV trước là một dụng ý của tác giả, sử dụng NT đòn bẩy (MT vẽ đẹp của Vân để làm nổi bật vẻ đẹp của Kiều). So với Vân, cả về mặt tài lẫn sắc Kiều đều trội hơn. Từ ngữ “ càng” làm ta thấy rõ nét đặc biệt về nhan sắc và tài hoa của nàng Kiều. NT đòn bẩy đã được ND sử dụng một cách tài tình, khéo léo: dùng Vân làm nền, làm chuẩn mực để làm trội hơn vẻ đẹp của Kiều. TK có một vẻ đẹp thật tuyệt diệu: sắc sảo về trí tuệ, mặn mà về nhan sắc, một vẻ đẹp hoàn hảo cố sức lôi cuốn mạnh mẽ cho mọi người.

c) Hai hình ảnh ẩn dụ được sử dụng trong đoạn thơ:

- Khuôn trăng, nét ngài.

- Làn thu thủy, nét xuân sơn.

d) Viết đoạn văn theo lối lập luận quy nạp (12 -> 15 câu) phân tích NT miệt tả ngoại hình nhân vật của Nguyễn Du trong đoạn thơ trên.

* Đoạn văn:

Đoạn thơ trên được trích từ văn bản “ Chị em Thúy Kiều” của Nguyễn Du.(1) Với cách miêu tả phong phú đa dạng cùng sử dụng bút pháp ước lệ - lấy vẻ đẹp của thiên nhiên làm nổi bật vẻ đẹp của con người.(2) Nhưng ở mỗi nhân vật nhà thơ lại chọn cách tả khác nhau.(3) Khi miêu tả chân dung của TV nhà thơ tập trung miệt tả ác chi tiết trên khuôn mặt bằng bút pháp ước lệ và phép liệt kê: “ khuôn trăng”, “ nét ngài”, “ hoa cười”, “ ngọc thốt”, cách miệt tả thiên về nhan sắc.(4) Chỉ bằng vài nét chấm phá mà TV hiện lên xinh đẹp, thùy mị, đoan trang, phúc hậu và khiêm nhường.(5) Miêu tả Kiều nhà văn sử dụng bút pháp ước lệ và thiên về gợi, tập trung vào một vài chi tiết giàu sức gợi cảm như đôi mắt, nét mày.(6) Đôi mắt của Kiều trong đẹp như làn nước hồ thu, nét lông mày thanh tú mỏng mảnh như núi mùa xuân “ Làn thu thủy, nét xuân sơn”.(7) Gợi tả đôi mắt thôi mà Kiều hiện lên với một vẻ đẹp kiều diễm - vẻ đẹp của một tuyệt thế giai nhân.(8) Đặc tả vẻ đẹp của Kiều nhà thơ không chỉ tập trung làm nổi bật vẻ của sắc và tài mà còn thiên về miêu tả chiều sâu tâm hồn.(9) Tài của Kiều rất phong phú, đa dạng: cầm kì, thi họa, tất cả đều đạt mức lí tưởng.(10) Hơn nữa Kiều còn có trái tim đa sầu, đa cảm, đã sáng tác cả bản nhạc bạc mệnh làm nao lòng người.(11) Cái tài trong NT tả người của Ndu là miêu tả ngoại hình nhân vật mà hiện lên cả vẻ đẹp tính cách, số phận.(12) Vẻ đẹp đoan trang phúc hậu của TV khiến mây thu, tuyết nhường gợi sự liên tưởng và dự cảm về cuộc đời bình yên suôn sẻ đến với nàng.(13) Còn vẻ đẹp sắc sảo, mặn mà khiến hoa ghen, liễu hờn của TK gợi sự liên tưởng về số phận nhiều sóng gió.(14) Chỉ với tám câu thơ lục bát đã cho ta thấy Nguyễn Du là cây bút tài hoa về miêu tả ngoại hình nhân vật.(15)

Câu 15 (Tr 68) Đây là câu văn mở đầu đoạn văn nghị luận trong bài làm của 1 học sinh: *Với TK không những NĐu chỉ gọi tả vẻ đẹp hình thức mà nhà thơ còn nhấn mạnh vẻ đẹp tài năng, tâm hồn.*

Hãy cho biết:

- a) Đoạn văn trước viết về vẻ đẹp hình thức của Kiều. Đoạn văn chứa câu đó có đề tài là: Vẻ đẹp tài năng, tâm hồn của Kiều.
- b) Lấy câu văn trên làm câu chủ đề, viết đoạn văn diễn dịch (khoảng 12 câu) chỉ ra ba phép liên kết có sử dụng trong đoạn văn.

* Đoạn Văn:

Với TK không những NĐu chỉ gọi tả vẻ đẹp hình thức mà nhà thơ còn nhấn mạnh vẻ đẹp tài năng, tâm hồn của nàng.(1) Về tài năng Thúy Kiều được coi là người thông minh bẩm sinh “ vốn sẵn tính trời”.(2) Nàng có tài: tài làm thơ, tài vẽ đặc biệt là âm nhạc.(3) Không những nàng giỏi nhạc, sáng tác khúc bạc mệnh mà còn giỏi chơi đàn Hồ Cầm.(4) Tài năng của Kiều đạt đến mức thành thạo như nhà nghề ăn đứt thiên hạ: “ sắc đành đòi một, tài đành họa hai”.(5) Như vậy về tài kiều có nhiều tài và tài nào cũng đạt đến mức độ cao.(6) Không chỉ vậy, Kiều còn là người giàu tình cảm, tâm hồn đa sầu, đa cảm.(7) Nàng sáng tác “ khúc bạc mệnh” làm cho ai nghe cũng thấy cảm động, xót xa.(8) Kiều không chỉ đẹp hình thức mà còn đẹp cả tài năng và tâm hồn, đó là vẻ đẹp sắc sảo mặn mà.(9) Kiều sắc sảo ở tài năng, mặn mà ở tâm hồn.(10) Nhưng vẻ đẹp sắc sảo mà

Câu 15 (Tr 68) Đây là câu văn mở đầu đoạn văn nghị luận trong bài làm của 1 học sinh: *Với TK không những NĐu chỉ gọi tả vẻ đẹp hình thức mà nhà thơ còn nhấn mạnh vẻ đẹp tài năng, tâm hồn.*

Hãy cho biết:

- a) Đoạn văn trước viết về vẻ đẹp hình thức của Kiều. Đoạn văn chứa câu đó có đề tài là: Vẻ đẹp tài năng, tâm hồn của Kiều.
- b) Lấy câu văn trên làm câu chủ đề, viết đoạn văn diễn dịch (khoảng 12 câu) chỉ ra ba phép liên kết có sử dụng trong đoạn văn.

* Đoạn Văn:

Với TK không những NĐu chỉ gọi tả vẻ đẹp hình thức mà nhà thơ còn nhấn mạnh vẻ đẹp tài năng, tâm hồn của nàng.(1) Về tài năng Thúy Kiều được coi là người thông minh bẩm sinh “ vốn sẵn tính trời”.(2) Nàng có tài: tài làm thơ, tài vẽ đặc biệt là âm nhạc.(3) Không những nàng giỏi nhạc, sáng tác khúc bạc mệnh mà còn giỏi chơi đàn Hồ Cầm.(4) Tài năng của Kiều đạt đến mức thành thạo như nhà nghề ăn đứt thiên hạ: “ sắc đành đòi một, tài đành họa hai”.(5) Như vậy về tài kiều có nhiều tài và tài nào cũng đạt đến mức độ cao.(6) Không chỉ vậy, Kiều còn là người giàu tình cảm, tâm hồn đa sầu, đa cảm.(7) Nàng sáng tác “ khúc bạc mệnh” làm cho ai nghe cũng thấy cảm động, xót xa.(8) Kiều không chỉ đẹp hình thức mà còn đẹp cả tài năng và tâm hồn, đó là vẻ đẹp sắc sảo mặn mà.(9) Kiều sắc sảo ở tài năng, mặn mà ở tâm hồn.(10) Nhưng vẻ đẹp sắc sảo mặn mà ấy cũng dự báo về số phận cuộc đời Kiều sẽ trầm luân, dâu bể.(11) Điều đó khiến chúng ta cảm nhận thấy Kiều là người phụ nữ hồng nhan, bạc mệnh.(12)

Đoạn văn sử dụng các phép liên kết:

- Phép lặp: TK, nàng.
- Phép thế: Đó, điều đó.

- Phép nối: nhưng.

* HDVN : - Tiếp tục viết đoạn văn

- Chuẩn bị : ôn lại vb : Bài thơ về tiểu đội xe không kính

Ngày dạy : 12 / 05 / 2023

Chuyên đề 6 :

RÈN KỸ NĂNG LUYỆN VIẾT ĐOẠN VĂN NGHỊ LUẬN VỀ THƠ

Tiết 22,23,24: “ĐỒNG CHÍ ” - CHÍNH HỮU.

“ BÀI THƠ VỀ TIỂU ĐỘI XE KHÔNG KÍNH ”

I. Mục tiêu cần đạt.

1. Kiến thức:

- Hs nắm đ- ọc tác giả, tác phẩm, cảm nhận đ- ọc những nội dung của các tác phẩm văn học thơ hiện đại Việt Nam

2.Kỹ năng: Hs có kỹ năng cảm nhận thơ hiện đại, có kỹ năng phân tích thơ.

3. Thái độ: Hs có thái độ trân trọng ngợi ca yêu thích môn học.

II. Chuẩn bị :

Thầy : Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án

Trò : Đọc kỹ tác phẩm,nội dung các văn bản thơ hiện đại.

III. Tiến trình lên lớp.

1. ổn định tổ chức:

2. Kiểm tra.bài cũ:

3. Bài mới:

Bài 1 : Đồng chí

Giải câu hỏi bộ đề:

Câu 17 (t69)

Cho đoạn thơ: “ Quê hương anh nước mặn đồng chua

.....

Đồng chí!

a) Tên tác giả: Chính Hữu, sáng tác năm 1948 trong lúc cuộc k/c chống pháp diễn ra ác liệt.

b) Dòng thơ cuối là câu đặc biệt.

=> Tác dụng: Câu thơ như một phát hiện, một lời khẳng định kết tinh tình cảm giữa những người lính trong cuộc chiến đấu đầy gian khổ, đồng thời cũng như một bản lề gắn kết giữa phần 1 với phần 2 và khép lại cơ sở của tình đồng chí, mở ra những biểu hiện của tình đồng chí, đồng đội.

- c) Cơ sở của tình đồng chí đ- ợc thể hiện trong đoạn thơ trên là:
- Cùng chung cảnh ngộ xuất thân, nghèo khổ: N- ớc mặn đồng chua, đất cày sỏi đá)
 - Cùng chung mục đích, lí t- ưởng chiến đấu: Súng bên súng, đầu sát bên đầu.
 - Tình đồng chí nảy nở, bền chặt trong sự chan hòa chia sẻ mọi gian lao như niềm vui, nỗi buồn.
- d) ..phát biểu suy nghĩ của em về một tình bạn đẹp?
(H/s cần trình bày được các ý sau:
- Tình bạn đẹp rất cần trong cuộc sống....
 - Tình bạn là gì: Là sự thấu hiểu, cảm thông, chia sẻ giá trị trong cuộc sống....
 - Đối bài thơ đồng chí: Đó là những con người từ mọi miền tổ quốc họ gặp nhau nơi chiến trường vì lý tưởng chiến đấu “ Đêm rét chung chăn”. Đêm việt Bắc quá rét, chăn thì lại quá nhỏ đắp bên này thì lại hở bên kia.Chính trong hoàn cảnh ấy “ người xa lạ” trở thành tri kỉ của nhau. Tri kỷ là người bạn thân thiết, hiểu rõ về ta, cùng cảm thông, chia sẻ nỗi vất vả, nguy nan kết thành tình bạn đẹp....
 - Tình bạn đẹp là sự chan hòa, chia sẻ mọi gian lao cùng như niềm vui, nỗi buồn, tình tâm giao gắn bó....
 - Phân biệt tình bạn đẹp với tình bạn chưa đẹp... (biểu hiện)
 - > Chốt: Vậy tình bạn
 - Liên hệ bản thân.

BÀI 2: BÀI THƠ VỀ TIỂU ĐỘI XE KHÔNG KÍNH

Giải câu hỏi đề cương.

- Câu 1:** “ Không có kính rồi xe không có đèn”
- a. *Chép tiếp câu thơ trên để hoàn chỉnh đoạn thơ gồm 4 dòng.*
 - b. *Cho biết, đoạn thơ vừa chép trong bài thơ nào? Của ai? Nêu hoàn cảnh sáng tác bài thơ*
 - c. *Từ “trái tim” trong câu thơ cuối cùng của đoạn vừa chép được dùng với nghĩa như thế nào?*
 - d. *Viết một đoạn văn diễn dịch từ 6 đến 8 câu phân tích hình ảnh người lính lái xe trong đoạn thơ.*

Gợi ý:

- a. Chép tiếp: Không có kính rồi xe không có đèn.
Không có mui xe thùng xe có xước.
Xe vẫn chạy vì Miền Nam phía trước
Chỉ cần trong xe có một trái tim.
- b. (tham khảo phần kiến thức cần nhớ)
- c. Từ “Trái tim” trong câu thơ cuối cùng có thể hiểu theo nghĩa chuyển:
 - Chỉ người lính lái xe
 - Chỉ sự nhiệt tình cứu nước, lòng yêu nước nồng nàn, quyết tâm giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.
- d. Đoạn văn phải đảm bảo các yêu cầu về nội dung và hình
 - Cuộc chiến đấu ngày càng gian khổ, ác liệt (qua hình ảnh những chiếc xe ngày càng méo mó, biến dạng)

- Bất chấp gian khổ, hi sinh, những chiếc xe vẫn thẳng đường ra tiền tuyến.
- Những người lính lái xe quả cảm vững tay lái vì học có một trái tim tràn đầy nhiệt tình cách mạng, tình yêu tổ quốc nồng nàn, ý chí quyết tâm giải phóng miền Nam sắt đá.

DÀN Ý

Phân tích khổ 1,2: để thấy tư thế ung dung, hiên ngang, lạc quan của người lính.

- Câu chủ đề: Tư thế chủ động, ung dung, hiên ngang, đầy chất lãng mạn của người lính
- **Khổ 1: hình ảnh những chiếc xe không kính và tư thế của người lính trên xe.**

* Hình ảnh xe không kính:

+ Nét độc đáo: vì từ xưa tới nay hình ảnh của những chiếc xe nếu được đưa vào thơ thì thường được "mĩ lệ hoá", "lãng mạn hoá", thường mang ý nghĩa tượng trưng. Vậy mà ở đây những chiếc xe trong thơ phạm Tiến Duật được miêu tả rất chân thực, xe biến dạng không có kính

+ Lí giải nguyên nhân: Bằng điệp từ “không”, “bom”, động từ mạnh “giật”, “rung” và giọng thơ hết sức thản nhiên -> Tác giả lí giải nguyên nhân những chiếc xe không kính là do bom đạn tàn phá, qua đó gián tiếp tố cáo sự khốc liệt của chiến tranh.

* Hình ảnh đẹp của người lính:

- Tư thế của người lính: Nhịp thơ 2/2/2 đều đặn, điệp từ nhìn lặp lại ba lần, chữ “ung dung” được đảo lên đầu câu -> tất cả đã làm nổi bật tư thế ung dung, hiên ngang, tự tin, dũng cảm của người lính.

- Cái nhìn thẳng: đó là cái nhìn trang nghiêm, bất khuất, nhìn thẳng vào khó khăn, chủ động đối mặt với gian khổ, hi sinh không hề run sợ, né tránh.

=> Vượt lên trên cái gian khổ của chiến tranh, tư thế của người lính mới thật đáng hoàng làm sao

- Khổ 2: cảm giác cụ thể của người lính khi ngồi trên những chiếc xe và tâm hồn lạc quan trẻ trung lãng mạn:

* Hiện thực khốc liệt:

- Bút pháp tả thực đến từng chi tiết cho thấy muôn vàn khó khăn khi người lính trực tiếp tiếp xúc với thế giới bên ngoài: gió, vật cản 2 bên đường.

+ Cảm giác “Gió vào xoa mắt đắng” được diễn tả qua biện pháp nhân hoá và chuyển đổi cảm giác đầy ấn tượng.

+ Điệp từ “nhìn, thấy” biểu hiện sự tập trung cao độ, và tinh thần trách nhiệm.

+ hình ảnh sao trời, cánh chim như sa, như ủa vào buồng lái, đã diễn tả được tốc độ phi thường của những chiếc xe và làm nổi bật được vẻ đẹp của người lính lái xe với lòng dũng cảm, lạc quan và bản lĩnh chiến đấu vững vàng.

* Tâm hồn người lính:

+ Tuy nhiên, Hiện thực khốc liệt ấy còn được người chiến sĩ cảm nhận bằng một tâm hồn trẻ trung, lãng mạn nhạy cảm với cái đẹp:

. Những hình ảnh: gió, con đường, sao trời, cánh chim -> vừa thực vừa thơ mộng, là cái thi vị nảy sinh trên những con đường bom rơi đạn nổ.

. Giọng thơ ngang tàng, trẻ trung -> thể hiện tinh thần lạc quan, coi thường hiểm nguy để biến cái hiện thực đầy khó khăn thành những phút giây thi vị đẹp đến như vậy.

. Đặc biệt hình ảnh "Con đường chạy thẳng vào tim" là chi tiết vừa dựa trên cảm giác thực của vừa mang ý nghĩa biểu tượng. Con đường chạy thẳng vào tim ấy không chỉ là con đường Trường Sơn gắn bó với công việc của người lính lái xe mà còn là con đường

giải phóng miền Nam, con đường của tình yêu tổ quốc luôn ấp ủ trong tim người chiến sĩ.

*Câu kết: Như vậy, tư thế chủ động, ung dung, hiên ngang, đầy chất lãng mạn của người lính lái xe Trường Sơn đã được bộc lộ thật đẹp trong khổ thơ 1 và 2 của bài thơ “Bài thơ về tiểu đội xe không kính”.

Phân tích khổ 3,4 : để thấy được tinh thần lạc quan, pha chút ngang tàng của người lính

-Câu chủ đề: Tâm hồn sôi nổi của tuổi trẻ pha chút ngang tàng của người lính đã được thể hiện qua khổ thơ 3 và 4 của bài thơ “Bài thơ về tiểu đội xe không kính”.

-Hiện thực: Trên những chiếc xe không kính, người lính phải đối mặt với bao khó khăn được miêu tả rất chân thực:

“Không có kính, ừ thì có bụi”

Và

“Không có kính, ừ thì ướt áo

Mưa tuôn, mưa xối như ngoài trời”

->Đó chỉ là khó khăn từ thiên nhiên. Nhưng thực tế, chiến tranh khốc liệt, đâu chỉ có bụi, mưa, mà đó còn là đất đá, thậm chí là bom đạn quân thù.

-Tinh thần: Nhưng bất chấp mọi gian khổ, khó khăn, người chiến sĩ lái xe đã vượt lên trên với một tinh thần lạc quan và trách nhiệm rất cao:

+Những câu thơ như một lời nói thường, nôm na mà đầy cứng cỏi, táo tợn “không có kính, ừ thì có bụi”, “không có kính ừ thì ướt áo”, “chưa cần rửa”, “chưa cần thay”

+Giọng thơ ngang tàng, bất chấp khó khăn cùng chi tiết hóm hỉnh: “Phì phèo châm điều thuốc” và “nhìn nhau mặt lăm cười ha ha” đã thể hiện tâm hồn sôi nổi trẻ trung của người lính.

>Kết luận: Lời thơ nhẹ nhõm, trôi chảy như những chiếc xe vun vút trên đường, như khúc nhạc vui của tuổi đôi mươi, tất cả đã thể hiện tinh thần quả cảm, lạc quan của những chàng trai trẻ xưa tan đi bao khó khăn, nguy hiểm.

*** Khổ 3:**

- Hai câu đầu:

+ Khó khăn: người lính phải đối mặt với bom đạn, với gió và giờ đây là với bụi đường mù mịt. Động từ " phun" cùng với biện pháp so sánh hóm hỉnh “tóc trắng như người già” đã nhấn mạnh những khó khăn, nguy hiểm mà người lính phải trải qua.

+ Tinh thần của người lính:

- Hai câu tiếp: hoàn cảnh gian khổ nguy hiểm đó càng làm nổi bật vẻ đẹp của người lính lái xe Trường Sơn với tinh thần lạc quan, dũng cảm, yêu đời:

+ Giọng thơ ngang tàng cứng cỏi với các từ " ừ thì" “chưa cần thay” thể hiện thái độ bất chấp gian khổ.

+ Tinh thần lạc quan thể hiện trong hành động mang đậm tính chất lính " phì phèo châm điều thuốc"

Và trong tiếng cười “ha ha” tếu táo mà giàu ý nghĩa:

. Tiếng cười át đi tiếng bom giạt, bom rung.

. Tiếng cười át đi mọi khó khăn gian khổ nguy hiểm.

. Tiếng cười làm nổi bật tinh thần lạc quan, dũng cảm, bản lĩnh chiến đấu vững vàng của những người lính lái xe Trường Sơn.

***Khổ 4:**

- Hai câu đầu: Cho thấy những khó khăn gian khổ mà người lính lái xe phải trải qua.
- + Người lính phải đối mặt với bom đạn, gió, bụi và giờ đây là những cơn mưa rừng xối xả. Những động từ "tuôn, xối" kết hợp với biện pháp so sánh đã nhấn mạnh khó khăn gian khổ mà người lính phải trải qua.
- Hai câu tiếp: Vẻ đẹp dũng cảm, lạc quan của người lính lái xe Trường Sơn:
- + Giọng thơ ngang tàng cứng cỏi với các từ "ừ thì" "chưa cần thay" thể hiện thái độ bất chấp gian khổ.
- Dù đối mặt với những khó khăn gian khổ nhưng những chiếc xe vẫn không ngừng tiến bước vì miền Nam ruột thịt " Chưa cần thay, lái trăm cây số nữa", vẫn băng băng vượt qua bom đạn hiểm nguy với một niềm tin mãnh liệt " Mưa ngừng, gió lùa khô mau thôi".

Phân tích khổ thơ 5+6: để thấy được tình đồng chí, đồng đội của những người lính trẻ:

- Câu chủ đề: Hồn nhiên, tếu táo, nhưng tình đồng chí đồng đội của người lính lái xe Trường Sơn thật cảm động.

***Khổ 5:**

- Hai câu đầu nổi bật với hình ảnh những chiếc xe không kính gan góc vượt qua bom đạn của kẻ thù để về đây họp thành tiểu đội. Sự khốc liệt của chiến tranh đã tạo nên những "Tiểu đội xe không kính".
- Hai câu sau: thể hiện tình đồng đội sâu sắc của những người lính lái xe:
- + Hình ảnh con đường đi tới có nhiều ý nghĩa, đó là con đường cách mạng, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, là con đường đi tới chính nghĩa nên họ càng đi, càng có thêm nhiều bạn, "Gặp bạn bè suốt dọc đường đi tới".
- + Cái bắt tay thăm tình đồng đội: Lúc này, chính những chiếc xe không kính lại thật thuận tiện để họ trao nhau tình thân: "Bắt tay qua cửa kính vỡ rồi". Như chính nhà thơ thâm sự "Không phải mở cửa mà có thể thò tay thì sướng quá" Đó là cái bắt tay động viên, cái bắt tay truyền cho nhau cả tâm hồn, tình cảm. Cái bắt tay thoải mái, tự nhiên, ấm lòng.

***Khổ 6:**

- Hai câu đầu: Tình đồng chí, đồng đội thăm thiết, ruột thịt như anh em trong một gia đình.

*"Bếp Hoàng Cầm ta dựng giữa trời
Chung bát đũa nghĩa là gia đình đấy"*

Một cách định nghĩa về gia đình rất mới, rất rộng, rất lính, thật tếu táo mà cũng đầy sâu sắc: chung bát, chung đũa, chung nắm cơm, bếp lửa, chung hoàn cảnh khó khăn, chung một con đường, chung một lí tưởng. Đó là gia đình.

- Hai câu thơ cuối đã khẳng định sức mạnh tinh thần của người lính

*"Võng mắc chông chênh đường xe chạy
Lại đi, lại đi trời xanh thêm"*

Ý thơ có sự đối lập:

- +Bữa ăn vội vã, giấc ngủ tạm bợ bên đường, đời lính thật gian khổ, đầy chông chênh, nguy hiểm.

+Tuy nhiên điệp từ “lại đi” và hình ảnh ẩn dụ “trời xanh” đã khẳng định ý chí chiến đấu, nghị lực vững vàng, và tinh thần phơi phới lạc quan của người lính:

. Điệp từ “lại đi” thể hiện hình ảnh đoàn xe không ngừng vươn tới trên con đường giải phóng miền Nam.

.“trời xanh” là ẩn dụ cho hoà bình, cho tương lai tốt đẹp, là hình ảnh thể hiện niềm tin chiến thắng, là ước nguyện giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

-> Chính lí tưởng cách mạng, tinh thần lạc quan và tình đồng đội đã tiếp thêm sức mạnh để họ vượt qua mọi gian lao.

Phân tích khổ cuối bài thơ “Bài thơ về tiểu đội xe không kính”

- Câu chủ đề: Bài thơ “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” đã được khép lại bằng 4 câu thơ thể hiện ý chí chiến đấu giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước

*“Không có kính rồi xe không có đèn
Không có mui xe, thùng xe có xước
Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước
Chỉ cần trong xe có một trái tim”*

- Hình ảnh xe không kính được nhắc lại:

+NT liệt kê, điệp ngữ “không có” nhấn mạnh sự trần trụi, biến dạng của những chiếc xe. Đó cũng chính là mức độ ác liệt của chiến trường.

+ Điều kì lạ là những chiếc xe không kính, không đèn, không mui ấy vẫn băng băng ra chiến trường. Ở đây có sự đối lập giữa vẻ bên ngoài và khả năng của chiếc xe, giữa điều kiện vật chất và sức mạnh tinh thần của người lính lái xe.

- sức mạnh tinh thần, ý chí của người lính:

+ Để cân bằng ba cái không có ở trên chỉ cần một cái có có trái tim người lính. đến đây, ta càng thấy được sự ngang tàng, hóm hỉnh nhưng cũng thật sâu sắc trong thơ Phạm Tiến Duật, những chiếc xe dường như không chỉ chạy bằng nhiên liệu mà thật độc đáo khi có một trái tim cầm lái.

+ Trái tim là 1 hình ảnh hoán dụ nhưng đồng thời cũng là hình ảnh ẩn dụ, nó hội tụ vẻ đẹp tâm hồn của người chiến sĩ lái xe giàu nhiệt huyết, sắt son tình yêu tổ quốc, sự căm thù giặc và ý chí quyết tâm chiến đấu giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

-> Hình ảnh trái tim kết thúc bài thơ đã trở thành nhãn tự của cả bài, tỏa sáng vẻ đẹp của người lính lái xe Trường Sơn nói riêng và của cả thế hệ trẻ Việt Nam thời kháng chiến chống Mỹ cứu nước:

*“Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước
Mà lòng phơi phới dậy tương lai”*

THAM KHẢO ĐOẠN VĂN: Đoạn văn từ 12 đến 15 câu phân tích phân tích hình ảnh người lính lái xe trong khổ thơ cuối bài thơ “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” của Phạm Tiến Duật.

Khổ cuối “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” của Phạm Tiến Duật đã khắc họa đậm nét hình ảnh đẹp đẽ của người chiến sĩ lái xe trên tuyến đường Trường Sơn thời kì kháng chiến chống Mỹ.(1) Bom đạn chiến tranh khiến những chiếc xe các anh lái bị tàn phá nặng nề.(2) Chúng mất đi cả các hệ số an toàn: không kính, không mui, không đèn, thùng xe có xước.(3) Nhưng những chiếc xe ấy vượt lên trên bom đạn, hăm hở lao ra

tiền tuyến.(4) Bởi vì, trong những chiếc xe đó, vẹn nguyên một trái tim dũng cảm.(5) Hình ảnh “*trái tim*” trong đoạn thơ là một hình ảnh hoán dụ tuyệt đẹp gợi ra biết bao ý nghĩa.(6) “*Trái tim*”, nó không những được dùng để chỉ người lính lái xe mà còn để chỉ nhiệt tình cứu nước, lòng yêu nước nồng nàn, quyết tâm giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.(7) Hình ảnh “*trái tim*” đã hội tụ tất cả vẻ đẹp tâm hồn và phẩm chất của người chiến sĩ lái xe.(8) “*Trái tim*” chứa đựng bản lĩnh hiên ngang, lòng dũng cảm tuyệt vời và một niềm tin mãnh liệt vào ngày thống nhất Bắc Nam.(9) Cội nguồn sức mạnh của cả đoàn xe, gốc rễ, phẩm chất anh hùng của người cầm lái tích tụ, đọng kết lại ở cái “*trái tim*” gan góc, kiên cường, giàu bản lĩnh và chan chứa tình yêu thương này.(10) Trong đoạn thơ, nhà thơ đã tô đậm một loạt cái “không” để làm nổi bật cái “có”.(11) Đó chính là chân lí của thời đại: bom đạn, chiến tranh có thể làm méo mó những chiếc xe, huỷ hoại những giá trị vật chất nhưng không thể bẻ gãy tinh thần, ý chí của người chiến sĩ cách mạng.(12) Điệp ngữ “*không có*”, các từ ngữ tương ứng “*vẫn / chỉ cần*” đã làm cho giọng thơ, ý thơ trở nên mạnh mẽ, hào hùng, tô đậm hình ảnh người chiến sĩ lái xe trong kháng chiến chống Mỹ.(13)

***HDVN :** - Ôn lại toàn bộ kiến thức
- Viết hoàn chỉnh các đoạn văn

Ngày dạy : 15 / 05 / 2023

Chuyên đề 6 :

RÈN KỸ NĂNG LUYỆN VIẾT ĐOẠN VĂN NGHỊ LUẬN VỀ THƠ

Tiết 25,26,27:

Đoàn thuyền đánh cá

- Huy Cận -

A. Kiến thức cơ bản :

1. Tác giả

- Tên khai sinh là Cù Huy Cận, (1919 – 2005), quê tỉnh Hà Tĩnh.
- Huy Cận nổi tiếng trong phong trào Thơ Mới với tập *Lửa thiêng* (1940). Ông từng giữ nhiều trọng trách trong chính quyền cách mạng, đồng thời là một trong những nhà thơ tiêu biểu của thơ ca hiện đại

2. Hoàn cảnh sáng tác:

Bài thơ “Đoàn thuyền đánh cá” được Huy Cận sáng tác năm 1958 khi miền Bắc đang tiến hành xây dựng Chủ nghĩa Xã hội, tác giả đi thực tế đến vùng mỏ Hòn Gai – Quảng Ninh.

3- Cảm hứng lãng mạn tràn đầy niềm vui hào hứng về cuộc sống mới trong thời kì miền Bắc bước vào xây dựng chủ nghĩa xã hội.

- Cảm hứng về thiên nhiên vũ trụ, vốn là một nét nổi bật của hồn thơ Huy Cận

4. Mạch cảm xúc

- Không gian rộng lớn bao la với mặt trời, biển, trăng, sao, mây, gió.

- Thời gian là nhịp tuần hoàn của vũ trụ từ lúc hoàng hôn đến bình minh, cũng là thời gian của một chuyến ra biển rồi trở về của đoàn thuyền đánh cá: mặt trời xuống biển, cả trời đất vào đêm, trăng lên cao, đêm thở, sao lùa... rồi sao mờ, mặt trời đội biển nhô lên trong

một ngày mới. Điểm nhịp thời gian cho công việc của đoàn thuyền đánh cá là nhịp tuần hoàn của thiên nhiên, vũ trụ.

5. Các biện pháp nghệ thuật và tác dụng:

☐ a. Hình ảnh nhân hóa, hoán dụ:

“Đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời”

Huy Cận đã lấy một sự vật bé nhỏ, bình dị để ngầm so sánh với hình ảnh vĩ đại của thiên nhiên: “Mặt trời”.

Hình ảnh nhân hoá, nói quá => Làm nổi bật tư thế của những con người lao động, bởi nói đoàn thuyền nhưng thực chất là nói đến người dân chài, đoàn thuyền ở đây chỉ người ngư dân. Họ trở về trong một tư thế sánh ngang với vũ trụ, thậm chí trong cuộc chạy đua với thiên nhiên họ đã chiến thắng và làm chủ thiên nhiên.

☐ Biện pháp nói quá:

“Mắt cá huy hoàng muôn dặm phơi”.

Đã vẽ nên cảnh bội thu cá và cuộc sống ấm no, ngập tràn hạnh phúc của người dân vùng biển, bằng mồ hôi và sức lao động, họ đã viết nên bài ca cuộc sống.

“Đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời”

Nhấn mạnh sức mạnh của con người có thể sánh cùng thiên nhiên

b.

☐ Nhân hóa “mặt trời đội biển” => Cảnh bình minh kỳ vĩ tráng lệ

☐ Nhân hóa “cái đuôi em quẫy” => Lời gọi hết sức trìu mến, thân thương

☐ Ẩn dụ “đuốc đen hồng”

Ẩn dụ cho vẻ đẹp của cá song sáng rạng rỡ như đuốc đen hồng

☐ Biện pháp ẩn dụ, nói quá:

“Thuyền ta lái gió với buồm trăng

Lướt giữa mây cao với biển bằng”

Góp phần khắc hoạ vẻ đẹp người ngư dân về, lớn lao, kì vĩ ngang tầm thiên nhiên, vũ trụ. Tâm hồn phóng khoáng, lãng mạn.

☐ Cấu trúc đầu cuối tương ứng:

Câu đầu của khổ thơ cuối lặp lại gần như nguyên vẹn câu cuối của khổ thứ nhất, chỉ thay có một từ “với” đem đến kết cấu đầu – cuối tương ứng, tạo sự hài hòa cân đối.

B. Luyện tập

1. Vấn đề 1: Trong bài “Đoàn thuyền đánh cá” của Huy Cận có câu thơ sau:

“Thuyền ta lái gió với buồm trăng”

Câu 1: Chép chính xác ba câu thơ tiếp theo? Dựa vào trình tự ra khơi của đoàn thuyền thì đoạn trích em vừa chép mang nội dung gì? (Diễn đạt ngắn gọn bằng một câu văn)

Câu 2: Chỉ ra các biện pháp nghệ thuật mà tác giả sử dụng trong câu thơ “Thuyền ta lái gió với buồm trăng”? Các biện pháp nghệ thuật đó đã góp phần khắc họa vẻ đẹp nào của những người ngư dân?

Câu 3: Nêu mạch cảm xúc của bài thơ “Đoàn thuyền đánh cá”.

Câu 4: Phân tích nét đặc sắc của hình ảnh “buồm trăng”. Em hiểu cách nói “thuyền ta” nghĩa là gì? Theo em, có thể thay thế “thuyền ta” bằng “đoàn thuyền” được không? Vì sao?

Câu 5: Câu thơ “Lướt giữa mây cao với biển bằng”, tác giả đã vi phạm phương châm hội thoại nào? Điều đó có phải chủ ý của nhà văn không, vì sao?

Câu 6: Trong chương trình Ngữ văn THCS, em cũng đã học một bài thơ rất hay có hình ảnh con thuyền, cánh buồm. Đó là bài thơ nào? Của ai?

Câu 7: Cách viết “Lái gió với buồm trăng” đã gợi cho em điều gì?

Câu 8: Viết đoạn văn nêu cảm nhận về khổ thơ trên.

Câu 9: Bằng sự hiểu biết của bản thân, em hãy viết đoạn văn khoảng 12 câu theo kiểu lập luận diễn dịch, trình bày cảm nhận về vẻ đẹp của người dân chài khi đánh cá trên biển đêm, trong đoạn có sử dụng một câu phủ định và một phép lặp để liên kết.

Câu 10: Từ đoạn thơ vừa chép, với những hiểu biết xã hội của mình, em hãy trình bày suy nghĩ (khoảng nửa trang giấy thi) về hình ảnh những người ngư dân vẫn đang ngày đêm vươn khơi bám biển trong thời điểm hiện nay.

Cấu trúc lặp lại ấy trở thành điệp khúc ngân nga, nhấn mạnh niềm vui lao động làm giàu đẹp quê hương và khắc họa đậm nét vẻ đẹp khỏe khoắn cùng niềm vui phấn khởi của người ngư dân.

Gợi ý vấn đề 1:

Câu 1: Chép tiếp 3 câu thơ, đoạn thơ vừa chép có nội dung:

- Chép chính xác ba câu thơ tiếp để thành khổ:

“Thuyền ta lái gió với buồm trăng

Lướt giữa mây cao với biển bằng

Ra đậu dăm xa dò bụng biển

Giàn đan thế trận lưới vây giăng”.

- Nêu được nội dung đoạn thơ bằng một câu văn: Đoạn thơ đã khắc họa hình ảnh đoàn thuyền đánh cá giữa biển đêm hùng tráng và thơ mộng.

Câu 2: Câu thơ “Thuyền ta lái gió với buồm trăng”:

- Biện pháp nghệ thuật: nhân hóa, nói quá qua từ “lái”.
- Tác dụng: Góp phần khắc họa vẻ đẹp người ngư dân về:
 - + Tư thế: Lớn lao, kì vĩ ngang tầm thiên nhiên, vũ trụ.
 - + Tâm hồn: phóng khoáng, lãng mạn.

Câu 3: Nêu cảm xúc của bài thơ:

Theo sự vận động của thời gian và hành trình của một chuyến ra khơi đánh cá (Thời gian là nhịp tuần hoàn của vũ trụ từ lúc hoàng hôn đến bình minh, cũng là thời gian của một chuyến ra biển rồi trở về của đoàn thuyền đánh cá: mặt trời xuống biển, cả trời đất vào đêm, trăng lên cao, đêm thở, sao lùa... rồi sao mờ, mặt trời đội biển nhô lên trong một ngày mới.)

Câu 4: Chỉ ra nét đặc sắc của hình ảnh buồm, trăng, nghĩa của từ “Thuyền ta”:

- Nét đặc sắc của hình ảnh buồm, trăng: Đây là hình ảnh ẩn dụ

- Giá trị:

- + Hình ảnh này được xây dựng trên sự quan sát rất thức và sự cảm nhận lãng mạn của nhà thơ Huy Cận.

- + Từ xa nhìn lại, có lúc con thuyền đi vào khoảng sân của vàng trăng, cánh buồm trở thành “buồm trăng”, vẻ đẹp của thiên nhiên làm nhòa đi cánh buồm bạc màu, cũ kĩ.

- + Hình ảnh thể hiện cuộc sống lao động đầy chất thơ, thể hiện tâm hồn lãng mạn của những người dân chài.

- Thuyền ta: Thuyền của ta, thuyền của những người dân chài đang đánh cá.

- Không thể thay thế “thuyền ta” thành “đoàn thuyền”. Vì từ “ta” đầy tự hào, không còn cái tôi cô đơn, nhỏ bé. Thể hiện được niềm vui, niềm lạc quan, hăng say lao động, làm chủ biển trời của những người lao động mới. Thể hiện rõ được sự thống nhất của hai nguồn cảm hứng: cảm hứng lãng mạn tràn đầy, niềm vui hào hứng về cuộc sống mới trong thời kì miền Bắc dựng CNXH và cảm hứng thiên nhiên, vũ trụ; tạo nên hình ảnh thơ mang tính chất lãng mạn.

Câu 5: Câu thơ “Lướt giữa mây cao với biển bằng”:

- Phương châm vi phạm: Phương châm về chất

- Tác dụng: Dụng ý của tác giả, nói quá lên so với sự thật, nhằm làm nổi bật hình ảnh và tư thế của đoàn thuyền, của con người, họ không còn bé nhỏ mà tầm vóc trở nên lớn lao, vĩ đại, phi thường.

2. Vấn đề 2: Cho đoạn thơ sau:

“Mặt trời xuống biển như hòn lửa

Sóng đã cài then đêm sập cửa

Đoàn thuyền đánh cá lại ra khơi

Câu hát căng buồm cùng gió khơi”

Câu 1: Những câu thơ trên trong bài thơ nào? Bài thơ đó được ra đời trong hoàn cảnh nào?

Câu 2: Từ “lại” trong câu “Đoàn thuyền... lại ra khơi” có ý nghĩa gì?

Câu 3: Chỉ ra những biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong đoạn thơ trên.

Câu 4: Có ý kiến cho rằng: bài thơ Đoàn thuyền đánh cá là “một khúc ca”. Em hiểu nội dung khúc ca ấy như thế nào?

Câu 5: Viết đoạn văn diễn dịch khoảng 12 câu trình bày cảm nhận của em về đoạn thơ trên.

Gợi ý vấn đề 2:

Câu 1: Hoàn cảnh sáng tác bài thơ:

- Tác giả: Huy Cận

- Hoàn cảnh sáng tác: Bài thơ “Đoàn thuyền đánh cá” được Huy Cận sáng tác năm 1958 khi miền Bắc đang tiến hành xây dựng Chủ nghĩa Xã hội, tác giả đi thực tế đến vùng mỏ Hòn Gai – Quảng Ninh.

Câu 2: Ý nghĩa từ “lại”:

Từ “lại” nói về hoạt động của đoàn thuyền vừa biểu thị sự lặp lại tuần tự, thường nhật, liên tục mỗi ngày của công việc lao động vừa biểu thị ý so sánh ngược chiều với câu trên: đất trời vào đêm nghỉ ngơi mà con người bắt đầu lao động, một công việc lao động không ít vất vả.

Câu 3: Biện pháp nghệ thuật trong đoạn thơ:

- So sánh: Mặt trời xuống biển như hòn lửa.

Tác dụng: Mặt trời” được ví như một hòn lửa khổng lồ đang từ từ lặn xuống.

- Nhân hóa: Sóng đã cài then đêm sập cửa.

Tác dụng: Gán cho sự vật những hành động của con người sóng “cài then”, đêm “sập cửa” Gợi cảm giác vũ trụ như một ngôi nhà lớn, với màn đêm buông xuống là tấm cửa khổng lồ và những gợn sóng là then cài cửa. Con người đi trong biển đêm mà như đi trong ngôi nhà thân thuộc của mình.

- Ẩn dụ: Câu hát căng buồm cùng gió khơi

Tác dụng: Nghệ thuật ẩn dụ góp phần thể hiện một hiện thực: Đó là niềm vui phơi phới, tinh thần lạc quan của người dân chài. Họ ra khơi trong tâm trạng đầy hứng khởi vì họ tìm thấy niềm vui trong lao động, yêu biển và say mê với công việc chinh phục biển khơi làm giàu cho Tổ quốc.

Câu 4: Bài thơ là một khúc ca:

- Bài thơ là khúc ca về lao động và thiên nhiên đất nước giàu, đẹp.

- Khúc ca ấy vừa phơi phới, hào hứng vừa khỏe khoắn, mạnh mẽ

Câu 5: Viết đoạn văn nêu cảm nhận về khổ thơ:

Cảnh hoàng hôn trên biển được miêu tả bằng hình tượng độc đáo:

“Mặt trời xuống biển như hòn lửa

Sóng đã cài then đêm sập cửa”

- Với sự liên tưởng so sánh thú vị, Huy Cận đã miêu tả rất thực sự chuyển đổi thời khắc giữa ngày và đêm khiến cảnh biển vào đêm thật kì vĩ, tráng lệ.

- Với phép tu từ so sánh, nhân hóa khiến ta hình dung vũ trụ như một ngôi nhà lớn với màn đêm buông xuống là tấm cửa khổng lồ với những lượn sóng hiền hoà gối đầu nhau chạy ngang trên biển như những chiếc then cài cửa. Phác họa được một bức tranh phong cảnh kì diệu như thế hẳn nhà thơ phải có cặp mắt thần và trái tim nhạy cảm.

Khi thiên nhiên bước vào trạng thái nghỉ ngơi thì con người bắt đầu làm việc:

- Màn đêm mở ra đã khép lại không gian của một ngày. Giữa lúc vũ trụ, đất trời như chuyển sang trạng thái nghỉ ngơi thì ngược lại, con người bắt đầu hoạt động:

“Đoàn thuyền đánh cá lại ra khơi

Câu hát căng buồm cùng gió khơi”

Sự đối lập này làm nổi bật tư thế lao động của con người trước biển.

- Nhịp thơ nhanh mạnh như một quyết định dứt khoát. Đoàn ngư dân ào xuống đẩy thuyền ra khơi và cất cao tiếng hát khởi hành. Từ “lại” vừa biểu thị sự lặp lại tuần tự, thường nhật, liên tục mỗi ngày của công việc lao động vừa biểu thị ý so sánh ngược

chiều với câu trên: đất trời vào đêm nghỉ ngơi mà con người bắt đầu lao động, một công việc lao động không ít vất vả.

- Hình ảnh “câu hát căng buồm” - cánh buồm căng gió ra khơi - là ẩn dụ cho tiếng hát của con người có sức mạnh làm căng cánh buồm. Câu hát là niềm vui, niềm say sưa hứng khởi của những người lao động lạc quan yêu nghề, yêu biển và say mê với công việc chinh phục biển khơi làm giàu cho Tổ quốc.

Câu 14(Tr 59)

a. Các câu thơ có từ hát:

Câu hát căng buồm cùng gió khơi
Hát rằng cá bạc biển đông lặng.
Ta hát bài ca gọi cá vào
Câu hát căng buồm với gió khơi.

b. Những câu thơ vừa chép miêu tả khúc hát của những con người lao động đánh cá trên biển. Khúc hát ấy thể hiện niềm vui, niềm say sưa hứng khởi của những con người lao động lạc quan yêu nghề, yêu biển và say mê với công việc chinh phục biển khơi làm giàu cho đất nước.

***HDVN :** - Ôn lại toàn bộ kiến thức
- Viết hoàn chỉnh các đoạn văn

Ngày dạy : 18 / 05 / 2023

Chuyên đề 6 :

RÈN KỸ NĂNG LUYỆN VIẾT ĐOẠN VĂN NGHỊ LUẬN VỀ THƠ

Tiết 28,20,30: **BÀI THƠ: BÉP LỬA** (Bằng Việt)

I. Mục tiêu cần đạt.

1. Kiến thức:

- Hs nắm đ- ọc tác giả, tác phẩm, cảm nhận đ- ọc những nội dung của các tác phẩm văn học thơ hiện đại Việt Nam : Bếp lửa

2.Kỹ năng: Hs có kỹ năng cảm nhận thơ hiện đại, có kỹ năng phân tích thơ.

3. Thái độ: Hs có thái độ trân trọng ngợi ca yêu thích môn học.

II. Chuẩn bị :

Thầy : Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án

Trò : Đọc kỹ tác phẩm,nội dung các văn bản thơ hiện đại.

III. Tiến trình lên lớp.

1. Ổn định tổ chức:

2. Kiểm tra.bài cũ:

3. Bài mới:

A. Kiến thức cơ bản :

1. Tác giả

- Tên khai sinh là Nguyễn Việt Bằng sinh năm 1941, quê ở xã Chàng Sơn, huyện Thạch Thất, Hà Nội.

- Bằng Việt thuộc thế hệ nhà thơ trưởng thành trong kháng chiến chống Mỹ. Thơ ông trong trẻo, mượt mà, khai thác những kỷ niệm và mơ ước của tuổi trẻ.

2. Hoàn cảnh sáng tác:

Bài thơ “Bếp lửa” được sáng tác năm 1963 khi tác giả còn là sinh viên đang du học tại Liên Xô (cũ). Trích trong tập “Hương cây – Bếp lửa” in chung với Lưu Quang Vũ

3. Hai nguồn cảm hứng:

Mạch cảm xúc của bài thơ rất tự nhiên, đi từ hồi tưởng đến hiện tại, từ kỉ niệm đến suy ngẫm: hình ảnh bếp lửa gợi về những kỉ niệm tuổi thơ sống bên bà, làm hiện lên hình ảnh bà với bao vất vả và tình yêu thương bà dành cho cháu; từ kỉ niệm, đứa cháu nay đã trưởng thành suy ngẫm và thấu hiểu về cuộc đời bà, về lẽ sống giản dị cao quý của bà; cuối cùng, người cháu muốn gửi niềm nhớ mong về bà.

BÀI THƠ: BẾP LỬA

4. Các biện pháp nghệ thuật và tác dụng:

☐ * Điệp ngữ, từ láy:

“Một bếp lửa chờn vờn sương sớm

Một bếp lửa ấp iu nồng đượm”

Điệp ngữ “Một bếp lửa” và các từ láy “ấp iu”, “chờn vờn” gợi lên hình ảnh sống động, lung linh của bếp lửa gần gũi, thân thuộc trong mỗi gia đình người Việt Nam.

☐

* Câu hỏi tu từ:

“Tu hú ơi, chẳng đến ở cùng bà

Kêu chi hoài trên những cánh đồng xa?”

Gợi không gian mênh mông, bao la, buồn vắng đến lạnh lòng. Trong những cung bậc khác nhau của âm thanh tiếng chim tu hú, tâm trạng của người cháu mỗi lúc một da diết, mạnh mẽ hơn. Bên cạnh bếp lửa hồng, bên cạnh âm thanh của tiếng chim tu hú, hai bà cháu đã gắn bó chia sẻ, thắt chiu những tình cảm ấm nồng suốt 8 năm ròng.

☐

* Điệp từ - ẩn dụ: “Nhóm”

- Được nhắc lại tới bốn lần và mang những ý nghĩa khác nhau. Ngoài từ “Nhóm” ở câu đầu tiên, các từ “Nhóm niềm”, “Nhóm nồi xôi”, “Nhóm dậy cả...” mang ý nghĩa ẩn dụ.

- Bà đã nhóm lên, đã khơi dậy niềm yêu thương, những ký ức đẹp, có giá trị trong cuộc đời mỗi con người. Bà đã truyền hơi ấm tình người, khơi dậy trong tâm hồn cháu tình yêu thương ruột thịt, tình cảm sẻ chia tình đoàn kết với hàng xóm láng giềng và rộng ra nữa là tình yêu quê hương đất nước.

- Chính từ hình ảnh bếp lửa, bà khơi dậy cả những ký ức, kỷ niệm tuổi ấu thơ trong cháu để cháu luôn nhớ về nó cũng có nghĩa là nhớ về cội nguồn, nhớ về đất nước quê hương, nhớ về dân tộc mình.

☐ * Câu cảm thán, đảo cấu trúc:

“Ôi kỳ lạ và thiêng liêng – Bếp lửa!”

Đã thể hiện sự ngạc nhiên, ngỡ ngàng như một khám phá ra một điều kỳ diệu giữa cuộc đời bình dị.

Từ ngọn lửa của bà, cháu nhận ra cả một niềm tin dai dẳng về ngày mai, cháu hiểu được linh hồn của một dân tộc vất vả, gian lao mà tình nghĩa.

□

*Câu hỏi tu từ:

“Sớm mai này bà nhóm bếp lên chưa?”

Gợi cho người đọc cảm nhận như có một nỗi nhớ khắc khoải, thường trực, một nỗi nhớ đau đáu khôn nguôi, luôn nhớ về bà. Nhớ về bà cũng chính là nhớ về quê hương, nhớ về cội nguồn và chúng ta lại bắt gặp tình cảm ấy

□ * Thành ngữ “đói mòn đói mỏi”:

Gợi cái đói kéo dài làm mệt mỏi, kiệt sức con người. Gợi nỗi xót xa ám ảnh, quá khứ tang thương

□

* Ấn dụ “ngọn lửa”:

- Ánh sáng, hơi ấm, sự sống
- Ngọn lửa tình yêu thương, niềm tin
- Niềm tin của cả một dân tộc.

□ * Ấn dụ “Nhóm niềm yêu thương”:

- Khơi dậy niềm yêu thương gia đình, tình làng nghĩa xóm
- Khơi dậy những kỉ niệm, kí ức tuổi thơ.

* Phương châm hội thoại: Vi phạm phương châm về chất

“Mày có viết thư chớ kể này kể nọ
Cứ bảo nhà vẫn được bình yên”

B. Bài tập :

Câu 18 (Tr 69): Cho đoạn thơ sau:

***Rồi sớm rồi chiều bếp lửa bà nhen
Một ngọn lửa lòng bà luôn ủ sẵn
Một ngọn lửa chứa niềm tin dai dẳng.
(Bếp Lửa -Bằng Việt)***

a. Vì sao hai câu cuối tác giả dùng từ “ ngọn lửa” mà không nhắc lại “Bếp lửa” ?

- Hai câu cuối nhà thơ Bằng Việt dùng từ “ ngọn lửa” mà không nhắc tới từ “bếp lửa” vì: Hình ảnh bếp lửa cụ thể đã được nâng lên thành một hình ảnh mang tính biểu tượng: “ngọn lửa”. Ngọn lửa là biểu tượng cho tình yêu thương, cho đức hi sinh của bà.

b. Hình ảnh ngọn lửa ở đây có ý nghĩa là:

Ngọn lửa ở đây không đơn thuần được nhóm lên bằng nhiên liệu bên ngoài mà được nhóm lên bằng cả tình yêu, niềm vui, sự nhẫn nại thầm lặng của bà . Bà không chỉ là người nhóm lửa giữ lửa mà còn là người truyền lửa — ngọn lửa của niềm tin yêu cuộc sống cho con cháu.

c. Viết đoạn văn khoảng 10 câu trình bày cảm nhận của em về đoạn thơ trên. Trong đoạn thơ có sử dụng một hình ảnh so sánh?

Câu 19 (tr 69)

Cho câu thơ “ Ôi kì lạ và thiêng liêng- bếp lửa!”

a) Xét về mục đích nói, câu trên thuộc kiểu câu cảm thán.

b) Thành phần biệt lập sử dụng trong câu thơ là: - Thành phần cảm thán: Ôi.

- Thành phần phụ chú: Bếp lửa.

c) Bếp lửa chứa đựng một ý nghĩa thâm kín mà sâu sắc: Những gì là thân thiết nhất của tuổi thơ đều có sức toả sáng và nâng đỡ tâm hồn con người trên suốt hành trình dài của cuộc đời. Hãy trình bày suy nghĩ của em về ý kiến trên bằng một đoạn văn khoảng 15 câu. Nêu kiểu diễn đạt đã sử dụng trong đoạn văn đó.

Luyện đề :

Sự gắn bó với gia đình, quê hương, cội nguồn là tình cảm tốt đẹp trong mỗi con người. Một nhà thơ đã viết:

“Giờ cháu đã đi xa. Có ngọn khói trăm tàu

Có lửa trăm nhà, niềm vui trăm ngả

Nhưng vẫn chẳng lúc nào quên nhắc nhở:

-Sớm mai này bà nhóm bếp lên chưa?...”

1. Đoạn thơ trên trích trong tác phẩm nào? Của ai? Cho biết hoàn cảnh sáng tác của tác phẩm đó?
2. Dấu chấm lửng trong đoạn thơ trên có tác dụng gì?
3. Câu thơ: “**Sớm mai này bà nhóm bếp lên chưa?...**” là lời đối thoại hay độc thoại của nhân vật trữ tình? Vì sao?
4. Từ nội dung bài thơ trên, cùng những hiểu biết thực tế, em hãy viết một đoạn văn (khoảng ½ trang giấy thi) nêu suy nghĩ của em về tình cảm quê hương đất nước trong mỗi con người Việt Nam.

Câu 1: 1 điểm	- Bếp lửa - Bằng Việt - Năm 1963, cuộc kháng chiến chống Mỹ đang diễn ra ác liệt, tác giả đang là sinh viên Luật du học ở Liên Xô	0.25đ 0.25đ 0.5đ
Câu 2: 0.5 điểm	Dấu chấm lửng trong đoạn có tác dụng: bộc lộ cảm xúc, diễn tả nỗi nhớ khắc khoải, trải dài, thường trực của người cháu về bà tương như không bao giờ dứt	0.5đ
Câu 3: 1 điểm	-Lời độc thoại -Vì đó là những cảm xúc, tình cảm của người cháu được thốt lên thành lời; có dấu gạch đầu dòng.	0.5đ 0.5đ
Câu 4: 2 điểm	Yêu cầu: *HT: +đúng đoạn NLXH +Không sai lỗi chính tả, diễn đạt mạch lạc, rõ ràng, đúng hướng +Khoảng nửa trang giấy thi *ND: - HS giới thiệu được vấn đề: tình yêu quê hương đất nước là một tình cảm thiêng liêng trong mỗi trái tim con người Việt Nam	0.5đ 1.5đ

	- T/y quê hương đất nước là t/c gắn bó, yêu mến, vun đắp, xây dựng quê hương ngày càng giàu mạnh, đóng góp phần sức lực của mình vào công cuộc xây dựng quê hương. - t/y quê hương được biểu hiện cụ thể bằng hành động - Biểu hiện: + nỗi nhớ mỗi lần xa quê, háo hức khi sắp được trở về; lưu luyến khi phải rời xa + Yêu làng xóm, yêu gia đình, yêu những con đường.... + tự hào về những trang sử vẻ vang, những truyền thống tốt đẹp của quê hương đất nước. + Đóng góp tiền bạc, sức lực, sẵn sàng cống hiến những giá trị tốt đẹp nhất của mình để cùng xây dựng quê hương, giúp quê hương ngày càng văn minh, giàu đẹp... - Tuy nhiên hiện nay vẫn có những con người quên đi cội nguồn, quên đi nơi chôn rau cắt rốn của mình. Họ xa quê lập nghiệp, quên mất tiếng quê, đánh mất tình cảm với quê hương... - Trách nhiệm của mỗi người: + Luôn trau dồi tình cảm; sống đẹp với mọi người, biết rung động trước cái đẹp của cuộc sống + Có hoài bão, ước mơ để sau này trở thành công dân có ích cống hiến cho đất nước.... (tùy vào cách trình bày suy nghĩ của HS, GV cho điểm phù hợp)	
--	--	--

Phần II: (7điểm)

Trong bài thơ “Bếp lửa”, Bằng Việt đã viết về tình bà cháu thật xúc động. Bài thơ có câu:

... “ *Ôi kì lạ và thiêng liêng - bếp lửa!*”.

Câu 1. Hãy chép chính xác những câu thơ trước đó để hoàn thành đoạn thơ.

Câu 2. Em hiểu thế nào về cụm từ “biết mấy nắng mưa” trong đoạn thơ vừa chép? Hãy chép lại một câu thơ có chứa cụm từ “mấy nắng mưa” trong một văn bản khác mà em đã học trong chương trình Ngữ văn 9?

Câu 3. Nhận xét về kiểu câu (xét theo mục đích nói) và giá trị biểu đạt của câu thơ: “Ôi kì lạ và thiêng liêng - bếp lửa!”.

Câu 4. Viết một đoạn văn qui nạp khoảng 12 -15 câu, nêu cảm nhận của em về hình ảnh người bà trong đoạn thơ vừa chép. Trong đoạn có sử dụng phép nối liên kết câu và một câu bị động (gạch chân, chỉ rõ).

<u>Phần II: (7điểm)</u>	1,0
- Chép chính xác những câu thơ trước đó để hoàn thành đoạn thơ. (Sai 1 lỗi trừ 0,25 điểm, không trừ quá điểm tối đa của câu).	
<u>Câu 1 (1điểm).</u> Cụm từ “biết mấy nắng mưa” trong đoạn: Không chỉ nói về những ngày mưa nắng bà từng trải qua mà còn là h/a ẩn dụ cho những vất vả nhọc nhằn, gian khổ bà từng chịu đựng...	0,5
- Chép lại một câu thơ có chứa cụm từ “mấy nắng mưa”: “Sân Lai cách mấy nắng mưa”. (Nguyễn Du)	0,5

Câu 2: (1,0điểm): Nhận xét về kiểu câu và giá trị biểu đạt của câu thơ: “ Ôi kì lạ và thiêng liêng - bếp lửa!” là câu cảm thán... * Giá trị biểu đạt: Câu thơ chứa đựng ý nghĩa khái quát về hình tượng bếp lửa Thể hiện sự ngạc nhiên ngỡ ngàng như khám phá ra một điều kì diệu giữa cuộc bình dị ...	0,5 0,5
Câu 3: (4,0điểm) Viết một đoạn văn Yêu cầu: * Hình thức (1,5điểm): - Đúng hình thức đoạn qui nạp, đảm bảo số câu liên kết chặt chẽ, mạch lạc. - Sử dụng phép nối liên kết câu và một câu bị động (không gạch chân trừ 0,5đ). *Nội dung (2,5đ) HS biết khai thác các tín hiệu nghệ thuật , có dẫn chứng và lí lẽ để làm rõ hình ảnh người bà trong đoạn thơ. - Người bà tần tảo, chịu thương chịu khó cả cuộc đời hi sinh vì con vì cháu... - Người bà hết lòng yêu thương cháu, nuôi cháu, nhóm lên trong cháu bao điều tốt đẹp (điệp từ “nhóm” với các nghĩa khác nhau...) ; bà là người nhóm lửa, giữ lửa, truyền lửa. - Người bà hiện ra trong nỗi nhớ, trong tình yêu thương, lòng biết ơn vô bờ của cháu, là bếp lửa “ kì lạ và thiêng liêng” trong tâm hồn cháu...	0,5 1,0 1,0 1,0 0,5

4. Củng cố: Hệ thống lại kiến thức ôn tập.

5. HDVN: Học nắm lí thuyết, hoàn thành các bài tập

Ngày dạy : 22 / 05 / 2023

Chuyên đề 6 :

RÈN KỸ NĂNG LUYỆN VIẾT ĐOẠN VĂN NGHỊ LUẬN VỀ THƠ

Tiết 31, 32, 33 : Bài thơ : ÁNH TRẮNG - NGUYỄN DUY

I. Mục tiêu cần đạt.

1. Kiến thức:

- Hs nắm đ- ọc tác giả, tác phẩm, cảm nhận đ- ọc những nội dung của các tác phẩm văn học thơ hiện đại Việt Nam : Ánh trắng

2.Kỹ năng: Hs có kỹ năng cảm nhận thơ hiện đại, có kỹ năng phân tích thơ.

3. Thái độ: Hs có thái độ trân trọng ngợi ca yêu thích môn học.

II. Chuẩn bị :

Thầy : Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án

Trò : Đọc kỹ tác phẩm,nội dung các văn bản n thơ hiện đại.

III. Tiến trình lên lớp.

1. Ôn định tổ chức:
2. Kiểm tra bài cũ:
3. Bài mới:

Câu hỏi theo đề cương:

Câu 15 (Tr59)

Bài thơ ánh trăng ra đời trong hoàn cảnh nào? Hoàn cảnh ấy có mối liên hệ ntn tới những điều tác giả muốn gửi gắm trong bài thơ?

Gợi ý:

- Bài thơ ra đời năm 1978 tại thành phố HCM in trong tập thơ cùng tên “ Ánh trăng”
- Bài thơ này do Nguyễn Duy viết và o lức cuộc c không chiến đ ó khớp lạ i ba năm. Ba năm sống trong hoà bình, không phải ai cũ ng cũn nhớ nhữ ng gian khổ và kỉ niệm nghĩ a tởn trong quá khứ . Vì vậy Nguyễn Duy đã mượn hình ảnh “ánh trăng” để bày tỏ cảm xúc của mình như một lời tỏ sự , một lời nhắ n nhủ chốn tởn với chính mình, với mọi người về lẽ sống chung thủy , nghĩ a tởn.

Câu 23(Tr 70): Cho đoạn thơ sau:

Ngửa mặt lên nhìn mặt
Có cái gì r- ng r- ng
Nh- là đồng là bể
Nh- là sông là rừng.

Trăng cứ tròn vành vạnh
Kể chi ng- ời vô tình
Anh trăng im phăng phắc
Đủ cho ta giật mình.

a. Giải thích nghĩa của từ □mặt□ trong đoạn thơ trên. Từ □mặt□ nào dùng theo nghĩa gốc, từ □mặt□ nào được dùng theo nghĩa chuyển?

- Câu thơ “Ngửa **mặt** lên nhìn **mặt**□ : Từ mặt đầu tiên : dùng theo nghĩa gốc: Mặt ng- ời; Từ “mặt” thứ hai dùng theo nghĩa chuyển - chính là mặt trăng tròn .Con người thấy mặt trăng là thấy được người bạn tri kỉ ngày nào. Cách viết thật lạ và sâu sắc - dùng những từ không trực tiếp để diễn tả sự xúc động, cảm động chợt dâng trào trong lòng anh khi gặp lại vầng trăng.

b. Chỉ ra các biện pháp tu từ

- Đoạn thơ trên sử dụng các biện pháp tu từ sau;
- + Phép tu từ dùng từ láy: r- ng r- ng, vành vạnh, phăng phắc
- + Phép tu từ so sánh: Trăng : Nh- là đồng là bể, nh- là sông là rừng

c. Viết đoạn văn cảm nhận về hình t- ượng trăng trong đoạn thơ theo kiểu diễn dịch (khoảng 10 câu văn)

Câu 24 (tr 71)

Mở đầu bài thơ ánh trăng - Nguyễn Duy viết:

Hồi nhỏ sống với đồng

.....

Vầng trăng thành tri kỉ”

a) - Chép lại 1 khổ thơ khác trong bài có hình ảnh: đồng, sông....

Ngửa mặt lên nhìn mặt

.....
Nh- là đồng là bể
Như là sông là rừng”

- Các hình ảnh: đồng, sông, bể ... ở hai khổ thơ có điểm khác nhau là:

+ Khổ 1: Là hình ảnh thiên nhiên trong hiện thực, là những khoảng không gian ghi dấu kỉ niệm ân tình giữa con ng- ời và vầng trăng. ánh trăng gắn với những kỉ niệm trong sáng thơ ấu tại làng quê thanh bình, êm ả.

+ khổ 5: Nh- là đồng, bể, nh- là sông, rừng là phép so sánh đ- ọc hiểu theo nghĩa khái quát. Đồng, sông, bể, rừng hiện về trong tâm t- ưởng, nhắc con ng- ời nhớ về một quá khứ thơ ấu, thời tr- ởng thành, thời chiến tranh từng gắn bó, chan hòa với thiên nhiên, đất n- ớc. ánh trăng đã đánh thức dậy những kỉ niệm quá khứ tốt đẹp, đánh thức lại tình cảm bạn bè năm x- a.

b) Bài thơ ánh trăng gợi nhắc và củng cố thái độ sống nào ở ng- ời đọc?

- Bài thơ ánh trăng gợi ra trong lòng chúng ta nhiều suy ngẫm sâu sắc về thái độ sống của con ng- ời đối với quá khứ gian lao, tình nghĩa và gửi đến mọi ng- ời lời nhắc nhở về cách sống ân nghĩa thủy chung ở đời.

- Hai câu tục ngữ : + Uống n- ớc nhớ nguồn

+ ăn quả nhớ kẻ trồng cây

c) Hãy viết bài văn (1 trang giấy) trình bày suy nghĩ củ a em về truyền thống đạo lí đ- ọc đúc kết từ các câu tục ngữ trên.

Gợi ý:

Trong kho tàng tục ngữ Việt Nam chưa đựng nhiều kinh nghiệm quý báu, nhiều bài học đạo lý nhắc nhở con người sống đúng, sống đẹp. một trong những câu tục ngữ đó là “ Uống nước nhớ nguồn”, “ Ăn quả nhớ kẻ trồng cây”.

Vậy “ Uống nước nhớ nguồn” là gì? Uống nước là thành quả, sản phẩm vật chất tinh thần của người khác. Nhớ nguồn là người hưởng thụ phải tri ân, gìn giữ và phát huy thành quả của người làm ra chúng. Câu tục ngữ nói lên lòng biết ơn của những người làm ra thành quả cho chúng ta hưởng thụ. Đồng thời cũng nhằm khuyên nhủ và nhắc nhở mọi người sống có đạo lý, nhân nghĩa bởi cuộc đời vẫn có những kẻ sống vô ơn “ Qua cầu rút ván”, “ Có mới nới cũ”, “ Uống nước quên người đào giếng”. Nhớ ơn vốn là truyền thống đạo lý của dân tộc ta từ xưa cho đến nay. Thật vậy, trong gia đình con cái phải biết ơn tổ tiên, ông bà, cha mẹ được thể hiện qua các ngày giỗ, ngày lễ, thờ phụng, thăm viếng mồ mả ông bà, tổ tiên và yêu kính cha mẹ. Trong nhà trường học sinh phải biết ơn thầy cô vì “ Không thầy đố mày làm nên”.....Trong xã hội, thế hệ sau phải nhớ ơn thế hệ trước đã chiến đấu hi sinh, đổ bao mồ hôi và sương máu để bảo vệ xây dựng đất nước như ngày nay, phong trào đền ơn đáp nghĩa thể hiện lòng biết ơn những thương binh liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, bà mẹ Việt Nam anh hùng. Một đất nước, xã hội, gia đình mà giữ được truyền thống đạo lý “ Uống nước nhớ nguồn” là một đất nước, xã hội, gia đình tốt đẹp, bền vững. Chúng ta cần có ý thức vun đắp, bảo vệ góp phần xây dựng thành quả đạt được làm cho gia đình hạnh phúc, đất nước giàu mạnh.

Câu tục ngữ là một lời nhắc nhở sâu sắc về lòng biết ơn. Lòng biết ơn là thước đo đánh giá con người. Sống và thực hiện theo đạo lý trên là biểu hiện của lối sống nghĩa tình, phát huy truyền thống của dân tộc Việt Nam.

Phần II (5,5đ):

Hình ảnh vàng trắng với vẻ đẹp trong trẻo, thanh khiết vốn là nguồn cảm hứng làm say đắm biết bao tâm hồn thi sĩ từ cổ chí kim. Có một nhà thơ đã từng tâm niệm:

Vàng trắng thành tri kỉ

Và sau đó cảm xúc trước trăng, nhà thơ đã viết rất chân thành:

Ngửa mặt lên nhìn mặt

.....

Đủ cho ta giật mình.

Câu 1 (1đ): Những câu thơ trên trích trong tác phẩm nào? Của ai? Ra đời trong hoàn cảnh nào? Hoàn cảnh ấy có tác động như thế nào tới điều mà tác giả muốn gửi gắm?

Câu 2 (1đ): Hai khổ thơ trên có hình ảnh nào lặp lại ở khổ đầu? Theo em, sự trở lại của những hình ảnh ấy mang những ý nghĩa gì?

Câu 3 (3,5đ): Viết đoạn văn nghị luận khoảng 12- 15 câu theo phép lập luận tổng hợp- phân tích- tổng hợp phân tích hai khổ thơ trên để làm rõ hình tượng vàng trắng, đoạn văn có sử dụng câu phủ định và thành phần phụ chú (gạch chân - chú thích rõ).

Câu 1: (1đ)

-Tên tác phẩm: Ánh trăng (0,25đ)

-Tên tác giả: Nguyễn Duy (0,25đ)

- Hoàn cảnh sáng tác: 1978, sau 3 năm đất nước thống nhất, tại TP Hồ Chí Minh (0,25đ)

-Hoàn cảnh ấy có tác động như thế nào tới điều mà tác giả muốn gửi gắm:

Cuộc sống tiện nghi đầy đủ khiến con người dễ quên đi những gian khổ đã qua. Đó cũng là lời nhắc nhở về lẽ sống ân nghĩa, thủy chung với quá khứ. (0,25đ)

Câu 2 (1đ):- Hình ảnh lặp lại: *đồng, sông, bể, rừng*

- Sự trở lại của những hình ảnh ấy mang những ý nghĩa:

như là đồng là bể- như là sông là rừng là phép so sánh được hiểu theo nghĩa khái quát: *Đồng, sông, bể, rừng* hiện về trong tâm tưởng nhắc nhở về một thời thơ ấu, thời trưởng thành, thời chiến tranh... từng gắn bó, chan hòa với thiên nhiên, đất nước...

Câu 3 (3,5đ):

* *Hình thức + kiến thức Tiếng Việt*(1,5đ)

- Đúng mô hình đoạn văn nghị luận T-P- H (đủ số câu từ 12-> 15 câu) (0,5đ)

- Tiếng Việt: (1đ)

* *Nội dung:* (2đ)

- HS biết khai thác tín hiệu nghệ thuật trong 8 câu thơ để làm rõ hình tượng vàng trắng :

+ Cuộc đối diện đàm tâm giữa người và trăng: Trăng biểu tượng cho thiên nhiên đất nước bình dị hiền hậu

+Biểu tượng cho quá khứ gian lao nghĩa tình, cho vẻ đẹp vĩnh hằng của đời sống

- Là người bạn, nhân chứng nghĩa tình nhắc nhở con người lẽ sống.

+Tất cả những quá khứ xa xưa đang ào ạt tràn về

+ Vẻ đẹp viên mãn tròn đầy của trăng với sự bao dung độ lượng, nghĩa tình trọn vẹn

+ Trăng thể hiện thái độ nghiêm khắc, sự im lặng đến tuyệt đối khiến nhân vật trữ tình phải tự vấn lương tâm của mình.

4. củng cố: Hệ thống lại kiến thức ôn tập.
5. HDVN: Học nắm lí thuyết, hoàn thành các bài tập

Ngày dạy : 23 / 05 / 2023

Chuyên đề 6 :

RÈN KỸ NĂNG LUYỆN VIẾT ĐOẠN VĂN NGHỊ LUẬN VỀ THƠ

**Tiết 34, 35, 36 : Bài thơ : MÙA XUÂN NHỎ NHỎ - Thanh Hải
VIẾNG LĂNG BÁC - Viễn Phương.**

Câu 12(Tr 59) Nêu hoàn cảnh sáng tác bài thơ mùa xuân nho nhỏ? Em hiểu ý nghĩa nhan đề “ Mùa ...” ntn?

a. Hoàn cảnh sáng tác bài thơ:

Bài thơ ra đời trong một hoàn cảnh đặc biệt: tháng 11- 1980, chỉ ít ngày sau, nhà thơ qua đời. Bài thơ ra đời trong hoàn cảnh đất nước ta mới thống nhất lại đang phải đối mặt với nhiều khó khăn và thử thách gay gắt. V- ợt lên hoàn cảnh ấy, tâm hồn nhà thơ vẫn rộng mở tr- ớc vẻ đẹp của mùa xuân, vẫn thiết tha yêu cuộc sống, khao khát đ- ợc cống hiến một phần nhỏ bé của mình để làm nên vẻ đẹp của cuộc đời chung.

b. Em hiểu ý nghĩa nhan đề bài thơ « Mùa xuân nho nhỏ » như thế nào ? Từ đó nêu chủ đề của bài thơ ?

Sự sáng tạo đặc sắc nhất của nhự thơ Thanh Hải trong bài thơ là hình ảnh « mùa xuân nho nhỏ ». Người ta dùng nhiều định ngữ gắn với mùa xuân như : mùa xuân chín, mùa xuân xanh, xuân ý, xuân lòng... nhưng « mùa xuân nho nhỏ » là một phát hiện mới mẻ và sáng tạo độc đáo trong ý tưởng thơ và ngôn ngữ của nhà thơ. Từ láy « nho nhỏ » vừa chỉ ra cái mùa xuân riêng trong lòng nhà thơ trước mùa xuân lớn của cuộc đời vừa gợi lên cái vẻ xinh xinh đáng yêu của nó. Hình ảnh ấy cùng với những hình ảnh cảnh hoa, con chim, nốt nhạc trầm xao xuyến.... tất cả đều mang một vẻ đẹp bình dị, khiêm nhường, thể hiện điều tâm niệm chân thành, tha thiết của nhà thơ. Nhà thơ tự nguyện làm một mùa xuân nghĩa là ông muốn sống đẹp, có ích, sống với tất cả sức sống tươi trẻ của mình và mang đến cho cuộc đời chung một nét riêng, cái phần tinh túy của mình, dù nhỏ bé. Đó là mục đích sống, lẽ sống cao đẹp của nhà thơ.

*** Đoạn văn: (Giải thích ý nghĩa nhan đề- có sử dụng phép thế và câu hỏi tu từ)**

“ Bài thơ “ Mùa xuân nho nhỏ” của nhà thơ Thanh Hải ca ngợi cảnh sắc thiên nhiên tươi đẹp của đất nước, một mùa xuân tươi vui, tràn đầy sức sống. Tác giả của bài thơ là người sống hết mình thủy chung cho đất nước, đem cả cuộc đời phục vụ cho Tổ quốc. Khi đất nước bị mĩ - Diệm và bè lũ tay sai âm mưu chia cắt làm hai miền, ông hoạt động bí mật trong vùng giặc, gây dựng phong trào cách mạng, coi thường cảnh máu chảy đầu rơi. Cảm động hơn nữa là bài thơ ra đời trong một hoàn cảnh đặc biệt, khi nhà thơ đang nằm trên giường bệnh, một tháng trước lúc ông qua đời. Bởi thế nên “ Mùa xuân nho nhỏ” không chỉ thể hiện lòng yêu thiên nhiên, yêu quê hương đất nước của tác giả mà còn thể hiện tình yêu trước cuộc đời của người nghệ sĩ. Nhan đề bài thơ chứa đựng một ý nghĩa sâu sắc: mỗi con người hãy trở thành “ một mùa xuân nho nhỏ” để làm

nên mùa xuân bất tuyệt của đất nước. Ai cũng phải có ích cho đời. “ *Mùa xuân nho nhỏ* ” là một ẩn dụ đầy sáng tạo khắc sâu ý tưởng: Nhà thơ Thanh Hải đã góp cho thơ ca dân tộc một bài thơ xuân đẹp, đậm đà tình nghĩa. Tuy một tâm hồn, tài năng thơ đã khép lại, nhưng những gì thuộc về chất ngọc trong trái tim, tấm lòng nhà thơ còn để đời cho hậu thế trân trọng nâng niu. *Làm sao không quý, không yêu những vần thơ của một hồn thơ đáng kính nhường này?* ”

Phép thể đại từ: *Thanh Hải, nhà thơ, ông, hồn thơ.*

Câu 22 (Tr 70).

Mở đầu bài thơ « Mùa xuân nho nhỏ », Thanh Hải viết :

Mọc giữa dòng sông xanh.

Một bông hoa tím biếc.

a. Câu thơ trên sử dụng biện pháp tu từ gì ? Hãy nêu hiệu quả nghệ thuật của biện pháp tu từ ấy trong văn cảnh ?

- Câu thơ trên nhà thơ Thanh Hải sử dụng biện pháp tu từ đảo ngữ (Đảo trật tự cú pháp). Cụ thể là : Động từ *ô mọc* ằ đặt ở đầu câu thơ, đảo vị ngữ trong câu thơ đầu lên tr- ớc chủ ngữ *ô dòng sông xanh* ằ, gây ấn t- ợng lạ.

- Tác dụng của hiệu quả nghệ thuật trong dùng phép đảo ngữ đó là : Gọi ắn tượng về sự xuất hiện củ a bông hoa tím, *làm cho ng- ời đọc có cảm những bông hoa lục bình trên dòng sông H- ơng xứ Huế có cội rễ, đ- ọc nuôi d- ỡng bằng sức sống của dòng sông mùa xuân. Bức tranh xuân càng thêm sinh động, đầy sức mớnh liệt t củ a mùa xuân*

b. Chép 5 dòng thơ tiếp cho hoàn thiện đoạn thơ là:

"Mọc giữa dòng sông xanh

Một bông hoa tím biếc

Ôi! com chim chiền chiện

Từng rớt long lanh rơi

Tôi giờ tay Tôi hứng".

c. Viết đoạn văn:

Phần I (6,5 điểm)

Câu 1: Hãy chép lại chính xác hai khổ thơ thể hiện cảm xúc của tác giả trước vẻ đẹp và sức sống của mùa xuân đất nước trong bài thơ “ *Mùa xuân nho nhỏ* ” của Thanh Hải. Nêu chủ đề của bài thơ.

Câu 2: Từ “ *lao xao* ” có thể thay thế cho từ “ *xôn xao* ” trong đoạn thơ được không? Vì sao? Trong hai câu thơ “ *Đất nước như vì sao/ Cúi đi lên phía trước* ”, nhà thơ đã sử dụng phép tu từ gì? Nêu rõ hiệu quả nghệ thuật của biện pháp tu từ ấy?

Câu 3: Dựa vào hai khổ thơ đã chép, hãy viết một đoạn văn (khoảng 10 câu) theo cách diễn dịch, trong đoạn có sử dụng phép nổi và một câu bị động để làm rõ cảm xúc của tác giả trước vẻ đẹp và sức sống của mùa xuân đất nước. (Gạch dưới câu bị động và từ ngữ dùng làm phép nổi)

Phần I (7điểm)	
Câu 1 (1,5điểm)	
- Chép chính xác khổ 2 và 3 bài thơ “ <i>Mùa xuân nho nhỏ</i> ” (Mỗi lỗi sai trừ 0.25 đ)	1 điểm
- Nêu chủ đề bài thơ: Bài thơ thể hiện tình yêu thiên nhiên, yêu đất nước,	0,5điểm

yêu cuộc sống tha thiết của nhà thơ và ước nguyện chân thành góp mùa xuân nho nhỏ của đời mình vào cuộc đời chung cho đất nước.	
Câu 2 (1,5điểm) - Từ “lao xao” không thể thay thế từ “xôn xao” vì: tuy cả hai từ đều là từ láy mô phỏng âm thanh nhưng từ “xôn xao” gọi tả được âm thanh và có cả âm vang của một tấm lòng, không chỉ tả cảnh mà còn tả tình trong cảnh. - Trong hai câu thơ “ <i>Đất nước như vì sao/ Cứ đi lên phía trước</i> ”, nhà thơ sử dụng phép tu từ nhân hóa và so sánh. - Tác dụng: thể hiện niềm tự hào trước vẻ đẹp tráng lệ và khẳng định sự trường tồn của đất nước; thể hiện niềm tin vào sức sống và thế đi lên của đất nước trong thời đại mới.	0,5điểm 0,5điểm 0,5điểm
Câu 3 (3,5điểm) *Hình thức: + Đúng đoạn văn diễn dịch, câu chủ đề đủ ý ở vị trí đầu đoạn. + Độ dài khoảng 10 câu (hơn – kém 1 câu) + Có sử dụng: phép nối để liên kết, câu bị động (Lưu ý: có sử dụng điều kiện nhưng không chú thích, GV cho 0,5điểm) *Nội dung: Học sinh khai thác hiệu quả các tín hiệu nghệ thuật, có dẫn chứng lí lẽ để làm rõ những ý sau: - Người cầm súng, người ra đồng, với hai nhiệm vụ: dựng xây - bảo vệ tổ quốc đã đem mùa xuân đến mọi nơi trên đất nước..... + Từ <i>lộc</i> không chỉ là chồi non, lộc biếc mà còn tượng trưng cho hạnh phúc, may mắn và sức sống mãnh liệt của con người, dân tộc.... + Điệp cấu trúc <i>tất cả như</i> + Từ láy <i>hối hả, xôn xao</i> -> vừa gọi không khí vội vã, khẩn trương trong công cuộc xây dựng đất nước, vừa gọi tâm trạng phấn khởi, náo nức của con người trước tinh thần lao động khẩn trương ấy.... => Cảm xúc của nhà thơ là cảm xúc lạc quan, tin tưởng, ngợi ca sức sống của quê hương đất nước, của dân tộc + Đất nước trải qua 4000 năm trường tồn với bao thử thách vất vả và gian lao. + Hình ảnh so sánh “Đất nước như vì sao” + hình ảnh nhân hóa “Cứ đi lên phía trước --> vừa biểu lộ niềm tự hào, vừa khẳng định sự trường tồn của dân tộc. Đồng thời thể hiện chí khí, quyết tâm và niềm tin sắt đá của dân tộc để xây dựng đất nước giàu mạnh.	1điểm 0,25điểm 0,25điểm 0,5điểm 2,5điểm 0,5điểm 0,25điểm 0,75điểm 0,25điểm 0,75điểm

VIẾNG LĂNG BÁC

Câu 13(Tr 59)

Trong bài thơ □ VLB□ tác giả nhiều lần nhắc đến hình ảnh hàng tre.

a) Chép chính xác những câu thơ ấy, giải thích ngắn gọn ý nghĩa của hình ảnh cây tre trong từng văn cảnh?

- Câu thơ có H/A cây tre: Đã thấy trong s-ong hàng tre bát ngát
 Ôi! Hàng tre xanh xanh Việt nam

Muốn làm cây tre trung hiếu chốn này.

- Giải thích:

+ Hàng tre bát ngát trong sương là hình ảnh thực, hết sức thân thuộc của làng quê – hàng tre bên lăng Bác.

+ Hàng tre xanh xanh Việt Nam..... là ẩn dụ, biểu tượng của dân tộc với sức sống bền bỉ, kiên cường.

+ Hình ảnh ẩn dụ cũng gợi liên tưởng đến hình ảnh cả dân tộc bên Bác: đoàn kết, kiên cường, thực hiện lí tưởng của Bác, của dân tộc.

Đoạn văn:

Hình ảnh hàng tre bên lăng Bác là một hình ảnh rất đẹp và độc đáo. Trước hết hàng tre gợi nhớ đến xóm làng thân thuộc với lũy tre xanh bao bọc ở mỗi làng quê VN. Mặt khác cây tre còn là biểu tượng cho phẩm chất tốt đẹp của con người VN, với đức tính cần cù, nhẫn nại, bền bỉ, kiên cường, đoàn kết. Hàng tre xanh xanh, màu xanh tượng trưng cho sức sống mãnh liệt của người VN. Mà còn được nhân hoá như những con người, những chiến sĩ đứng thẳng hàng vừa làm hàng rào danh dự, vừa canh giữ cho giấc ngủ bình yên mãi mãi của người, thể hiện tấm lòng trung thành với ỏi sự nghiệp, với truyền thống của Bác.

b) Trong chương trình ngữ văn THCS cũng có một văn bản khác viết về cây tre, đó là văn bản nào, do ai sáng tác?

- Văn bản: Cây tre Việt Nam của tác giả Thép Mới.

Câu 21 (Tr 70)

Trong bài “ VLB” ngoại cảnh chỉ được miêu tả chấm phá vài nét, còn chủ yếu tác giả bộc lộ tâm trạng, cảm xúc yêu thương, ngưỡng mộ của mình đối với chủ tịch HCM” Hãy sử dụng câu trên làm câu chủ đề, viết tiếp một đoạn văn từ 8-> 10 câu để tạo thành một đoạn văn theo cách lập luận diễn dịch (Có sử dụng câu ghép chính phụ) chỉ ra mối quan hệ trong câu ghép đó.

- HS làm đề

4. Củng cố: Hệ thống lại kiến thức ôn tập.

5. HDVN: Học nắm lí thuyết, hoàn thành các bài tập

=====

Ngày dạy : 23 / 05 / 2023

Chuyên đề 6:

RÈN KỸ NĂNG LUYỆN VIẾT ĐOẠN VĂN NGHỊ LUẬN VỀ THƠ

Tiết 37, 38, 39: Bài thơ : SANG THU

Ngày dạy : / 05 / 2023

Chuyên đề 6 :

RÈN KỸ NĂNG LUYỆN VIẾT ĐOẠN VĂN NGHỊ LUẬN VỀ THƠ

Tiết 40, 41, 42 : Bài thơ : NÓI VỚI CON

ĐỀ 1: Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

*Người đồng mình thương lắm con ơi
Cao đo nỗi buồn
Xa nuôi chí lớn.
Dẫu làm sao thì cha vẫn muốn
Sống trên đá không chê đá gập ghềnh
Sống trong thung không chê thung nghèo đói
Sống như sông như suối
Lên thác xuống ghềnh
Không lo cực nhọc.*

(Trích *Nói với con*, Y Phương - SGK Ngữ văn 9, tập II-NXBGDVN -2016- trang 12).

Câu hỏi :

Câu 1. Xác định thể thơ của đoạn trích trên. « *Người đồng mình* » được nhà thơ nói đến là những ai?

Câu 2. Qua đoạn trích, em thấy cuộc sống của người đồng mình hiện lên như thế nào?

Câu 3. Chỉ ra và nêu tác dụng của 02 biện pháp tu từ được sử dụng trong những câu thơ sau:

*Sống như sông như suối
Lên thác xuống ghềnh
Không lo cực nhọc*

Câu 4. Xác định thành ngữ trong đoạn thơ trên. Em hiểu ý nghĩa của thành ngữ đó như thế nào?

Câu 5. Chọn 1 trong hai ý sau :

a. Suy nghĩ của em về vẻ đẹp tâm hồn của người đồng mình được thể hiện qua đoạn trích trên. Trình bày trong một đoạn văn khoảng 6-8 câu.

b: Dựa vào phần đã trích dẫn, hãy viết một đoạn văn nghị luận khoảng 10 câu theo cách lập luận tổng hợp- phân tích- tổng hợp làm rõ những đức tính cao đẹp của “Người đồng mình” và lời nhắc nhở của cha với con, trong đó có sử dụng câu ghép và phép lặp (gạch dưới câu ghép và những từ ngữ dùng làm phép lặp)

Gợi ý Đoạn văn

Câu 5:

a. Người đồng mình biết lo toan và giàu mơ ước

- Người đồng mình không chỉ là những con người giản dị, tài hoa trong cuộc sống lao động mà còn là những con người biết lo toan và giàu mơ ước: “Người đồng mình thương lắm con ơi!/ Cao đo nỗi buồn/ Xa nuôi chí lớn”.

- Có thể nói, cuộc sống của người đồng mình còn nhiều nỗi buồn, còn nhiều bộn bề thiếu thốn song họ sẽ vượt qua tất cả, bởi họ có ý chí và nghị lực, họ luôn tin tưởng vào tương lai tốt đẹp của dân tộc.

+ Người đồng mình dù sống trong nghèo khổ, gian nan vẫn thủy chung gắn bó với quê hương, cội nguồn

“Sống trên đá không chê đá gập ghềnh/ Sống trong thung không chê thung nghèo đói/
Sống như sông như suối/ Lên thác xuống ghềnh/ Không lo cực nhọc”

- “Đá gập ghềnh”, “thung nghèo đói” => Gợi cuộc sống đói nghèo, khó khăn, cực nhọc
=> Vận dụng thành ngữ dân gian “Lên thác xuống ghềnh”, ý thơ gợi bao nỗi vất vả, lam lũ => Những câu thơ dài ngắn, cùng những thanh trắc tạo ấn tượng về cuộc sống trắc trở, gian nan, đói nghèo của quê hương.

b. *Về hình thức:

- Đoạn văn nghị luận viết theo cách tổng- phân- hợp gồm ba phần: mở đoạn, thân đoạn, kết đoạn, liền mạch, không xuống dòng.

- Viết khoảng 10 câu, chữ viết đúng chính tả, trình bày rõ ràng, sạch sẽ.

*. Về nội dung:

Học sinh làm rõ ý chính đề yêu cầu: Những đức tính cao đẹp của “người đồng mình” và lời nhắc của cha đối với con. Học sinh có thể phân tích theo hai cách: Hoặc “cảm nhận những đức tính cao đẹp của “người đồng mình” được nhà thơ ca ngợi rồi tìm hiểu lời nhắc nhở của cha đối với con, hoặc có thể kết hợp phân tích cả hai ý này.

Học sinh có thể tham khảo dàn ý đoạn viết sau:

*Mở đoạn: Giới thiệu đoạn thơ, trích tác phẩm “Nói với con” của Y Phương và nêu ý chính mà đề bài yêu cầu.

*Thân đoạn:

Có thể sắp xếp những mạch ý nhỏ sau:

- Cuộc sống của “Người đồng mình” còn nhiều vất vả, nhiều nỗi buồn, song họ luôn mạnh mẽ, giàu ý chí, nghị lực vươn lên trong cuộc sống, thể hiện qua cách nói của người miền núi:

“Cao đo nỗi buồn

Xa nuôi chí lớn”

- Sự thủy chung bền bỉ, gắn bó với quê hương, dẫu còn cực nhọc, đói nghèo.

điệp ngữ “không chê” mang tính khẳng định, hình ảnh mộc mạc mà giàu ý nghĩa khái quát như “đá”, “thung”, “gập ghềnh” “nghèo đói”, chỉ nơi sống và cuộc sống ở đó còn gặp nhiều khó khăn, vất vả.

- “Người đồng mình” có cách sống mộc mạc, hồn nhiên, khoáng đạt. Phân tích hình ảnh so sánh “Sống như sông, như suối”. Thành ngữ “lên thác xuống ghềnh” chỉ nỗi khó nhọc trong cuộc sống, làm ăn, song “người đồng mình” không lo cực nhọc” vẫn sống tự tin, thanh thản.

* Người cha nhắc nhở con:

-Sống phải có nghĩa tình, chung thủy với quê hương mình.

- Biết chấp nhận và vượt qua gian nan thử thách bằng ý chí, bằng niềm tin của mình.

=> Phân tích qua lời gọi tha thiết “con ơi”, cụm từ “cha vẫn muốn”, điệp ngữ “không chê”, “sống”... để thấy lời mong mỏi tha thiết con sẽ làm được những điều cha mong muốn.

*Phân kết đoạn:

Bằng giọng thơ thiết tha, trù mẫn, cách diễn đạt tình cảm và suy nghĩ với những hình ảnh cụ thể, mộc mạc mà có tính khái quát, giàu chất thơ, nhà thơ dân tộc Y Phương qua đoạn thơ trên đã giúp ta hiểu thêm về sức sống mạnh mẽ, bền bỉ của một dân tộc miền núi, nhắc nhở ta gắn bó với quê hương và có ý chí nghị lực vươn lên trong cuộc sống.

c. Về ngữ pháp: Học sinh sử dụng thích hợp, chính xác, gạch chân và chú thích rõ ràng câu ghép và từ ngữ dùng làm phép lặp.

ĐỀ 2 : Đọc hai câu thơ sau và trả lời câu hỏi:

"Người đồng mình thô sơ da thịt

Chẳng mấy ai nhỏ bé đâu con"

a) Hai câu thơ được trích trong văn bản nào? Tác giả là ai?

b) Cảm nhận của em về nội dung hai câu thơ trên.

ĐỀ 3: Cho đoạn thơ sau:

“Chân phải bước tới cha

Chân trái bước tới mẹ

Một bước chạm tiếng nói

Hai bước tới tiếng cười

Người đồng mình yêu lắm con ơi

Đan lò cài nan hoa

Vách nhà ken câu hát

Rừng cho hoa

Con đường cho những tấm lòng”

(Nói với con – Y Phương)

Câu hỏi :

1. Trong đoạn thơ trên, người cha đã nói với con về điều gì?

2. Cách miêu tả bước chân con “chạm tiếng nói”, “tới tiếng cười” có gì đặc biệt?

3. Theo em “Người đồng mình” được nói đến trong đoạn thơ trên là ai? Cách gọi “người đồng mình” của Y Phương có gì sâu sắc?

4. Hai câu thơ “ *Đan lò cài nan hoa – Vách nhà ken câu hát*” sử dụng biện pháp tu từ nào? Nêu tác dụng của biện pháp tu từ đó?

5. Trong câu thơ: *Rừng cho hoa*

Con đường cho những tấm lòng

các từ “rừng, hoa, con đường” được hiểu theo những nghĩa nào?

ĐỀ 4: Mở đầu bài thơ Nói với con, nhà thơ Y phương viết:

Chân phải bước tới cha

Chân trái bước tới mẹ

Một bước chạm tiếng nói

Hai bước tới tiếng cười

(Ngữ văn 9, tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2016)

Câu hỏi :

1. Ghi lại chính xác 7 dòng tiếp theo những dòng thơ trên.
2. Cách miên tả bước chân con “*chạm tiếng nói*”, “*tới tiếng cười*” có gì đặc biệt?
3. Hãy trình bày suy nghĩ của em (khoảng 12 câu) về quan niệm: *Được sống trong tình yêu thương là hạnh phúc của mỗi con người.*

GỢI Ý :

Câu 3:

a. Về hình thức:

- Học sinh viết đúng yêu cầu của một đoạn văn nghị luận xã hội, bộc lộ rõ quan điểm của cá nhân; lập luận chặt chẽ, thuyết phục; dẫn chứng cụ thể.
- Cách trình bày nội dung đoạn viết chặt chẽ
- Diễn đạt trong sáng, lưu loát; không mắc lỗi chính tả, lỗi dùng từ, lỗi viết câu; trình bày rõ ràng, sạch đẹp.
- Độ dài đúng quy định: khoảng 12 câu

b. Về nội dung:

- Học sinh có thể có nhiều cách viết khác nhau nhưng cần tập trung làm rõ quan điểm cá nhân về vấn đề: Được sống trong tình yêu thương là hạnh phúc của mỗi con người.

- Học sinh có thể tham khảo dàn ý đoạn viết sau:

* Mở đoạn: Giới thiệu vấn đề: con người được sống trong tình yêu thương là một hạnh phúc.

* Thân đoạn:

Có thể triển khai các ý nhỏ sau:

- Giải thích: Tình cảm yêu thương là thái độ cảm thông, chia sẻ, chăm chút, nâng niu, tha thứ... của con người. Đó là thứ tình cảm xuất phát từ trái tim và cũng được cảm nhận bằng tâm hồn.

- Biểu hiện của tình cảm yêu thương:

+ Trong gia đình: là tình cảm nâng niu, chăm chút, sẻ chia của ông bà, cha mẹ giành cho con cái; tình cảm biết ơn, sẻ chia của con cháu với ông bà, cha mẹ; của anh chị em...

+ Trong nhà trường: tình thầy trò, bè bạn

+ Ngoài xã hội: là tình yêu của con người với con người, của con người với thế giới xung quanh...

- Khẳng định tình cảm yêu thương có ý nghĩa vô cùng lớn lao

+ Tình yêu thương nuôi dưỡng tâm hồn con người.

+ Tình yêu thương là cầu nối con người với con người, là động lực giúp con người vượt qua gian nan, thử thách trên đường đời.

+ Tình yêu thương là nền tảng của những tình cảm tốt đẹp khác

+ Tình yêu thương sẽ giúp tạo nên những mối quan hệ xã hội tốt đẹp

- Thật bất hạnh khi con người không được sống trong tình yêu thương: những trẻ em mồ côi, bị bỏ rơi, những người già không nơi nương tựa...

- Phê phán những người sống thiếu tình thương yêu

- Bài học về nhận thức và hành động:
 - + Thấy giá trị của tình yêu thương trong cuộc sống, trân trọng cuộc sống đầy yêu thương mình đang có
 - + Hành động vì cuộc sống tràn đầy tình yêu thương.
- * Kết đoạn: liên hệ bản thân

ĐỀ 5: Cho đoạn thơ:

“Con ơi tuy thô sơ da thịt

Lên đường

Không bao giờ nhỏ bé được

Nghe con.”

(Y Phương, Nói với con, Ngữ văn 9, NXB Giáo dục năm 2013)

1. Tìm thành phần gọi- đáp trong những dòng thơ trên ?
2. Theo em, việc dùng từ phủ định trong dòng thơ “ *không bao giờ nhỏ bé được*”, nhằm khẳng định điều gì?
3. Từ bài thơ trên và những hiểu biết xã hội, em hãy trình bày suy nghĩ (khoảng nửa trang giấy thi) về cội nguồn của mỗi người, qua đó thấy được trách nhiệm của mỗi cá nhân trong tình hình đất nước hiện nay.

GỢI Ý ĐOẠN VĂN

3. Học sinh trình bày những suy nghĩ theo cảm nhận riêng của mình, song vẫn phải đảm bảo rõ mạch ý viết, có sự liên kết, lập luận chặt chẽ, đúng thể loại văn nghị luận xã hội.

Dưới đây là một số gợi ý có thể viết:

*Cội nguồn của mỗi con người là gia đình và quê hương, đất nước.

*Trong gia đình

Người cha, người mẹ có vai trò quan trọng, thiêng liêng với đứa trẻ: nuôi nấng, dạy dỗ, theo dõi từng bước đi trưởng thành của người con.

- Tình yêu thương, niềm vui, hạnh phúc của gia đình cũng ảnh hưởng tới tâm hồn và nhân cách con người.

*Với quê hương, đất nước

- Cuộc sống ở quê hương còn gặp nhiều khó khăn, vất vả nhưng niềm lạc quan, yêu đời, nghị lực vươn lên trong cuộc sống của những người cùng chung sống trong cộng đồng có thể giúp chúng ta nhận ra giá trị đích thực của cuộc sống.

- Thiên nhiên tươi đẹp cùng với những tấm gương về lối sống cao đẹp, cũng góp phần tạo cho mỗi người nhân cách sống tốt đẹp.

*Trách nhiệm của mỗi cá nhân trong tình hình đất nước hiện nay:

- Đất nước đang trên đà phát triển kinh tế, hội nhập với thế giới, mỗi cá nhân ở mọi lĩnh vực khác nhau phải tích lũy tri thức, kỹ năng sống, trau dồi đạo đức, rèn luyện sức khỏe dẻo dai, bền bỉ để chung tay góp sức xây dựng đất nước “ ngày càng hùng vĩ hơn, to đẹp hơn, sánh vai với các cường quốc năm châu” (Lời Bác Hồ dạy)

- Ngày 3-5-2014 vừa qua, Trung Quốc đã đặt giàn khoan Hải Dương 981 trái phép trong khu vực đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của Việt Nam, mỗi người dân Việt Nam cần thể hiện lòng yêu nước của mình bằng một trái tim nồng nàn nhưng cần phải tỉnh táo với “ cái đầu lạnh”, biết kiềm chế trước âm mưu của kẻ xấu để góp phần gìn giữ chủ quyền lãnh thổ VN (có thể đưa ra một số dẫn chứng cụ thể, sinh động để minh họa).
- Liên hệ với bản thân: Phải phấn đấu học tốt, để trở thành “con ngoan, trò giỏi”, ủng hộ và thực hiện tốt những chủ trương đường lối của Đảng, Nhà nước đề ra bằng những việc làm cụ thể, phù hợp với hoàn cảnh sống của bản thân.

ĐỀ 6 : Cho hai câu thơ

*Chân phải bước tới cha
Chân trái bước tới mẹ*

Câu hỏi :

Câu 1: Hai câu thơ trên nằm trong tác phẩm nào? Tác giả? Trình bày hoàn cảnh ra đời của bài thơ.

Câu 2: Chép chính xác 9 câu thơ tiếp để hoàn chỉnh đoạn thơ có chứa hai câu thơ trên. Nêu nội dung của đoạn thơ đó.

Câu 3: Em hiểu “*người đồng mình*” là gì? Cách gọi “*người đồng mình*” của tác giả có gì sâu sắc?

Câu 4: Phân tích giá trị của hai câu thơ:

*Dan lờ cài nan hoa
Vách nhà ken câu hát*

Câu 5: Con lớn lên trong tình yêu của cha mẹ và sự đùm bọc của bọc hương. Nội dung ấy được thể hiện như thế nào trong khổ thơ đầu tiên (*từ đầu đến Ngày đầu tiên đẹp nhất trên đời*) của bài thơ?

Câu 6: Nhà thơ đã ca ngợi những tình cảm tốt đẹp nào của “*người đồng mình*” qua lời nói của người cha với con?

GỢI Ý :

6. Người cha nói với con về những đức tính cao đẹp của “*người đồng mình*” từ đó nhắc con những điều cần nhớ:

- “*Người đồng mình thương lắm con ơi*”: Nhắc đứa con hiểu và đồng cảm với nỗi khổ cực nhưng giàu tình thương và đáng tự hào của người đồng mình.

+ Người đồng mình lấy cái cao của trời đất làm thước đo nỗi buồn của mình, lấy cái xa của đất để đo chí lớn.

+ Người cha muốn con lấy hiện trạng thiếu thốn, khó khăn khi dân tộc mình đang nghèo đói để làm động lực sống.

+ Con phải biết sông “*như sông như suối*” dùng chính nội lực của mình để trải qua gian nan, thử thách.

→ Thể hiện chí hướng, tầm vóc, sức sống của ý chí con người, quê hương.

- “*Người đồng mình thô sơ da thịt*” nhưng “*chẳng mấy ai nhỏ bé*” là lời khẳng định chắc chắn rằng sự.

- “*Người đồng mình tự đục đá kê cao quê hương/ Còn quê hương thì làm phong tục*”: người đồng mình giàu lòng tự tôn dân tộc, có ý thức về dân tộc cũng như nền văn hóa, phong tục riêng biệt độc đáo. Trân trọng phong tục, tập quán, hướng về cội rễ chính là cách “*người đồng mình*” tự hào về quê hương.

→ Tác giả khẳng định phẩm chất của người đồng mình, phẩm chất của quê hương, bởi sức sống của quê hương do người đồng mình tạo ra, bằng lời nói mộc mạc, giản dị, giàu tình yêu thương, sự gần gũi.

Ngày dạy : / 05 / 2023

Chuyên đề 6 :

RÈN KỸ NĂNG LUYỆN VIẾT ĐOẠN VĂN NGHỊ LUẬN VỀ THƠ

Tiết 37, 38, 39 : Bài thơ : SANG THU

Ngày soạn: 23 /5/ 2020

Ngày dạy: /5/2020

CHUYÊN ĐỀ 7
TRÈN LUYỆN KỸ NĂNG VIẾT ĐOẠN VĂN NGHỊ LUẬN VỀ TRUYỆN
(12 Tiết)

I. Mục tiêu cần đạt.

1. Kiến thức:

- Hs nắm đ- ọc tác giả, tác phẩm, cảm nhận đ- ọc những nội dung của các tác phẩm văn học truyện hiện đại Việt Nam

2. Kỹ năng: Hs có kỹ năng cảm nhận truyện hiện đại, có kỹ năng phân tích nhân vật.

3. Thái độ: Hs có thái độ trân trọng ngợi ca yêu thích môn học. với những người nông dân yêu nước yêu lao động ng- ời phụ nữ, thông cảm với những nỗi đau mà họ phải gánh chịu, đồng thời có thái độ phê phán, tố cáo.

II. CHUẨN BỊ

Thầy : Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án

Trò : Đọc kỹ tác phẩm, nội dung các văn bản trung đại.

III. Tiến trình lên lớp.

1. Ổn định tổ chức:

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

Tiết 43,44,45 : BÀI 1: LÀNG.

Câu 18

Tóm tắt nội dung đoạn trích “ Làng” của Kim Lân (khoảng 10 câu)

Câu 19

Tình huống cơ bản của truyện làng:

+ Truyện được xây dựng hai tình huống:

- Tình huống thứ nhất: Ông Hai trong truyện là ng- ời rất yêu cái làng chợ Dầu của mình, luôn hãnh diện khoe về làng, ấy thế mà ông lại phải nghe cái tin là ng chợ Dầu u theo Tõy. -> Đây là tình huống thắt nút câu chuyện, thử thách lòng yêu làng yêu nước của ông Hai.

- Tình huống thứ hai: Ông Hai nghe tin làng chợ Dầu được cải chính không phải Việt gian theo tât: Đây là tình huống mở nút câu chuyện, khẳng định ông Hai và dân làng chợ Dầu tuy chung với cách mạng với cụ Hồ, với đất nước.

=> Cả hai tình huống đều làm nổi bật tình yêu làng, yêu nước hoà quyện, thống nhất ở nhân vật ông Hai.

Bài tập bổ sung:

Đề 1: Cho đoạn văn sau:

“Cổ ông lão nghẹn ắng hẳn lại, da mặt tê rân rân. Ông lão lặng đi, tưởng như đến không thở được. Một lúc lâu ông mới rặn ề ề, nuốt một cái gì vướng ở cổ, ông cất tiếng hỏi, giọng lạc hẳn đi:

Liệu có thật không hở bác? Hay là chỉ lại...”

Làng – Kim Lân

a, Trong đoạn văn trên, tác giả sử dụng yếu tố đối thoại, độc thoại hay độc thoại nội tâm?

-> Đoạn văn trên sử dụng yếu tố đối thoại.

b, Truyện ngắn Làng có những tình huống nào?

Nếu ý nghĩa của các tình huống đó.

+ Truyện được xây dựng hai tình huống:

- Tình huống thứ nhất: Ông Hai nghe tin làng chợ Dầu theo Tây. Đây là tình huống thắt nút câu chuyện, thử thách lòng yêu làng yêu nước của ông Hai.

- Tình huống thứ hai: Ông Hai nghe tin làng chợ Dầu được cải chính không phải Việt gian theo tây: Đây là tình huống mở nút câu chuyện, khẳng định ông Hai và dân làng chợ Dầu tuy chung với cách mạng với cụ Hồ, với đất nước.

=> Cả hai tình huống đều làm nổi bật tình yêu làng, yêu nước hoà quyện, thống nhất ở nhân vật ông Hai.

c, Vì sao Kim Lân viết về làng chợ Dầu nhưng lại đặt tên truyện ngắn của mình là làng?

Kim Lân đặt tên truyện là làng mà không đặt làng chợ Dầu vì:

- Làng chợ Dầu là một địa danh, chỉ một ngôi làng cụ thể.

- Làng là danh từ chung chỉ mọi làng quê Việt Nam trên mọi miền đất nước. Nhan đề làng có ý nghĩa rộng lớn hơn, mang tính khái quát hơn. Vì thế những phẩm chất cao đẹp về lòng yêu làng, yêu đất nước của ông Hai là tiêu biểu cho phẩm chất cao đẹp của người nông dân Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống pháp ở làng quê Việt Nam.

d, Viết đoạn văn khoảng 10 câu theo kiểu diễn dịch, nêu cảm nhận về tâm trạng của ông Hai trong đoạn văn trên, có sử dụng thành phần biệt lập (gạch dưới thành phần biệt lập).

§ 2: Nhan đề của truyện là “Làng” sao không phải là “Làng Dầu” chẳng hạn. Từ nhan đề của truyện, em hiểu gì về chủ đề của tác phẩm?

Gợi ý:

Nhan đề của truyện là “Làng” không phải là “Làng Dầu” vì nếu là “làng Dầu” thì vấn đề mà tác giả đề cập tới chỉ nằm trong phạm vi nhỏ hẹp, cụ thể ở một làng. Dụng ý của tác giả muốn nói tới một vấn đề mang tính phổ biến ở khắp các làng quê, có trong mọi người nông dân. Bởi thế “làng” là nhan đề hợp lý với dụng ý của tác giả. Qua đó ta hiểu chủ đề của truyện: ca ngợi tình yêu làng quê tha thiết của những người nông dân Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp.

Như vậy, nhan đề “làng” vừa nói lên được cái riêng là tình yêu làng của ông Hai, đồng thời qua cái riêng ấy, cũng nói lên được cái chung : tấm lòng yêu nước của những người dân quê đất Việt.

Tiết 46,47,48: BÀI 2 : LẶNG LỄ SA PA.

Câu 13 Cho đoạn văn: “ Gian khổ nhất là lần ghi và báo cáo về lúc một giờ sáng....không thể nào ngủ lại được”

(**Lặng lẽ sa pa – Nguyễn Thành Long**)

a) Một câu văn có sử dụng hình ảnh so sánh trong đoạn văn

...Những lúc im lặng lạnh cóng mà lại hùng hực như cháy.

b) - Đoạn văn trên là lời của nhân vật anh thanh niên nói với ông họa sĩ khi anh kể về công việc và cuộc sống của mình.

- Lời tâm sự của anh giúp người đọc hình dung được những khó khăn, gian khổ cả về vật chất và tinh thần. Anh phải làm việc trong một hoàn cảnh khắc nghiệt (phải thức dậy lúc nửa đêm, gió rét, bão tuyết...) phải đối mặt với cuộc sống cô đơn giữa cái im lặng đáng sợ của đất trời, núi rừng.

c) Đoạn văn trên gợi cho em hiểu thêm nhiều về phẩm chất đẹp đẽ về anh thanh niên: Đó là sự hồn nhiên, chân thành, mạnh mẽ giàu nghị lực, tôn trọng và say mê công việc, có tinh thần trách nhiệm cao...

Câu 14

Hãy phân tích vai trò của ông họa sĩ trong tác phẩm "Lặng lẽ Sa Pa".

Gợi ý :

- Dù không phải là nhân vật chính nhưng ông họa sĩ có vai trò rất quan trọng trong truyện: người kể chuyện đã nhập vào cái nhìn và những ý nghĩ của ông họa sĩ để trần thuật, để quan sát và miêu tả từ cảnh thiên nhiên đến nhân vật chính của truyện. Qua nhân vật này, tác giả muốn gửi gắm những suy nghĩ về con người, về cuộc sống, về nghệ thuật.

- **Là con người từng trải, hiểu đời, hiểu người sâu sắc, gắn bó với hội họa, có nhiều trăn trở về nghề nghiệp, không chịu để khó khăn thuyết phục quyết tâm thể hiện vẻ đẹp có trong cuộc sống.**

+ Lòng yêu nghề, say mê với nghề. Dấu ấn nghề nghiệp đã in dấu lên vẻ ngoài của ông
+ Sắp nghỉ hưu vẫn muốn vẽ tranh. ông hiểu vẽ là một công việc gian nan. Ông cảm thấy ngòi bút của mình dường như bất lực trong việc tái hiện lại vẻ đẹp cuộc sống con người. Chỉ có những người thực sự giỏi mới không tự bằng lòng với mình, tự thấy mình phải phấn đấu nhiều hơn nữa.

+ Ông càng xúc động trước những nét đẹp bình dị, đáng quý của anh thanh niên, ông càng khát khao sáng tác. Làm thế nào để phác họa được bức chân dung chàng trai, làm thế nào để người xem phát hiện được, cảm nhận được nét đẹp của anh như ông đang xúc động, làm thế nào để gửi gắm suy tư của ông vào bức tranh đó.

- **Là người biết quý trọng lớp trẻ, biết thông cảm với họ**

=> Quả thực ta thấy ông là một con người có tâm hồn nhạy cảm, có nhiều suy nghĩ sâu sắc về nghề nghiệp.

Tiết 49,50,51 : Bài 3 : CHIẾC LƯỢC NGÀ.

Câu 15

Đọc đoạn văn và trả lời câu hỏi:

... Nghe men nó bảo gọi ba vào ăn cơm thì nó lại:

- Thì má cứ kêu đi....

a) Phân tích cấu tạo ngữ pháp và xác định kiểu câu của câu văn sau:

“ Mẹ nó / đâm nổi giận quơ đũa bếp dọa đánh, nó / phải gọi nhưng lại nói trổng”

CN

VN

CN

VN

-> Là câu ghép đẳng lập.

b) Đoạn văn trên là lời kể của nhân vật bác Ba.

-> Tác dụng của ngôi kể: người kể trực tiếp chứng kiến câu chuyện, làm tăng tính chân thực, sinh động cho câu chuyện; đồng thời làm cho mạch kể tự nhiên, gợi cảm chân thực. Khi cần người kể có thể bày tỏ suy nghĩ hay bình luận về các nhân vật và sự kiện được kể.

c) Nhân vật “ nó”, “ con bé” trong đoạn văn là bé Thu.

Câu nói “ Vô ăn cơm” của nhân vật đã vi phạm phương châm lịch sự. Nguyên nhân dẫn đến sự vi phạm đó là: bé Thu không nhận anh Sáu là ba vì có vết sẹo trên mặt cho nên nó kiên quyết không chịu gọi ba cho dù mọi người cố dồn ép em vào đường cùng đi chăng nữa.

Câu 16

Bằng lời của nhân vật Thu, hãy viết bài văn kể về những cảm xúc, suy nghĩ khi cô đọc bức Ba trao lại chiếc lược ngà - Kỉ vật của người cha đã hi sinh.

(H/S xem gợi ý đề c- ông tr 90)

Câu 27

Câu văn dưới đây có một lỗi sai về ngữ pháp:

“ Trong đoạn trích ***Chiếc lược ngà*** không chỉ thể hiện tình cảm người cha dành cho con. Qua đoạn trích ấy còn cho ta thấy tình yêu cha thương thiết của đứa con ngây thơ”.

a, Hãy chỉnh sửa các lỗi về ngữ pháp:

- Sai câu: Câu thiếu ý, chưa hoàn chỉnh nội dung ý nghĩa của câu.

+ Sửa là:

Trong đoạn trích Chiếc lược ngà không chỉ thể hiện tình cảm của người cha dành cho con mà còn cho chúng ta thấy tình yêu cha thương thiết của đứa con thơ ngây.

b, Nếu câu văn là câu mở đầu cho đoạn văn thì đề tài của đoạn văn đó là gì?

- Đó là đề tài về: Tình yêu cha thương thiết của bé Thu

c, Viết đoạn văn về đề tài trên sao cho:

Câu 28

Đọc đoạn văn và trả lời câu hỏi sau:

(Đoạn văn sgk)

a. Phân tích ngữ pháp của câu văn:

Cây lược ngà ấy/ ch- a chải đ- ọc mái tóc con, nh- ng nó/ nh- gỡ rối đ- ọc phần nào

CN

VN

tâm trạng của anh.

-> Là câu ngép chính phụ.

b. Vì sao cây lược lại có thể “ gỡ rối được phần nào tâm trạng” của anh Sáu?

-> Chiếc lược ấy là tình cảm, tấm lòng, tình yêu thương mà ông gửi gắm cho con.

c. Đoạn văn trên đã thể hiện được những tình cảm của con người VN đó là :

- Tình cảm cha con thương thiết, sâu nặng, thiêng liêng vượt qua mọi khoảng cách của thời gian, không gian ; vượt lên cả thực tại gian khổ, khốc liệt ; bất chấp cả cái chết.

Tình cảm ấy là cội nguồn làm nên sức mạnh của con người VN.

- Tình đồng chí, đồng đội sâu sắc, cảm động : bác Ba đồng cảm, chia sẻ nỗi nhớ con, tình yêu thương con của ông Sáu.

- Tình yêu quê hương, đất nước được thể hiện qua những mắt mắt, hi sinh của những người lính cầm súng chiến đấu bảo vệ tổ quốc.

d. Chọn một tình cảm nêu ở phần c làm chủ đề để viết đoạn văn diễn đạt theo lối TPH (khoảng 15 câu) có sử dụng một câu ghép quan hệ tương phản.

Tiết 52,53,54 : Bài 4 : NHỮNG NGÔI SAO XA XÔI

Câu 29

Gợi ý:

a) Những câu văn trên trích trong tác phẩm “ Những ngôi sao xa xôi” của Lê Minh Khuê.

b) “ Chúng tôi” được nói tới trong đoạn văn là: 3 cô gái TNXP: Nho, Thao, PĐịnh.

- Cái c-ời và lời đùa gọi đó của các nhân vật thể hiện vẻ đẹp hồn nhiên trong sáng, tinh thần lạc quan, yêu cuộc sống không sợ khó khăn, nguy hiểm.

c) Câu thơ trong bài “ Bài thơ về TĐXKK” của Phạm Tiến Duật
“ Nhìn nhau mặt lấm cười ha ha”

d) **Viết đoạn văn**

Câu 30

Đọc đoạn văn sau và thực hiện những yêu cầu ở dưới:

"Văng lảng đến phát sợ. Cây còn lại xo xác. Đất nóng, khói đen vờ từng cụm trong không trung, che đi nhưng gì từ xa. Các anh cao xạ có nhìn thấy chúng tôi không? Chắc cả, các anh ấy có những cái ống nhòm có thể thu cả trái đất vào tầm mắt. Tôi đến gần qua bom. Cảm thấy có ánh mắt chiến sĩ dõi theo mình, tôi không sợ nữa. Tôi sẽ không đi khom. Các anh ấy không thích cái kiểu đi khom khi có thể cứ dang hoàng mà bước tới.

Quả bom nằm lạnh lùng trên một bụi cây khô, một đầu vùi xuống đất. Đầu này có vẽ hai hình tròn màu vàng.

Tôi dùng xẻng nhỏ đào đất dưới quả bom. Những hòn sỏi theo tay tôi bay ra hai bên. Thình thoảng lưỡi xẻng chạm vào quả bom. Một tiếng động sắc đến gai người cửa vào da thịt tôi. Tôi rùng mình và bỗng thấy tại sao mình làm quá chậm. Nhanh lên một tí! Vỏ quả bom nóng. Một dấu hiệu chẳng lành. Hoặc là nóng lên từ bên trong quả bom"

(Những ngôi sao xa xôi - Lê Minh Khuê)

a. Nhân vật tôi trong đoạn trích là ai?

- Nhân vật tôi trong đoạn trích là nhân vật Phương Định
- Trong đoạn trích tác giả miêu tả nhân vật Phương Định đang chuẩn bị phá bom nổ chậm

b. Các câu văn trần thuật ngắn gọn trong đoạn trích:

Văng lảng đến phát sợ. Cây còn lại xơ xác đất nóng... Tôi đến gần quả bom... Tôi sẽ không đi khom.. Đất rắn.. thình thoảng lưỡi xẻng chạm vào quả bom.. Vỏ bom nóng. Một dấu hiệu chẳng lành. Hoặc là nóng lên từ bên trong quả bom.

-> Tác giả Lê Minh Khuê sử dụng một loạt các câu văn trần thuật ngắn gọn làm cho nhịp câu văn trở lên nhanh hơn, gấp hơn, diễn tả không khí ngột ngạt, căng thẳng trên cao điểm sau mỗi trận bom và cảm giác hồi hộp của nhân vật Phương Định khi chuẩn bị phá bom nổ chậm.

c. Viết đoạn văn (từ 8 đến 10 câu) theo kiểu tổng - phân - hợp, phân tích nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật trong đoạn trích. trong đoạn trích có sử dụng một câu ghép chính phụ

Câu 4: “ ...Tôi, một quả bom trên đồi. Nho, hai quả bom dưới lòng đường. Chị Thao, một quả bom dưới chân hầm ba - ri - e cũ...”

(Trích Những ngôi sao xa xôi - của LMK)

- a) Những câu văn trên viết về việc gì trong câu chuyện?
- b) Nếu các câu trên viết là: “ Tôi phá một..., Nho phá..., chị Thao...” thì cấu trúc ngữ pháp của câu thay đổi ntn? Vậy cách đặt câu như trong tác phẩm có tác dụng gì đối với việc diễn tả ý và gợi cảm xúc ntn?
- c) Ba cô gái trong đoạn văn trên họ được giới thiệu là những người dũng cảm, tiêu biểu cho thế hệ trẻ VN anh hùng. Hãy viết đoạn văn khoảng 12 câu theo lối lập luận diễn dịch nêu suy nghĩ của em về lòng dũng cảm của tuổi trẻ hiện nay.

Gợi ý:

- a) Những câu văn trên viết về việc các cô gái phân công nhau phá bom nổ chậm.
- b) Nếu viết lại như vậy thì cấu trúc của câu thay đổi:
 - Các câu được viết lại có đủ CN, VN
 - Đặt câu theo nguyên bản thì những câu đó là thiếu VN.-> Cách đặt câu như tác giả có giá trị biểu cảm cao hơn: thể hiện được tốc độ khẩn trương của công việc cũng như sự chủ động của họ trước thử thách. Đồng thời càng thể hiện rõ hơn công việc nguy hiểm, sự can đảm và lòng dũng cảm của họ.
- c) Trình bày suy nghĩ về lòng dũng cảm của tuổi trẻ hiện nay.
(H/S trình bày được các ý cơ bản sau)
 - Nhận định vấn đề: Lòng dũng cảm là phẩm chất đáng quý trong nhân cách đạo đức của mỗi con người.
 - GT lòng dũng cảm là gì: Là sự quả cảm, kiên cường, ý chí nghị lực cao, dám đương đầu với hoàn cảnh và tình huống khó khăn, không thuận lợi trong c/s.
 - Biểu hiện của lòng dũng cảm:
 - + Trong đoạn trích ngôi sao xa xôi.....
 - + Trong lịch sử dân tộc: Lòng dũng cảm cũng như lòng yêu nước thể hiện đặc biệt, rõ ràng nổi bật khi chiến đấu với kẻ thù của dân tộc, trong cuộc đấu tranh giành độc lập cho tổ quốc.
 - + Trong cuộc sống hàng ngày: Lòng dũng cảm thể hiện qua hành động ý chí vượt qua tình huống khó khăn hiểm nghèo. Lòng dũng cảm có thể là nghị lực vượt qua cám dỗ, thói xấu gặp phải trong đời thường, nhiều khi còn là thể chiến thắng bản thân.
 - Bàn luận về lòng dũng cảm:
 - + Lòng dũng cảm là đức tính quý báu. Người có lòng dũng cảm luôn khẳng định năng lực, phẩm chất của mình, coi đó là nguồn sức mạnh chính giúp con người vững vàng và thành công trong cuộc sống.
 - + Lòng dũng cảm là đức tính cần phải được nuôi dưỡng bằng ý chí, nghị lực vượt qua các tình huống, hoàn cảnh khó khăn, bão táp thường gặp trong cuộc sống, học tập, rèn luyện đạo đức của tuổi trẻ.
 - + Bên cạnh đó vẫn còn một người sống thiếu ý chí, nghị lực, còn sợ hãi...-> khó thành công trong cuộc sống.
 - Bài học nhận thức;

- + Lòng dũng cảm rất cần thiết trong cuộc sống hiện nay. Xã hội cần những người có lòng dũng cảm để giúp đất nước phát triển, văn minh hơn.
- + Liên hệ...

Đề 1 : Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

“...Anh hạ giọng nửa tâm sự, nửa đọc lại một điều rõ ràng đã ngẫm nghĩ nhiều:

- Hồi chưa vào nghề, những đêm bầu trời đen kịt, nhìn kĩ mới thấy một ngôi sao xa, cháu cũng nghĩ ngôi sao kia lẻ loi một mình. Bây giờ làm nghề này cháu không nghĩ như vậy nữa. Vả, khi ta làm việc, ta với công việc là đôi sao gọi là một mình được? Huống chi việc của cháu gắn liền với việc của bao anh em, đồng chí dưới kia. Công việc của cháu gian khổ thế đấy, chứ cất nó đi, cháu buồn đến chết mất...”

1. Đoạn văn trên trích từ văn bản nào? Của ai?
2. Đoạn văn trên là lời của ai nói với ai? Nói trong hoàn cảnh nào? Qua tâm sự “ công việc của cháu gian khổ thế đấy, chứ cất nó đi cháu buồn chết mất”, em cảm nhận được vẻ đẹp gì của nhân vật “ cháu”
3. Từ vẻ đẹp của nhân vật “ cháu” trong văn bản trên và những hiểu biết xã hội, em hãy viết một đoạn văn(khoảng 2/3 trang giấy thi) trình bày suy nghĩ về sự cống hiến của thế hệ trẻ hiện nay.

Gợi ý:

Câu 1	- Tác phẩm: Lặng lẽ SaPa , Nguyễn Thành Long
Câu 2	- Là lời của anh thanh niên nói với ông họa sĩ - Hoàn cảnh: Trong cuộc gặp gỡ bất ngờ giữa anh thanh niên với ông họa sĩ và cô kĩ sư trên đỉnh Yên Sơn. - Vẻ đẹp, lòng yêu nghề, say mê công việc
Câu 3	- Giải thích được khái niệm cống hiến và sự hi sinh của bản thân, không màng đến lợi ích cá nhân, là việc hết mình vì người khác, vì một tập thể, một cộng đồng... - Nêu được các biểu hiện của sự cống hiến – có dẫn chứng - Trình bày được ý nghĩa sự cống hiến với các nhân, tập thể, cộng đồng xã hội.. - Biết bàn luận mở rộng vấn đề - Rút ra bài học và hành động.

Đề 2 : (4.5 điểm)

Đọc kĩ đoạn văn dưới đây rồi thực hiện các yêu cầu:

Người con trai ấy đáng yêu thật, nhưng làm cho ông nhọc quá. Với những điều làm cho người ta suy nghĩ về anh. Và những điều anh suy nghĩ trong cái vắng vẻ vời vọi hai nghìn sáu trăm mét trên mặt biển, cuộn cuộn tuôn ra khi gặp người. Những điều suy nghĩ đúng đắn bao giờ cũng có sức vang âm, khơi gợi bao điều suy nghĩ khác trong óc người khác, có sẵn mà chưa rõ hay chưa được đúng. Ví dụ như quan niệm về cái đất Sa Pa mà ông quyết định sẽ chỉ đến để nghỉ ngơi giai đoạn cuối trong đời mà ông yêu nhưng vẫn còn tránh.

(Lặng lẽ Sa Pa- Nguyễn Thành Long)

1. Trong đoạn văn, “*người con trai*” và “*ông*” được nhắc đến là ai? Tại sao “*người con trai ấy đáng yêu thật*” nhưng lại “*làm cho ông nhọc quá*”?
2. Câu văn “*Với những điều làm cho người ta suy nghĩ về anh.*”, xét về mặt câu tạo, thuộc kiểu câu nào? Vì sao?
3. Đoạn văn chủ yếu là suy nghĩ của ai? Suy nghĩ về điều gì? Em hiểu thế nào về ý nghĩa câu “*Những điều suy nghĩ đúng đắn bao giờ cũng có sức vang âm, khơi gợi bao điều suy nghĩ khác trong óc người khác, có sẵn mà chưa rõ hay chưa được đúng.*”?
4. Từ cách hiểu đoạn văn cùng với những kiến thức xã hội, hãy viết một đoạn văn nghị luận khoảng 2/3 trang giấy thi trình bày suy nghĩ của em về *sức lan tỏa của những điều tốt đẹp* trong xã hội hiện nay.

Gợi ý:

Câu	Yêu cầu	Điểm
1 (1.0 điểm)	- <i>người con trai</i> : anh thanh niên làm công tác khí tượng;	0,25
	- <i>ông</i> : người họa sĩ già	0,25
	- <i>người con trai đáng yêu thật</i> : bởi anh có những phẩm chất đẹp - tinh thần trách nhiệm cao; lòng nhiệt tình, hiếu khách; sự khiêm tốn;...	0,25
	<i>làm cho ông nhọc quá</i> : là họa sĩ, ông muốn phác họa chân dung anh nhưng thật khó để vẽ được những phẩm chất đáng quý đó	0,25
2 (0.5 điểm)	- Câu văn đó thuộc kiểu câu rút gọn	0,25
	- Vì có thể khôi phục thành phần còn thiếu- CN	0,25
3 (1.0 điểm)	- Đoạn văn chủ yếu là suy nghĩ của ông họa sĩ; suy nghĩ về nét đáng yêu, về những suy nghĩ của anh thanh niên	0.5
	- Hiểu về câu văn: sự định hướng, sự lan tỏa tích cực của những suy nghĩ đúng đắn đối với cộng đồng; tình cảm yêu mến, sự ngưỡng mộ của ông họa sĩ đối với anh thanh niên	0.5
4 (2.0 điểm)	* Đoạn văn:	
	- Về hình thức: là một đoạn văn nghị luận (tự chọn kiểu lập luận), có sự kết hợp các phương thức biểu đạt, diễn đạt mạch lạc, độ dài theo quy định...	0.5
	- Về nội dung: Nêu được các ý cơ bản về <i>sức lan tỏa của những điều tốt đẹp</i>	
	+ Khái niệm: những điều tốt đẹp là những điều, những suy nghĩ, việc làm không chỉ vì mình mà còn vì những người xung quanh, vì cái chung, vì cộng đồng	0.25
	+ Biểu hiện của những điều tốt đẹp: rất phong phú, gần gũi. Chẳng hạn như: nhường chỗ trên xe buýt, giúp đỡ người gặp khó khăn; làm việc tốt cho cộng đồng; sẵn sàng hi sinh bản thân cứu người; hiến tạng khi có thể,...	0.5
	+ Ý nghĩa- sức lan tỏa tích cực: làm cho cuộc sống tốt đẹp hơn; làm thay đổi nhận thức, suy nghĩ, hành động của một số người, của nhiều người... (VD: từ sau khi bé Hải An hiến giác mạc đến	0.5

	<i>nay có nhiều người đã hiến tặng cứu người và rất nhiều người đăng kí hiến tặng, ...)</i> + Liên hệ bản thân: đã có những thay đổi thế nào trong nhận thức khi chứng kiến hoặc biết về những điều tốt đẹp	0.25
--	--	------

Đề 3: Dưới đây là những trích đoạn trong truyện ngắn “Những ngôi sao xa xôi” của Lê Minh Khuê:

-... “Đơn vị chăm chúng tôi ra trò. Có gì lại bảo: “Để cho bọn trinh sát, chúng nó ở trên đó vắng”

-... “Có gì lí thú đâu, nếu các bạn tôi không quay về?Điện thoại réo. Đại đội trưởng hỏi tình hình.Tôi nói như gắt vào máy:

-Trinh sát chưa về!”

-... “Sốt ruột, tôi chạy ra ngoài một tí. Không thấy gì ngoài khói bom. Tôi lo”

Câu 1: Truyện ngắn những ngôi sao xa xôi được kể bằng ngôi thứ nhất nhưng người kể lúc xưng “tôi” lúc xưng “chúng tôi”. Hãy lí giải điều này.

Câu 2: Cũng trong văn bản này, nhà văn có viết: “Tôi, một quả bom trên đồi. Nho, hai quả dưới lòng đường. Chị Thao, một quả dưới chân cái hầm ba-ri-e cũ”.Nếu thêm các từ “phá”, “bom” vào trước sau từ “quả” thì cấu trúc ngữ pháp của câu thay đổi gì?Cách đặt câu trong tác phẩm có tác dụng gì?

Câu 3: Những đoạn ngữ liệu trên(3 gạch đầu dòng) đã góp phần làm rõ vẻ đẹp nào của các nhân vật? Bằng một đoạn văn khoảng 12 câu theo phép lập luận diễn dịch em hãy làm rõ vẻ đẹp đó của các nhân vật. Trong đoạn có sử dụng một phép nối và một câu ghép (gạch chân)

Gợi ý:

Câu 1:Truyện ngắn “Những ngôi sao xa xôi” được kể bằng ngôi thứ nhất nhưng người kể lúc xưng “tôi”, lúc xưng “chúng tôi”:

-Xưng “tôi” Là khi PĐ nói về những suy nghĩ, cảm nhận riêng của mình.

-Xưng “chúng tôi” để nói về hoàn cảnh sống chiến đấu và công việc chung của ba cô gái trong đó có mình. (PĐ)

Câu 2:-Thêm các từ này vào câu cấu trúc câu thay đổi:

-Câu sẽ trở câu có đủ hai thành phần: chủ ngữ và vị ngữ.

-Đặt câu theo nguyên bản thì những câu văn đó đặc biệt ở chỗ thiếu vị ngữ.

-Tác dụng: Đặt câu như vậy sẽ có giá trị biểu cảm cao: thể hiện tốc độ khẩn trương của công việc cũng như sự chủ động của các cô gái trước thử thách. Đồng thời sự hiểm nguy đối với họ cũng rõ ràng hơn: giữa mỗi cô gái và những quả bom họ phá khoảng cách thật mong manh(giữa họ và tử thần chỉ cách nhau một dấu phẩy (trên văn bản), một tích tắc (trong thực tế). Do đó sự can đảm của họ hiện lên thật lớn lao.

Câu 3:

-Những đoạn ngữ liệu trên đã làm rõ vẻ đẹp của tình đồng chí đồng đội của các chiến sĩ, các cô gái thanh niên xung phong trên tuyến đường Trường Sơn thời kì kháng chiến chống Mĩ ác liệt.

-Viết đoạn:

(1)Những đoạn ngữ liệu trên đã làm rõ vẻ đẹp của **tình đồng chí đồng đội** ở các nhân vật.....trên tuyến đường Trường Sơn thời kì k/c chống Mĩ ác liệt.(2) Các cô gái **sống** trong một cái hang dưới chân cao điểm tại một vùng trọng điểm nơi tập trung nhất bom

đạn của kẻ thù.(3) **Công việc** của các cô là quan sát địch ném bom, đo khối lượng đất đá cần san lấp, đếm bom chưa nổ và phá bom.(4) Công việc vô cùng nguy hiểm vì họ có thể sẽ bị hi sinh.(5) Một trong những sức mạnh giúp họ có thể vượt qua mọi khó khăn nguy hiểm chính là nhờ tình đồng chí đồng đội sâu sắc.(6) Các chiến sĩ, các cô gái TNXP dành cho nhau sự yêu thương, quan tâm chân thành, tình cảm: Đơn vị...vắng”, thậm chí họ sẵn sàng tặng nhau kem đánh răng Dạ Lan, pin nghe đài bán dẫn và cả kẹo chanh nữa vì biết chiến trường luôn thiếu thốn.(7) Họ còn lo lắng cho nhau nhất là khi các bạn của mình đi trinh sát chưa về, khi có một ai đó bị thương: “Có gì lí thú đâu...về”.(8) Họ chăm sóc, động viên, giúp đỡ cho nhau như người thân.(9)... (10) Họ khâm phục, trân trọng nhau, là hình ảnh đẹp trong mắt nhau: Phương Định trong lần phá bom cô nhất định không đi khom mà “đàng hoàng bước tới quả bom” vì cô không muốn h/a của mình xấu đi trong mắt các anh pháo cao xạ, tuy làm bộ kiêu căng nhưng PD lại thấy khâm những ng có ngôi sao trên mũ và quý trọng tất cả những c/s mà cô gặp trên tuyến đường Trường Sơn.(11) Chính tình đồng chí đồng đội đã giúp những c/s vượt qua khó khăn nguy hiểm trên chiến trường.(12) Nghệ thuật sử dụng những câu văn ngắn và bút pháp miêu tả tâm lí nhân vật đã góp phần làm đẹp hình ảnh những c/s “Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước- Mà lòng phơi phới dậy tương lai”.

Đề 4 : Cho đoạn trích:

“Tôi nép người vào bức tường đất, nhìn đồng hồ. Không có gió. Tim tôi cũng đập không rõ. Đường như vật duy nhất vẫn bình tĩnh, phớt lờ mọi biến động chung là chiếc kim đồng hồ.Nó chạy, sinh động và nhẹ nhàng đề lên những con số vĩnh cửu.”

- 1.Đoạn trích trên được rút từ tác phẩm nào? Nhân vật “tôi” được nhắc tới trong đoạn trích là ai? Được miêu tả trong hoàn cảnh nào?
- 2.Vì sao nhân vật lại tập trung miêu tả ***chuyển động của chiếc kim đồng hồ?***Từ đó em có nhận xét gì về công việc mà nhân vật “tôi” trong đoạn trích phải thực hiện?
- 3.Chỉ ra một câu văn có sử dụng phép **nhân hóa**, một câu có **chứa thành phần biệt lập** trong đoạn trích?Gọi tên thành phần biệt lập và chỉ rõ từ ngữ làm thành phần biệt lập đó.
- 4.Viết đoạn văn nghị luận khoảng **12** câu theo phép **diễn dịch** làm rõ **những phẩm chất anh hùng trong chiến đấu** của các cô TNXP **trong tác phẩm** trên. Trong đoạn có sử dụng một **câu bị động** và một **phép thế**. (Gạch chân)

Gợi ý:

- 1.-Đoạn trích được rút từ tác phẩm: “Những ngôi sao xa xôi”
-Nhân vật “tôi” là Phương Định.
-Hoàn cảnh:Chờ bom nổ.
- 2.-Miêu tả chuyển động của chiếc kim đồng hồ:
+Lúc không gian im vắng,
+Phù hợp với công việc phá bom, kim đồng hồ tượng trưng cho thời gian mà thời gian là yếu tố quyết định => gợi sự khẩn trương.
+Cho thấy ranh giới giữa sự sống và cái chết rất mong manh, chỉ trong tích tắc.
+Phù hợp với tâm lí lo lắng, căng thẳng, hồi hộp.
-Công việc của các cô gái: **Nguy hiểm**.
- 3.-Câu văn sử dụng phép

4.Đoạn văn:

(1)Những phẩm chất anh hùng trong chiến đấu của **các cô TNXP** được nhà văn Lê Minh Khuê khắc họa thật đẹp trong truyện ngắn “**Những ngôi sao xa xôi**”(2)Trước hết, họ là những cô gái có **tình yêu nước nồng nàn**.(3)Theo tiếng gọi của tổ quốc, **họ** rời xa gia đình, xa mái trường, tình nguyện vào cái nơi mà ranh giới giữa sự sống và cái chết luôn cận kề, để “quan sát địch ném bom, đo khối lượng đất đá cần san lấp, đếm bom chưa nổ và nếu cần phá bom”.(4) Vào chiến trường được 3 năm, các cô đã thể hiện rõ mình là những người có **tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, có lòng dũng cảm, gan dạ không sợ gian khổ hi sinh**.(5) Mặc dù còn rất trẻ,luôn phải đối mặt với bom đạn, có thể hi sinh bất cứ lúc nào nhưng để con đường được thông suốt các cô luôn *sẵn sàng trong việc ra trận, họ luôn nhận khó về mình*: “Tôi, một quả bom trên đồi.Nho, hai quả dưới lòng đường. Chị Thao, một quả dưới cái chân hầm ba-ri-e cũ”.(6) Trong lúc phá bom,đối mặt với cái chết, các cô có nghĩ đến nhưng chỉ là cái chết “rất mờ nhạt” quan trọng là “liệu mình có nổ, bom có có nổ k”.(7)Họ bình tĩnh dũng cảm khi nói đến công việc của mình với một giọng bình thản: “Quen rồi. Một ngày chúng tôi phá bom đến năm lần”...(8)Ở họ còn có **tinh đồng chí đồng đội** sâu sắc.(9) *Họ hiểu* tâm tư tình cảm suy nghĩ của nhau.(10) PĐ hiểu rõ chị Thao rất sợ máu nên một mình băng bó vết thương cho Nho, biết Nho rất thích ăn kẹo PĐ có thể pha sữa nhiều đường, với đại đội trưởng đầu chỉ nghe qua điện thoại cô cũng nhận thấy anh là người tế nhị.(11) Họ *quan tâm chăm sóc và lo lắng* cho nhau như người thân trong gia đình.(12) Phương Định làm sao bình tâm được khi mà cả Nho và chị Thao đi trinh sát chưa về, cô còn cáu gắt với đại đội trưởng khi anh hỏi tình hình trên cao điểm “trinh sát chưa về”,khi Nho bị thương chị Thao ghen ngào nước mắt, còn PĐ băng bó vết thương cho Nho như một cô y tá...(13)Nghĩa tình đồng đội đã trở thành sợi chỉ xanh óng ánh xuyên suốt tác phẩm có

Đề 5: Cho đoạn văn:

“...Họa sĩ nhắp chén trà nóng ba ngày nay ông mới lại gặp không dấu vẻ thích thú, tự rót lấy một chén nữa, nói luôn:

-Ta thỏa thuận thế này. Chuyện dưới xuôi, mười ngày nữa trở lại đây, tôi sẽ kể anh nghe. Tôi sẽ trở lại danh dự đấy. Tôi cũng muốn biết cái yên lặng lúc một giờ sáng chon von trên cao nó như thế nào. Bây giờ có cả ba chúng ta đây, anh hãy kể chuyện anh đi. Sao người ta bảo anh là người cô độc nhất thế gian?Rằng anh “thèm” người lắm?”

Câu 1: Trong đoạn trích trên, ông họa sĩ có nói; “Bây giờ có cả ba chúng ta ở đây”. Em hãy cho biết ba nhân vật ấy là những ai? Họ gặp nhau trong hoàn cảnh nào?

Câu 2: Chọn nhân vật “tôi” là điểm nhìn trần thuật chủ yếu của truyện, tác giả muốn gửi gắm điều gì?

Câu 3: Qua nhân vật anh thanh niên trong truyện ngắn “Lặng lẽ Sa Pa”, em hãy viết một đoạn văn ngắn để chứng minh nhận định sau: Gác lại công việc, dù chỉ trong những giây phút đời thường, hình ảnh con người lao động ở Sa Pa hiện lên thật giản dị, đẹp biết nhường nào.

Đoạn văn viết theo kiểu quy nạp, khoảng 12 câu, có sử dụng một câu chia theo mục đích nói và một phép liên kết câu (chú thích rõ)

Gợi ý:

Câu 1(1 đ)

-Ba nhân vật ấy là: anh thanh niên, ông họa sĩ, cô kĩ sư.

-Họ gặp nhau trong hoàn cảnh: Trên một chuyến xe qua Sa Pa, nhờ sự giơ vịn của bác lái xe, tình cờ họ đã có cuộc gặp gỡ ngắn ngủi trên đỉnh Yên Sơn.

Câu 2:(1đ)

-Truyện được kể ở ngôi thứ ba nhưng điểm nhìn trần thuật chủ yếu được đặt ở nhân vật ông họa sĩ già.

-Tác dụng: Qua cái nhìn tinh tế, sâu sắc của người họa sĩ từng trải:tác giả khám phá, tái hiện vẻ đẹp của thiên nhiên Sa Pa, vẻ đẹp của những con người lao động nơi đây. Qua những suy ngẫm sâu sắc của ông họa sĩ làm nổi bật chủ đề tác phẩm “Trong cái lặng im...”

Câu 3:(4đ) Viết đoạn văn:

**Hình thức:*

-Đúng đoạn văn quy nạp, lập luận chặt chẽ, diễn đạt mạch lạc.

-Đảm bảo số câu: Khoảng 12 câu

-Có sd câu chia theo mục đích nói và một phép liên kết câu(chú thích)

**Nội dung:*

Bằng những dẫn chứng phù hợp, qua nhân vật anh thanh niên làm rõ vẻ đẹp của con người lao động giản dị trong cuộc sống hàng ngày.Cụ thể:

-Giới thiệu về nơi ở, công việc của anh thanh niên.

-Vẻ đẹp:

+Có lối sống khoa học và ngăn nắp nhưng không hề khô cứng vì đời sống tinh thần của anh vô cùng phong phú, ấm áp tình người: ngôi nhà được sắp xếp gọn gàng, thói quen đọc sách, trồng hoa nuôi gà...

+Quý trọng tình người: là người rất thèm người; món quà tặng vợ bác lái xe, ông họa sĩ, cô kĩ sư...Cởi mở, hiếu khách, quan tâm đến mọi người xung quanh...

+Chân thành, trong sáng.

+Khiêm tốn

-Nghệ thuật; Khắc họa nhân vật, với điểm nhìn trần thuật, tình huống đặc sắc; cách kể chuyện tự nhiên.

Đề 6 : Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi

" ... Nước mắt ông lão cứ giàn ra, chảy ròng ròng trên hai má. Ông nói thủ thủ:

- Ừ đúng rồi ủng hộ Cụ Hồ con nhỉ.

Mấy hôm nay ru rú ở xó nhà, những lúc buồn khổ quá chẳng biết nói cùng ai, ông lão lại thủ thủ với con như vậy ..."

(Làng - Kim Lân)

Câu 1: Vì sao *mấy hôm nay* ông lão lại *ru rú ở xó nhà*? Mục đích của nhà văn khi đề nhân vật của mình *ru rú ở xó nhà* và *thủ thủ với con* như vậy là gì?

Câu 2: Chỉ ra câu văn có chứa thành phần gọi đáp? Câu văn ấy có ý nghĩa gì?

Câu 3: Từ nhân vật trong đoạn trích trên kết hợp với hiểu biết thực tế xã hội, hãy viết đoạn văn nghị luận (*khoảng nửa trang giấy thi*) trình bày suy nghĩ của em về tình yêu Tổ quốc của thế hệ trẻ ngày nay.

Gợi ý:

Câu 1	- <i>Mấy hôm nay</i> ông lão lại <i>ru rú ở xó nhà</i> vì xấu hổ, nhục nhã	0,5
-------	--	-----

(1,0đ)	trước cái tin làng mình theo giặc - Để nhân vật của mình ru rú ở xó nhà và thủ thủ với con như vậy mục đích của nhà văn là miêu tả tình cảm sâu sắc, bền chặt, chân thành của ông Hai – một người nông dân – với quê hương, đất nước, với cách mạng và kháng chiến	0,5
Câu 2 (1,0đ)	- Câu văn có chứa thành phần gọi đáp: - Ủ đúng rồi ủng hộ Cụ Hồ con nhĩ. - Câu văn ấy có ý nghĩa là ông Hai đang nói với con những thực chất là đang nói với mình, tự nhủ lòng mình thủy chung với đất nước, với cách mạng và kháng chiến	0,5 0,5
Câu 3 (2,0đ)	* Hình thức: Đoạn văn, kết hợp các phương thức biểu đạt, diễn đạt rõ ý, độ dài theo qui định, ... * Nội dung: bày tỏ suy nghĩ về tình yêu Tổ quốc - Tự hào về truyền thống dân tộc, những thành tựu của đất nước; Có trách nhiệm xây dựng, bảo vệ đất nước... - Phê phán những suy nghĩ sai lệch, những hành vi không đúng đắn, vô trách nhiệm với quê hương... - Nhiệm vụ cụ thể: học tập, rèn luyện, tích lũy tri thức... để đưa đất nước đi lên...	0,5 0,5 0,5 0,5

Đề 8: Đọc đoạn trích sau:

“Họa sĩ nghĩ thầm: “Khách tới bất ngờ, chắc cu cậu chưa kịp quét tước dọn dẹp, chưa kịp gấp chăn chẳng hạn”. Ông rất ngạc nhiên khi bước lên bậc thang bằng đất, thấy người con trai đang hái hoa. Còn cô kĩ sư chỉ “ồ” lên một tiếng! Sau gần hai ngày, qua ngót bốn trăm cây số đường dài cách xa Hà Nội, đứng trong mây mù ngang tầm với chiếc cầu vồng kia, bỗng nhiên lại gặp hoa đơn, hoa thược dược, vàng, tím, đỏ, hồng phấn, tổ ong... ngay lúc dưới kia là mùa hè, đột ngột và mừng rỡ, quên mất e lệ, cô chạy đến bên người con trai đang cắt hoa. Anh con trai, rất tự nhiên như với một người bạn đã quen thân, trao bó hoa đã cắt cho người con gái, và cũng rất tự nhiên, cô đỡ lấy”.

(Lặng lẽ Sa Pa – Nguyễn Thành Long, SGK lớp 9 tập 1, trang 182)

1. Nêu hoàn cảnh ra đời của truyện ngắn **"Lặng lẽ Sa Pa"** và nhận xét về tình huống truyện.
2. Phân tích cấu tạo ngữ pháp câu văn cuối của đoạn trích trên. Xét theo cấu tạo ngữ pháp, đó là kiểu câu gì?
3. Đoạn trích trên giúp em hiểu gì về nhân vật anh thanh niên?
4. Một bạn học sinh đã viết câu mở đầu đoạn văn như sau: *"Truyện ngắn "Lặng lẽ Sa Pa" của Nguyễn Thành Long có những nhân vật không xuất hiện trực tiếp mà chỉ được giới thiệu gián tiếp qua lời kể của anh thanh niên, nhưng cũng góp phần thể hiện chủ đề tác phẩm."*

Hãy viết khoảng 10 câu văn tiếp theo câu mở đầu ấy để tạo thành đoạn văn lập luận theo phương pháp Tổng – Phân – Hợp. Trong đoạn văn có sử dụng một câu phủ định và thành phần khởi ngữ. (gạch dưới câu phủ định và thành phần khởi ngữ)

Gợi ý:

Câu 1 (1đ)	* Hoàn cảnh sáng tác: Năm 1970. Truyện là kết quả chuyến đi thực tế lên Lào Cai của nhà văn. * Tình huống truyện: - Chỉ ra được tình huống truyện: Cuộc gặp gỡ giữa ông họa sĩ, cô kĩ sư, bác lái xe với anh thanh niên làm công tác khí tượng trên đỉnh Yên Sơn ở Sa Pa. - Nhận xét về tình huống: + Tình cờ, nhẹ nhàng + Hoàn cảnh thuận lợi để tác giả khắc họa chân dung anh thanh niên, nhân vật chính, một cách khách quan, chân thực không chỉ qua hành động, việc làm của anh mà còn qua những cảm xúc, suy nghĩ của các nhân vật khác.	0.25đ 0.75đ
Câu 2 (0.75đ)	- Phân tích đúng cấu tạo ngữ pháp - Câu ghép	0.5đ 0.25đ
Câu 3 (0.75đ)	* Dựa vào đoạn trích để nhận xét đánh giá về anh thanh niên: - Cởi mở, thân thiện, hiếu khách; - Nếp sống, phong cách sống đẹp -> Tinh thần lạc quan, yêu đời. -> Lời văn thể hiện sự khâm phục, yêu quý, ngợi ca nhân vật.	0.75đ
Câu 4 (3.5đ)	a. <u>Hình thức</u>: - Đoạn văn, khoảng 10 câu b. <u>Nội dung</u>: HS hoàn chỉnh đoạn văn lập luận theo cách Tổng – Phân – Hợp. - Mở đoạn: Chép lại câu trong đề. - Thân đoạn: Bám vào các dẫn chứng trong văn bản để phân tích, nhận xét, đánh giá về tình yêu công việc, tinh thần trách nhiệm của các nhân vật: + Ông kĩ sư vườn rau; + Đồng chí cán bộ nghiên cứu sét; + Anh làm công tác khí tượng trên đỉnh Phan-xi-păng. + Nhận xét về nghệ thuật tự sự - Kết đoạn: Nêu chủ đề của tác phẩm: ca ngợi những con người lao động thầm lặng ở chốn Sa Pa, gợi nhắc ý nghĩa của công việc lao động thầm lặng (hoặc: Dưới những dinh thự của Sa Pa, nơi người ta chỉ nghĩ đến nghỉ ngơi, vẫn có những con người ngày đêm lo nghĩ cho đất nước). - Sử dụng được câu phủ định (đúng nội dung - hình thức, có gạch chân, chú thích) - Sử dụng được thành phần khởi ngữ (đúng nội dung - hình thức, có gạch chân, chú thích)	0.5đ 2đ 0.5đ 0.25đ 0.25đ 0.25đ 0,5đ 0.25đ 0.5đ 0.5đ

Đề 9:

Dưới đây là đoạn trích trong truyện ngắn “Những ngôi sao xa xôi” của Lê Minh Khuê:

“... Quen rồi. Một ngày chúng tôi phá bom đến năm lần. Ngày nào ít: ba lần. Tôi có nghĩ tới cái chết. Nhưng một cái chết mờ nhạt, không cụ thể. Còn cái chính: liệu mình có nổ, bom có nổ không? Không thì làm cách nào để châm mìn lần thứ hai? Tôi nghĩ thế ...”

Câu 1: Đoạn văn trên sử dụng kiểu ngôn ngữ đối thoại, độc thoại hay độc thoại nội tâm? Nêu tác dụng của kiểu ngôn ngữ ấy?

Câu 2: Em hãy chỉ ra 2 câu rút gọn trong đoạn trích trên?

Câu 3: Từ hình ảnh ba cô gái thanh niên xung phong trong truyện, em có suy nghĩ gì về vẻ đẹp của con người Việt Nam trong những năm chiến tranh và trong cuộc sống hoà bình hôm nay? (Trình bày thành một đoạn văn có độ dài khoảng nửa trang giấy thi)

Gợi ý:

Câu 1 (0,5điểm)	- Đoạn văn sử dụng kiểu ngôn ngữ độc thoại nội tâm. - Tác dụng: Kiểu ngôn ngữ này giúp người kể có thể đi sâu vào đời sống nội tâm nhân vật, bộc lộ được tính cách nhân vật: dũng cảm, gan dạ, tinh thần trách nhiệm cao với công việc, làm cho câu chuyện sinh động.	0,25điểm 0,25điểm
Câu 2 (0,5 điểm)	HS chỉ ra 2 câu rút gọn: - Quen rồi. - Ngày nào ít: ba lần.	0,25 điểm 0,25 điểm
Câu 3 (2 điểm)	Học sinh có thể trình bày suy nghĩ riêng của mình về vẻ đẹp của con người Việt Nam nhưng cần đảm bảo các ý: * Trong chiến tranh: - Yêu làng quê tha thiết, yêu nước nồng nàn. - Sống có mục đích, lý tưởng. - Có lòng dũng cảm, không sợ hy sinh. Tinh thần trách nhiệm cao với công việc. - Hồn nhiên, lạc quan, tình đồng đội gắn bó. * Trong cuộc sống hôm nay: - Thông minh, nhạy bén với cái mới. - Cần cù, sáng tạo, đùm bọc, đoàn kết. - Sống có văn hoá, ý thức sâu sắc về chủ quyền dân tộc.	1 điểm 1 điểm

	- Tự tin, giàu bản lĩnh trong hội nhập.	
--	---	--

Đề 10 :

... “Bác Thứ chưa nghe thủng câu chuyện ra sao, ông lão đã lại lật đặt bỏ lên nhà trên.

- Tây nó đốt nhà tôi rồi ông chủ ạ. Đốt nhẵn. Ông chủ tịch làng em vừa lên cải chính... cải chính cái tin làng Chợ Dầu chúng em Việt gian ấy mà. Ra láo ! Láo hết, chẳng có gì sất. Toàn là sai sự mục đích cả !

Cũng chỉ được bằng ấy câu, ông lão lại lật đặt bỏ đi nơi khác. Còn phải để cho người khác biết chứ. Ông lão cứ múa tay lên mà khoe cái tin ấy với mọi người. Ai ai cũng mừng cho ông lão”.

(“Làng” - Kim Lân)

Câu 1. Xây dựng hình tượng nhân vật chính luôn hướng về làng Chợ Dầu nhưng vì sao tác giả lại đặt tên cho truyện ngắn của mình là “Làng” mà không phải là “Làng Chợ Dầu”? Một tác phẩm trong chương trình Ngữ văn 9 cũng có cách đặt nhan đề như vậy, đó là tác phẩm nào, của ai?

Câu 2. Trong đoạn trích, câu nói của ông Hai đã vi phạm phương châm hội thoại nào? Phương châm hội thoại nào đã được thực hiện?

Câu 3. Với người nông dân, gian nhà là cả một cơ nghiệp, thế mà nhà văn lại để cho nhân vật ông Hai “*cứ múa tay lên mà khoe*” tin nhà mình bị Tây đốt với mọi người. Còn trong bài thơ “Đồng chí”, Chính Hữu lại viết về những người nông dân ra đi bảo vệ đất nước: “*Gian nhà không mặc kệ gió lung lay*”. Hãy nêu cảm nhận của em về vẻ đẹp tâm hồn của những người nông dân trong thời kì đầu kháng chiến chống Pháp qua những chi tiết trên?

Câu 4. Tình yêu quê hương là một đề tài quen thuộc trong văn học. Hãy chỉ ra nét riêng đặc sắc trong truyện ngắn “Làng”. Từ hiểu biết về văn bản và thực tế, trình bày suy nghĩ của em về tình yêu quê hương đất nước của nhân dân ta?

Gợi ý:

PHẦN I Câu 1	- Đặt nhan đề “Làng” vì:	0.25đ
	+ Nếu là “Làng Chợ Dầu” thì chỉ kể về một làng quê cụ thể.... Ý nghĩa t/p sẽ hạn hẹp	
	+ “Làng”: tiếng gọi thân quen gần gũi, chung cho tất cả mọi làng quê VN. Ý nghĩa t/p sẽ có sức khái quát...	
	- T/P cũng có cách đặt nhan đề như vậy: “Khúc hát...” - NKĐ	0.5đ
Câu 2	- Câu nói của ông Hai đã vi phạm phương châm về chất và cách thức.	0,25đ
	- Phương châm hội thoại lịch sự đã được thực hiện	0,25đ
Câu 3	ND: vẻ đẹp tâm hồn của những người nông dân qua những chi tiết -Với ông Hai: Mất đi cả cơ nghiệp ông không hề tiếc mà	0.5đ

	còn sung sướng vì đó là minh chứng làng ông không phải là làng theo giặc...Đó là t/c chân thành, bộc trực của một lão nông yêu làng yêu nước... Với những người nông dân ra đi bảo vệ đất nước trong “Đ/chi”: Họ ra đi để lại gian nhà, không phải họ không coi trọng ngôi nhà của mình mà họ hiểu...nên quyết tâm ra đi đánh giặc. Đó chính là tình yêu quê hương, đất nước. 0,5đ -Vẻ đẹp là lòng yêu nước, hi sinh tất cả cho cuộc k/c của dân tộc. Đó cũng chính là sự thay đổi trong nhận thức và t/c của những người nông dân thời kì đầu k/c CP	0.5đ
Câu 4	- T/y làng ở ông Hai trở thành niềm say mê, thói quen khoe làng. T/y làng phải đặt trong t/y nước, thống nhất với tinh thần k/c... - Suy nghĩ về tình yêu quê hương đất nước của nhân dân ta. <i>HS trình bày theo cách riêng song nội dung suy nghĩ cần hướng về:</i> - Vấn đề có ý nghĩa lớn trong h/cảnh ra đời của t/p và hiện nay (nêu hiện tượng) - Suy nghĩ: + là truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam ta + tình yêu quê hương gắn liền với t/y đất nước. Quyết tâm bảo vệ lãnh thổ chủ quyền của đất nước - Thế hệ trẻ chúng ta ngày nay cần phải học tập, rèn luyện	0.5đ 0.25đ 0.25đ 0.25đ 0.25đ

4. Củng cố: Hệ thống lại kiến thức ôn tập.

5. HDVN: Học nắm lí thuyết, hoàn thành các bài tập .

Ngày soạn: 5 / 6 /2020

Ngày dạy: /6/2020

Tiết:25,26,27: CHUYÊN ĐỀ TLV:

RÈN KỸ NĂNG LÀM BÀI NGHỊ LUẬN XÃ HỘI

A. Mục tiêu cần đạt

1. Kiến thức: Giúp học sinh nắm được nội dung và văn bản nghị luận về vấn đề hiện tượng đời sống. Hiểu rõ nội dung yêu cầu phần của dự kiến bài.

2. Kỹ năng: Rèn cho học sinh kỹ năng lập văn bản nghị luận.

3. Thái độ: Giáo dục học sinh ý thức chuẩn bị bài kỹ lưỡng, ý thức thực hành viết bài.

*** Trọng tâm: Kiến thức về văn bản nghị luận.**

B. Chuẩn bị: Thầy: Nghiên cứu nội dung chuyên đề.

Trò: Soạn bài học

C. Tiến trình bài dạy.

1- Kiểm tra bài cũ

2- Kiểm tra bài cũ:

3- Bài mới:

I. Kiến thức cơ bản cần nắm.

1. Nghị luận về một sự việc, hiện tượng trong đời sống.

- *Khái niệm:* Nghị luận về một sự việc hiện tượng trong đời sống xã hội là bàn về một sự việc hiện tượng có ý nghĩa đối với xã hội, đáng khen hay đáng chê, hoặc nêu ra vấn đề đáng suy nghĩ.

- *Yêu cầu:*

Về nội dung: Phải làm rõ được sự việc, hiện tượng có vấn đề; phân tích mặt sai đúng, mặt lợi hại của nó; chỉ ra nguyên nhân và bày tỏ thái độ ý kiến, nhận định của người viết. Bài làm cần lựa chọn góc độ riêng để phân tích, nhận định; đưa ra ý kiến, có suy nghĩ và cảm thụ riêng của người viết.

Về hình thức: Bài viết phải có bố cục mạch lạc, có luận điểm rõ ràng, luận cứ xác thực, phép lập luận phù hợp; lời văn chính xác, sống động.

- *Bố cục:*

+ Mở bài: Giới thiệu sự việc, hiện tượng có vấn đề.

+ Thân bài: Liên hệ thực tế, phân tích các mặt, đánh giá, nhận định.

+ Kết bài: Kết luận, khẳng định, phủ định, lời khuyên.

2. Nghị luận về vấn đề tư tưởng, đạo lí.

- *Khái niệm:* Nghị luận về một vấn đề tư tưởng đạo lí là bàn về một vấn đề thuộc lĩnh vực tư tưởng đạo đức, lối sống của con người.

- *Yêu cầu:*

+ Về nội dung: Phải làm sáng tỏ các vấn đề về tư tưởng, đạo lí bằng cách giải thích, chứng minh, so sánh, đối chiếu, phân tích,... để chỉ ra chỗ đúng hay chỗ sai của một tư tưởng nào đó, nhằm khẳng định tư tưởng của người viết.

+ Về hình thức: Bài viết phải có bố cục ba phần; có luận điểm đúng đắn, sáng tỏ; lời văn chính xác, sinh động.

II. Luyện tập

§0 bài 1:

Hiền nay hiền t-~~ng~~ vớt r,c bõa b-i ẽ c¶ n«ng th«n vµ thñnh thÞ trẽ thñnh hiÖn t-
-~~ing~~ ®,ng b,o éng. Em cã suy nghĩ g× vÒ vÊn ®Ò nµy.

R,c th¶i - Mãi ®e do¹ cõa toµn nh©n lo¹

* Gĩi ý dụn ý:

I. Mẽ bài: Gĩi thiÖu sù viÖc hiÖn t-~~ing~~ cã vÊn ®Ò.

II. Th©n bài:

1. Nh÷ng biÖu hiÖn:

- Vớt r,c bõa b-i lụ hiÖn t-~~ing~~ kh, phæ bÖn ẽ n-íc ta. ẽ bÊt kú ®©u nh-: BÖn xe, c«ng vi^n vÖa hỉ bê hỏ, di tÝch lÞch sữ, bài biÖn... ta còng cã thÓ ®-íc chøng kiÖn nh÷ng c¶nh t-~~ing~~ rÊt kh«ng ®Ñp m¾t nµy.

- C«ng vi^n, bê hỏ... lụ n-i c«ng céng mụ con ngêi cã thÓ th- d-n, hÝt thẽ kh«ng khÝ trong lụnh, dõo ch-i, ng¾m c¶nh... vớt r,c bõa bài kh«ng nh÷ng lụm cho c¶nh quan xung quanh kh«ng ®Ñp mụ cõn lụm cho con ngêi kh«ng cõn c¶m gi,c tho¶i m,i khi ®Ön ®©y.

- ẽ nh÷ng khu d©n c- ®«ng ®óc, r,c kh«ng nh÷ng vớt lung tung mụ cõn chÊt thñnh ®èng, bèc mõi h«i thòi, cã khi ®èng r,c to lÊn chiÖm c¶ lÞng lÒ ®-èng, c¶n trẽ giao th«ng.

- C,c khu chi tũ n«ng th«n ®Ön thñnh thÞ, sau buæi hạp chi lụ mét bài chiÖn tr-èng víi ®Çy ®ñ c,c chñng lo-i r,c vµ mõi h«i thòi.

2. Nguy^n nh©n:

- Do ý thøc con ngêi, ®ã lụ th,i ®é v« tr, ch nhiÖm, lòi sèng Ých kù. Hỏ chØ biÖt lụm s¹ch cho m×nh mụ kh«ng nghĩ ®Ön m«i trờng xung quanh.

- Hỏ cha ý thøc ®íc t,c h-i cõa r,c th¶i ®èi víi sòc khêe cõa con ngêi.

- C₃c cẾp chÝnh quyỜn cha cũ @íc gi¶i ph, p híp lý @ềi vớ vỀn @Ồ r₃c th¶i nh-: Ch-a x©y @ùng @-íc nh÷ng n-i chøa r₃c tẾp trung, cha trang bĐ @Çy @ñ c₃c thĩng r₃c n-i c«ng céng, ch-a x©y dùng c₃c nhự m₃y xõ lý r₃c th¶i...

3. HỀu qu¶:

- R₃c th¶i bõa b-i sữ g©y ² nhiỜm m«i tr-êng, kh«ng khÝ mỀt trong lựnh, thay vựo @ã lự sù h«i thềi ngét ng¹t @Ồn khã chĐu. §©y la nguyªn nh©n g©y ra c₃c bỒnh vỒ @-êng h« hỀp.

- R₃c d-úi s«ng ngỗi ao hỏ sữ lựm « nhiỜm nguẩn n-íc cũa chÝnh con ng-êi. Nguẩn n-íc « nhiỜm sinh ra c₃c bỒnh vỒ @-êng tíu ho,, đa liỒu, lựm chỒt c₃c lo¹i sinh vỀt cũa lĩ nh-: T«m, cua , c₃...

- R₃c th¶i n-i c«ng céng sữ lựm mỀt @i vớ @Ñp tù nhiªn mự con ngêi @· cè g¾ng t¹o ra. Gi, trĐ cũa cũa ngêi ViỒt Nam sữ bĐ h¹ thỀp trong con m¾t cũa ng-êi n-íc ngoi.

- Trong khu d©n c c₃c lo¹i r₃c khã ph©n huû nh- tói ni l«ng vọt bõa b-i sữ g©y ra hiỒn t-ĩng t¾c ngổn nguẩn n-íc th¶i...

4. BiỒn ph, p xõ lý:

- Gi, o dộc, tyuªn truyỜn cho mải ng-êi biỒt @-íc t₃c h¹i do r₃c th¶i g©y ra.

- Mçi ng-êi ph¶i cũa ý thøc tr, ch nhiỜm vớ m«i tr-êng.

- C₃c c¬ quan chøc n¬ng ph¶i cũa kỖ ho¹ch ph©n lo¹i r₃c th¶i vự xõ lý r₃c th¶i mét c, ch híp lý. X©y dùng c₃c hè r₃c xa n-i d©n c-...

III. KỖt bựi: KỖt luỀn, kh¼ng @Đnh @a ra lời khuyªn.

§Ồ bựi 2: Viế đoạn văn nghị luận xã hội 2/3 trang giấy thi trình bày suy nghĩ về câu nói: “Đừng sống theo điều ta ước muốn, hãy sống theo điều ta có thể”

Bài làm

Con người sinh ra ai cũng có ước mơ, khát khao của riêng mình, tuy nhiên không phải bất cứ ai cũng chạm được đến cái đích của riêng mình. Câu ngạn ngữ "Đừng sống theo điều ta ước muốn. Hãy sống theo điều ta có thể" là một câu châm ngôn sống đầy kinh nghiệm để giúp con người lựa chọn cách sống của cá nhân. "Điều ta ước muốn" là những khát vọng, đam mê, ước mơ của bản thân mà con người luôn nỗ lực để đạt được, còn "điều ta có thể" là những việc trong khả năng mà con người có thể làm được. Có lẽ, chúng ta ai cũng áp ỏ với những giấc mơ của riêng mình, với những đam mê và khát vọng đã dần trở thành mục đích sống của chúng ta. Thế nhưng, đôi khi chính những khát vọng ấy lại đối lập với "điều ta có thể". Có những ước mơ dường như xa vời mà chúng ta không thể chạm tới được, khiến ta trở nên hụt hẫng, tuyệt vọng, mất niềm tin vào bản thân. Đam mê và sự nỗ lực là hai yếu tố không thể thiếu trên hành trình đi tìm ước mơ của mỗi người, nhưng chỉ có vậy thì chưa bao giờ là đủ. Hãy giả sử, nếu chúng ta mơ ước trở thành một ca sĩ nổi tiếng, vậy mà giọng hát của chúng ta không được hay, không được thiện cảm thì chúng ta liệu có thể làm được không? Trong khi đó, khi làm những việc phù hợp với khả năng, chúng ta sẽ có cơ hội phát huy thế mạnh của bản thân và cống hiến nhiều hơn cho xã hội. Vậy nên câu nói là bài học nhắc nhở con người cần phải có những ước mơ phù hợp với khả năng của bản thân. Tuy nhiên, nếu cứ mãi ở trong vùng giới hạn của bản thân, liệu cuộc sống của chúng ta có còn ý nghĩa? Liệu chúng ta có thể hiểu được bản thân nếu không có sự trải nghiệm và thử thách hay không? Dù biết rằng đôi khi ước mơ chỉ là những

hoài bão xa vời, nhưng nó vẫn là động lực thúc đẩy chúng ta, để ta có niềm tin vào chính mình và vững bước trên con đường đời đầy chông gai này. Hơn nữa, chính những giấc mơ ấy là động lực thúc đẩy sự phát triển của xã hội, để con người không ngừng nỗ lực nghiên cứu, học hỏi và sáng tạo để nâng cao chất lượng cuộc sống. Chúng ta có thể thấy trong cuộc sống không thiếu những tấm gương đã vượt qua được những điều không thể của bản thân, để chạm tới ước mơ dường như quá xa xôi và khó khăn với họ. Beethoven - nhà soạn nhạc thiên tài người Đức - người đã không may mắn mất đi khả năng thính giác của mình, vậy mà nhờ có niềm đam mê mãnh liệt với âm nhạc, ông đã vượt qua giới hạn của bản thân để trở thành biểu tượng của nền âm nhạc cổ điển mà không ai trong chúng ta không biết tới. Nếu luôn hài lòng và thỏa mãn với bản thân, thì trên thế giới sẽ không có những tác phẩm kiệt xuất, không có những thành tựu tiên bộ để thế giới phát triển như lúc này. Và việc trải nghiệm, thử thách bản thân để thực hiện đam mê cũng là cơ hội đặc biệt để giúp chúng ta khám phá con người thật của mình. Cuộc sống là một bức tranh được tạo nên bởi những mảnh ghép đa sắc màu, có lẽ một vài mảnh ghép ta chỉ có thể ngắm nhìn, nhưng cái cứ để nó song song tồn tại với những điều có thể của ta để cuộc sống của ta đa dạng hơn. Và đừng ngại với những ước mơ xa vời mà hãy luôn nỗ lực phấn đấu với con đường mà chính mình đã lựa chọn, bởi không ai có quyền đánh thuế giấc mơ của chúng ta, và biết đâu một ngày nào đó, chúng ta lại có thể thực hiện được nó, như biết bao người đã từng thành công trên chặng đường đi tìm giấc mơ đầy thú vị này. hàng giờ, luôn tìm tòi và chăm chỉ mài giũa, luyện tập. Không chỉ vậy họ còn luôn suy nghĩ tích cực về khó khăn, coi thử thách là cách để học hỏi, để tôi luyện và làm đầy "kho" kinh nghiệm của bản thân, từng ngày đạt được rất nhiều những mục tiêu và đóng góp cho xã hội. Tuy vậy, chấp nhận thất bại không có nghĩa là chúng ta sẽ vẫn lặp đi lặp lại sai lầm ấy mà cần phải rút ra cho mình những bài học để sau những vấp ngã ấy, ta sẽ biết cách bước đi vững vàng hơn. Như vậy, mỗi người chúng ta cần nhận thức được tầm quan trọng của hành động và có một cái nhìn tích cực trước thất bại. Đồng thời nhanh chóng bắt tay vào thực hiện những dự định ,mục tiêu đã đặt ra. Cuộc đời này rộng lớn, bao la, có biết bao nhiêu điều cần học hỏi, trải nghiệm, nhưng cũng ngắn ngủi, vô thường, thời gian sẽ trôi qua rất nhanh và đã qua đi rồi sẽ không lấy lại được. Vì vậy đừng sợ sai, đừng tự giới hạn bản thân vào một cuộc sống nhỏ bé, tầm thường, hãy vươn rộng mình ra, đón nhận lấy những điều tuyệt vời trong cuộc sống này để khi nhắm mắt buông tay, nhìn lại không còn gì hối tiếc. Thất bại cũng giống như việc ăn một trái ớt, dù cay nóng nhưng lại đem đến cho ta trải nghiệm hấp dẫn mà không có bất kỳ hương vị ngọt ngào nào có được.

Đề bài 3: : Trình bày suy nghĩ của anh (chị) về thông điệp từ câu chuyện sau :

Một cậu bé nhìn thấy cái kén của con bướm. Một hôm cái kén hở ra một cái khe nhỏ, cậu bé ngồi và lặng lẽ quan sát con bướm trong vòng vài giờ khi nó gắng sức để chui qua khe hở ấy. Nhưng có vẻ nó không đạt được gì cả. Do đó cậu bé quyết định giúp con bướm bằng cách cắt khe hở cho to hẳn ra. Con bướm chui ra được ngay nhưng cơ thể nó bị phồng rộp và bé xíu, cánh của nó co lại. Cậu bé tiếp tục quan sát con bướm, hi vọng rồi cái cánh sẽ đủ lớn để đỡ được cơ thể nó. Những chẳng có chuyện gì xảy ra cả. Thực tế, con bướm đó sẽ phải bỏ ra suốt cả cuộc đời nó chỉ để bò trườn với cơ thể sưng phồng. Nó không bao giờ bay được.

Cậu bé không hiểu được rằng chính cái kén bó buộc làm cho con bướm phải cố gắng thoát ra là điều kiện tự nhiên để chất lưu trong cơ thể nó chuyển vào cánh, để nó có thể bay được khi nó thoát ra ngoài kén.
(*Hạt giống tâm hồn, First New, NXB TP HCM, Tr 123*)

Gợi ý

- Từ câu chuyện đặt ra hai vấn đề:

- + Những khó khăn thử thách trong cuộc sống chính là cơ hội cho con người tự rèn luyện, phấn đấu vươn lên để khẳng định bản thân và tự hoàn thiện mình. (ý chính)
- + Lòng tốt nếu không thể hiện đúng cách, đúng chỗ có thể gây ra những hậu quả, những hệ lụy nghiêm trọng (ý phụ).

- Yêu cầu thao tác lập luận: Giải thích, bình luận, chứng minh...

- Phạm vi tư liệu: Thực tế xã hội.

Mở bài: Giới thiệu câu chuyện. ý nghĩa khái quát của câu chuyện

Thân bài:

- Tóm tắt câu chuyện

- Câu chuyện đặt ra hai vấn đề:

- + Những khó khăn thử thách trong cuộc sống chính là cơ hội cho con người tự rèn luyện, phấn đấu vươn lên để khẳng định bản thân và tự hoàn thiện mình (ý chính).
- + Lòng tốt nếu không thể hiện đúng cách, đúng chỗ có thể gây ra những hậu quả, những hệ lụy nghiêm trọng (ý phụ).

- Bàn luận:

+ Tại sao những khó khăn thử thách trong cuộc sống là những cơ hội cho con người vươn lên?

+ Khó khăn thử thách buộc con người phải phấn đấu không ngừng; khó khăn thử thách rèn cho con người bản lĩnh, ý chí; khó khăn nhiều khi là động lực kích lệ 1 con người hành động... Khi vượt qua thử thách, con người sẽ trưởng thành hơn (dẫn chứng).

+ Nếu không có khó khăn thử thách, con người sẽ ỷ lại, không có môi trường để rèn luyện, phấn đấu, không có động lực để vươn lên... (dẫn chứng).

+ Tại sao lòng tốt không thể hiện đúng cách, đúng chỗ có thể gây ra những hậu quả, những hệ lụy nghiêm trọng?

+ Lòng tốt rất cần trong cuộc sống...

+ Những lòng tốt phải thể hiện đúng cách, đúng chỗ, đúng lúc, hợp hoàn cảnh thì mới có tác dụng... (dẫn chứng).

- Bài học nhận thức và hành động:

- Mối quan hệ giữa khó khăn và sự trợ giúp...

- Liên hệ bản thân.

Kết bài: Khẳng định ý nghĩa của vấn đề xã hội đặt ra trong tác phẩm.

Đề bài 4: Câu chuyện: NGƯỜI CHA ĐƯỢC TẠO RA NHƯ THẾ NÀO

Khi ông Trời bắt đầu tạo ra người cha đầu tiên trên thế gian, ngài chuẩn bị sẵn một cái khung thật cao. Một nữ thần đi ngang qua ghé mắt coi và thắc mắc: “Thưa ngài, tại sao người cha lại cao đến như vậy? Nếu ông ta đi chơi bi với trẻ con thì phải quỳ gối, nếu ông ấy muốn hôn những đứa con mình lại phải cúi người. Thật bất tiện!”. Trời trầm ngâm một chút rồi gật gù: “Người nói có lý. Thế nhưng nếu ta để cho người cha chỉ cao bằng những đứa con, thì lũ trẻ sẽ biết lấy ai làm tầm cao mà vươn tới?”. Thấy Trời nặn

đôi bàn tay người cha to và thô ráp, vị nữ thần lại lắc đầu buồn rầu: “Ngài có biết đang làm gì không? Những bàn tay to lớn thường vụng về. Với đôi bàn tay ấy, người cha chắt vật lắm mới có thể găm kim băng đóng tã, cài nút áo cho con trai, thắt chiếc nơ hồng cho con gái. Bàn tay ấy không đủ khéo léo để lấy những mảnh dăm nằm sâu trong da thịt mềm mại của trẻ”. Ông Trời mỉm cười đáp: “Nhưng đôi bàn tay to lớn vững chãi đó sẽ dìu dắt bọn trẻ qua mọi sóng gió, cho tới lúc chúng trưởng thành”.

Vị nữ thần đứng bên cạnh nhìn Trời nặn người cha với một đôi vai rộng, lực lưỡng. “Tại sao ngài phí thế?”, nữ thần thắc mắc. “Thế người cha sẽ đặt con ngồi đâu khi phải đưa nó đi xa? Lấy chỗ đâu cho đứa con ngủ gật gồi đầu, khi đi xem xiếc về khuya?”. “Quan trọng hơn, đôi vai đó sẽ gánh vác cả gia đình”, ông Trời đáp.

Ông Trời thức trắng đêm để nặn cho xong người cha đầu tiên. Ngài cho tạo vật mới ít nói, nhưng mỗi lời phát ra là một lời quyết đoán. Tuy đôi mắt của người cha nhìn thấu mọi việc trên đời, nhưng lại bình tĩnh và bao dung. Cuối cùng khi đã gần như hoàn tất công việc, Trời thêm vào khóe mắt người cha vài giọt nước mắt. Nhưng sau một thoáng tư lự, Ngài lại cúi xuống đi. Thành ra người đời sau không mấy khi thấy được những giọt lệ hiếm hoi của người cha, mà chỉ có thể cảm và đoán được rằng ông ta đang khóc. Xong việc, ông Trời quay lại nói với nữ thần: “Người thấy đó, người cha cũng đáng yêu như người mẹ mà ta đã dồn bao công sức để tạo ra.”

Đề bài 5: Viết bài văn nói lên suy nghĩ của anh/chị về vai trò của người cha trong gia đình.

Mở bài: nêu vấn đề: Vai trò người cha trong gia đình, giới thiệu câu chuyện trong đề bài

Thân bài:

- Tóm tắt câu chuyện: thí sinh tự tóm tắt khoảng 5 dòng.
- . Bàn luận về vai trò của người cha dựa trên câu truyện đã cho:
 - + Người cha gánh vác mọi trọng trách của gia đình (dạy con, làm việc nặng, lao động tạo ra của cải vật chất nuôi sống gia đình...)
 - + Người cha chắt chiu dồn nén bao nỗi lo âu về mặt tinh thần (vì người cha cao lớn, đôi tay cứng cỏi, tâm hồn cao thượng, không yếu mềm...)
 - + Cùng với người mẹ, người cha tạo ra một mái ấm hạnh phúc mang đến thuận hòa trong gia đình.
 - + Phê phán những người cha thiếu trách nhiệm với gia đình, con cái và trở thành gánh nặng của gia đình, của xã hội. Lên án thói vũ phu, bạo hành của người cha, người chồng trong gia đình. Nhưng cũng cần thiết phải lên án hành động ngược đãi của con cái đối với cha mẹ mình.
- Bài học rút ra từ câu chuyện:
 - + Trân trọng và yêu thương người cha, người mẹ trong gia đình.
 - + Bảo vệ người cha và lên án thói ngược đãi của con cái trong gia đình.

Kết bài: Suy nghĩ của bản thân

4Củng cố: Khi qu, t nểi dung bụi hắc.

5. HDVN: Hắc n³/₄m lý thuyỐt, hợpn thặng c, c bụi tỄp

-----=====

Ngày soạn: 6/ 6 /2020

Ngày dạy: /6/2020

Tiết 28,29,30: CHUYÊN ĐỀ TLV:

TRÈN KỸ NĂNG LÀM BÀI NGHỊ LUẬN XÃ HỘI

A. Mục tiêu cần đạt

1. Kiến thức: Giúp học sinh nắm được nội dung và ý nghĩa của nghị luận xã hội và ý nghĩa của bài văn nghị luận xã hội.

2. Kỹ năng: Rèn cho học sinh kỹ năng viết bài văn nghị luận xã hội.

3. Thái độ: Giáo dục học sinh ý thức chấp hành pháp luật, ý thức trách nhiệm với cộng đồng.

*** Trọng tâm: Kiến thức và ý nghĩa của bài văn nghị luận xã hội.**

B. Chuẩn bị: Thầy: Nghiên cứu tài liệu và soạn bài.

Trò: Soạn bài và đọc bài.

C. Tiến trình bài dạy.

1- Ổn định tổ chức

2- Kiểm tra bài cũ:

3- Bài mới:

Đề số 6: (4 điểm)

Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi

" ... Nước mắt ông lão cứ giàn ra, chảy ròng ròng trên hai má. Ông nói thủ thủ:

- Ừ đúng rồi ủng hộ Cụ Hồ con nhỉ.

Mấy hôm nay ru rú ở xó nhà, những lúc buồn khổ quá chẳng biết nói cùng ai, ông lão lại thủ thủ với con như vậy ..."

(Làng - Kim Lân)

Câu 1: Vì sao *mấy hôm nay* ông lão lại *ru rú ở xó nhà*? Mục đích của nhà văn khi đề cập nhân vật của mình *ru rú ở xó nhà* và *thủ thủ với con* như vậy là gì?

Câu 2: Chỉ ra câu văn có chứa thành phần gọi đáp? Câu văn ấy có ý nghĩa gì?

Câu 3: Từ nhân vật trong đoạn trích trên kết hợp với hiểu biết thực tế xã hội, hãy viết đoạn văn nghị luận (khoảng nửa trang giấy thi) trình bày suy nghĩ của em về tình yêu Tổ quốc của thế hệ trẻ ngày nay.

Gợi ý:

Câu 1 (1,0đ)	- <i>Mấy hôm nay</i> ông lão lại <i>ru rú ở xó nhà</i> vì xấu hổ, nhục nhã trước cái tin làng mình theo giặc	0,5
	- Để nhân vật của mình <i>ru rú ở xó nhà</i> và <i>thủ thủ với con</i> như vậy mục đích của nhà văn là miêu tả tình cảm sâu sắc, bền chặt, chân thành của ông Hai – một người nông dân – với quê hương, đất nước, với cách mạng và kháng chiến	0,5
Câu 2 (1,0đ)	- Câu văn có chứa thành phần gọi đáp: - <i>Ừ đúng rồi ủng hộ Cụ Hồ con nhỉ.</i>	0,5
	- Câu văn ấy có ý nghĩa là ông Hai đang nói với con những thực chất là đang nói với mình, tự nhủ lòng mình thủy chung với đất nước, với cách mạng và kháng chiến	0,5
Câu 3 (2,0đ)	* Hình thức: Đoạn văn, kết hợp các phương thức biểu đạt, diễn đạt rõ ý, độ dài theo qui định, ...	0,5

	* Nội dung: bày tỏ suy nghĩ về tình yêu Tổ quốc - Tự hào về truyền thống dân tộc, những thành tựu của đất nước; Có trách nhiệm xây dựng, bảo vệ đất nước...	0,5
	- Phê phán những suy nghĩ sai lệch, những hành vi không đúng đắn, vô trách nhiệm với quê hương...	0,5
	- Nhiệm vụ cụ thể: học tập, rèn luyện, tích lũy tri thức... để đưa đất nước đi lên...	0,5

Đề số 7: (3 điểm):

Cho đoạn trích sau :

«Anh thanh niên bật cười khanh khách:

- Các từ ấy đều là của bác lái xe. Không, không đúng đâu. Một mình thì anh bạn trên trạm đỉnh Phan – xi – păng ba nghìn một trăm bốn mươi hai mét kia mới một mình hơn cháu. Làm khí tượng, ở được cao thế mới là lí tưởng chứ.»

(Lặng lẽ Sa Pa – Nguyễn Thành Long)

1. Lời của anh thanh niên trong đoạn văn trên là lời đối thoại hay độc thoại ? Vì sao ?

2. Theo em, tại sao tác giả không đặt tên riêng cho các nhân vật trong truyện?

3. Anh thanh niên trong truyện ngắn «Lặng lẽ Sa Pa» đã vượt lên cuộc sống khó khăn, gian khổ không chỉ bằng lí tưởng sống cao đẹp mà còn bằng tinh thần lạc quan, yêu đời. Từ văn bản kể trên cùng với những hiểu biết xã hội, em hãy trình bày suy nghĩ mình về sức mạnh của tinh thần lạc quan bằng một đoạn văn (khoảng nửa trang giấy thi).

Gợi ý:

Câu 1	- Lời của anh thanh niên là lời đối thoại. Anh nói với ông họa sĩ, lời nói được đặt sau dấu hai chấm, trước lời thoại là dấu gạch đầu dòng.	0,5 điểm
Câu 2	Dụng ý của tác giả khi không đặt tên riêng cho các nhân vật trong truyện : - Nhân vật trong tác phẩm không được đặt tên riêng mà gọi theo giới tính, lứa tuổi, nghề nghiệp	0.25 điểm
	- Nhằm ngợi ca những con người lao động cao đẹp mà bình dị, cống hiến lặng thầm cho quê hương đất nước, những con người vô danh thuộc đủ mọi lứa tuổi, nghề nghiệp khác nhau, ta có thể bắt gặp ở bất cứ đâu, ở mọi miền Tổ quốc...	0.25 điểm
Câu 3	* Về hình thức : - Viết đúng hình thức đoạn văn, diễn đạt trôi chảy, lưu loát, độ dài đúng theo yêu cầu đề bài, không mắc lỗi...	0.5 điểm
	* Về nội dung: (1.5 điểm) HS biết dùng dẫn chứng và lí lẽ làm sáng tỏ : - Lạc quan: là cách nhìn, thái độ tin tưởng vào tương lai, đây là một thái độ sống tích cực, luôn biết tự tạo niềm vui trong cuộc sống...	0.25 điểm
	- Sức mạnh của tinh thần lạc quan: giúp con người vượt qua khó khăn, đem lại nghị lực sống cho bản thân mình và người khác, là	0.75 điểm

	yếu tố quan trọng để đạt được thành công, hạnh phúc...	
	- Cần phân biệt sống lạc quan với «phép thắng lợi tinh thần» (lạc quan tiêu, tự tin thái quá), không nhìn nhận rõ những hạn chế, yếu kém của bản thân...	0.25 điểm
	- Bài học nhận thức và hành động	0.25 điểm

Đề số 8: (4 điểm)

Cho đoạn văn:

[...] “Cái mạnh của con người Việt Nam ta là sự cần cù, sáng tạo. Điều đó thật hữu ích trong một nền kinh tế đòi hỏi tinh thần kỉ luật cao và thái độ nghiêm túc đối với công cụ và quy trình lao động với những máy móc, thiết bị rất tinh vi.” [...]

(Chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới – Vũ Khoan. Ngữ văn 9, tập hai)

1. Em hãy cho biết luận điểm chung của đoạn văn trên. Chỉ ra phép liên kết được sử dụng và nêu rõ tác dụng của phép liên kết ấy.
2. Trong vấn đề chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới, theo Vũ Khoan thì “*sự chuẩn bị của bản thân con người là quan trọng nhất*”. Em có đồng ý với ý kiến đó không? Vì sao?
3. Từ văn bản trên và những hiểu biết thực tế, theo em thế hệ trẻ cần chuẩn bị những gì để vững bước vào thế kỉ mới. (Trình bày thành đoạn văn khoảng 2/3 trang giấy).

Gợi ý:

Câu 1 (1đ)	- Luận điểm chung: Điểm mạnh của con người Việt Nam. - Phép liên kết: phép thế - Tác dụng: Tránh lặp lại các từ ngữ đã được sử dụng ở câu trước, làm cho đoạn văn ngắn gọn, mạch lạc.	0.25đ 0.25đ 0,5đ
Câu 2 (1đ)	- HS nêu ý kiến: Đồng ý - Vì: + Từ cổ chí kim, con người luôn là động lực phát triển của lịch sử. + Trong thời kì nền kinh tế tri thức phát triển mạnh mẽ thì vai trò của con người lại càng nổi trội.	0,25đ 0,25đ 0,5đ
Câu 3 (2đ)	Nắm được phương pháp viết đoạn văn nghị luận về vấn đề xã hội: * Hình thức: Bố cục rõ ràng, đúng độ dài (khoảng 2/3 trang giấy thi), diễn đạt lưu loát, không mắc lỗi chính tả, dùng từ và diễn đạt. * Nội dung: Đảm bảo các ý sau - Giải thích: Hành trang được dùng với nghĩa là hành trang tinh thần như tri thức, kĩ năng, thói quen, ... để đi vào một thời kì mới. - Biểu hiện về sự chuẩn bị hành trang của thế hệ trẻ hiện nay: Về tri thức, phẩm chất đạo đức, sức khỏe... - Ý nghĩa của sự chuẩn bị hành trang ở thế hệ trẻ. - Phê phán những biểu hiện chưa tốt - Liên hệ bản thân: Rèn luyện về đạo đức, sức khỏe để trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội; những hành động việc làm để trở thành con ngoan trò giỏi. * Lưu ý:	0.5đ 1.5đ

	+ Khuyến khích các HS có suy nghĩ riêng nhưng phải lí giải hợp lí, thuyết phục. Không cho điểm những bài có suy nghĩ lệch lạc, tiêu cực. + Nếu đoạn quá dài hoặc quá ngắn thì trừ vào điểm nội dung.	
--	---	--

Đề số 9: (4 ĐIỂM)

Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

“Lần này ta ra, thân hành cầm quân, phương lược tiến đánh đã có tính sẵn. Chẳng qua mười ngày có thể đuổi được người Thanh. Nhưng nghĩ chúng là nước lớn gấp mười nước mình, sau khi thua một trận, ắt lấy làm thẹn mà lo mưa bão thù. Như thế thì việc binh đao không bao giờ dứt, không phải là phúc cho dân, nỡ nào mà làm như vậy. Đến lúc ấy chỉ có người khéo lời lẽ mới dẹp nổi việc binh đao, không phải Ngô Thì Nhậm thì không ai làm được. Chờ mười năm nữa, cho ta yên ổn mà nuôi dưỡng lực lượng, bấy giờ nước giàu quân mạnh, thì ta có sợ gì chúng?”

(“Hoàng Lê nhất thống chí” – Ngô gia văn phái)

Câu 1(1 điểm). Đoạn văn trên là lời của ai? Nói trong hoàn cảnh nào? Nội dung của lời nói đó là gì?

Câu 2(1 điểm). Em hiểu gì về nhân vật có lời nói trong đoạn văn trên?

Câu 3(2 điểm). Từ hình tượng Quang Trung- Nguyễn Huệ, cùng vốn hiểu biết của em, bằng một đoạn văn khoảng nửa trang giấy thi, hãy trình bày suy nghĩ của mình về trách nhiệm của tuổi trẻ hôm nay đối với đất nước trong hoàn cảnh mới.

Gợi ý:

Phần I. 4 đ	Câu 1:	
	- Đoạn văn trên là lời của vua Quang Trung	0,25
	- Nói trong hoàn cảnh: Quang Trung ra đến Tam Điệp, sau khi xử trí khéo léo với hai tướng Sở và Lân, ông khen ngợi Ngô Thì Nhậm.	0,25
	- Nội dung của lời nói:	
	+ Quang Trung khẳng định đã có phương hướng chiến đấu với giặc và sẽ chắc chắn chiến thắng.	0,25
	+ Ông tính sẵn kế hoạch ngoại giao sau khi chiến thắng với một nước lớn.	0,25
	Câu 2:	
	- Hành động mạnh mẽ, quyết đoán.	0,25
	- Trí tuệ sáng suốt và nhạy bén.	0,25
	- Tầm nhìn xa trông rộng.	0,25
	- Tài dụng binh như thần và là vị vua lâm liệt trong chiến trận.	0,25
	Câu 3:	
	* Yêu cầu hình thức:	
	- Đúng kiểu đoạn văn.	0,5
	* Yêu cầu nội dung: HS có thể nêu:	
	- Đất nước Việt Nam ta hiện nay đang đứng trước thời cơ và những thách thức to lớn: giao lưu quốc tế rộng mở tạo nhiều điều kiện để đất nước hội nhập nhanh chóng với thời đại công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước. Nhưng hội nhập không bản lĩnh thì dễ dẫn đất nước đến chỗ bị hòa tan: văn hóa mất bản sắc dân tộc, kinh tế lệ thuộc, quốc	0,5

	phòng yếu kém dễ bị ngoại bang lấn lướt... - Mỗi người hiện nay đều phải có ý thức rõ ràng về tình hình đất nước, với những thời cơ và thách thức để từ đó trong hoàn cảnh đất nước hòa bình, chấp hành luật pháp đầy đủ, tích cực học tập vươn lên chiếm lĩnh tri thức khoa học góp phần xây dựng sự nghiệp dân giàu, nước mạnh để phát triển đất nước. Còn khi đất nước có chiến tranh, sẵn sàng hi sinh xương máu để chống ngoại xâm bảo vệ tổ quốc với một lòng yêu nước chân chính, sáng suốt, tinh táo và không bị chi phối bởi tư tưởng dân tộc cực đoan.	0,5
	- Đối với tuổi học sinh, sẽ tích cực học tập và rèn luyện, tu dưỡng bản thân, chăm ngoan, nghe lời dạy bảo của cha mẹ, thầy cô để là con ngoan trò giỏi và sau này trưởng thành sẽ thành người công dân tốt, có ích cho xã hội.	0,5

Đề số 10: (3 điểm):

Dưới đây là đoạn trích trong truyện ngắn “Những ngôi sao xa xôi” của Lê Minh Khuê:

“... Quen rồi. Một ngày chúng tôi phá bom đến năm lần. Ngày nào ít: ba lần. Tôi có nghĩ tới cái chết. Nhưng một cái chết mờ nhạt, không cụ thể. Còn cái chính: liệu mình có nổ, bom có nổ không? Không thì làm cách nào để châm mìn lần thứ hai? Tôi nghĩ thế...”

Câu 1: Đoạn văn trên sử dụng kiểu ngôn ngữ đối thoại, độc thoại hay độc thoại nội tâm? Nêu tác dụng của kiểu ngôn ngữ ấy?

Câu 2: Em hãy chỉ ra 2 câu rút gọn trong đoạn trích trên?

Câu 3: Từ hình ảnh ba cô gái thanh niên xung phong trong truyện, em có suy nghĩ gì về vẻ đẹp của con người Việt Nam trong những năm chiến tranh và trong cuộc sống hoà bình hôm nay? (Trình bày thành một đoạn văn có độ dài khoảng nửa trang giấy thi).

Gợi ý:

Câu 1 (0,5 điểm)	- Đoạn văn sử dụng kiểu ngôn ngữ độc thoại nội tâm.	0,25 điểm
	- Tác dụng: Kiểu ngôn ngữ này giúp người kể có thể đi sâu vào đời sống nội tâm nhân vật, bộc lộ được tính cách nhân vật: dũng cảm, gan dạ, tinh thần trách nhiệm cao với công việc, làm cho câu chuyện sinh động.	0,25 điểm
Câu 2 (0,5 điểm)	HS chỉ ra 2 câu rút gọn:	0,25 điểm
	- Quen rồi. - Ngày nào ít: ba lần.	0,25 điểm
	Học sinh có thể trình bày suy nghĩ riêng của mình về vẻ đẹp của con người Việt Nam nhưng cần đảm bảo các ý:	

Câu 3 (2 điểm)	* Trong chiến tranh: - Yêu làng quê tha thiết, yêu nước nồng nàn. - Sống có mục đích, lý tưởng. - Có lòng dũng cảm, không sợ hy sinh. Tinh thần trách nhiệm cao với công việc. - Hồn nhiên, lạc quan, tình đồng đội gắn bó.	1 điểm
	* Trong cuộc sống hôm nay: - Thông minh, nhạy bén với cái mới. - Cần cù, sáng tạo, đùm bọc, đoàn kết. - Sống có văn hoá, ý thức sâu sắc về chủ quyền dân tộc. - Tự tin, giàu bản lĩnh trong hội nhập.	1 điểm

Đề số 11: (5 điểm):

Đọc phần trích sau và trả lời câu hỏi:

“Về đến nhà, ông Hai nằm vật ra giường, mấy đứa trẻ thấy bố hôm nay có vẻ khác, len lét đưa nhau ra đầu nhà chơi sậm chơi sụi với nhau.

Nhìn lũ con, tủi thân, nước mắt ông lão cứ giàn ra. Chúng nó cũng là trẻ con làng Việt gian đấy ư? Chúng nó cũng bị người ta rẻ rúng hắt hủi đấy ư? Khốn nạn, bằng ấy tuổi đầu... Ông lão nắm chặt hai tay mà rít lên:

- Chúng bay ăn miếng cơm hay miếng gì vào mồm mà đi làm cái giống Việt gian bán nước để nhục nhã thế này.”

(SGK Ngữ văn 9-tập I- NXBGD)

1. Đoạn văn trên được trích trong tác phẩm nào? Tác giả là ai?
2. Hãy chỉ ra hình thức ngôn ngữ mà nhà văn đã sử dụng để diễn tả tâm trạng của nhân vật trong phần trích trên. Có thể thay đổi vị trí các hình thức ngôn ngữ đó cho nhau được không? Vì sao?
3. Tâm trạng của nhân vật ở đoạn trích được nhà văn khắc họa trong một tình huống đặc sắc. Hãy trình bày nội dung và nêu tác dụng của tình huống ấy.
4. Từ đoạn trích trên và kết hợp với những hiểu biết xã hội, em hãy trình bày suy nghĩ về vai trò của lòng tự trọng trong việc hoàn thiện nhân cách của mỗi người. (Trình bày bằng đoạn văn khoảng 2/3 trang giấy thi)

Gợi ý:

1. HS trả lời đúng đoạn trích trên được trích trong tác phẩm “ Làng” của nhà văn Kim Lân. (0,5 điểm.)

2.HS chỉ ra được hình thức ngôn ngữ mà tác giả sử dụng trong đoạn trích là: ngôn ngữ độc thoại nội tâm, ngôn ngữ độc thoại.(0,5 điểm)

+ Ngôn ngữ độc thoại nội tâm: “Chúng nó cũng nó là trẻ con làng Việt gian đấy ư? Chúng nó cũng bị người ta rẻ rúng hắt hủi đấy ư? Khốn nạn, bằng ấy tuổi đầu...”

+ Ngôn ngữ độc thoại: “- Chúng bay ăn miếng cơm hay miếng gì vào mồm mà đi làm cái giống Việt gian bán nước để nhục nhã thế này?”

-Không thể thay đổi vị trí của các hình thức ngôn ngữ, bởi thay đổi thì diễn biến tâm trạng của ông Hai không được hợp lý, không thể thể hiện được sâu sắc tâm trạng của ông Hai. (0,5 điểm)

3.HS nêu được tâm trạng của nhân vật trong đoạn trích trên được khắc họa trong tình huống đặc sắc: Ông Hai nghe tin làng Chợ Dầu theo giặc từ người đàn bà tản cư dưới xuôi lên . (0,5 điểm)

Tác dụng: Tình huống đó đã bộc lộ tâm trạng dằn vặt, đau đớn, tủi hổ của ông Hai..., từ đó thể hiện rõ tình yêu làng, yêu nước của ông . (1,0 điểm)

4. Đoạn văn cần đảm bảo yêu cầu sau:

* Về hình thức: (0,5 điểm)

Viết hình thức đúng đoạn văn, diễn đạt trôi chảy, lưu loát, không mắc lỗi về chính tả, câu, diễn đạt...dung lượng đúng 2/3 trang giấy thi.

* Về nội dung: Đoạn văn cần đảm bảo những ý cơ bản sau:

- Giải thích về lòng tự trọng: Là luôn giữ gìn phẩm giá, nhân cách, danh dự dù ở bất kì hoàn cảnh nào... (0,25 điểm)

- Vai trò của lòng tự trọng trong hoàn thiện nhân cách:

+ Giúp con người biết được giá trị bản thân, nhận ra sai và sửa sai, không làm những việc xấu hổ với bản thân.... từ đó dẫn đến thành công.(dẫn chứng, phân tích dẫn chứng) (0,25 điểm)

+ Tự trọng của mỗi người sẽ khiến cho xã hội văn minh, tiến bộ...

(0,25 điểm)

- Cần phân biệt lòng tự trọng với tự kiêu... (0,25 điểm)

- Liên hệ bản thân. (0,5 điểm)

4. Củng cố: Nhận xét giờ luyện tập

5. HDVN: Về nhà tích cực viết đoạn văn, bài văn NLXH theo các dạng đề.

Ngày soạn: 10 /6/ 2020

Ngày dạy: /6/2020

TIẾT 31,32 ,33 : KIỂM TRA TỔNG HỢP

I. Mục tiêu cần đạt.

1. Kiến thức:

- HS nắm được nội dung, tư tưởng, chủ đề, ý nghĩa, giá trị nội dung của các tác phẩm văn học truyện hiện đại đại Việt Nam

2. Kỹ năng: HS cần nắm vững cách phân tích, đánh giá, cảm thụ và phân tích tác phẩm văn học.

3. Thái độ: HS cần thái độ trân trọng, nghiêm túc với những người nông dân yêu nước yêu lao động, cần phê phán, làm bài nghiêm túc

* Trang bị: Làm bài theo yêu cầu của đề.

II. CHUẨN BỊ

Thầy: Nghiên cứu tài liệu, đề kiểm tra

Trò: Giấy bút làm bài

III. Tiến trình lên lớp.

1. Ổn định tổ chức:

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

ĐỀ BÀI:

PHẦN I (4.5 điểm):

Cho đoạn văn bản sau:

“Hai ông con theo bậc cấp bước xuống đồi, đến mặt đường nhìn lên, không thấy người con trai đứng đấy nữa. Anh ta đã vào nhà trong. Ông xách cái làn trứng, cô ôm bó hoa to. Lúc bấy giờ, nắng đã mạ bạc cả con đèo, đốt cháy rừng cây hừng hực như một bó đuốc lớn. Nắng chiếu làm cho bó hoa càng thêm rực rỡ và làm cho cô gái cảm thấy mình rực rỡ theo. Hai người lững thững đi về phía chiếc xe đỗ, im lặng rất lâu.”

(Trích “Lặng lẽ Sa Pa”- Nguyễn Thành Long)

Câu 1: Bó hoa to mà cô gái mang theo có xuất xứ như thế nào trong tác phẩm?

Câu 2: Chỉ rõ một cụm chủ vị làm thành phần câu hoặc thành phần phụ của cụm từ trong câu: “Nắng chiếu làm cho bó hoa càng thêm rực rỡ và làm cho cô gái cảm thấy mình rực rỡ theo.” và cho biết cụm chủ vị ấy làm thành phần gì?

Câu 3: Tìm một câu văn có hình ảnh so sánh được sử dụng trong đoạn trích. Hình ảnh so sánh này gợi lên những vẻ đẹp gì?

Câu 4: Từ vẻ đẹp của những nhân vật trong tác phẩm, cùng với hiểu biết của bản thân, em hãy trình bày suy nghĩ (trong khoảng 2/3 trang giấy thi) về quan niệm sống đẹp của tuổi trẻ hiện nay.

PHẦN II (5.5 điểm):

Trong bài thơ “**Ánh trăng**”, nhà thơ Nguyễn Duy có viết:

Giữa mặt lên nhìn mặt
có cái gì rung rung
như là đồng là bể
như là sông là rừng

(Trích Ngữ văn 9, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam)

Câu 1: Nêu mạch cảm xúc của bài thơ “**Ánh trăng**”. Cả bài thơ chỉ có một dấu chấm duy nhất ở cuối bài, điều đó có ý nghĩa gì?

Câu 2: Từ “**rung rung**” thuộc loại từ gì? Qua loại từ đó, em hiểu gì về cảm xúc của nhà thơ khi đối diện với trăng?

Câu 3: Dựa vào hai khổ thơ cuối của bài thơ, hãy viết một đoạn văn theo cách lập luận quy nạp khoảng 12 câu để làm rõ những cảm xúc và suy ngẫm của nhân vật trữ tình trong khoảnh khắc đối diện với vầng trăng. Trong đoạn văn có sử dụng câu mở rộng thành phần và thành phần phụ chú (gạch chân, chỉ rõ).

Câu 4: Chép chính xác hai câu thơ trong chương trình Ngữ văn THCS cũng gợi tả sự đối diện của con người và vầng trăng (ghi rõ tên tác giả).

Câu	Nội dung	Điểm
PHẦN I (4.5 ĐIỂM)		
Câu 1 (0.5 điểm)	Bó hoa to mà cô gái mang theo là bó hoa anh thanh niên cắt từ vườn hoa do chính anh trồng để tặng cô khi cô cùng ông họa sĩ lên thăm nơi ở và nơi làm việc của anh.	0.5 điểm
Câu 2 (1 điểm)	HS phân tích và gọi tên đúng một trong các cụm chủ vị sau: - “Nắng /chiếu”: cụm c-v làm chủ ngữ - “bó hoa/càng thêm rực rỡ”: cụm c-v làm phụ ngữ trong cụm động từ - “cô gái/ cảm thấy mình rực rỡ theo”: cụm c-v làm phụ ngữ	1 điểm

	trong cụm động từ (<i>phân tích đúng: 0.5đ, gọi tên đúng: 0.5đ</i>)	
Câu 3 (1 điểm)	- HS chép đúng câu văn có hình ảnh so sánh - Hình ảnh so sánh gọi vẻ đẹp: + gợi bức tranh đầy ánh sáng, màu sắc rực rỡ, tạo một nên không gian tươi sáng, trong trẻo cho câu chuyện, tạo chất thơ cho tác phẩm + đồng thời, sự thơ mộng, tươi sáng của thiên nhiên còn gợi nên sự thơ mộng, trong sáng của tâm hồn con người. Cái hùng hực của nắng gọi nhiệt huyết hùng hực như cháy của con người.	0.5 điểm 0.25 đ 0.25 đ
Câu 4 (2 điểm)	*Hình thức đoạn văn: - Đoạn văn đảm bảo đúng dung lượng, có trình tự lập luận mạch lạc, diễn đạt rõ ý, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. - Đúng kiểu văn nghị luận, biết kết hợp các phương thức biểu đạt. (nếu đoạn văn quá dài hoặc quá ngắn trừ 0.5 điểm) *Nội dung đoạn văn: HS bày tỏ suy nghĩ riêng của mình song cần đảm bảo một số ý sau: - Giải thích thế nào là sống đẹp? - Biểu hiện của sống đẹp (suy nghĩ, lời nói, việc làm...,có thể lấy dẫn chứng trong văn học, trong thực tế đời sống) - Ý nghĩa của sống đẹp? - Liên hệ thực tế: phê phán những biểu hiện trái với sống đẹp - Bài học nhận thức, liên hệ bản thân	0.25 đ 0.25 đ 0.25 đ 0.25đ 0.5 đ 0.25 đ 0.25 đ
PHẦN II (5.5 ĐIỂM)		
Câu 1 (1 điểm)	- Mạch cảm xúc của bài thơ: + Bài thơ là câu chuyện nhỏ được kể theo trình tự thời gian từ quá khứ đến hiện tại với các mốc sự kiện trong cuộc đời con người. + Mạch cảm xúc đi từ quá khứ đến hiện tại và lắng kết trong cái “giật mình” cuối bài thơ. - Cả bài thơ chỉ có một dấu chấm duy nhất cuối bài: thể hiện sự sáng tạo của nhà thơ, tạo sự liên mạch về ý tưởng và hình ảnh trong cả bài thơ	0.25 đ 0.25 đ 0.5 điểm
Câu 2 (0.5 điểm)	- Loại từ: từ láy - Cảm xúc: sự xúc động mãnh liệt, ghen ngạo như muốn khóc trong giây phút gặp lại trăng	0.25 đ 0.25 đ
Câu 3 (3.5 điểm)	*Hình thức đoạn văn: - Đủ dung lượng, có trình tự lập luận mạch lạc, rõ ý	0.25 đ

- Đúng đoạn văn quy nạp	0.25 đ
- Gạch chân và chỉ rõ một câu mở rộng thành phần	0.25 đ
- Gạch chân và chỉ rõ một thành phần phụ chú	0.25 đ
*Nội dung đoạn văn: HS biết bám sát ngữ liệu và khai thác các tín hiệu nghệ thuật một cách hiệu quả để làm sáng tỏ các nội dung:	
- Khổ 5: <i>sự xúc động mãnh liệt của nhà thơ khi gặp lại vàng trắng.</i>	
- “Ngửa mặt lên nhìn mặt/ có cái gì rưng rưng” là một cuộc đối thoại không lời. Con người và vàng trắng giờ đây trong tư thế mặt đối mặt. Từ “mặt” trong câu thơ là từ nhiều nghĩa đã tạo nên sự đa nghĩa của ý thơ.	0.25 đ
- Nhà thơ đối diện với mặt trăng, người bạn tri kỉ mình đã lãng quên để tự thú về sự bội bạc của mình. Đối diện với trăng nhà thơ như nhìn thấy cả mặt mình trong đó và tự vấn lương tâm, hổ thẹn và ân hận vì sự thay đổi của mình.	0.25 đ
- Cuộc đối thoại không lời trong khoảnh khắc ấy đã làm nhà thơ rưng rưng xúc động. Từ láy “rưng rưng” diễn tả tâm trạng xúc động nghẹn ngào không nói thành lời.	
- biện pháp nghệ thuật so sánh với cấu trúc giống nhau, nhịp thơ dồn dập với nghệ thuật liệt kê các hình ảnh đã nhấn mạnh kỉ niệm trong quá khứ cứ ào ạt, trôi chảy theo dòng hoài niệm của con người “như là đồng là bể/ như là sông là rừng”.	0.25 đ
<i>*Khổ thơ cuối là những suy ngẫm sâu sắc và triết lí của nhà thơ qua hình tượng trăng.</i>	
- Trăng đã trở thành biểu tượng cho sự bất biến, vĩnh hằng không thay đổi. “trăng tròn vành vạnh” biểu tượng cho sự tròn đầy vẹn nguyên, thủy chung, trọn vẹn của quá khứ dù cho con người có thay đổi vô tình.	
- ánh trăng còn được nhân hóa “im phăng phắc” gợi liên tưởng đến cái nhìn nghiêm khắc mà bao dung của người bạn thủy chung, tình nghĩa. Và chính thái độ ấy của trăng, của người bạn tri kỉ đã khiến con người giật mình thức tỉnh.	0.25 đ
- Tình cảm của trăng, tấm lòng của trăng chính là tình cảm của những người đồng chí đồng đội, của đồng bào, của nhân dân.	0.25 đ
- Sự im lặng ấy làm nhà thơ giật mình, thức tỉnh. Đó là cái giật mình thể hiện sự suy nghĩ, trăn trở, tự đấu tranh với chính mình để sống tốt hơn. Giật mình để không chìm vào quên lãng, để không đánh mất quá khứ. Con người giật mình trước ánh trăng lặng lẽ là sự thức tỉnh của nhân cách trở về với lương tâm trong sạch, tốt đẹp. Cái giật mình của	0.25 đ
	0.5 điểm

	lượng tâm nhà thơ thật đáng trân trọng. Nó thể hiện sự suy nghĩ, trăn trở, tự đấu tranh với chính mình để sống tốt hơn. - Bốn câu thơ cứ một câu nói đến trăng, một câu nói đến con người trong sự so sánh, tương phản: trăng vẫn tình nghĩa còn con người thì vô tình. Trăng im phăng phắc vậy mà con người giạt mình thảng thốt. (Lưu ý: - <i>Đúng ý song diễn đạt chưa sâu: 1.5 điểm</i> - <i>Diễn xuôi ý thơ, dài dòng, mắc một số lỗi diễn đạt: 1 điểm</i> - <i>Ý sơ sài, mắc nhiều lỗi diễn đạt: 0.5 điểm</i> - <i>Không phân tích nghệ thuật: trừ 0.75 điểm</i> - <i>Nếu đoạn quá dài (trên 14 câu) hoặc quá ngắn (dưới 10 câu): trừ 0.5 điểm</i>	
Câu 4 (0.5 điểm)	HS chép chính xác hai câu thơ: “Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ” (HS có thể chép hai câu theo bản phiên âm) - Tác giả Hồ Chí Minh	0.25 đ 0.25 đ

PHẦN I (2,5 điểm)

Cho câu thơ: “Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng”

Câu 1. Chép 3 câu thơ tiếp theo để hoàn thành khổ thơ và cho biết khổ thơ vừa chép được trích trong tác phẩm nào? Nêu tên tác giả?

Câu 2: Từ “*Mặt trời*” trong khổ thơ vừa chép có những ý nghĩa nào? Đây có được coi là hiện tượng chuyển nghĩa của từ để tạo ra từ nhiều nghĩa không?

Câu 3: Trong bài thơ có khổ thơ vừa chép có sử dụng hình ảnh đẹp: “*Con chim hót*”, “*đóa hoa tỏa hương*”, trong một bài thơ khác của chương trình Ngữ văn lớp 9 cũng có những hình ảnh này. Đó là bài thơ nào? Của ai?

PHẦN I: (7,5 điểm)

Cho đoạn trích sau:

“...Việc của chúng tôi là ngồi đây. Khi có bom nổ thì chạy lên, đo khối lượng đất lấp vào hố bom, đếm bom chưa nổ và nếu cần thì phá bom. Người ta gọi chúng tôi là tổ trinh sát mặt đường. Cái tên gọi sự khao khát làm nên những sự tích anh hùng. Do đó công việc cũng chẳng đơn giản. Chúng tôi bị bom vùi luôn. Có khi bò trên cao điểm về chỉ nhìn thấy hai con mắt lấp lánh. Cười thì hàm răng lóa lên khuôn mặt nhem nhuốc. Những lúc đó, chúng tôi gọi nhau là “những con quỉ mắt đen”...”

(*Những ngôi sao xa xôi* – Lê Minh Khuê)

Câu 1. Hãy xác định ngôi kể của văn bản chứa đoạn trích trên. Cách chọn ngôi kể ấy có tác dụng gì?

Câu 2. “Chúng tôi” được nói tới ở đây là những ai? Công việc của họ là gì? Tại sao cái tên “tổ trinh sát mặt đường” lại “gọi sự khát khao làm nên những sự tích anh hùng”?

Câu 3. Trong tác phẩm, để làm nổi bật vẻ đẹp của Phương Định, Lê Minh Khuê đã rất thành công khi miêu tả hành động và tâm trạng của cô trong một lần phá bom.

Viết một đoạn văn khoảng 12 câu, trình bày theo cách tổng-phân-hợp để phân tích diễn biến tâm trạng và hành động của nhân vật Phương Định trong lần phá bom đầy nguy hiểm đó. Đoạn văn có sử dụng một câu phủ định và một phép thế để liên kết câu (gạch chân câu phủ định, phép thế và chú thích rõ)

Câu 4. Từ vẻ đẹp của Phương Định trong câu chuyện, em có suy nghĩ gì về ý thức trách nhiệm của thế hệ trẻ đối với đất nước ngày nay. Hãy trình bày suy nghĩ của em bằng một đoạn văn khoảng nửa trang giấy thi.

ĐÁP ÁN – BIỂU ĐIỂM

Phần/câu	Đáp án	Điểm
PHẦN I (2,5 điểm) Câu 1: (1 điểm)	- Chép thuộc thơ, đúng - Nêu đúng tên tác giả, tác phẩm:	0,5 điểm (sai 1 lỗi chính tả trừ 0,25 điểm) 0,5 điểm

Câu 2 (1 điểm)	- “Mặt trời” trong câu “ <i>Mặt trời đi qua trên lăng</i> ”: Nghĩa gốc tả thực mặt trời tự nhiên.	0,25điểm.
	- “Mặt trời” trong câu “ <i>Mặt trời trong lăng</i> ”: Ẩn dụ chỉ Bác.	0,25điểm.
	- Đây không phải là hiện tượng chuyển nghĩa của từ nhằm tạo ra từ nhiều nghĩa, vì nghĩa này chỉ xuất hiện lâm thời trong câu thơ của Viễn Phương, nó không ổn định, không xuất hiện trong từ điển.	0,5 điểm
Câu 3 (0,5điểm)	Bài thơ “ Mùa xuân nho nhỏ” (Thanh Hải) <i>(Ta làm con chim hót Ta làm một cành hoa...)</i>	0,5 điểm
PHẦN II Câu 1 1,0 điểm	-Ngôi trần thuật: + Ngôi thứ nhất + Người kể là nhân vật Phương Định.	0,25đ
	-Tác dụng: + Thuận lợi cho việc biểu hiện thế giới tâm hồn, cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật 1 cách chân thực và sinh động.	0,25đ
	+ Tạo điểm nhìn phù hợp để miêu tả hiện thực cuộc chiến đấu ở 1 trọng điểm trên tuyến đường Trường Sơn...	0,25đ
	+ Dễ dàng điều chỉnh nhịp kể.	0,25đ
Câu 2: 1,5 điểm	-Chúng tôi là ba cô gái: Nho, Thao và Phương Định	0,25đ
	-Công việc: + Quan sát địch ném bom, đo khối lượng đất lấp vào hố bom. + Đếm bom chưa nổ, nếu cần thì phá bom.	0,25đ
	- Giải thích: + Tính chất công việc: Nguy hiểm và vô cùng quan trọng.	0,25đ
	+ Đây là nơi thử thách tinh thần dũng cảm, ý chí chiến đấu; thể hiện khát khao lập công và sẵn sàng hy sinh, thể hiện lòng yêu nước của những cô gái TNXP	0,5đ
Câu 3 3,5 điểm	*Hình thức: - Viết đúng đoạn văn T- P – H - Có sử dụng câu phủ định (Gạch chân và chú thích rõ) - Sử dụng một phép thế để liên kết câu.	1,5 điểm 0,5 đ 0,5 đ 0,5 đ
	*Nội dung: Tìm các dẫn chứng trong tác phẩm để làm rõ diễn biến tâm trạng và hành động của Phương Định trong một lần phá bom đầy nguy hiểm: - Trước lúc phá bom: + Mặc dù đã rất quen công việc nguy hiểm này, thậm chí có ngày phá tới 5 quả bom, nhưng mỗi lần vẫn là một thử thách.	2,0 điểm 0,25đ

	+ Từ khung cảnh và không khí đầy căng thẳng “Văng lạng”, “Cây xơ xác”, “Đất nóng”, “Khói đen vật vờ” đến cảm giác “Các anh cao xạ” đang theo dõi mình, lòng dũng cảm của cô được kích thích bởi lòng tự trọng và sự yên tâm “ ...tôi không sợ nữa,...không đi khom ...đàng hoàng mà bước tới” - Khi phá bom: + Đứng trước quả bom, kề với cái chết, từng cảm giác trở nên sắc nhọn (gai người, rùng mình...) + Tự hồi thúc mình chạy đua với thời gian, vượt qua cái chết để hoàn thành nhiệm vụ. “Bỗng thấy tại sao mình làm quá chậm. Nhanh lên một tí!...” -> hành động khẩn trương, cẩn thận bằng kinh nghiệm của bản thân. - Khi chờ bom nổ: + Một loạt những câu hỏi về công việc xuất hiện (liệu mình có nổ? “ bom có nổ không?”, “ Không thì làm cách nào để châm mìn lần thứ hai?”, “Đứng cẩn thận, mảnh bom ghim vào tay thì khá phiền”) + Ý nghĩ về cái chết cũng đến nhưng rất mờ nhạt -> Ý thức trách nhiệm còn cao hơn cả mạng sống. - Những cảm giác khi bom nổ và sự lo lắng cho đồng đội - Nghệ thuật: Miêu tả diễn biến tâm lí nhân vật, ngôn ngữ độc thoại nội tâm... (Đây chỉ là gợi ý, giáo viên tùy mức độ làm bài của học sinh mà cho điểm phù hợp. Nếu không đảm bảo số câu trừ 0,5 điểm)	0,25 đ 0,25đ 0,25 đ 0,25 đ 0,25đ 0,25đ 0,25đ
Câu 4 1,5 điểm	HS có thể trình bày những suy nghĩ riêng của mình, nhưng cần đảm bảo được các ý cơ bản sau: - Giới thiệu vấn đề: ý thức trách nhiệm của thế hệ trẻ đối với đất nước hiện nay. - Suy nghĩ về nội dung vấn đề được nói đến trong tác phẩm: Về đẹp về phẩm chất và tâm hồn của Phương Định: Gan dạ, dũng cảm; tinh thần trách nhiệm cao, yêu thương đồng đội... - Suy nghĩ về ý nghĩa vấn đề trong thực tế cuộc sống: Trách nhiệm của thế hệ trẻ VN với đất nước hiện nay (Trong hoàn cảnh đất nước hòa bình): + Cần sự dũng cảm vượt khó vươn lên. Dám nghĩ, dám làm, dám “xông pha” nơi vùng biên cương hải đảo ... + Sống có trách nhiệm với bản thân, gia đình, quê hương đất nước: học tập, rèn luyện trau dồi tri thức, rèn luyện sức khỏe, tu dưỡng phẩm chất đạo đức... + Bao dung nhân ái với mọi người, đặc biệt là những người có hoàn cảnh khó khăn...	

	* Bên cạnh đó có một số thanh niên có lối hưởng thụ, đua đòi, ỷ lại, chỉ chơi bời lêu lổng mà không chịu học hành phấn đấu... (có liên hệ thực tế) -> Có đưa ra lời bình luận và tự rút ra bài học tích cực cho bản thân. - Lời kêu gọi hành động * Lưu ý: Cần tôn trọng những suy nghĩ độc đáo nhưng hợp lí và phải mang tính tích cực của học sinh. Nếu không đảm bảo số lượng câu (Khoảng nửa trang giấy thi) trừ 0,25 điểm	
--	--	--

ĐỀ 2

Câu 1: 2,5 điểm

Sách là “kho tàng cất giữ di sản tinh thần nhân loại”- những báu vật về kiến thức, về kinh nghiệm sống mà những thế hệ đi trước tích lũy được để truyền lại cho thế hệ sau. Sách là “những cột mốc trên con đường tiến hoá của nhân loại”. Mỗi cuốn sách thường đặt ra và giải quyết một vấn đề nào đó mà người viết muốn đúc kết lại, gửi cho bạn đọc lời nhắn nhủ để thúc đẩy cuộc sống tiến lên.

- Đoạn văn trên sử dụng dẫn chứng trực tiếp hay gián tiếp? Đó là những dẫn chứng nào?
- Sách giữ vai trò quan trọng trong đời sống con người.
 - Hãy biến đổi câu trên thành câu phủ định mà vẫn giữ nguyên ý người viết.
 - Đặt câu đã biến đổi vào vị trí thích hợp để đoạn văn trên có cách lập luận tổng – phân – hợp

Câu 2: 6 điểm

- “ Có khi bò trên cao điểm về chỉ thấy hai con mắt lấp lánh. Cười thì hàm răng trắng loá trên khuôn mặt nhem nhuốc. Những lúc đó chúng tôi gọi nhau là “những con quỷ mắt đen”...**
 - Những câu văn trên có trong tác phẩm nào? Ai là tác giả?
 - Những người gọi nhau là “những con quỷ mắt đen” làm việc gì? Họ là những ai?
 - Câu nói trên gợi cho ta liên tưởng đến câu thơ nào trong bài “ bài thơ về tiểu đội xe không kính của Phạm Tiến Duật? Vì sao?
- Viết đoạn văn khoảng 12 câu theo cách tổng – phân – hợp, mở đầu bằng câu: **Mặc dù là những cô gái rất trẻ, có cá tính và hoàn cảnh riêng không giống nhau như đã trình bày ở trên nhưng ba cô gái trong tổ trình sát mặt đường đều là những chiến sĩ dũng cảm.**

Câu 3: 1,5 điểm

“...Một ấn tượng hàm ơn khó tả dạt lên trong lòng cô gái. Không phải vì bó hoa rất to sẽ đi theo cô trong chuyến đi thứ nhất ra đời. Mà vì một bó hoa nào khác nữa, bó hoa của những háo hức và mơ mộng ngẫu nhiên anh cho thêm cô...” (Lặng lẽ Sa Pa – Nguyễn Thành Long)

Hình ảnh **một bó hoa nào khác nữa** được sử dụng theo biện pháp tu từ nào ? Em hiểu ý nghĩa hình ảnh đó như thế nào ?

GỢI Ý LÀM BÀI

Câu 1: 2,5 điểm

1. Đoạn văn sử dụng lời dẫn trực tiếp. Đó là những dẫn chứng đã được đặt trong ngoặc kép. 0,5 đ

2.a. Câu trên nếu biến đổi thành câu phủ định sẽ là : Sách không thể không giữ vai trò quan trọng trong đời sống con người 1 đ

b. Nên đặt câu đã biến đổi vào cuối đoạn 1 đ

Câu 2: 6 điểm

1.a. Những câu trên có trong tác phẩm **Những ngôi sao xa xôi**, tác giả là Lê Minh Khuê 0,5đ

b. Họ là ba cô gái : Nho, Thao, Phương Định – những nữ thanh niên xung phong làm công việc ở tổ trinh sát mặt đường (đo khối lượng đất đá cần san lấp, đếm bom chưa nổ và phá bom nổ chậm khi cần) 1 điểm

c. Câu nói trên gợi ta nghĩ đến những câu thơ trong bài “ Bài thơ về tiểu đội xe không kính”

Không có kính ừ thì có bụi

Bụi phun tóc trắng như người già

Chưa cần rửa phì phèo châm điếu thuốc

Nhìn nhau mặt lấm cười ha ha 0,5 đ

2. Đoạn văn: 4 điểm

- Số câu; khoảng 12-> 15 câu

- Hình thức là đoạn tổng - phân- hợp

a. Mở đoạn bằng câu: mặc dù là những cô gái rất trẻ, có cá tính và hoàn cảnh riêng không giống nhau như đã trình bày ở trên nhưng ba cô gái trong tổ trinh sát mặt đường đều là những chiến sĩ dũng cảm.

b. Thân đoạn: Làm rõ y ba cô gái trong tổ trinh sát mặt đường đều là những chiến sĩ dũng cảm.

- Hoàn cảnh làm việc của họ cực kì nguy hiểm, luôn kề cận với cái chết, căng thẳng thần kinh, cần dũng cảm nhưng họ lại coi đó là việc bình thường...

- Họ bình tĩnh, dũng cảm khi đi trinh sát...

- Khi phá bom nổ chậm...

c. Kết đoạn: ca ngợi lòng dũng cảm của họ

Câu 3: 1,5 đ

- Hình ảnh ***một bó hoa nào khác nữa*** được sử dụng theo biện pháp tu từ ẩn dụ 0,5 đ

- Hình ảnh đó có ý nghĩa: đó là những giá trị tinh thần mà cô gái đã tìm thấy ở anh – vẻ đẹp tâm hồn qua những điều cô được chứng kiến, từ những trang sách anh đọc dở...Anh trở thành tấm gương cho cô noi theo, cho cô yên tâm với những sự lựa chọn của mình. 1 điểm

Ngày soạn: / 5 /2019

Ngày dạy: /5/2019

TiÕt:37,28 ,39: LUYỆN TẬP CÁC DẠNG ĐỀ

A. Mốc tiêu chuẩn ®

1. **Kiểm thức:** Gióp hắc sinh $n\frac{3}{4}m$ ®-íc kiỐn thọc vỒ v"n b¶n nghP luỀn văn bản truyện hiện đại, thơ hiện đại trong một đề bài cụ thể 2.

Kĩ năng: Rèn cho hắc sinh cả kĩ n"ng làm bài cụ thể.

3. **Thị ®é:** Gi, o dộc hắc sinh cả ý thọc chuỀn bP bụi ẽ nhự, ý thọc thục hụnh tốt.

* **Trăng t©m :** Rèn kỹ năng làm một đề cụ thể

B. C huỀn bP: Thầy: Nghi"n cõu so"n nẻi dung chuy"n ®Ồ.

Trß: So"n bụi hắc bụi

C. TiỐn tr×nh l"n lớp.

1- æn ®Đnh tæ chợc

2- **KiỐm tra bụi cò:**

3- **Bụi mới:**

-CÁC DẠNG ĐỀ

Đề 1

Phần I : (7 điểm)

Ta làm con chim hót

Ta làm một cành hoa

Ta nhập vào hoà ca

Một một trăm sao xuyên

1. Đoạn thơ trên thuộc tác phẩm, tác giả nào ? Ra đời trong hoàn cảnh nào, hoàn cảnh sáng tác ấy có nói lên điều gì không ?

2. Đầu bài thơ, tác giả xưng "Tôi", đến đây lại xưng "Ta", sự thay đổi ấy có nghĩa gì ?

3. Viết một đoạn văn 10 câu để phân tích đoạn thơ trên (kiểu diễn dịch, sử dụng phép thế, câu chứa thành phần phụ chú và gạch chân chúng).

4. Trong Ngữ văn 9 còn có một văn bản tả khung cảnh mùa xuân tuyệt đẹp. em hãy chép chính xác những câu thơ tả cảnh mùa xuân ấy và cho biết xuất xứ của đoạn thơ.

Phần II : (3 điểm)

Bằng kiến thức đã học về Lặng lẽ Sa Pa, anh (chị) hãy :

1. Giải thích nhan đề Lặng lẽ Sa Pa

2. Tại sao anh thanh niên sống một mình mà không thấy cô đơn.

3. Điều gì đã khiến ông họa sĩ cảm thấy " Nghệ thuật với tất cả sức mạnh và sự bất lực của nó" ?

Đề 2

Phần I : (7 điểm)

Dẫu làm sao thì cha vẫn muốn...

1. Viết tiếp 5 câu thơ để hoàn chỉnh đoạn, cho đoạn thơ đó thuộc tác phẩm nào và tác giả là ai ?
2. Nhận xét về nghệ thuật đặc sắc của đoạn thơ.
3. Viết đoạn văn 10 câu để phân tích đoạn thơ trên (kiểu diễn dịch, sử dụng phép thế, câu ghép và gạch chân chúng).

Phần II : (3 điểm)

Bằng kiến thức đã học về Làng (Kim Lân), anh (chị) hãy :

1. Tóm tắt tác phẩm bằng một đoạn văn ngắn.
2. Nhận xét về nghệ thuật miêu tả tâm lý nhân vật ông Hai của Kim Lân ?
3. Kể tên 2 tác phẩm viết về cuộc kháng chiến chống Pháp trong chương trình Ngữ văn 9.

Đề 3

Phần I (7 đ) :

Mở đầu Bài thơ về tiểu đội xe không kính, Phạm Tiến Duật có viết :

Xe không kính không phải vì xe không có kính

Bom giật, bom rung kính vỡ đi rồi

1. Cách nói ấy có gì đặc biệt, đạt được hiệu quả gì ?
2. Viết tiếp hai câu để hoàn chỉnh đoạn thơ, cho biết ý nghĩa nhan đề bài thơ ?
3. Cảm nhận của em về người chiến sĩ lái xe ? (bằng một đoạn văn dài từ 12 đến 15 câu kiểu diễn dịch, sử dụng phép thế, câu chứa thành phần phụ chú và gạch chân chúng).
4. Kể tên hai tác phẩm văn học trong chương trình ngữ văn 9 viết về lòng dũng cảm của người chiến sĩ ngoài mặt trận.

Phần II (3 đ):

Bằng kiến thức đã học về tác phẩm Bên quê của Nguyễn Minh Châu, anh (chị) hãy cho biết :

1. Sáng tạo độc đáo của tác giả ở tác phẩm là gì ?
2. Cuối đời Nhĩ đã nhận ra điều gì ?
3. Chọn một hình ảnh mang ý nghĩa biểu tượng của tác phẩm và phân tích.

Đề 4

Phần I (7 đ) :

Những ngôi sao xa xôi là một tác phẩm hay viết về đề tài chống Mỹ, anh (chị)
hãy :

1. Cho biết thể loại của tác phẩm, tác giả, ngôi kể của tác phẩm và hiệu quả của ngôi kể ấy ?
2. Lòng dũng cảm của Phương Định được tác giả tập trung miêu tả ở chi tiết nào ? (chú ý nghệ thuật) ?
3. Viết một đoạn văn 15 câu về vẻ đẹp của những cô gái thanh niên xung phong trên Trường Sơn thời chống Mỹ ?

Phần II (3 đ)

Bỗng nhận ra hương ổi....

1. Ghi tiếp 7 câu thơ để hoàn chỉnh đoạn, cho biết tên tác giả, tác phẩm ?
2. Cách cảm nhận mùa thu của tác giả có gì độc đáo ?
3. Cuối bài thơ tác giả suy ngẫm về điều gì ?

Đề 5

Phần I (3 Đ) :

Truyện cũ trong phủ chúa Trịnh là đoạn trích khá đặc sắc.

1. Cho biết xuất xứ và giải thích nhan đề Vũ trung tùy bút ?
2. Cuộc sống xa hoa của bọn vua chúa được miêu tả như thế nào, bằng những thủ pháp nghệ thuật nào ?

Phần II (7 Đ) :

Tình đồng đội là tình cảm thiêng liêng của người lính cách mạng, anh (chị)
hãy :

1. Kể tên những tác phẩm văn văn học trong chương trình ngữ văn 9 có viết về tình đồng đội của những người chiến đấu bảo vệ Tổ quốc.
2. Tác giả nào viết về tình cảm này thành công nhất, em hãy viết một đoạn văn 10 câu về tình cảm đó được thể hiện trong tác phẩm mà em đã lựa chọn (kiểu tổng phân hợp, trong đó có 1 câu ghép, 1 câu có thành phần tình thái) ?

3. Ghi lại chính xác khổ thơ mà em cho là hay nhất về tình cảm cao đẹp của người lính và cho biết vì sao mà em chọn khổ thơ đó ?

Đề 6

Phần I (7 điểm)

Đoàn thuyền đánh cá của Huy Cận là một bài thơ đặc sắc.

1. Cảm hứng chủ đạo của bài thơ là gì, cảm hứng ấy có ảnh hưởng gì đến việc sáng tạo hình ảnh thơ của tác giả ?
2. Dưới đây là câu chủ đề của đoạn văn cảm nhận về bài thơ Đoàn thuyền đánh cá của Huy Cận, em hãy viết tiếp 10 để hoàn chỉnh đoạn văn kiểu tổng phân hợp, có sử dụng phép thế (gạch chân chúng)

Với những hình ảnh thơ đặc sắc, Huy Cận đã làm nổi bật vẻ đẹp và sức mạnh của con người lao động trước thiên nhiên.

3. Chỉ ra tên một bài thơ, tác giả, chép khổ thơ thể hiện vẻ đẹp của con người lao động trên biển trong chương trình Ngữ văn THCS.

Phần II (3 điểm)

1. Nhận xét về tình huống truyện, giá trị nhân đạo Nguyễn Minh Châu thể hiện trong Bến quê ?
2. Tình huống, nghệ thuật khắc hoạ chân dung nhân vật trong Lặng lẽ Sa Pa của Nguyễn Thành Long ?

Đề 7

Phần I (7 đ):

Bằng hiểu biết về Con cò của Chế Lan Viên, em hãy cho biết :

1. Những câu ca dao nào đã được tác giả vận dụng trong bài thơ, nhận xét về cách vận dụng và hiệu quả thẩm mỹ của chúng ?
2. ý nghĩa biểu tượng của hình tượng con cò được bổ sung, biến đổi như thế nào qua các đoạn thơ ? (viết 1 đoạn 10 câu, dùng phép lặp, thành phần phụ chú)
3. Nhịp, giọng điệu của bài thơ có đặc điểm gì, có tác dụng gì ?

Phần II (3đ)

Qua Chuyện người con gái Nam Xương, Nguyễn Dữ :

1. Em hiểu gì thân phận người phụ nữ trong thời phong kiến ?
2. Nhận xét về cách dẫn dắt tình tiết truyện của tác giả ?

Đề 8

Phần I (7 đ):

Bằng hiểu biết về Viếng lăng Bác của Viễn Phương, em hãy:

1. Phân tích ý nghĩa hình ảnh hàng tre ?
2. Viết một đoạn văn 10 câu phân tích khổ thơ thứ hai của bài theo kiểu diễn dịch có sử dụng phép lặp ? (gạch chân câu đó)
3. Nhận xét về giọng điệu và tác dụng của nó trong bài thơ ?

Phần II (3 đ)

Bằng hiểu biết về Chiếc lược ngà của Nguyễn Quang Sáng, em hãy cho biết :

1. Chủ đề, nghệ thuật đặc sắc của tác phẩm ?
2. Phân tích thái độ, hành động của bé Thu khi nhận ra cha của mình.

Đề 9

Phần I (7điểm)

Bằng hiểu biết về Mùa xuân nho nhỏ của Thanh Hải, em hãy:

1. Chép chính xác 6 câu thơ đầu và chép 4 câu thơ của tác giả khác viết về mùa xuân trong chương trình Ngữ văn 9.
2. Chỉ ra nghệ thuật đặc sắc của khổ thơ.
3. Viết một đoạn văn 10 đến 12 câu để phân tích khổ thơ trên ? (Kiểu Tổng phân hợp, dùng thành phần phụ chú, 1 câu cảm và gạch chân các yếu tố đó).

Phần II (3điểm)

Bằng hiểu biết về văn học trung đại, em hãy :

1. Giới thiệu về tác phẩm Hoàng Lê nhất thống chí ?
2. Cho biết nội dung chính, nghệ thuật của đoạn trích của tác phẩm trong chương trình Ngữ văn 9 ?

Đề 10

Phần I (7 đ)

Bằng hiểu biết về Bếp lửa của Bằng Việt, em hãy cho biết :

1. Người cháu nhớ về những kỷ niệm gì ?
2. Tại sao khi nhớ về bà, tác giả lại nhớ tới bếp lửa ? Có lúc tác giả lại gọi là “ngọn lửa” , em hãy chép lại chính xác câu thơ có hình ảnh ngọn lửa và lý giải cách gọi ấy.
3. Viết một đoạn văn 10 câu để phân tích câu thơ Ôi kỳ lạ và thiêng liêng bếp lửa ?(dùng 1 phép lặp, 1 câu cảm).

Phần II (3đ)

Bằng hiểu biết về Chiếc lược ngà của Nguyễn Quang Sáng, em hãy:

1. Vì sao tác giả Nguyễn Quang Sáng lại đặt tên cho tác phẩm là Chiếc lược ngà ?
2. Cảm nghĩ của em về nhân vật ông Sáu bằng một đoạn văn 8 câu.

ĐÁP ÁN-BIỂU ĐIỂM:

Đề 1

Phần I : (7 điểm)

Ta làm con chim hót

Ta làm một cành hoa

Ta nhập vào hoà ca

Một mốt trăm xao xuyến

1. Đoạn thơ trên thuộc tác phẩm, tác giả nào ? Ra đời trong hoàn cảnh nào, hoàn cảnh sáng tác ấy có nói lên điều gì không ?

- Bài thơ được viết vào tháng 11/1980, không bao lâu trước khi nhà thơ qua đời.

- Hiểu về hoàn cảnh sáng tác của bài thơ, tư tưởng chủ đề của tác phẩm, ta vô cùng cảm phục và trân trọng tâm hồn cao đẹp, lòng yêu cuộc sống của nhà thơ :

+ Sắp phải giã từ cuộc đời mà nhà thơ vẫn không buồn, không chán nản mà trái lại ông vẫn cảm nhận thấy vẻ đẹp của mùa xuân đất trời, đất nước; vẫn say sưa ngây ngất với vẻ đẹp của đất nước vào xuân để dâng cho đời một tuyệt tác về mùa xuân

+ Nhà thơ Thanh Hải còn khiến cho độc giả bao thế hệ phải suy ngẫm về mình trước ước nguyện khiêm nhường mà vô cùng cao đẹp của nhà thơ : muốn được làm “con chim hót”; làm “một nhành hoa” để được mang tiếng hót, được dâng hương sắc cho đời; một

nốt trầm xao xuyến để hoà vào dàn nhạc bất tận của sự sống. Mỗi người hãy mang đến cho cuộc đời chung một nét riêng, cái phần tinh túy của mình dù rất bé nhỏ.

2. Đầu bài thơ, tác giả xưng “Tôi”, đến đây lại xưng “Ta”, sự thay đổi ấy chứa đựng nhiều ý nghĩa :

- Sự chuyển đổi đại từ nhân xưng từ “Tôi” sang “Ta” mới thể hiện được mạch cảm xúc đặc biệt của bài thơ : Mạch cảm xúc tư tưởng của Mùa xuân nho nhỏ là đi từ cảm xúc trước mùa xuân của thiên nhiên, đất nước đến mùa xuân của mỗi con người trong mùa xuân lớn của đất nước, thể hiện khát vọng dâng hiến “mùa xuân nho nhỏ ” của mình vào “mùa xuân lớn của cuộc đời chung”.

- Mở đầu bài thơ, tác giả xưng “Tôi ”

Tôi đưa tay tôi hứng

- + Tôi chỉ một người- cá nhân nhà thơ

- + Nhà thơ xưng Tôi là để thể hiện cảm xúc của mình, niềm say sưa ngây ngất của riêng mình trước vẻ đẹp của mùa xuân đất trời.

- Sang phần hai của bài thơ, tác giả lại xưng “Ta”, sự thay đổi ấy có nghĩa đặc biệt :

- + Nhà thơ xưng Ta để thể hiện cảm xúc dạt dào của một cái tôi trữ tình đang khát khao hoà nhập, dâng hiến vào cuộc đời chung rộng lớn với muôn người, với đất nước của nhà thơ.

- + Ta được điệp lại ba lần cùng với các động từ (Ta làm...; Ta làm...; Ta nhập...) đã cụ thể hoá khát vọng cao đẹp của Thanh Hải : làm con chim cất tiếng hót , làm nhành hoa toả hương, làm nốt trầm xao xuyến để nhập vào bản hoà ca...

- + Điệp từ Ta đứng đầu ba dòng thơ không chỉ như một lời khẳng định niềm tâm niệm tha thiết, chân thành của nhà thơ mà còn là khát vọng chung của nhiều người được sống có ích, được là một mùa xuân nhỏ nhỏ hoà vào mùa xuân lớn của đất trời của đất nước.

3. Viết một đoạn văn 10 câu để phân tích đoạn thơ trên (kiểu diễn dịch, sử dụng phép thế, câu chứa thành phần phụ chú và gạch chân chúng).

* Đây là những câu hỏi trọng điểm để kiểm tra khả năng nhiều mặt :

- Kiến thức cơ bản, cụ thể về tác phẩm, khổ thơ

- Kỹ năng diễn đạt, dựng đoạn văn, phân tích thơ

- Hiểu biết về ngữ pháp

* Các bước tiến hành

- Xác định kiến thức cơ bản của câu hỏi yêu cầu cho nội dung phân tích một khổ thơ gồm 9 câu

+ Nội dung khái quát của khổ : Ước nguyện tha thiết, chân thành vô cùng khiêm nhường và cao đẹp của nhà thơ

+ Các ý cần có khi phân tích khổ thơ :

Những hình ảnh đẹp tự nhiên của thiên nhiên để diễn tả vẻ đẹp của tâm hồn làm con chim hót, một nhành hoa, một nốt trầm...

Câu tứ lặp lại tạo ra sự đối ứng chặt chẽ ...

ý nghĩa của điệp từ Ta ... (như phần trên)

Ước nguyện tha thiết, khiêm nhường mà cháy bỏng qua các từ : nho nhỏ, lặng lẽ dâng ...

+ Phân chia các ý cho đủ số câu theo yêu cầu của đề

+ Viết câu mở đầu (sử dụng ý khái quát đoạn ở trên)

+ Tạo câu theo yêu cầu ngữ pháp : phép thế và thành phần phụ chú

Dùng “như thế ” để thay thế cho một cụm từ không cần phải nhắc lại.

Dùng dấu gạch nối để làm rõ hơn một ý nhỏ.

- Kết nối các câu thành đoạn văn diễn dịch và tiến hành sử chữa để hoàn chỉnh đoạn văn.

4. Trong Ngữ văn 9 còn có một văn bản tả khung cảnh mùa xuân tuyệt đẹp, em hãy chép chính xác 4 câu thơ tả cảnh mùa xuân ấy và cho biết xuất xứ của đoạn thơ.

- Ngày xuân còn én đưa thoi,

Thiều quang chín chục đã ngoài sáu mươi.

Cỏ non xanh tận chân trời,

Cành lê trắng điểm một vài bông hoa.

- Đoạn thơ tả cảnh mùa xuân trích trong văn bản Cảnh ngày xuân từ Truyện Kiều của Nguyễn Du.

Phần II : (3 điểm)

Bằng kiến thức đã học về tác phẩm Lặng lẽ Sa Pa của Nguyễn Thành Long, anh (chị) hãy :

1. Giải thích nhan đề Lặng lẽ Sa Pa

- Lặng lẽ Sa Pa là một nhan đề giản dị, không cuốn hút bởi ngôn từ trau chuốt nhưng giàu ý nghĩa có khả năng làm nổi bật tư tưởng chủ đề của tác phẩm và hướng người đọc và nội dung chính của tác phẩm
- Nói đến Sa Pa, người ta thường nghĩ đến một vùng đất thơ mộng, yên tĩnh và sự nghỉ ngơi
- Đặt hai chữ Lặng lẽ trước địa danh Sa Pa, nhà văn đã hướng người đọc vào trạng thái, đặc điểm của một vùng đất và những con người ở nơi đây : sâu sắc, kín đáo, âm thầm mà mãnh liệt mà khiêm nhường.
- + Nhan đề đã gợi ra trước mắt độc giả Sa Pa với cảnh sắc thơ mộng với bát ngát màu xanh của núi rừng ẩn hiện trong mây mù, trong sương núi- nơi có độ cao khá lớn so với mặt nước biển. Cái lặng lẽ ấy chỉ là vẻ bề ngoài của vùng rừng núi nhưng bên trong nó còn chứa đựng bao vẻ đẹp đầy chất thơ của cuộc sống.
- + ở nơi đây có biết bao con người đang lặng lẽ cống hiến sức mình, đang làm việc hết trách nhiệm cho đất nước. Hai chữ lặng lẽ gợi nhắc đến những công việc thầm lặng, bền bỉ, miệt mài của bao người đang làm việc âm thầm trên núi cao. Cái lặng lẽ ấy đang ôm trong lòng nhịp sống sôi nổi, say mê đầy ắp ý nghĩa của bao con người hiểu sâu sắc về giá trị của sự sống và sự cống hiến của mình cho đất nước.

2. Tại sao anh thanh niên sống một mình mà không thấy cô đơn vì anh có : ý thức trách nhiệm về công việc và lòng yêu nghề. Chính tình yêu nghề nghiệp và ý thức về giá trị của sự sống khiến anh thanh niên ở một mình trên đỉnh núi làm công tác khí tượng mà chưa bao giờ thấy mình cô đơn

- + Anh có những suy nghĩ thật đúng đắn và sâu sắc về mối quan hệ giữa công việc với cuộc sống của mỗi con người. Suy nghĩ của anh đã khiến mọi người cảm động và khâm phục : “khi ta làm việc, ta với công việc là đôi, sao gọi là một mình được ? Huống chi việc của cháu gắn với liền với công việc của bao anh em, đồng chí...cắt nó đi, cháu buồn đến chết mất”

+ Anh luôn ý thức được tầm quan trọng của nghề nghiệp mình là có ích cho cuộc sống; khi biết mình đã góp phần vào chiến thắng của không quân bằng việc phát hiện một đám mây khô, anh thấy mình “thật hạnh phúc”

+ Anh luôn có những quyển sách là bạn.

3. Điều khiến ông họa sĩ cảm thấy “Nghệ thuật với tất cả sức mạnh và sự bất lực của nó” chính là vẻ đẹp tâm hồn và ý thức về sự sống của anh thanh niên làm công tác khí tượng trên đỉnh Yên Sơn.

- Là người có những suy nghĩ sâu sắc về cuộc sống và con người :

Đối diện với anh thanh niên, ông đã cảm nhận rất sâu sắc vẻ đẹp trong tâm hồn anh “ Người con trai ấy đáng yêu thật, nhưng làm cho ông nhọc quá. Với những điều làm cho người ta suy nghĩ về anh. Và về những điều anh suy nghĩ...” .

- Đứng trước anh thanh niên, ông họa sĩ hiểu về “sức mạnh nghệ thuật và sự bất lực của nó”. Ông họa sĩ từng trải hiểu : hội họa không sao thể hiện nổi vẻ đẹp tâm hồn của con người anh thanh niên đang lặng lẽ âm thầm cống hiến cho đất nước kia.

Đề 2

Phần I : (7 điểm)

Dẫu làm sao thì cha vẫn muốn...

1. Viết tiếp 5 câu thơ để hoàn chỉnh đoạn, cho đoạn thơ đó thuộc tác phẩm nào và tác giả là ai và ra đời ở thời kỳ nào ?

Dẫu làm sao thì cha vẫn muốn

Sống trên đá không chê đá gập ghềnh

Sống trong thung không chê thung nghèo đói

Sống như sông như suối

Lên thác xuống ghềnh

Không lo cực nhọc

- Đoạn thơ trên thuộc tác phẩm Nói với con của nhà thơ Y Phương

- Nói với con được sáng tác ở thời kỳ sau năm 1975.

2. Nhận xét về nghệ thuật đặc sắc của đoạn thơ.

- Đây là đoạn thơ đặc sắc của tác phẩm tập trung thể hiện rõ đặc sắc nghệ thuật của tác phẩm và đặc điểm thơ của Y Phương: thể hiện tâm hồn chân thật, mạnh mẽ và trong sáng cùng với cách tư duy giàu hình ảnh của con người miền núi.

- Những nét nghệ thuật đặc sắc của đoạn thơ :

- + Sử dụng câu phủ định để khẳng định : không chê
- + Sử dụng điệp ngữ, điệp cấu trúc câu : Sống trên đá không chê đá; Sống trong thung không chê thung
- + Sử dụng nghệ thuật so sánh : như sông, như suối
- + Thành ngữ : lên thác xuống ghềnh
- + Lời văn giàu hình ảnh...

3. Viết đoạn văn 10 câu để phân tích đoạn thơ trên (kiểu diễn dịch, sử dụng phép thế, câu ghép và gạch chân chúng).

* Đây là những câu hỏi trọng điểm để kiểm tra khả năng nhiều mặt :

- Kiến thức cơ bản, cụ thể về tác phẩm và khổ thơ
- Kỹ năng diễn đạt, dựng đoạn văn (diễn dịch), phân tích thơ
- Hiểu biết về ngữ pháp : phép thế và câu ghép

* Các bước tiến hành

- Xác định kiến thức cơ bản của câu hỏi yêu cầu cho nội dung phân tích một khổ thơ gồm 10 câu

+ Nội dung khái quát của đoạn thơ : Những phẩm chất cao đẹp của người đồng mình và mong ước của người cha qua lời tâm tình với con

+ Các ý cần có khi phân tích khổ thơ :

Người cha bộc lộ trực tiếp nỗi niềm mong mỏi, khát khao của lòng mình ở người con
 Nhà thơ sử dụng điệp cấu trúc câu và điệp ngữ không che để thể hiện phẩm chất đặc trưng đẹp đẽ của người đồng mình là kiên trì, thủy chung bền bỉ gắn bó với quê hương đầu quê hương còn cực nhọc, đói nghèo.

Với lời văn giàu hình ảnh, cùng nghệ thuật so sánh, tác giả đã thể hiện rõ vẻ đẹp của người đồng mình : chân chất, hiền lành, mà có tâm hồn khoáng đạt

Nói về phẩm chất của “người đồng mình ”, người cha mong muốn con có nghĩa tình, chung thủy với quê hương, biết chấp nhận và vượt qua thử thách gian nan bằng ý chí và niềm tin của chính mình.

- Mỗi ý trên có thể triển khai thành hai câu
- Viết câu mở đầu (sử dụng ý khái quát đoạn ở trên)
- Tạo câu theo yêu cầu ngữ pháp : phép thế và câu ghép

- + Dùng “như thế ” để thay thế cho một cụm từ không cần phải nhắc lại.
- + Dùng câu ghép có cặp từ hô ứng “không những ...mà còn ” để khái quát đặc điểm của con người miền núi trong đoạn thơ
- Kết nối các câu thành đoạn văn diễn dịch và tiến hành sửa chữa để hoàn chỉnh đoạn văn.

Phần II : (3 điểm)

1. Tóm tắt tác phẩm Làng của Kim Lân bằng một đoạn văn ngắn.

Làng của Kim Lân kể về ông Hai Thu, người làng Chợ Dầu. Khi cuộc kháng chiến chống Pháp bùng nổ, ông cùng vợ con lên tản cư ở Bắc Ninh dù rất muốn ở lại làng chiến đấu. Ở nơi tản cư ông rất hay khoe về làng mình với vẻ say mê háo hức lạ thường. Nhưng một hôm ông nghe được tin ở hành nước rằng làng Chợ Dầu của ông theo giặc. Ông vô cùng đau khổ, xấu hổ, cúi gằm mặt đi thẳng về nhà, suốt ngày chẳng dám đi đâu, chẳng dám nói chuyện với ai, chỉ nơm nớp lo sợ bà chủ nhà đuổi đi. Buồn khổ quá ông tâm sự với đứa con út cho khuây khoả. Nhưng rồi cái tin làng Chợ Dầu của ông theo giặc đã được cải chính. Ông sung sướng khua chân múa tay đi khoe khắp làng rằng làng ông đã bị đốt nhẵn. Tối hôm ấy, ông lại sang nhà bác Thứ kể về làng mình hôm Tây vào khủng bố cứ như ông được dự trận đánh ấy.

2. Nhận xét về nghệ thuật miêu tả tâm lý nhân vật ông Hai của Kim Lân :

Nghệ thuật miêu tả tâm lý nhân vật của Kim Lân đã làm nên sức hấp dẫn cho tác phẩm, khiến cho hình tượng người nông dân yêu nước hiện lên vô cùng chân thực, sinh động

- Nhà văn đã đặt nhân vật vào tình huống thử thách bên trong để bộc lộ chiều sâu tâm trạng
- Tác giả miêu tả rất cụ thể, gợi cảm các diễn biến nội tâm của nhân vật ông Hai qua ý nghĩ, hành vi, ngôn ngữ...
- Diễn tả đúng và ấn tượng về sự ám ảnh, day dứt trong tâm trạng nhân vật. Điều đó chứng tỏ Kim Lân am hiểu sâu sắc người nông dân và thế giới tinh thần của họ.
- Sử dụng nhiều đoạn độc thoại và đối thoại để thể hiện những suy nghĩ sâu kín, niềm vui và khao khát của nhân vật

Với tài năng miêu tả tâm lý ấy, Kim Lân đã thể hiện được sâu sắc tình yêu quê hương , đất nước vô cùng sâu nặng của người nông dân.

3. Kể tên 2 tác phẩm viết về cuộc kháng chiến chống Pháp trong chương trình ngữ văn 9 : Làng (Kim Lân); Đồng chí (Chính Hữu).

Đề 3

Phần I (7 đ) :

Mở đầu Bài thơ về tiểu đội xe không kính, Phạm Tiến Duật có viết :

Xe không kính không phải vì xe không có kính

Bom giạt, bom rung kính vỡ đi rồi

1. Viết tiếp hai câu để hoàn chỉnh đoạn thơ, cho biết ý nghĩa nhan đề bài thơ ?

- Viết tiếp 2 câu thơ để hoàn chỉnh đoạn

Xe không kính không phải vì xe không có kính

Bom giạt, bom rung kính vỡ đi rồi

Ung dung buồng lái ta ngồi

Nhìn đất,nhìn trời,nhìn thẳng.

- ý nghĩa nhan đề Bài thơ về tiểu đội xe không kính

Bài thơ về tiểu đội xe không kính là một nhan đề lạ bởi độ dài, bởi sự tương phản rất đặc biệt

+ Bài thơ có một nhan đề khá dài, tưởng như có chỗ thừa nhưng chính nhan đề ấy lại thu hút người đọc ở cái vẻ lạ, độc đáo của nó : nó đã làm nổi bật hình ảnh thơ chủ đạo của toàn tác phẩm : những chiếc xe không kính.

+ Đưa những chiếc xe không kính vào trong văn học là một phát hiện thú vị của tác giả, thể hiện sự gắn bó và am hiểu hiện thực đời sống chiến tranh trên tuyến đường Trường Sơn trong kháng chiến chống Mỹ của nhà thơ.

+ Hai chữ “Bài thơ” ở đầu nhan đề cho thấy rõ hơn cách nhìn, cách khai thác hiện thực của tác giả : viết về những chiếc xe không kính hay là hiện thực khốc liệt của chiến tranh, tác giả muốn nói về chất thơ của hiện thực ấy.

+ Đọc bài thơ , ta càng thấy rõ hơn nét đặc sắc của nhan đề: những chiếc xe không kính chỉ là bức phong nền để tôn lên chất thơ của tuổi trẻ hiên ngang dũng cảm trẻ trung,

vượt lên thiếu thốn gian khổ, hiểm nguy của chiến tranh để sống lạc quan, để chiến đấu dũng cảm vì lý tưởng của dân tộc : giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

2. Phạm Tiến Duật có hai câu thơ mở đầu tác phẩm rất đặc biệt và đạt được hiệu quả thẩm mỹ cao :

- Tác giả giải thích nguyên nhân của sự xuất hiện những chiếc xe không kính rất thực bằng hai câu thơ gần với văn xuôi, với giọng điệu thản nhiên.

- Cách nói ấy đạt được hiệu quả thẩm mỹ :

- + Khắc hoạ rõ hơn hình ảnh chủ đạo của bài thơ xuất hiện từ nhan đề: những chiếc xe không kính vẫn băng ra chiến trường- một hình ảnh thực trong chiến tranh, thực đến trần trụi.

- + Phản ánh được hiện thực khốc liệt của chiến trường : bom đạn của kẻ thù dội xuống Trường Sơn đã làm biến dạng những chiếc xe ô tô vận tải hành hoá ra chiến trường.

- + Trong hai dòng thơ ấy, người đọc cảm nhận được nét độc đáo ở hồn thơ Phạm Tiến Duật ở cách khai thác hiện thực: phát hiện chất thơ của hiện thực; thể hiện hồn thơ nhạy cảm với những nét ngang tàng tinh nghịch, thích cái lạ.

3. Cảm nhận của em về người chiến sĩ lái xe (bằng một đoạn văn nghị luận dài 15 câu, theo kiểu diễn dịch trong đó có sử dụng câu chứa lời dẫn trực tiếp và câu bị động rồi gạch chân chúng):

- * Đây là những câu hỏi trọng điểm để kiểm tra khả năng nhiều mặt :

- Kiến thức cơ bản, cụ thể về tác phẩm và hình tượng nghệ thuật chủ đạo của tác phẩm

- Kỹ năng diễn đạt, dựng đoạn văn (diễn dịch), phân tích hình tượng nghệ thuật

- Hiểu biết về ngữ pháp : lời dẫn trực tiếp; câu bị động

- * Các bước tiến hành

- Xác định kiến thức cơ bản của câu hỏi yêu cầu cho nội dung phân tích hình tượng người chiến sĩ lái xe trên tuyến đường Trường Sơn trong kháng chiến chống Mỹ gồm 12 đến 15 câu

- + Nội dung khái quát của đoạn thơ : Bài thơ về tiểu đội xe không kính của Phạm Tiến Duật đã khắc thành công hình tượng những người lính lái xe trên dải Trường Sơn trong cuộc kháng chiến chống Mỹ với những phẩm chất cao đẹp.

- + Các ý cần có khi phân tích hình tượng người lính lái xe

Những chiến sĩ lái xe với tư thế ung dung, hiên ngang
Những chiến sĩ lái xe dũng cảm, coi thường hiểm nguy
Những chiến sĩ lái xe sôi nổi, tinh nghịch, hóm hỉnh luôn chan hoà trong tình đồng đội ,
đồng chí

Những chiến sĩ lái xe quyết tâm chiến đấu vì miền Nam để thống nhất đất nước

- Mỗi ý trên có thể triển khai thành ba câu
- Viết câu mở đầu (sử dụng ý khái quát đoạn ở trên)
- Tạo câu theo yêu cầu ngữ pháp :
- + Lời dẫn trực tiếp : Họ tươi cười, sống sôi nổi trẻ trung với nụ cười luôn nở trên môi nhìn nhau bụi phủ đầy vẫn “ cười ha ha” (nhắc lại nguyên văn lời nói hay ý nghĩ của nhân vật).
- + Câu bị động : Những chiếc xe đã bị bom đạn làm cho biến dạng
- Kết nối các câu thành đoạn văn diễn dịch và tiến hành sửa chữa để hoàn chỉnh đoạn văn.

4. Kể tên hai tác phẩm văn học trong chương trình ngữ văn 9 viết về lòng dũng cảm của người chiến sĩ ngoài mặt trận.

- Bài thơ về tiểu đội xe không kính của Phạm Tiến Duật
- Những ngôi sao xa xôi của Lê Minh Khuê

Phần II (3 đ):

Bằng kiến thức đã học về tác phẩm Bến quê của Nguyễn Minh Châu, anh (chị)
hãy cho biết :

1. Sáng tạo độc đáo của tác giả của Nguyễn Minh Châu ở Bến quê :

* Nguyễn Minh Châu đã sáng tạo được tình huống truyện chất đầy nghịch lý để chiêm nghiệm một triết lý về đời người :

Nhĩ, nhân vật chính của truyện lâm vào một hoàn cảnh đặc biệt : thuở còn đi làm, Nhĩ có điều kiện đi khắp đó đây trên thế giới, nhưng cuối đời anh lâm vào căn bệnh hiểm nghèo nên bị buộc chặt vào giường bệnh. Hiện tại Nhĩ muốn nhích đến bên cửa sổ khó như phải đi hết một vòng trái đất và phải nhờ vào sự trợ giúp của người khác.

- Các tác giả khác khi đặt nhân vật vào tình huống đặc biệt này thường đề cập về khát vọng sống, sức sống mạnh mẽ của con người hoặc về lòng nhân ái, sự hy sinh cao thượng

- Tình huống truyện của Bến quê không mới nhưng ý nghĩa từ tình huống đó lại sâu sắc và mới mẻ : đặt nhân vật vào tình huống nghịch lý là để chiêm nghiệm một triết lý về đời người.

* Tác giả Nguyễn Minh Châu còn sáng tạo những hình ảnh thực mà giàu ý nghĩa biểu tượng gợi lên khung cảnh gần gũi cụ thể vừa chứa đựng những ý nghĩa hàm ẩn để tư tưởng của chủ đề của tác phẩm thêm sâu sắc:

Hình ảnh bãi bồi, bến sông và khung cảnh thiên nhiên buổi sáng đầu thu với những bông hoa bằng lăng cuối mùa; tiếng đất lở ở bờ sông; đứa con trai sa vào đám cỏ thể ven đường.

2. Cuối đời Nhĩ đã nhận ra nhiều điều về ý nghĩa của cuộc đời :

- Nhĩ cảm nhận được vẻ đẹp ở người vợ của mình. Chính trong những ngày cuối đời, Nhĩ mới thực sự thấu hiểu, biết ơn sâu sắc vợ
- Cảm nhận được vẻ đẹp bình dị , rất đời thường thiết của quê hương
- Nhĩ cảm nhận được khao khát của lòng mình: được đặt chân lên bãi bồi bên kia bến sông.

3. ý nghĩa biểu tượng của hình ảnh bãi bồi bên kia sông

Hình ảnh bãi bồi, bến sông và khung cảnh thiên nhiên là những hình ảnh thực mang ý nghĩa biểu tượng sâu sắc

- + Những chùm hoa bằng lăng cuối mùa thưa thớt nhưng lại đậm sắc hơn
- + Con sông Hồng màu đỏ nhạt, mặt sông như rộng thêm ra
- + Vòm trời như cao hơn với “những tia nắng sớm đang từ từ di chuyển từ mặt nước lên”
- Cảnh sắc bình dị mà nên thơ ấy đã gói ra trước mắt chúng ta vẻ đẹp của thân thuộc của một vùng đất cụ thể ven sông Hồng.
- Từ vẻ đẹp của khung cảnh cụ thể, nhà văn muốn nói đến vẻ đẹp của quê hương xứ sở luôn ở bên ta, quanh ta nhưng ta không trân trọng không ngắm nhìn, không yêu thương thì không bao giờ phát hiện ra vẻ đẹp của nó.

- Để vẻ đẹp của bãi bồi bên kia sông hiện ra trong cái nhìn của Nhĩ khi anh ta không thể di chuyển được nữa, nhà văn muốn nhắc nhở mọi người, ai lãng quên quê hương, kẻ đó sẽ không có cơ hội để thực hiện những khát khao bình dị mà rất đỗi mãnh liệt của đời mình.

Đề 4

Phần I (7 đ) :

Những ngôi sao xa xôi là một tác phẩm hay viết về đề tài chống Mỹ, anh (chị) hãy :

1. Thể loại của tác phẩm, tác giả, ngôi kể của tác phẩm và hiệu quả của ngôi kể ấy:

- Những ngôi sao xa xôi là truyện ngắn rất đặc sắc của nhà văn nữ Lê Minh Khuê.

- Nhà văn đã chọn được ngôi kể phù hợp với nội dung của tác phẩm khiến cho câu chuyện dần dần trở nên hấp dẫn :

+ Truyện được trần thuật từ ngôi thứ nhất - nhân vật Phương Định người kể chuyện xưng “tôi ”là nhân vật chính của tác phẩm.

+ Ngôi kể ấy mới có khả năng biểu hiện thế giới tâm hồn, cảm xúc phong phú của nhân vật ở từng thời điểm khác nhau, đặc biệt tâm trạng căng thẳng của Phương Định khi cô phá bom

+ Ngôi kể của người trong cuộc đã tái hiện cuộc chiến đấu ác liệt trên trọng điểm Trường Sơn một cách sinh động và chân thực đến từng chi tiết nhỏ.

Ngôi kể thứ nhất đã góp phần khắc họa thành công hình tượng cô thanh niên xung phong mở đường thời chống Mỹ - vẻ đẹp của thế hệ trẻ Việt Nam thời đại Hồ Chí Minh.

2. Lòng dũng cảm của Phương Định được tác giả miêu tả chân thực qua : nhiệm vụ cô cùng đồng đội đảm nhiệm và tâm trạng của cô khi phá bom.

- Cô cùng đồng đội sống, phá bom trên cao điểm ác liệt, hàng ngày phải sống trong không khí căng thẳng, nguy hiểm

- Lần phá bom trên cao điểm :

+ Phá bom là nhiệm vụ hằng ngày của cô và đồng đội, nhưng mỗi lần vẫn là sự thách thức đối với thần kinh cho đến từng cảm giác “thần kinh căng như chảo, tim đập bất chấp cả nhịp điệu ”

+ Từng động tác, cảm giác của cô đều hiện lên rõ nét, tất cả đều sắc nhọn : “Thình thoảng lưới xẻng chạm vào quả bom..tiếng động sắc đến gai người, cứa vào da thịt..Vỏ quả bom nóng...Tôi cẩn thận bỏ gói thuốc mình xuống cái lỗ đã đào, châm ngòi. Dây mình dài, cong, mềm...”.

+ Lòng dũng cảm ở cô luôn được kích thích bởi lòng tự trọng. Cô đã đến gần quả bom khi “cảm thấy có ánh mắt các chiến sĩ dõi theo mình, tôi không sợ nữa, tôi không đi khom”.

- Nghệ thuật miêu tả :

+ Miêu tả cụ thể, tinh tế đến từng cảm giác, ý nghĩ dù chỉ thoáng qua trong giây lát

+ Miêu tả tinh tế cảm giác của từng thời điểm khi phá bom làm hiện lên thế giới nội tâm phong phú nhưng không phức tạp.

+ Nhà văn như hoá thân vào nhân vật để thể hiện những cảm giác rất đặc biệt của con người dũng cảm khi phải đối diện với hiểm nguy.

3. Viết một đoạn văn 15 câu về vẻ đẹp của những cô gái TNXP trên Trường Sơn thời chống Mỹ :

* Đây là những câu hỏi trọng điểm để kiểm tra khả năng nhiều mặt :

- Kiến thức cơ bản, cụ thể về tác phẩm và hình tượng nghệ thuật chủ đạo của tác phẩm

- Kỹ năng diễn đạt, dựng đoạn văn qua việc thể hiện cảm nhận về hình tượng nhân vật chính

* Các bước tiến hành

- Xác định kiến thức cơ bản của câu hỏi yêu cầu cho nội dung cảm nhận về hình tượng nhân vật Phương Định- cô thanh niên xung phong trong kháng chiến chống Mỹ gồm 15 câu.

+ Nội dung khái quát của đoạn thơ : Phương Định là hình tượng nhân vật chính của Những ngôi sao xa xôi đã được nhà văn Lê Minh Khuê tập trung khắc hoạ khá rõ nét.

+ Các ý cần có khi nói về hình tượng nhân vật Phương Định

Phương Định - cô thanh niên xung phong ra đi từ Hà Nội xinh xắn có lý tưởng sống cao đẹp khiến người đọc rất yêu mến

Phương Định để lại ấn tượng đẹp trong lòng độc giả về cô gái thanh niên xung phong dũng cảm, luôn sẵn sàng đối mặt với hiểm nguy để hoàn thành nhiệm vụ.

Phương định được nhà văn khắc hoạ với nét đẹp về tâm hồn : giàu mộng mơ, nhạy cảm, hồn nhiên tươi trẻ

- Mỗi ý trên có thể triển khai thành bốn câu
- Viết câu mở đầu (sử dụng ý khái quát đoạn ở trên)
- Câu kết khẳng định về giá trị của hình tượng nhân vật.
- Kết nối các câu thành đoạn văn diễn dịch và tiến hành sửa chữa để hoàn chỉnh đoạn văn.

Phần II (3 đ)

1. Ghi tiếp 7 câu thơ để hoàn chỉnh đoạn, cho biết tên tác giả, tác phẩm :

Phả vào trong gió se

Sương chùng chình qua ngõ

hình như thu đã về

Sương được lúc dềnh dàng

Chim bắt đầu vội vã

Có đám mây mùa hạ

Vắt nửa mình sang thu

- Đoạn thơ trên thuộc phần đầu của tác phẩm Sang thu của nhà thơ Hữu Thỉnh.

2. Cách cảm nhận mùa thu của tác giả rất độc đáo :

- Mùa thu được Hữu Thỉnh cảm nhận ở thời điểm giao mùa - thu sang với chuyển biến nhẹ nhàng mà rõ rệt của đất trời từ cuối hạ sang đầu thu. Không gian tưởng chừng vô cùng tĩnh lặng mà chứa đựng bao biến chuyển diệu kỳ của một mùa thu xôn xao đang đến gần
- Nhà thơ đã miêu tả những biến đổi của đất trời phút giao mùa gọi thu sang qua hương ổi dịu nhẹ được làn gió se lạnh làm lan toả trong không gian.
- Những chuyển biến trong không gian lúc thu sang được cảm nhận bằng những rung động vô cùng tinh tế qua nhiều yếu tố, nhiều giác quan. Tất cả cảnh vật đều có cảm giác, trạng thái riêng trong phút giao mùa : hương ổi đầu mùa ; sương đầu thu giăng mắc nhẹ nhàng, chuyển động chậm; dòng sông trôi thanh thản; cánh chim cũng vội vã trong buổi hoàng hôn; dấu ấn của mùa hạ vẫn còn hiển hiện bóng trong dáng thu ở đám

mây; nắng cuối hạ đã nhạt dần; những ngày giao mùa, mưa ào ạt cũng bớt ào ạt, sấm cũng không tới bất chợt.

3. Cuối bài thơ tác giả suy ngẫm sâu sắc về cuộc đời :

Khi con người đã từng trải thì cũng vững vàng hơn trước những tác động bất thường của ngoại cảnh, của cuộc đời.

Đề 5

Phần I (3 điểm) :

Truyện cũ trong phủ chúa Trịnh là đoạn trích khá đặc sắc.

1. Cho biết xuất xứ và giải thích nhan đề Vũ trung tùy bút :

- Truyện cũ trong phủ chúa Trịnh là đoạn trích khá đặc sắc từ Vũ trung tùy bút của Phạm đình Hồ.
- Vũ Trung tùy bút là tác phẩm đặc sắc của Phạm Đình Hồ được viết vào khoảng đầu đời Nguyễn (đầu thế kỷ XIX), là tác phẩm được viết trong những ngày mưa
- Tác phẩm gồm 88 câu chuyện nhỏ, viết theo thể tùy bút bàn về các lễ nghi, phong tục, tập quán....ghi chép những sự việc xảy ra trong xã hội lúc bấy giờ; viết về một số nhân vật lịch sử, khảo cứu về địa dư. Với cách thể hiện nội dung của tác phẩm được một cách giản dị, sinh động mà vô cùng hấp dẫn, tác giả Phạm Đình Hồ đã khiến cho Vũ Trung tùy bút không những có giá trị văn chương mà còn cung cấp nhiều tư liệu quý về sử học, địa lý và xã hội.

2. Cuộc sống xa hoa của bọn vua chúa được miêu tả như thế nào, bằng những thủ pháp nghệ thuật :

* Cuộc sống xa hoa của bọn vua chúa được miêu tả chi tiết :

- Chúa cho xây dựng nhiều cung điện , đình đài ở nhiều nơi để thoả ý thích đi chơi, ngắm cảnh đẹp : “Việc xây dựng đình đài cứ liên miên”, hao tiền tốn của không kể sao cho hết
- Những cuộc dạo chơi của chúa ở Tây Hồ diễn ra “tháng ba, bốn lần”, huy động rất đông người hầu hạ : binh lính hầu vòng quanh bốn mặt hồ; quan hộ giá, nhạc công; bày ra nhiều trò giải trí tốn kém : quan nội thần ăn mặc giả đàn bà bày bán hàng quanh hồ...

- Người nhà chúa cướp đoạt chim quý, cây cảnh trong thiên hạ để điểm tô cho phủ chúa đến “không thiếu thứ gì”

- Cảnh thực của khu vườn nhà chúa rất rộng, đầy “trân cầm, dị thú, cỏ mộc quái thạch....”

* Nghệ thuật miêu tả

- Thể tùy bút đời xưa : nghệ thuật ghi chép đầy tính hiện thực

- Miêu tả cụ thể, chân thực, sinh động, khách quan với thủ pháp

+ Liệt kê các sự việc cụ thể

+ Không xen lời bình

+ Miêu tả tỉ mỉ vài sự kiện để khắc họa ấn tượng : việc đưa cây đa cổ thụ “từ bên bắc chở qua sông đem về” phải dùng cơ binh hành trăm người mới khiêng nổi.

+ Cảnh vật khu vườn nơi phủ chúa được tác giả tô đậm ở màu sắc dị dạng, cỏ quái đến bất thường báo hiệu sự suy sụp của một triều đại chỉ biết ăn chơi hưởng lạc trên mồ hôi xương máu của dân lành.

Phần II (7 điểm) :

1. Những tác phẩm văn văn học trong chương trình ngữ văn 9 có viết về tình đồng đội của những người chiến đấu bảo vệ Tổ quốc.

- Đồng chí của Chính Hữu

- Bài thơ về tiểu đội xe không kính của Phạm Tiến Duật

- Những ngôi sao xa xôi của Lê Minh Khuê.

2. Tác giả viết về tình cảm này thành công nhất, em hãy viết một đoạn văn 10 câu về tình cảm đó được thể hiện trong tác phẩm mà em đã lựa chọn (kiểu tổng phân hợp, trong đó có 1 câu ghép, 1 câu có thành phần tình thái) ?

- Người viết thành công nhất, hay nhất về tình đồng đội thiêng liêng của người lính là nhà thơ Chính Hữu với tác phẩm Đồng chí.

- Đoạn văn (10 câu) cảm nhận về tình đồng chí trong bài thơ cùng tên của Chính Hữu:

* Đây là những câu hỏi trọng điểm để kiểm tra khả năng nhiều mặt :

- Kiến thức cơ bản, cụ thể về tác phẩm nội dung chủ đạo của tác phẩm

- Kỹ năng diễn đạt, dựng đoạn văn qua việc thể hiện cảm nhận về tình đồng đội, đồng chí

* Các bước tiến hành

- Xác định kiến thức cơ bản của câu hỏi yêu cầu cho nội dung cảm nhận về tình đồng chí trong 10 câu

+ Nội dung khái quát mà đề yêu cầu : Đồng chí của Chính Hữu đã tập trung thể hiện tình đồng chí thiêng liêng cao đẹp của người lính cách mạng

+ Các ý cần có khi nói về tình đồng chí thiêng liêng cao đẹp của người lính cách mạng :
Tình đồng chí, đồng đội của người lính bắt nguồn sâu xa từ sự tương đồng về cảnh ngộ; cùng chung mục đích, lý tưởng bảo vệ Tổ quốc. Tình đồng chí nảy nở và bền chặt trong sự chan hoà, chia sẻ niềm vui và mọi gian lao khó khăn.

Tình đồng chí chính là sự cảm thông, hiểu thấu nỗi lòng của nhau; cùng nhau chia sẻ những gian lao thiếu thốn vô cùng của cuộc đời người lính

Tình đồng chí đã tạo nên sức mạnh vô song để những người lính cách mạng hoàn thành nhiệm vụ. Một cử chỉ “thương nhau tay nắm lấy bàn tay” là những người lính đã được tiếp thêm sức mạnh diệu kỳ, xua tan giá lạnh đêm đông, đã sưởi ấm người lính nơi chiến trường.

- Mỗi ý trên có thể triển khai thành ba câu

- Viết câu mở đầu (sử dụng ý khái quát đoạn ở trên)

- Kết nối các câu thành đoạn văn diễn dịch và tiến hành sửa chữa để hoàn chỉnh đoạn văn.

3. Ghi lại chính xác khổ thơ mà em cho là hay nhất về tình cảm cao đẹp của người lính và cho biết vì sao mà em chọn khổ thơ đó :

- HS tự chọn một khổ thơ mà mình yêu thích và đã nhớ chính xác (chú ý những khổ thơ tập trung thể hiện hai nội dung chính của tác phẩm : tình đồng chí hoặc vẻ đẹp của người lính cách mạng)

- Cho biết lý do lựa chọn :

+ Vì khổ thơ đã thể hiện được ...(nêu khái quát nội dung chính của khổ)

+ Sức hấp dẫn của khổ thơ bởi hình thức nghệ thuật (chỉ ra biện pháp nghệ thuật và hiệu quả thẩm mỹ của những thủ pháp nghệ thuật trong khổ thơ)

Phần I (7 điểm)

Đoàn thuyền đánh cá của Huy Cận là một bài thơ đặc sắc.

1. Cảm hứng chủ đạo của bài thơ , cảm hứng ấy có chi phối việc sáng tạo hình ảnh thơ của tác giả :

* Đoàn thuyền đánh cá của Huy Cận là sự kết hợp hai nguồn cảm hứng :

- Cảm hứng lãng mạn tràn đầy niềm vui hào hứng về cuộc sống mới trong thời kỳ miền Bắc bước vào xây dựng chủ nghĩa xã hội

- Cảm hứng thiên nhiên, vũ trụ

* Sự kết hợp hai nguồn cảm hứng lãng mạn và vũ trụ đã tạo ra vẻ đẹp và sức hấp dẫn cho bài thơ viết về con người lao động

- Tạo nên những hình ảnh rộng lớn tráng lệ về cảnh con thuyền đánh cá trên biển (không lồ) hoà nhập với kích thước vũ trụ

Thuyền ta lái gió với buồm trắng

Lướt giữa mây cao với biển bằng

- Con người lao động trở nên lớn lao mạnh mẽ hài hoà với khung cảnh thiên nhiên

Ra đậu dậm xa dò bụng biển,

Dàn đan thế trận lưới vây giăng

- Công việc lao động nặng nhọc trở nên nhẹ nhàng tràn đầy hứng khởi

Sao mờ, kéo lướt kịp trời sáng,

Ta kéo xoăn tay chùm cá nặng.

2. Dưới đây là câu chủ đề của đoạn văn cảm nhận về bài thơ Đoàn thuyền đánh cá của Huy Cận, em hãy viết tiếp 10 để hoàn chỉnh đoạn văn kiểu tổng phân hợp, có sử dụng phép thế (gạch chân chúng)

Với những hình ảnh thơ đặc sắc, Huy Cận đã làm nổi bật vẻ đẹp và sức mạnh của con người lao động trước thiên nhiên.

* Đây là những câu hỏi trọng điểm để kiểm tra khả năng nhiều mặt :

- Kiến thức cơ bản, cụ thể về tác phẩm nội dung chủ đạo của tác phẩm

- Kỹ năng diễn đạt, dựng đoạn văn qua việc thể hiện cảm nhận về tình đồng đội, đồng chí

- Kỹ năng vận dụng kiến thức ngữ pháp : phép thế để liên kết câu

* Các bước tiến hành

- Xác định kiến thức cơ bản của câu hỏi yêu cầu cho nội dung cảm nhận về bài thơ trong 10 câu

+ Nội dung khái quát mà đề yêu cầu : vẻ đẹp và sức mạnh của con người lao động trước thiên nhiên.

+ Các ý cần có khi nói về vẻ đẹp và sức mạnh của con người lao động trước thiên nhiên:
Hình ảnh con người lao động hiện lên với tầm vóc lớn lao, khoẻ khoắn trong sự gắn kết hài hoà với thiên nhiên, vũ trụ

Con người lao động làm chủ thiên nhiên, say mê công việc của mình

Con người lao động hăng say trong tâm trạng vui tươi, phấn chấn lao động khi công việc đã hoàn thành, khi một cuộc chạy đua với thiên nhiên đã kết thúc thắng lợi.

- Mỗi ý trên có thể triển khai thành ba câu

- Sử dụng phép thế : có thể dùng cụm từ “như thế ” thay cho cụm từ cuối ở câu trước hoặc dùng “tác giả” để thay thế cho nhà thơ, cho Huy Cận...

- Kết nối các câu thành đoạn văn và tiến hành sửa chữa để hoàn chỉnh đoạn văn.

3. Chỉ ra tên một bài thơ, tác giả, chép khổ thơ thể hiện vẻ đẹp của con người lao động trên biển trong chương trình Ngữ văn cấp II.

- Quê hương của Tế Hanh

- Khổ thơ thể hiện vẻ đẹp con người lao động trên biển

Chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm

Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ

Dân chài lưới làn da ngăm rám nắng

Cả thân hình nồng thở vị xa xăm.

Phần II (3 điểm)

1. Nhận xét về tình huống truyện, giá trị nhân đạo Nguyễn Minh Châu thể hiện trong Bến quê :

* Nguyễn Minh Châu đã sáng tạo được tình huống truyện chất đầy nghịch lý để chiêm nghiệm một triết lý về đời người

- Nghịch lý thứ nhất :

Nhĩ, nhân vật chính của truyện lâm vào một hoàn cảnh đặc biệt : thưở còn đi làm, Nhĩ có điều kiện đi khắp đó đây trên thế giới, nhưng cuối đời anh lâm vào căn bệnh hiểm nghèo nên bị buộc chặt vào giường bệnh. Hiện tại Nhĩ muốn nhích đến bên cửa sổ khó như phải đi hết một vòng trái đất và phải nhờ vào sự trợ giúp của người khác

- Nghịch lý thứ hai :

Nhĩ phát hiện thấy vẻ đẹp lạ lùng của bãi bồi bên kia sông nhưng anh cũng biết rằng mình sẽ không bao giờ được đặt chân lên mảnh đất ấy dù nó ở rất gần. Nhĩ đã nhờ cậu con trai thực hiện giúp mình điều khao khát ấy nhưng rồi cậu ta đã xa vào đám cờ và bỏ lỡ mất chuyến đò ngang duy nhất trong ngày.

* Giá trị nhân đạo thể hiện trong Bến quê:

Ngòi bút miêu tả tâm lý của Nguyễn Minh Châu trong Bến quê rất tinh tế và thâm đượm tinh thần nhân đạo. Trước khi từ giã cõi đời, nhân vật Nhĩ vẫn không bi quan, tâm hồn anh trào dâng bao tình cảm và khát vọng đẹp :

- anh khao khát được khám phá vẻ đẹp của quê hương và cảm nhận được vẻ đẹp bình mà nên thơ ở bãi bồi bên kia sông với màu sắc của dòng sông, chùm hoa và cả màu sắc thân thương trong ánh nắng, trong màu của đất đai...

- Anh trân trọng tình cảm gia đình, quê hương thấy được điểm tựa của mỗi người là ở gia đình, người thân và quê hương mình.

+ Nhĩ cảm nhận được vẻ đẹp ở người vợ của mình và thực sự thấu hiểu, biết ơn sâu sắc vợ

+ Nhìn thấy con trai càng lớn càng giống mình; anh yêu lũ trẻ con hàng xóm đang vây quanh mình...

- Nhĩ bỗng khao khát được một lần đặt chân lên bãi bồi bên kia sông - nơi mà cả đời anh mãi đi khắp đó đây đã lãng quên nó.

Những tình cảm ấy diễn ra trong lòng một người sắp già biệt cõi đời thật đáng trân trọng và đáng quý. Phải có một cái nhìn nhân đạo, nhà văn mới thấu hiểu những khát khao và cảm nhận trong sáng trong sâu thẳm tâm hồn Nhĩ.

2. Nhận xét về tình huống truyện, nghệ thuật khắc họa chân dung nhân vật trong Lặng lẽ Sa Pa của Nguyễn Thành Long ?

* Nguyễn Thành Long đã sáng tạo tình huống truyện cho Lặng lẽ Sa Pa giản dị mà sâu sắc

- Lặng lẽ Sa Pa có cốt truyện đơn giản chỉ xoay quanh cuộc gặp gỡ tình cờ của mấy người khách trên xe với anh thanh niên làm công tác khí tượng trên đỉnh Yên Sơn mà vẫn hấp dẫn, để lại nhiều dư vị ngọt ngào trong tâm hồn độc giả.

- Sáng tạo ra tình huống truyện đơn giản mà hợp lý để nhân vật chính hiện ra một cách tự nhiên và trở nên sắc nét qua cái nhìn và ấn tượng của các nhân vật khác.

* Nghệ thuật khắc hoạ chân dung nhân vật chính

Nhân vật chính của Lặng lẽ Sa Pa được khắc hoạ thật ấn tượng bởi ngòi bút sáng tạo Nguyễn Thành Long : nhà văn đặt nhân vật dưới nhiều điểm nhìn để chân dung nhân vật hiện lên rõ nét

- Nhà văn không miêu tả ngoại hình nhân vật mà chỉ tập trung khắc hoạ bức chân dung tâm hồn của nhân vật.

- Nhân vật anh thanh niên được khắc hoạ chủ yếu qua điểm nhìn của người hoạ sĩ già, nhân vật này hiện lên rõ nét và ấn tượng hơn nhờ những suy nghĩ sâu sắc của ông hoạ sĩ.

+ Gặp anh thanh niên, ông bối rối xúc động vì ông “đã bắt gặp một điều thật ra ông vẫn ao ước...ôi ! một nét thôi đủ khẳng định một tâm hồn, khơi gợi một ý sáng tác...”

+ Đối diện với anh thanh niên, ông đã cảm nhận rất sâu sắc vẻ đẹp trong tâm hồn anh “Người con trai ấy đáng yêu thật, nhưng làm cho ông nhọc quá. Với những điều làm cho người ta suy nghĩ về anh. Và về những điều anh suy nghĩ...” , khiến ông hiểu về “sức mạnh nghệ thuật và sự bất lực của nó”

- Nhân vật anh thanh niên được lọc qua thứ ánh sáng tâm hồn trong trẻo và rực rỡ khiến nhân vật rạng rỡ hơn, ánh lên nhiều màu sắc hơn. Đó là cái nhìn, suy nghĩ của cô kỹ sư trẻ của bác lái xe khách.

Thông qua cảm xúc, suy nghĩ và thái độ cảm mến của nhân vật phụ, hình ảnh anh thanh niên hiện lên đẹp đẽ hơn. Bởi chính anh đã làm bùng dậy những tình cảm lớn lao trong tâm hồn bao người.

Đề 7

Phần I (7 điểm):

Bằng hiểu biết về Con cò của Chế Lan Viên, em hãy cho biết :

1. Những câu ca dao đã được tác giả vận dụng trong bài thơ, nhận xét về cách vận dụng và hiệu quả thẩm mỹ của chúng :

- Những câu ca dao được vận dụng :

+ Con cò bay lả, bay la

Bay từ cổng phủ bay ra cánh đồng

+ Con cò mà đi ăn đêm ...

- Nghệ thuật vận dụng ca dao : Tác giả chỉ lấy vài chữ trong cao dao hoặc sử dụng hình ảnh quen thuộc của ca dao.

-Hiệu quả thẩm mỹ: Bài thơ thành công đặc sắc trong việc vận dụng sáng tạo ca dao để sáng tạo hình ảnh con cò, để phát triển sâu sắc hơn ý nghĩa biểu tượng của hình ảnh con cò, cũng khiến cho hình tượng thơ vừa quen thuộc gần gũi vừa sâu sắc mới mẻ.

2. ý nghĩa biểu tượng của hình tượng con cò được bổ sung, biến đổi như thế nào qua các đoạn thơ ? (viết 1 đoạn văn dài 10 câu, dùng phép lập, thành phần phụ chú)

* Đây là những câu hỏi trọng điểm để kiểm tra khả năng nhiều mặt :

- Kiến thức cơ bản, cụ thể về tác phẩm nội dung chủ đạo của tác phẩm

- Kỹ năng diễn đạt, dựng đoạn văn

- Kỹ năng vận dụng kiến thức ngữ pháp : phép lập để liên kết câu, thành phần phụ chú

* Các bước tiến hành

- Xác định kiến thức cơ bản của câu hỏi yêu cầu cho nội dung cảm nhận về hình tượng con cò trong 10 câu

+ Nội dung khái quát mà đề yêu cầu : ý nghĩa biểu tượng của hình tượng con cò được bổ sung, biến đổi qua các đoạn thơ ngày càng phong phú và sâu sắc hơn

+ Các ý cần có :

Mở đầu bài thơ hình ảnh con cò qua lời hát ru đến với tâm hồn tuổi ấu thơ một cách vô thức : đó là con cò được gọi ra trực tiếp từ những câu ca dao dùng làm lời hát ru.

Sang phần hai, hình ảnh con cò còn gợi ý nghĩa biểu tượng về lòng mẹ, về sự dịu dàng, nâng đỡ dịu dàng và bền bỉ của người mẹ đi vào tiềm thức tuổi thơ, trở nên gần gũi và sẽ theo cùng con người trên mọi chặng đường đời.

Phần cuối của tác phẩm, tác giả thể hiện suy ngẫm và triết lý về ý nghĩa của lời hát ru và lòng mẹ đối với cuộc đời mỗi con người từ hình ảnh con cò

- Mỗi ý trên có thể triển khai thành ba câu
- Tạo câu theo yêu cầu về ngữ pháp :
- + Phép lặp để liên kết câu : dùng “hình ảnh con cò” lặp lại trong hai câu liên tiếp
- + Thành phần phụ chú : Con cò của Chế Lan Viên là hình ảnh biểu tượng cho tình mẹ - tình mẫu tử thiêng liêng (dùng bổ sung chi tiết cho nội dung chính của câu)
- Kết nối các câu thành đoạn văn và tiến hành sửa chữa để hoàn chỉnh đoạn văn.

3. Nhịp, giọng điệu của bài thơ có đặc điểm , có tác dụng

Con cò là bài thơ hiện đại nhưng lại mang âm hưởng lời hát ru êm dịu gợi điệu hồn dân tộc

- + Thể thơ tự do nhưng có nhiều câu mang dáng dấp thể 8 chữ thể hiện dễ dàng linh hoạt điệu cảm xúc
- + Những câu thơ ngắn, có cấu trúc giống nhau có nhiều chỗ lặp lại hoàn toàn gợi âm điệu lời ru
- + Âm hưởng lời hát ru được tạo ra từ lời ru, cách gieo vần

Phần II (3 điểm)

Qua Chuyện người con gái Nam Xương, Nguyễn Dữ :

1. Thân phận người phụ nữ trong thời phong kiến :

- Bi kịch của cuộc đời Vũ Nương là lời tố cáo xã hội phong kiến xem trọng quyền uy của kẻ giàu và người đàn ông trong gia đình
- Người phụ nữ trong xã hội phong kiến phải chịu nhiều thiệt thòi, oan khuất : người đức hạnh không được bên vực che , chở che mà bị đối xử bất công, vô lý; chỉ vì lời nói ngây thơ của con trẻ và sự hồ đồ vũ phu của người chồng ghen tuông mà phải chết trong oan khuất

2. Nhận xét về cách dẫn dắt tình tiết truyện của tác giả :

Các tình tiết truyện trong Chuyện người con gái Nam Xương được dẫn dắt hợp lý mâu thuẫn ngày càng tăng, đẩy đến cao trào. Nỗi oan khuất của Vũ Nương có nhiều nguyên nhân được diễn tả sinh động như một màn kịch ngắn, có tạo tình huống, xung đột, thắt

nút, mở nút. Trên cơ sở cốt truyện có sẵn, tác giả đã sắp xếp lại một số tình tiết, tô đậm những tình tiết có ý nghĩa tăng cường kịch tính cho câu chuyện

- Trong phần giới thiệu nhà văn đã hé mở về cuộc hôn nhân không bình đẳng qua chi tiết Trương Sinh đem “trăm lạng vàng cưới ...” ; câu nói của Vũ Nương “thiếp vốn con nhà kẻ khó, được nương tựa nhà giàu”; tính đa nghi phòng ngừa quá mức của Trương Sinh..

- Sau đó, chiến tranh diễn ra khiến vợ chồng sống trong xa cách..Khi trở về tâm trạng Trương Sinh có phần nặng nề không vui : “cha về, bà đã mất, lòng cha buồn khổ lắm rồi”

- Nghe lời nói của con trẻ : khi nó ngạc nhiên vì có hai người cha, Trương Sinh đã đa nghi rồi lại gạn hỏi để được nghe “một người đàn ông đêm nào cũng đến, mẹ đàn đi cũng đi, mẹ Đàn ngồi cũng ngồi” khiến tính đa nghi của Trương Sinh phát triển thêm một bước mới...

- Từ đó, Trương Sinh hồ đồ, độc đoán, bỏ ngoài tai lời phân trần của vợ, cũng không nói ra duyên cớ nghi ngờ để vợ có cơ hội minh oan.

- Cuối cùng kịch tính đạt đến cao độ, Trương Sinh mắng nhiếc và đuổi vợ đi, dẫn đến cái chết oan nghiệt của Vũ Nương

4Cũng cè : Khi qu,t néi dung bụi hăc.

5. HDVN: Hăc n³/₄m lÝ thuyỐt, họpn thụnհ c,c bụi tỄp

Nguy so¹n: / 5 /2019

Nguy d¹y: /5/2019 **TiỐt:40,41 ,42: LUYỆN TẬP CÁC DẠNG ĐỀ**

A. Môt tỉ^u cỢn ®¹t

1. KiỐn thợc: Gióp hăc sinh n³/₄m ®-íc kiỐn thợc vÒ v”n b”n nghĐ luỄn vănbản truyện hiện đại,thơ hiện đại trong một đề bài cụ thể **2.**

Kĩ n”ng: RÌn cho hăc sinh cũ kĩ n”nglăm bài cụ thể.

3. Th,i ®é: Gi,o dộc hăc sinh cũ ý thợc chuỄn bĐ bụi ễ nhự, ý thợc thùc hụnhtốt.

*** Trăng t©m :**Rèn kỹ năng làm một đề cụ thể

B. C huỄn bĐ: **Thầy: Nghi”n cêu so¹n néi dung chuy”n ®Ồ.**

Trß: So¹n bụi hăc bụi

C. TiỐn tr×nh l”n líp.

1- ăn ®Đnh tặ chợc

2- KiỐm tra bụi cò:

3- Bụi mứ:

-CÁC DẠNG ĐỀ

Đề 10

Phần I (7 đ)

Bằng hiểu biết về Bếp lửa của Bằng Việt, em hãy cho biết :

1. Người cháu nhớ về những kỷ niệm gì ?
2. Tại sao khi nhớ về bà, tác giả lại nhớ tới bếp lửa ? Có lúc tác giả lại gọi là “ngọn lửa” , em hãy chép lại chính xác câu thơ có hình ảnh ngọn lửa và lý giải cách gọi ấy.
3. Viết một đoạn văn 10 câu để phân tích câu thơ Ôi kỳ lạ và thiêng liêng bếp lửa ?(dùng 1 phép lặp, 1 câu cảm).

Phần II (3đ)

Bằng hiểu biết về Chiếc lược ngà của Nguyễn Quang Sáng, em hãy:

1. Vì sao tác giả Nguyễn Quang Sáng lại đặt tên cho tác phẩm là Chiếc lược ngà ?
2. Cảm nghĩ của em về nhân vật ông Sáu bằng một đoạn văn 8 câu.

Đề 11

Phần I (3đ)

Bằng hiểu biết về văn học trung đại, em hãy cho biết :

1. Xuất xứ, sáng tạo của Nguyễn Du khi viết Truyện Kiều ?
2. Chép lại chính xác bốn câu thơ tả cảnh, bốn câu thơ tả người trong các đoạn trích từ Truyện Kiều (sách Ngữ văn 9) mà em cho là hay nhất.

Phần II (7 đ)

Bằng hiểu biết về Nói với con của Y Phương, em hãy:

1. Viết tiếp 6 câu thơ vào câu sau : Một bước chạm tiếng nói
2. Cho biết nghệ thuật và nội dung chính của đoạn
3. Phân tích đoạn bằng 10 câu văn (Kiểu Tổng phân hợp, dùng thành phần phụ chú, 1 câu cảm).

Đề 12

Phần I : (7 điểm)

Mùa xuân người cầm súng

1. Chép chính xác 5 câu thơ tiếp theo và cho biết xuất xứ của đoạn thơ ?
2. Chỉ ra nghệ thuật đặc sắc của khổ thơ.

3. Viết một đoạn văn 10 câu để phân tích khổ thơ trên ? (Kiểu Tổng phân hợp, dùng 1 câu cảm, 1 câu ghép ; gạch chân các yếu tố đó).

Phần II (3đ)

Bằng hiểu biết về văn học trung đại, em hãy :

1. Giới thiệu về tác phẩm Truyện Lục Vân Tiên của Nguyễn đình Chiểu ?
2. Kể tên các nhân vật chính trong Truyện Lục Vân Tiên của Nguyễn đình Chiểu ?

ĐỀ 13

Phần I : (7 điểm)

Trong bài thơ Mùa xuân nho nhỏ của Thanh Hải có câu
Ta làm con chim hót

1. Hãy chép chính xác 7 câu thơ tiếp nối câu thơ trên.
2. Nhận xét về mạch cảm xúc của bài thơ Mùa xuân nho nhỏ ?
3. Mở đầu đoạn văn phân tích 8 câu thơ trên, một học sinh viết :

Từ cảm xúc trước mùa xuân thiên nhiên đất nước, Thanh Hải đã bày tỏ khát vọng mãnh liệt muốn dâng hiến cho cuộc đời.

Coi đây là câu mở đoạn, em hãy hoàn chỉnh đoạn văn trên với độ dài 10 câu, trong đó có lời dẫn trực tiếp và kết đoạn là một câu hỏi tu từ.

Phần II (3đ)

Dưới đây là một phần trong truyện ngắn Làng của Kim Lân.

- Thế nhà con ở đâu ?
- Nhà ta ở làng chợ Dầu.
- Thế con có thích về làng chợ Dầu không ?

Thằng bé nép đầu vào ngực bố trả lời khe khẽ :

- Có.

Ông lão ôm khít thằng bé vào lòng, một lúc lâu ông lại hỏi :

- à thầy hỏi con nhé. Thế con ủng hộ ai ?

Thằng bé giơ tay lên, mạnh bạo vag rành rọt :

- ủng hộ cụ Hồ Chí Minh muôn năm !

(Sách Ngữ văn 9, tập 1- NXB Giáo dục)

1. Qua đoạn đối thoại này, tâm trạng ông Hai có gì đặc biệt ? Điều đó thể hiện nỗi niềm sâu kín của nhân vật này như thế nào ?
2. Vì sao khi xây dựng hình tượng nhân vật chính luôn hướng về làng chợ Dầu nhưng Kim Lân lại đặt tên truyện ngắn của mình là “Làng” mà không phải là “Làng chợ Dầu” ?
3. Em hãy nêu tên 2 tác phẩm văn xuôi Việt Nam đã được học viết về đề tài người nông dân và ghi rõ tên tác giả.

Đề 14

Phần I : (7 điểm)

Chuyện người con gái Nam Xương mang đậm nét sáng tạo tài hoa của Nguyễn Dữ và đã trở thành một “kỳ bút” đầy tính nhân văn và đặc sắc Việt Nam. Bằng sự hiểu biết về tác phẩm này, anh (chị) hãy :

1. Chỉ ra những chi tiết sáng tạo của tác giả trong tác phẩm ?
2. phần cuối của tác phẩm (kể về cuộc sống nơi cung nước và sự trở về trong chốc lát của Vũ Nương) không chỉ thể hiện tính chất truyền kỳ của truyện mà còn chứa đựng giá trị nghệ thuật, nội dung sâu sắc.

Trình bày những suy nghĩ của mình về nội dung trên trong một đoạn văn dài từ 12 đến 15 câu (kiểu tổng- phân - hợp, trong đó có sử dụng câu cảm và câu phủ định, gạch chân chúng)

Phần II (3đ)

Ruộng nương anh gửi bạn thân cày

Gian nhà không, mặc kệ gió lung lay

Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính

1. Hãy cho biết tên, năm sáng tác và tác giả của bài thơ có những câu thơ trên ?
2. Từ “ mặc kệ” đặt giữa câu thơ cùng với hình ảnh làng quê quen thuộc đã gợi cho em cảm xúc gì về tình cảm của anh bộ đội vốn xuất thân từ nông dân trong kháng chiến chống Pháp ?

Đề 15

Phần I (3đ)

Các nhân vật : ông họa sĩ, cô kỹ sư trẻ và bác lái xe trong truyện ngắn Lặng lẽ Sa Pa của Nguyễn Thành Long mặc dù chỉ được miêu tả rất ít nhưng vẫn hiện lên với những nét đẹp đáng quý.

Dùng câu trên làm mở đoạn, em hãy viết đoạn văn diễn dịch dài khoảng 12 câu. Trong có có câu mà chủ ngữ là một cụm chủ vị (gạch chân câu đó).

Phần II : (7 điểm)

Những chiếc xe từ trong bom rơi
Đã về đây họp thành tiểu đội
Gặp bạn bè suốt dọc đường đi tới
Bắt tay qua cửa kính vỡ rồi.

Bếp Hoàng Cầm ta dựng giữa trời
Chung bát đũa nghĩa là gia đình đấy
Võng mắc chông chênh đường xe chạy
Lại đi, lại đi trời xanh thêm.

1. Hai khổ thơ trên có trong bài nào ? Ai là tác giả ? Giới thiệu đôi nét về hoàn cảnh sáng tác bài thơ.

2. Nội dung của những câu thơ trên gợi cho em nhớ đến bài thơ nào đã học trong chương trình Trung học cơ sở. Điểm giống nhau của hai bài thơ đó là gì ?

3. Hãy trình bày cảm nhận của em khi đọc hai câu thơ :

Võng mắc chông chênh đường xe chạy

Lại đi, lại đi trời xanh thêm.

4. Em hãy viết một đoạn văn diễn tả suy nghĩ của mình về tình đồng đội của những chiến sĩ lái xe trong bài thơ trên.

Đề 16

Phần I : (7 điểm)

Hãy chép lại chính xác 8 câu thơ đầu trong bài thơ Đoàn thuyền đánh cá của Huy Cận theo bản in Sách giáo khoa Ngữ văn 9 (NXB Giáo dục).

1. Trong đoạn thơ ấy tác giả đã sử dụng những thủ pháp nghệ thuật nào, chỉ ra hiệu quả thẩm mỹ của chúng ?

2. Để phân tích bài thơ Đoàn thuyền đánh cá, một bạn học sinh viết “Bài thơ đâu chỉ vẽ ra trước mắt ta cảnh đêm trăng trên biển lộng lẫy, huy hoàng mà còn là lời ngợi ca những con người lao động mới- những người ngư dân ngày đêm gắn bó với biển Đông.”

a/ Nếu coi đây là câu mở đoạn theo kiểu tổng - phân - hợp, thì theo em, đề tài của đoạn văn ấy là gì ?

b/ Em hãy viết tiếp sau câu mở đoạn trên khoảng 10 câu nữa để hoàn thành đoạn văn với đề tài mà em vừa xác định, trong đó có ít nhất hai lời dẫn trực tiếp và câu kết đoạn là câu bị động.

Phần II (3đ)

Lặng lẽ Sa Pa của Nguyễn Thành Long là truyện ngắn giản dị mà vẫn vô cùng hấp dẫn. Sự hấp dẫn ấy chính là những sáng tạo nghệ thuật đặc sắc của tác giả.

1. Em hãy nhận xét về nghệ thuật đặc sắc của tác phẩm ?

2. Cách khắc họa nhân vật chính của truyện có gì đặc biệt ? Điều đó đã tạo nên hiệu quả thẩm mỹ gì ?

Đề 17

Phần I : (7 điểm)

“ Tôi đến gần quả bom...quả bom nằm lạnh lùng trên một bụi cây khô, một đầu vùi xuống đất

Tôi dùng xẻng nhỏ đào đất dưới quả bom. Một tiếng động sắc đến gai người, cửa vào da thịt tôi. Tôi rùng mình và bỗng thấy tại sao mình làm quá chậm.Nhanh lên một tí ! Vỡ quả bom nóng. Một dấu hiệu chẳng lành. Hoặc là nóng lên từ bên trong quả bom. Hoặc là mặt trời nung nóng ”

1. Đoạn văn trên trích từ tác phẩm nào và của tác giả nào? Viết về nội dung gì ? Hãy kể tên hai tác phẩm thơ viết về người lính trong chương trình Ngữ văn 9.

2. Hãy viết một đoạn văn phân tích đoạn trích trên, chú ý đến biện pháp nghệ thuật chính của đoạn ?

3. Viết một đoạn văn kiểu tổng - phân - hợp dài 15 câu về nhân vật chính của tác phẩm trên.

Phần II (3điểm)

Trong Bài thơ về tiểu đội xe không kính của Phạm Tiến Duật có câu :

Không có kính, rồi xe không có đèn

1. Hãy chép chính xác 3 câu thơ tiếp nối câu thơ trên.
2. Nêu hoàn cảnh sáng tác bài thơ và cho biết bài thơ viết về cuộc kháng chiến nào của dân tộc ta ?
3. Phân tích đoạn thơ trên bằng một đoạn văn diễn dịch dài 12 câu

Đề 18

Phần I : (4 điểm)

Truyện Kiều của Nguyễn Du là một kiệt tác văn học của nước nhà.

1. Em hãy cho biết nguồn gốc của tác phẩm và những sáng tạo độc đáo của thi hào Nguyễn Du trong tác phẩm này ?
2. Theo em, chân dung của nhân vật Thuý Kiều đã được tác giả miêu tả bằng những phép tu từ nào ? Hãy viết một đoạn văn về nhân vật Thuý Kiều bằng một đoạn văn dài 10 câu (có sử dụng phép thế và một câu phủ định).

Phần II (6 điểm)

Chân phải bước tới cha

1. Hãy chép chính xác 8 câu thơ tiếp theo câu thơ trên và cho biết chúng thuộc tác phẩm nào, tác giả là ai ?
2. Giới thiệu về tác giả của bài thơ trên.
3. Phân tích đoạn thơ đó trong một trang giấy thi .Trong đó có sử dụng hai phép liên kết câu (gạch chân dưới những từ ngữ này).

Đề 19

Phần I : (7 điểm)

1. Bài thơ về tiểu đội xe không kính của Phạm Tiến Duật vốn là một bài thơ. Vậy có nhất thiết phải dùng từ bài thơ không ? Cho biết ý nghĩa nhan đề tác phẩm ?
2. Chép lại chính xác hai khổ thơ cuối bài và chỉ ra những biện pháp tu từ mà tác giả sử dụng trong khổ thơ đó
3. Trong Bài thơ về tiểu đội xe không kính, nhà thơ Phạm Tiến Duật đã khắc hoạ được hình tượng người chiến sĩ lái Trường Sơn sôi nổi, hiên ngang, dũng cảm.

Hãy triển khai nội dung trên thành một đoạn văn nghị luận theo kiểu qui nạp có độ dài từ 12 đến 15 câu sử dụng một câu chứa lời dẫn trực tiếp và một câu bị động - gạch chân chúng).

Phần II (3đ)

Cho đoạn văn

“Anh không dám nhìn vào mặt con. Trong khi lại nghiêng mặt ra ngoài cửa sổ, anh ngạc nhiên thấy những cánh hoa bằng lăng càng thắm màu hơn- một màu tím thắm như bóng tối ” .

1. đoạn văn trên thuộc tác phẩm nào ? Của ai ?
2. Phần văn bản in nghiêng là thành phần nào của câu ? Vì sao nhân vật lại cảm thấy màu hoa “tím thắm như bóng tối ” ?
3. Trình bày ngắn gọn về nghệ thuật xây dựng tình huống truyện trong tác phẩm này.

Đề 20

Phần I : (7 điểm)

Người đồng mình thương lắm con ơi

Cao đo nỗi buồn

Xa nuôi chí lớn

1. Chép chính xác 14 câu thơ tiếp theo những câu thơ trên để hoàn chỉnh đoạn thơ (theo văn bản Sách Ngữ văn 9 - Nxb Giáo dục) và cho biết đoạn thơ đó thuộc tác phẩm nào của tác giả nào ?
2. Nội dung chủ đạo của đoạn thơ là gì ? Cách thể hiện nội dung đó có gì độc đáo ?
3. Viết một đoạn văn theo kiểu tổng - phân - hợp trình bày cảm nhận của em về phẩm chất của người “đồng mình” có độ dài từ 10 đến 12 câu. Trong đó có sử dụng một câu ghép và một câu cảm (gạch chân các câu đó).

Phần II (3đ)

Truyện ngắn Bến quê của Nguyễn Minh Châu chứa đựng những suy sâu sắc của tác giả về con người và cuộc đời.

1. Em hãy chép chính xác những những câu văn có chứa những su

ĐÁP ÁN-BIỂU ĐIỂM:

Đề 10

Phần I (7 đ)

Bằng hiểu biết về Bếp lửa của Bằng Việt, em hãy cho biết :

1. Người cháu nhớ về những kỷ niệm :

- Hình ảnh “Bếp lửa” thân thương gắn gũi quen thuộc với mỗi gia đình từ bao đời nay.
- Từ hình ảnh bếp lửa, tác giả đã nhớ người bà, về cả một thuở tuổi thơ của mình bên bà
- + Bà tần tảo, giàu đức hy sinh để chăm lo cho mọi người
- + Người bà- người phụ nữ Việt Nam với vẻ đẹp nhẩn nhai , tần tảo, đầy yêu thương
- + Người bà với những khó khăn, gian khó của một đời người

2. Khi nhớ về bà, tác giả lại nhớ tới bếp lửa:

* Vì bếp lửa luôn hiện diện cùng người bà

- + Bếp lửa đã gợi nhớ sâu sắc về người bà với sự nhẩn nhai, tần tảo, đầy yêu thương
- + Bếp lửa gắn với những khó khăn, gian khó của đời bà
- + Bếp lửa gợi nhớ cả một thuở tuổi thơ vất vả nhưng được sống trong tình yêu thương bên bà của nhà thơ

* Có lúc tác giả lại gọi là “Ngọn lửa”, em hãy chép lại chính xác câu thơ có hình ảnh ngọn lửa và lý giải cách gọi ấy.

Rồi sớm chiều lại bếp lửa bà nhen

Một ngọn lửa, lòng bà luôn ủ sẵn

Một ngọn lửa chứa niềm tin dai dẳng

- Hình ảnh bà luôn gắn với hình ảnh bếp lửa. Bếp lửa là tình bà ấm nóng, bếp lửa là tay bà chăm chút. Bà nhóm lên bếp lửa là nhóm lên niềm vui, sự sống, niềm yêu thương.
- Nhà thơ gọi là ngọn lửa bởi đã nhận ra : bếp lửa được bà nhen nhóm từ ngọn lửa trong lòng bà - ngọn lửa của sức sống, lòng yêu thương và niềm tin.
- Một ngọn lửa, lòng bà luôn ủ sẵn/Một ngọn lửa chứa niềm tin dai dẳng không còn chỉ mang theo ý nghĩa thông thường mà đã chứa đựng ý nghĩa trù tượng và khái quát sâu xa.

3. Viết một đoạn văn dài 10 câu để phân tích dòng thơ

Ôi kỳ lạ và thiêng liêng - bếp lửa ! (dùng 1 phép thế, 1 câu cảm):

* Đây là những câu hỏi trọng điểm để kiểm tra khả năng nhiều mặt :

- Kiến thức cơ bản, cụ thể của tác phẩm, về một câu thơ đặc sắc
- Kỹ năng cảm thụ, diễn đạt và dựng đoạn văn
- Kỹ năng vận dụng kiến thức ngữ pháp : phép lặp để liên kết câu, 1 câu cảm

* Các bước tiến hành

- Xác định kiến thức cơ bản của câu hỏi yêu cầu cho nội dung phân tích khổ thơ trong 10 câu

+ Nội dung khái quát của câu thơ : Là câu thơ hay đã thể hiện sự cảm nhận sâu sắc của nhà thơ về bếp lửa bình dị, thân thuộc mà kỳ diệu thiêng liêng.

+ Các ý cần có :

Bếp lửa đã gợi lại những kỷ niệm đầy xúc động về người bà và tình bà cháu đồng thời thể hiện lòng kính yêu trân trọng và biết ơn của người cháu đối với bà cũng là đối với gia đình, quê hương, đất nước.

+ Câu thơ chứa đựng ý nghĩa khái quát về hình tượng bếp lửa : câu cảm thán cùng với cấu trúc đảo thể hiện sự ngạc nhiên, ngỡ ngàng bởi đã khám phá ra bao điều kỳ diệu trong một hình ảnh quen thuộc giản dị bên ta- bếp lửa

+ Từ hình ảnh bếp lửa, tác giả đã nhớ về cả một thuở tuổi thơ bên bà

+ Bếp lửa đã gợi nhớ sâu sắc về người bà với sự nhẫn nại, tần tảo, đầy yêu thương

+ Bếp lửa bà nhen không chỉ bằng nhiên liệu ở ngoài đời mà còn được nhen lên từ ngọn lửa trong lòng bà : ngọn lửa của sức sống, lòng yêu thương, niềm tin của con người từng trải .

+ Bà là người giữ lửa, truyền lửa của sự sống, của niềm tin cho các thế hệ con cháu nối tiếp.

“Bếp lửa” trong bài thơ cùng tên của Bằng Việt là một hình ảnh thơ gần gũi, giản dị và hết sức quen thuộc đối với mỗi con người Việt Nam và đã trở thành một hình tượng nghệ thuật giàu ý nghĩa. Trong hình ảnh bếp lửa ấy, người đọc còn cảm nhận rất rõ lòng yêu kính, biết ơn bà và tình yêu gia đình, quê hương đất nước của nhà thơ.

- Tạo câu theo yêu cầu về ngữ pháp :

+ Phép lặp để liên kết câu : lặp lại hình ảnh “bếp lửa”

+ Câu cảm : Bộc lộ cảm xúc của người viết về tình bà cháu của nhà thơ.

- Kết nối các câu thành đoạn và tiến hành sửa chữa để hoàn chỉnh đoạn văn.

Phần II (3đ)

Bằng hiểu biết về Chiếc lược ngà của Nguyễn Quang Sáng, em hãy:

1. Vì sao tác giả Nguyễn Quang Sáng lại đặt tên cho tác phẩm của mình là Chiếc lược ngà :

Chiếc lược ngà là kỷ vật vô cùng thiêng liêng của cha con ông Sáu.

- Với bé Thu “chiếc lược ngà” là kỷ vật của người cha, là nỗi nhớ thương mong nhớ của người cha nơi chiến khu dành cho mình. Cầm chiếc lược trong tay, bé Thu được sưởi ấm bởi tình cha, như có người cha ở bên.

- Với ông Sáu, Chiếc lược ngà đã trở thành một vật quý giá, thiêng liêng với ông Sáu. Nó chứa đựng bao nhiêu tình cảm yêu mến, nhớ thương mong đợi của người cha và làm dịu đi nỗi ân hận đã đánh con của ông. Trao cây lược cho con, ông Sáu như đã nói với được với con gái yêu tình cảm của mình.

- Chiếc lược ngà không chỉ nói lên tình cha con thấm thiết, sâu nặng mà còn gọi cho người đọc thấm thía những mất mát, éo le đau thương do chiến tranh gây ra cho bao gia đình.

2. Cảm nghĩ của em về nhân vật ông Sáu bằng một đoạn văn 8 câu:

- ý khái quát về hình tượng nhân vật ông Sáu : Tình cha con - tình cảm thiêng liêng, sâu nặng của con người đã được nhà văn Nguyễn Quang Sáng tập trung thể hiện ở hình tượng nhân vật ông Sáu

- Các ý cơ bản cần có :

+ Người cha khát khao gặp con bị hụt hẫng, đau đớn không hiểu tại sao con mình lại xa lánh , hoảng sợ khi nhìn thấy mình.

+ Tình yêu con sâu sắc của người từng trải chiến tranh thể hiện thật kín đáo mà cũng thật xúc động “không ghìm được xúc động ...một tay ôm con, một tay rút khăn lau nước mắt rồi hôn lên mái tóc con”.

+ Xa con rồi, ông Sáu luôn ân hận, cảm thấy khổ tâm sao mình lại đánh con; lời dặn của đứa con gái ngày chia tay “Ba mua cho con một cây lược nghe ba” luôn in đậm trong tâm trí ông. Ông Sáu dành hết tâm trí vào việc làm cây lược “cưa chiếc răng lược thận trọng, tỉ mỉ và cố công như người thợ bạc”

+ Đau đớn nhất là ông Sáu chưa kịp trao cây lược cho con thì đã hy sinh. Tình cảnh éo le của ông Sáu gợi cho người đọc thấm thía những mất mát, đau thương do chiến tranh gây ra cho bao gia đình.

Đề 11

Phần I (3đ)

Bằng hiểu biết về văn học trung đại, em hãy cho biết :

1. Xuất xứ, sáng tạo của Nguyễn Du khi viết Truyện Kiều :

* Xuất xứ của tác phẩm

- Truyện Kiều của Nguyễn Du dựa theo cốt truyện Kim Vân Kiều truyện của Thanh Tâm Tài Nhân (Trung Quốc).

* Sáng tạo của Nguyễn Du để làm nên kiệt tác Truyện Kiều là rất lớn :

- Cốt truyện của Kim Vân Kiều truyện là tự sự Nguyễn Du đã chuyển sang kể chuyện bằng thơ lục bát

- Nghệ thuật xây dựng nhân vật :

+ Khắc hoạ tính các nhân vật điển hình bất hủ có sức sống lâu bền và đã trở thành biểu tượng cho một số loại người trong xã hội như Sở Khanh, Tú Bà , Mã Giám Sinh...

+ Diễn tả nội tâm nhân vật : tâm trạng buồn nhớ, cô đơn , lo sợ cho tương lai của Kiều khi bị giam lỏng ở lầu Ngưng Bích.

- Miêu tả thiên nhiên (tả cảnh ngụ tình)...: ở Cảnh ngày xuân; bức tranh tả cảnh ngụ tình ở cuối đoạn trích Kiều ở lầu Ngưng Bích.

2. Chép lại chính xác bốn câu thơ tả cảnh, bốn câu thơ tả người trong các đoạn trích từ Truyện Kiều (sách Ngữ văn 9) mà em cho là hay nhất.

- Đoạn đầu trong Cảnh ngày xuân;

- Đoạn tả chân dung Mã Giám Sinh.

Phần II (7 đ)

Bằng hiểu biết về Nói với con của Y Phương, em hãy:

1. Viết tiếp 6 câu thơ vào câu sau :

Một bước chạm tiếng nói

Hai bước tới tiếng cười

Người đồng mình yêu lắm con ơi

Đan lờ cài nan hoa

Vách nhà ken câu hát

Rừng cho hoa

Con đường cho những tấm lòng

2. Nghệ thuật và nội dung chính của đoạn :

* Nội dung chính của đoạn : Tình thương yêu của cha mẹ, sự đùm bọc của quê hương đối với con

- Con lớn lên từng ngày trong tình yêu thương, trong sự nâng đỡ và mong chờ của cha mẹ

- Con được trưởng thành trong cuộc sống lao động, trong thiên nhiên thơ mộng và nghĩa tình của quê hương

* Nghệ thuật :

- Cách diễn tả độc đáo, cách tư duy giàu hình ảnh của người miền núi

- Giọng điệu tha thiết trìu mến thể hiện qua các câu cảm thán (yêu lắm con ơi ! ; thương lắm con ơi),

- Xây dựng các hình ảnh cụ thể có tính khái quát, mộc mạc và giàu chất thơ.

3. Phân tích đoạn thơ trong 1 đoạn văn dài 10 câu (Kiểu Tổng phân hợp, dùng thành phần phụ chú, 1 câu cảm).

* Đây là những câu hỏi trọng điểm để kiểm tra khả năng nhiều mặt :

- Kiến thức cơ bản, cụ thể của tác phẩm, về một đoạn thơ đặc sắc

- Kỹ năng cảm thụ, diễn đạt và vận dụng đoạn văn

- Kỹ năng vận dụng kiến thức ngữ pháp : thành phần phụ chú, 1 câu cảm

* Các bước tiến hành

- Xác định kiến thức cơ bản của câu hỏi yêu cầu cho nội dung phân tích khổ thơ trong 10 câu

+ Nội dung khái quát của đoạn thơ : Tình thương yêu của cha mẹ, sự đùm bọc của quê hương đối với con

+ Các ý cần có :

Con lớn lên từng ngày trong tình yêu thương, trong sự nâng đỡ và mong chờ của cha mẹ. Tác giả gợi ra không khí gia đình đầm ấm, quấn quýt ngập tràn tình yêu thương

và âm thanh tiếng nói cười của con thơ. Từng bước đi, từng tiếng nói của con đều được cha mẹ chăm chút, mừng vui đón nhận.

Con được trưởng thành trong cuộc sống lao động, trong thiên nhiên thơ mộng và nghĩa tình của quê hương. Cuộc sống lao động cần cù, tươi vui của người đồng mình được gọi lên qua những hình đẹp với các thao tác lao động “đan lò cài nan hoa- vách nhà ken câu hát”. Rừng núi quê hương thật thơ mộng và nghĩa tình, thiên nhiên ấy đã che chở, đã nuôi dưỡng con người về cả tâm hồn và lối sống

- Mỗi ý trên triển khai thành 4 câu

- Tạo câu theo yêu cầu về ngữ pháp :

+ Thành phần phụ chú : tiếng cười, tiếng nói- tình yêu thương, sự mong chờ đón đợi của cha mẹ dành cho con.

+ Câu cảm : bộc lộ cảm xúc của người viết về cuộc sống đầy nghĩa tình của người miền núi.

- Kết nối các câu thành đoạn và tiến hành sửa chữa để hoàn chỉnh đoạn văn.

Đề 12

Phần I : (7 điểm)

Mùa xuân người cầm súng

1. Chép chính xác 5 câu thơ tiếp theo và cho biết xuất xứ của đoạn thơ

Lộc giắt đầy trên lưng

Mùa xuân người ra đồng

Lộc trải dài nương mạ

Tất cả như hối hả

Tất cả như xôn xao

- Đoạn thơ trên nằm ở phần thứ hai của bài thơ Mùa xuân nho nhỏ của nhà thơ Thanh Hải.

2. Chỉ ra nội dung và nghệ thuật đặc sắc của khổ thơ.

* Nội dung chính của đoạn thơ : Khung cảnh của mùa xuân của đất nước

- Một mùa xuân của đất nước đang dựng xây và chiến đấu

- Một đất nước đang vững vàng đi lên

* Nghệ thuật của đoạn thơ:

- Hình ảnh thơ :

+ Gần gũi mà nên thơ, gợi cảm : Lộc; nương mạ; người ra đồng

+ Hình ảnh cụ thể : người cầm súng, người ra đồng

- Nghệ thuật so sánh

- Từ láy : hồi hải, xôn xao

3. Viết một đoạn văn 10 câu để phân tích khổ thơ trên : (Kiểu Tổng phân hợp, dùng 1 câu cảm, 1 câu ghép ; gạch chân các yếu tố đó).

* Đây là những câu hỏi trọng điểm để kiểm tra khả năng nhiều mặt :

- Kiến thức cơ bản, cụ thể của tác phẩm, về một đoạn thơ đặc sắc

- Kỹ năng cảm thụ, diễn đạt và vận dụng đoạn văn

- Kỹ năng vận dụng kiến thức ngữ pháp : câu ghép, 1 câu cảm

* Các bước tiến hành

- Xác định kiến thức cơ bản của câu hỏi yêu cầu cho nội dung phân tích khổ thơ trong 10 câu

+ Nội dung khái quát của đoạn thơ : Khung cảnh của mùa xuân của đất nước đang chiến đấu và dựng xây

+ Các ý cần có :

Một mùa xuân của đất nước đang dựng xây và chiến đấu với hình ảnh “người cầm súng”, “người ra đồng”

Một đất nước với bao con người đang mùa xuân đến mọi nơi trên đất nước qua hình ảnh “Lộc giắt đầy trên lưng...lộc trải dài nương mạ ”

Một đất nước đang vững vàng đi lên trong nhịp điệu hồi hải và những âm thanh xôn xao được gợi ra từ hình ảnh so sánh kỳ vĩ của thiên “Đất nước như vì sao ”

- Mỗi ý trên triển khai thành 3 câu

- Tạo câu theo yêu cầu về ngữ pháp :

+ Câu ghép : khẳng định giá trị đoạn thơ đặt ở cuối đoạn văn (câu có cặp quan hệ từ hoặc cặp từ hô ứng)

+ Câu cảm : bộc lộ cảm xúc của người viết về khung cảnh mùa xuân tươi đẹp của đất nước.

- Kết nối các câu thành đoạn và tiến hành sửa chữa để hoàn chỉnh đoạn văn.

Phần II (3đ)

Bằng hiểu biết về văn học trung đại, em hãy :

1. Giới thiệu tác phẩm Truyện Lục Vân Tiên của Nguyễn Đình Chiểu :

- Lục Vân Tiên là truyện thơ nôm gồm 2082 câu thơ lục bát, sáng tác vào đầu những năm 50 của thế kỷ XIX.

- Tác phẩm kết cấu theo kiểu chương hồi, với các tình tiết xoay quanh diễn biến cuộc đời các nhân vật chính.

- Nội dung Truyện Lục Vân Tiên :

Truyện dạy đạo lý làm người, xem trọng nghĩa tình giữa con người với con người trong xã hội : tình cha con, tình mẹ con, nghĩa vợ chồng, tình bạn bè, tình yêu thương cứu mang những con người gặp cơn hoạn nạn; đề cao tinh thần nghĩa hiệp, sẵn sàng cứu khổ phò nguy; thể hiện khát vọng của nhân dân hướng tới lẽ công bằng và những điều tốt đẹp trong cuộc đời với mong ước cái thiện sẽ thắng cái ác, chính nghĩa sẽ thắng gian tà.

2. Kể tên các nhân vật chính trong tác phẩm Truyện Lục Vân Tiên của Nguyễn đình Chiểu :

- Lục Vân Tiên; Kiều Nguyệt Nga; Ngư ông; Hớn Minh; tiểu đồng...

- Trịnh Hâm; Bùi Kiệm; cha con Võ Thê Loan...

Đề 13

Phần I : (7 điểm)

Trong bài thơ Mùa xuân nho nhỏ của Thanh Hải có câu

Ta làm con chim hót

1. Hãy chép chính xác 7 câu thơ tiếp nối câu thơ trên.

Ta làm một cành hoa

Ta nhập vào hoà ca

Một nốt trầm xao xuyến

Một mùa xuân nho nhỏ

Lặng lẽ dâng cho đời

Dù là tuổi hai mươi

Dù là khi tóc bạc

2. Nhận xét về mạch cảm xúc của bài thơ Mùa xuân nho nhỏ:

Mạch cảm xúc tư tưởng của bài thơ là từ cảm xúc trước mùa xuân của thiên nhiên, đất nước đến mùa xuân của mỗi con người trong mùa xuân lớn của đất nước, thể hiện khát vọng dâng hiến “mùa xuân nho nhỏ” của mình vào “mùa xuân lớn của cuộc đời chung”

- Bài thơ bắt đầu bằng những cảm xúc trực tiếp, hồn nhiên, trong trẻo của nhà thơ trước vẻ đẹp và sức sống tràn đầy của mùa xuân thiên nhiên.

- Từ đó mở rộng ra thành hình ảnh mùa xuân của đất nước cụ thể với người cảm hứng, người ra đồng, vừa khái quát với “Đất nước như vì sao- Cứ đi lên phía trước”.

- Từ cảm xúc trước mùa xuân của thiên nhiên đất nước, mạch thơ chuyển sang biểu hiện suy nghĩ và ước nguyện của nhà thơ được nhập vào bản hoà ca của cuộc đời, được dâng mùa xuân nho nhỏ của mình hoà vào mùa xuân lớn của đất nước, của dân tộc.

- Bài thơ kết thúc bằng sự trở về với những cảm xúc thiết tha, tự hào về quê hương đất nước qua điệu dân ca xứ Huế (mở đầu và kết thúc bài thơ đều có sự hiện diện của xứ Huế : sắc màu tím biếc, nhịp phách tiền đất Huế).

3. Mở đầu đoạn văn phân tích 8 câu thơ trên, một học sinh viết :

Từ cảm xúc trước mùa xuân thiên nhiên đất nước, Thanh Hải đã bày tỏ khát vọng mãnh liệt muốn dâng hiến cho cuộc đời.

Coi đây là câu mở đoạn, em hãy hoàn chỉnh đoạn văn trên với độ dài 10 câu, trong đó có lời dẫn trực tiếp và kết đoạn là một câu hỏi tu từ :

* Đây là những câu hỏi trọng điểm để kiểm tra khả năng nhiều mặt :

- Kiến thức cơ bản, cụ thể của tác phẩm, về một đoạn thơ đặc sắc

- Kỹ năng cảm thụ, diễn đạt và dựng đoạn văn

- Kỹ năng vận dụng kiến thức ngữ pháp : lời dẫn trực tiếp; câu hỏi tu từ

- Xác định kiến thức cơ bản của câu hỏi yêu cầu cho nội dung phân tích khổ thơ trong 10 câu

+ Nội dung khái quát của đoạn thơ : Thanh Hải đã bày tỏ khát vọng mãnh liệt muốn dâng hiến cho cuộc đời.

+ Các ý cần có :

- Khát vọng cao đẹp được dâng cuộc đời mình là mùa xuân nho nhỏ vào hoà nhập với mùa xuân lớn của đất nước, của thiên nhiên
- ước nguyện khiêm nhường được là “nốt trầm xao xuyến” trong dàn nhạc bất tận của cuộc đời chung tươi đẹp, không phô trương, không ồn ào mà sâu lắng mà mãnh liệt. Ước muốn đang hiển cao đẹp ấy đã bất chấp thời gian và tuổi tác.
- ước mong ước tha thiết của một con người từng trải được sống đẹp, sống có ích. Đó là vấn đề nhân sinh quan- vấn đề ý nghĩa của đời sống cá nhân trong mối quan hệ với cộng đồng.
- Mỗi ý trên triển khai thành 3 câu
- Tạo câu theo yêu cầu về ngữ pháp :
- + Lời dẫn trực tiếp : Khát vọng của Thanh Hải thật bình dị khiêm nhường, nhà thơ chỉ mong muốn “ Ta làm một cành hoa/ Ta nhập vào hoà ca/Một nốt trầm xao xuyến”
- + Câu hỏi tu từ để bộc lộ cảm xúc của người viết về ước nguyện cao đẹp của nhà thơ.
- Kết nối các câu thành đoạn và tiến hành sửa chữa để hoàn chỉnh đoạn văn.

Phần II (3đ)

Dưới đây là một phần trong truyện ngắn Làng của Kim Lân.

- Thế nhà con ở đâu ?
 - Nhà ta ở làng Chợ Dầu.
 - Thế con có thích về làng Chợ Dầu không ?
- Thằng bé nép đầu vào ngực bố trả lời khe khẽ :
- Có.

Ông lão ôm khít thằng bé vào lòng, một lúc lâu ông lại hỏi :

- à thầy hỏi con nhé. Thế con ủng hộ ai ?

Thằng bé giơ tay lên, mạnh bạo vạc rành rọt :

- ủng hộ cụ Hồ Chí Minh muôn năm !

(Sách Ngữ văn 9, tập 1- NXB Giáo dục)

1. Qua đoạn đối thoại này, tâm trạng ông Hai được thể hiện rõ :

- Tình yêu làng của nhân vật ông Hai luôn thống nhất với tinh thần kháng chiến, thủy chung với cách mạng được thể hiện trong lời tâm sự của ông với đứa con nhỏ ngây thơ

+ Tấm lòng thủy chung với kháng chiến, với cách mạng mà biểu tượng là cụ Hồ là tình cảm sâu nặng, bền vững, thiêng liêng ở trong sâu thẳm tâm can ông. Ông đã tự nhủ : “Cụ Hồ...soi xét cho bố con ông ...Chết thì chết có bao giờ dám đơn sai ”.

- Ông Hai luôn muốn con ghi nhớ quê hương của mình - mảnh đất nơi có làng Chợ Dầu của ông.

- Điều đó thể hiện nỗi niềm sâu kín của nhân vật : dù thế nào thì làng Chợ Dầu vẫn là quê hương của ông, của con ông. Ông Hai luôn muốn con ghi nhớ quê hương của mình - mảnh đất nơi có làng Chợ Dầu của ông.

2. Khi xây dựng hình tượng nhân vật chính luôn hướng về làng Chợ Dầu nhưng Kim Lân lại đặt tên truyện ngắn của mình là “Làng” mà không phải là “Làng Chợ Dầu ” như thể tác phẩm mới có ý nghĩa khái quát cao độ.

- Viết về nhân vật ông Hai luôn hướng về làng Chợ Dầu của mình, nhà văn nhằm phản ánh tình yêu làng quê cụ thể của những con người cụ thể .

- Khi xây dựng hình tượng nhân vật chính luôn hướng về làng Chợ Dầu nhưng Kim Lân lại đặt tên truyện ngắn của mình là “Làng” bởi nhà văn muốn thông qua tình yêu làng quê cụ thể của một con người để khái quát lên tình yêu quê hương đất nước sâu nặng của những người nông dân giản dị , chất phác nói riêng và của người dân Việt Nam nói chung.

- Đặt tên cho truyện ngắn là Làng, nhà văn cũng đồng thời khẳng định : tình yêu đất nước rộng lớn bao giờ cũng bắt nguồn từ tình yêu một vùng quê cụ thể gần gũi, thân thương của mỗi con người.

3. Em hãy nêu tên 2 tác phẩm văn xuôi Việt Nam đã được học viết về đề tài người nông dân và ghi rõ tên tác giả.

- Tác phẩm Lão Hạc của nhà văn Nam Cao.

- Tác phẩm Tắt đèn của nhà văn Ngô Tất Tố.

Đề 14

Phần I : (7 điểm)

Chuyện người con gái Nam Xương mang đậm nét sáng tạo tài hoa của Nguyễn Dữ và đã trở thành một “kỳ bút” đầy tính nhân văn và đặc sắc Việt Nam.

1. Những chi tiết sáng tạo của tác giả trong tác phẩm :

- Sáng tạo độc đáo từ truyện dân gian trong việc cấu tạo, tô đậm những tình tiết giàu ý nghĩa khiến tác phẩm giàu kịch tính vô cùng hấp dẫn.

+ Dựa trên cốt truyện có sẵn, tác giả, thêm một số chi tiết để khắc hoạ sắc nét tính cách nhân vật như việc Trương Sinh “đem trăm lạng vàng” cưới Vũ Nương để cuộc hôn nhân đậm màu sắc mua bán

+ Tô đậm một số tình tiết chính giàu ý nghĩa: lời nói của bé Đản là cái cớ để Trương Sinh ghen được đưa ra, thông tin ngày một gay gắt khiến truyện đầy kịch tính

- Sáng tạo trong việc kết yếu hợp yếu tố kỳ ảo với những tình tiết hiện thực làm cho thế giới kỳ ảo lung linh, mơ hồ trở nên gần gũi với cuộc đời thực hơn, làm tăng độ tin cậy, khiến người đọc không cảm thấy ngỡ ngàng.

- Dựng đoạn đối thoại để khắc hoạ quá trình tâm lý, tính cách nhân vật làm nên sự khác biệt giữa tác phẩm thành văn với truyện cổ tích dân gian

2. Phần cuối của tác phẩm (kể về cuộc sống nơi cung nước và sự trở về trong chốc lát của Vũ Nương) không chỉ thể hiện tính chất truyền kỳ của truyện mà còn chứa đựng giá trị nghệ thuật, nội dung sâu sắc:

Trình bày những suy nghĩ của mình về nội dung trên trong một đoạn văn dài từ 12 đến 15 câu (kiểu tổng- phân - hợp, trong đó có sử dụng câu cảm và câu phủ định, gạch chân chúng)

* Đây là câu hỏi trọng điểm để kiểm tra khả năng nhiều mặt :

- Kiến thức cơ bản, cụ thể của tác phẩm, về một đoạn thơ đặc sắc

- Kỹ năng cảm thụ, diễn đạt và dựng đoạn văn

- Kỹ năng vận dụng kiến thức ngữ pháp : câu cảm và câu phủ định,

- Xác định kiến thức cơ bản của câu hỏi yêu cầu cho nội dung phân tích khổ thơ từ 12 đến 15 câu

+ Nội dung khái quát của đoạn thơ : Phần cuối của tác phẩm Chuyện người con gái Nam Xương không chỉ thể hiện tính chất truyền kỳ của truyện mà còn chứa đựng giá trị nghệ thuật, nội dung sâu sắc.

+ Các ý cần có :

Tóm tắt : cuộc sống nơi cung nước và sự trở về dương gian trong chốc lát của Vũ Nương rục rờ, uy nghi nhưng chỉ thoáng ngẩn ngui, long loáng rồi mờ dần là những yếu tố kỳ ảo đặc sắc của tác phẩm.

Hình ảnh Vũ Nương trở về chỉ là một thứ ảo ảnh, chỉ đủ an ủi cho người bạc phận khi đã được trả lại danh dự, phẩm tiết.

Hình ảnh rục rờ trong chốc lát ấy làm tăng thêm tính bi kịch cho số phận nhân vật : sương khói kỳ ảo tan đi chỉ còn lại sự thực cay đắng : Vũ Nương, người phụ nữ đức hạnh, khao khát hạnh phúc gia đình không được ở lại trần gian; trên bờ chồng và con vẫn đứng đầy trong sự trống vắng và đau đớn vì hối hận.

Chi tiết này cũng thể hiện rõ nhân quan hiện thực của sâu sắc của Nguyễn Dữ : Hạnh phúc không có trong ảo ảnh hay ở thế giới bên kia, hạnh phúc chỉ có thật ở trần gian và con người phải biết giữ gìn, vun đắp và trân trọng thì mới có được.

- Mỗi ý trên triển khai thành 3 câu

- Tạo câu theo yêu cầu về ngữ pháp :

+ Câu cảm : thể hiện nỗi xót thương cho thân phận bất hạnh của người phụ nữ trong xã hội phong kiến

+ Câu phủ định : Hạnh phúc không có trong ảo ảnh hay ở thế giới bên kia...

- Kết nối các câu thành đoạn và tiến hành sửa chữa để hoàn chỉnh đoạn văn.

Phần II (3đ)

Ruộng nương anh gửi bạn thân cày

Gian nhà không, mặc kệ gió lung lay

Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính

1. Tên tác phẩm, năm sáng tác và tác giả của bài thơ có những câu thơ trên :

- Những câu thơ trên trích trong bài thơ Đồng chí của tác giả Chính Hữu .

- Bài thơ được sáng tác năm 1948 trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp của dân tộc ta.

2. Từ “ mặc kệ” đặt giữa câu thơ cùng với hình ảnh làng quê quen thuộc đã gợi cho em niềm xúc động sâu sắc và vô cùng trân trọng, tình cảm của anh bộ đội vốn xuất thân từ nông dân trong kháng chiến chống Pháp :

- Đây là đoạn thơ khá hay của tác phẩm thể hiện sâu sắc sự đồng cảm của tình đồng chí ở những người lính cách mạng.

- Những hình ảnh ruộng nương, giếng nước, gốc đa gợi khung cảnh làng quê thân thuộc và nỗi nhớ da diết, sâu nặng của người lính
- Từ “ mặc kệ” đặt giữa câu thơ cùng với hình ảnh làng quê quen thuộc đã thể hiện được thái độ , tư thế lên đường rút khoát mạnh mẽ của đáng “trượng phu ” trong người lính cách mạng. Những người lính nông dân không hề vô tình mà gắn bó sâu nặng với làng quê thân thương của mình nhưng cũng vì tình yêu sâu nặng ấy mà họ sẵn sàng bỏ lại sau lưng bao nỗi niềm lưu luyến nhớ thương để lên đường chiến đấu bảo vệ làng quê yêu dấu.
- Qua những hình ảnh thơ và từ ngữ giản dị Chính Hữu vừa diễn tả được tình cảm sâu nặng dành cho làng quê vừa thể hiện được ý chí lên đường chiến đấu không gì lay chuyển nổi của những người lính nông dân.

Đề 15

Phần I (3đ)

Các nhân vật : ông họa sĩ, cô kỹ sư trẻ và bác lái xe trong truyện ngắn Lặng lẽ Sa Pa của Nguyễn Thành Long mặc dù chỉ được miêu tả rất ít nhưng vẫn hiện lên với những nét đẹp đáng quý.

Dùng câu trên làm mở đoạn, em hãy viết đoạn văn diễn dịch dài khoảng 12 câu. Trong có câu mà chủ ngữ là một cụm chủ vị (gạch chân câu đó).

- Câu mở đoạn : đề đã cho
- Các ý chính cần có :

Ông họa sĩ : Ông họa sĩ - người nghệ sĩ khát khao sáng tạo, đam mê nghệ thuật đến cháy bỏng ; là người từng trải, ông họa sĩ có những suy nghĩ sâu sắc về cuộc sống và con người. Ông đã cảm nhận rất sâu sắc vẻ đẹp trong tâm hồn anh “ Người con trai ấy đáng yêu thật, nhưng làm cho ông nhọc quá. Với những điều làm cho người ta suy nghĩ về anh. Và về những điều anh suy nghĩ...”.

Cô kỹ sư hiện lên với suy nghĩ và tình cảm trong sáng tươi tắn về cuộc sống và con người. Cô hiểu về cuộc sống tuyệt đẹp của anh cán bộ khí tượng về “thế giới những con người như anh ”, về con đường mà cô đã lựa chọn, đang đi đi tới - lên công tác ở miền núi; tâm hồn cô bừng dậy những tình cảm lớn lao, cao đẹp khi người ta gặp những ánh sáng đẹp để tỏa ra từ cuộc sống, từ tâm hồn của người khác.

Bác lái xe với lời kể hóm hỉnh khiến cô kỹ sư trẻ, ông họa sĩ già và người đọc được kích thích sự chú ý chờ đón sự xuất hiện của anh thanh niên - người cô độc nhất thế gian luôn mang nỗi “thèm ” được gặp người.

Những cảm xúc và suy nghĩ của con người bình dị này đã làm hình ảnh anh thanh niên hiện lên rõ nét hơn , góp phần làm sáng tỏ chủ đề của tác phẩm : có bao nhiêu con người đang thầm lặng cống hiến cho đất nước.

- Tạo câu theo yêu cầu ngữ pháp : câu có chủ ngữ là một cụm chủ vị (dùng câu đầu giới thiệu về bác lái xe).

- Kết nối các câu thành đoạn và tiến hành sửa chữa để hoàn chỉnh đoạn văn.

Phần II : (7 điểm)

Những chiếc xe từ trong bom rơi

Đã về đây họp thành tiểu đội

Gặp bạn bè suốt dọc đường đi tới

Bắt tay qua cửa kính vỡ rồi.

Bếp Hoàng Cầm ta dựng giữa trời

Chung bát đũa nghĩa là gia đình đấy

Võng mắc chông chênh đường xe chạy

Lại đi, lại đi trời xanh thêm.

1. Giới thiệu tác giả, tác phẩm và đôi nét về hoàn cảnh sáng tác bài thơ:

- Hai khổ thơ trên có trong Bài thơ về tiểu đội xe không kính của nhà thơ Phạm Tiến Duật.

- Bài thơ viết năm 1969, thời kỳ cuộc kháng chiến chống Mỹ đang ở giai đoạn ác liệt nhất là trên tuyến đường Trường Sơn- tuyến giao thông huyết mạch đưa hàng hoá, vũ khí từ miền Bắc vào chiến trường miền Nam.

- Bài thơ nằm trong chùm thơ Phạm Tiến Duật được tặng giải Nhất cuộc thi thơ của Báo Văn nghệ năm 1969 và được in trong tập thơ “ Vầng trăng quầng lửa” của tác giả.

2. Nội dung của những câu thơ trên:

- Hai khổ thơ trên viết về tình đồng đội chan hoà thân thiết của những người lính gợi cho em nhớ đến bài thơ Đồng chí của Chính Hữu đã học trong chương trình Trung học cơ sở.

- Điểm giống nhau của hai bài thơ đó :

+ Viết về những người lính dũng cảm coi thường hiểm nguy, sẵn sàng chiến đấu vì lý tưởng cao đẹp của dân tộc - giải phóng, thống nhất đất nước.

+ Cả hai bài thơ đều viết rất hay, rất cảm động về tình đồng đội thân thiết của những người lính chiến đấu nơi mặt trận gian khổ, thiếu thốn và đầy hiểm nguy.

3. Hãy trình bày cảm nhận của em khi đọc hai câu thơ :

Võng mắc chông chênh đường xe chạy

Lại đi, lại đi trời xanh thêm.

Hai câu thơ nằm ở cuối tác phẩm không thuộc hàng những câu thơ đặc sắc, trái lại lại hết sức giản dị nhưng vẫn với giọng điệu thản nhiên gợi hành trình chiến đấu, nhịp sống đầy lạc quan tin tưởng của những người lính trẻ

- Hai chữ “chông chênh” đã diễn tả được nhịp võng lắc trên những chiếc xe, hiện thực cuộc sống đầy gian khổ của người lính lái xe. Những chiến sĩ trẻ chỉ có thời gian ngắn ngủi dừng lại để ăn cơm , còn những giấc ngủ của họ cũng diễn ra trên hành trình xe chạy dưới bom đạn của quân thù

- Hiện thực chiến đấu gian khổ ấy với giấc ngủ chông chênh trên võng nhưng ý chí chiến đấu của họ luôn vững vàng. Sức trẻ và tình yêu Tổ quốc là sức mạnh để họ băng qua mưa bom bão đạn của kẻ thù, để họ sống lạc quan và tươi trẻ.

- Đoàn xe lên đường với câu hát Lại đi, lại đi trời xanh thêm . Điệp ngữ “ lại đi ” khẳng định hành trình bất tận không ngưng nghỉ của tiểu đội xe không kính. Họ luôn trong tư thế trên đường, tư thế của những người “ta đi tới”.

- Hình ảnh “trời xanh thêm” gợi lên tâm hồn chan chứa lạc quan, đầy hy vọng, vô cùng yêu đời của những người lính trẻ- thế hệ trẻ Việt Nam thời chống Mỹ.

4. Đoạn văn diễn tả suy nghĩ của mình về tình đồng đội của những chiến sĩ lái xe trong bài thơ trên:

* Lựa chọn những câu thơ thể hiện tình đồng đội trong bài thơ

* Phát hiện ý nghĩa trong từng câu thơ:

- Những chiến sĩ lái xe sôi nổi, tinh nghịch, hóm hỉnh luôn chan hoà trong tình đồng đội, đồng chí : Gặp bạn bè suốt dọc đường đi tới/ Bắt tay nhau qua cửa kính vỡ rồi. Họ có thể bắt tay nhau mà không cần mở cửa xe, thật thoải mái mà cũng thật thắm thiết. Tình cảm của những chiến sĩ lái xe trên Trường Sơn biểu hiện thật giản dị, chân thật mà sâu sắc trên nền hiện thực gian khổ khốc liệt của chiến trường. Cái bắt tay ấy đã truyền sang nhau tình cảm đồng đội và ý chí quyết tâm vượt qua gian khổ để chiến đấu.
- Nguy hiểm vì phải đối mặt với bom đạn, gian khổ vì phải lái những chiếc xe không kính nhưng những chiến sĩ trẻ ấy luôn lạc quan. Họ tươi cười, sống sôi nổi trẻ trung với nụ cười luôn nở trên môi : nhìn nhau mặt lấm cười ha ha
- Những phút dừng chân nghỉ ngơi, những người lính trẻ gắn bó với nhau thân thiết như anh trong gia đình : chung bát đũa nghĩa là gia đình đấy. Những người lính trẻ có định nghĩa về gia đình thật lạ, thật hay mà cũng thật chí tình; thật hóm hỉnh mà cũng thật sâu sắc. Tình đồng đội nơi chiến trường thật thiêng liêng. Tình cảm ấy đã làm ấm lòng người chiến sĩ khi xa nhà và tiếp thêm sức mạnh để họ vượt qua những lần “bom giạt, bom rung”, để họ đợc bên nhau trong vô vàn cái chung gần gũi : chung bát đũa. chung nhịp võng cùng bắt tay qua cửa kính vỡ, cùng có một trái tim tràn đầy tình yêu Tổ quốc để đưa những chiếc xe không kính tới đích, cùng chiến đấu vì miền Nam phía trước.

Đề 16

Phần I : (7 điểm)

Hãy chép lại chính xác 8 câu thơ đầu trong bài thơ Đoàn thuyền đánh cá của Huy Cận theo bản in Sách giáo khoa Ngữ văn 9 (NXB Giáo dục).

Mặt trời xuống biển như hòn lửa
Sóng đã cài then, đêm sập cửa.
Đoàn thuyền đánh cá lại ra khơi,
Câu hát căng buồm cùng gió khơi

Hát rằng: cá bạc biển Đông lặng ,
Cá thu biển Đông như đoàn thoi

Đêm ngày dẹt biển muôn luồng sáng.

Đến dệt lưới ta, đoàn cá ơi !

1. Trong đoạn thơ ấy tác giả đã sử dụng bút pháp phóng đại, khoa trương để nhiều hình ảnh thơ đặc sắc đạt hiệu quả thẩm mỹ cao :

- Nghệ thuật so sánh : mặt trời như hòn lửa; Cá thu như đoàn thoi
- Hình ảnh liên tưởng thú vị : vũ trụ như một ngôi nhà lớn, màn đêm là tấm cửa khổng lồ với những lượn sóng là then cửa; cá dệt biển muôn luồng sáng
- Sáng tạo hình ảnh thơ khoẻ, lạ mà thật từ sự gắn kết ba sự vật : cánh buồm, gió khơi, và câu hát của người đánh cá.
- Điệp từ : hát
- Bút pháp nghệ thuật ấy đã khiến bài thơ là một khúc tráng ca về lao động, về thiên nhiên đất nước giàu đẹp.

2. Để phân tích bài thơ Đoàn thuyền đánh cá, một bạn học sinh viết

“ Bài thơ đâu chỉ vẽ ra trước mắt ta cảnh đêm trăng trên biển lộng lẫy, huy hoàng mà còn là lời ngợi ca những con người lao động mới- những người ngư dân ngày đêm gắn bó với biển Đông. ”

a/ Nếu coi đây là câu mở đoạn theo kiểu tổng - phân - hợp, thì theo em, đề tài của đoạn văn là : Lời ngợi ca những con người lao động mới- những người ngư dân ngày đêm gắn bó với biển Đông.

b/ Em hãy viết tiếp sau câu mở đoạn trên khoảng 10 câu nữa để hoàn thành đoạn văn với đề tài mà em vừa xác định, trong đó có lời dẫn trực tiếp và câu kết đoạn là câu bị động.

* Đây là câu hỏi trọng điểm để kiểm tra khả năng nhiều mặt :

- Kiến thức cơ bản, cụ thể về nội dung chính của tác phẩm
- Kỹ năng huy động kiến thức, diễn đạt và vận dụng đoạn văn
- Kỹ năng vận dụng kiến thức ngữ pháp : lời dẫn trực tiếp , câu bị động.
- Xác định kiến thức cơ bản của câu hỏi yêu cầu cho nội dung phân tích khổ thơ 10 câu
- + Nội dung khái quát của đoạn thơ : đề đã cho
- + Các ý cần có :

Con người lao động với niềm hứng khởi say mê ra khơi, đánh cá, trở về trong âm hưởng tươi vui của tiếng hát (Câu hát là niềm vui, sự phấn chấn của con người lao động

như đã có một sức mạnh vật chất để cùng với ngọn gió làm căng buồm lướt nha nh ra khơi; Tiếng hát mừng thắng lợi say sưa, phấn chấn gấp bội lúc lên đường vì thuyền về với cá đầy khoang.)

Con người lao động hiện lên với tầm vóc, kích thước lớn lao trong sự gắn kết hài hoà với thiên nhiên, vũ trụ (Con người lao động xuất hiện cùng đoàn thuyền ra khơi giữa không gian rộng lớn của biển trời, trăng sao; ông việc đánh cá của con người nhịp nhàng với nhịp điệu vận hành của thiên nhiên.)

Con người lao động làm chủ thiên nhiên, say mê công việc (cụm từ “dò bụng biển”; “dàn đan thế trận” gợi lên tư thế lao động của những con người luôn chủ động, làm chủ thiên nhiên; Hình ảnh con người với thao tác kéo xoắn tay chùm cá nặng đã khiến công việc nặng nhọc của người đánh cá thành nhẹ nhàng, thành bài ca đầy niềm vui.)

- Mỗi ý trên triển khai thành 3 câu

- Tạo câu theo yêu cầu về ngữ pháp :

+ Lời dẫn trực tiếp, dẫn câu hát của người đánh cá “ Hát rằng: cá bạc biển Đông lặng”

+ Câu bị động : Chính nguồn cảm hứng lãng mạn về lao động và thiên nhiên làm cho Huy Cận có cái nhìn đẹp tươi tắn về cuộc sống, và con người giữa vũ trụ bao la. (Hoặc câu có nội dung ; khẳng định tâm hồn mình đã có những cảm xúc mới do những hình ảnh thơ đẹp mang lại).

- Kết nối các câu thành đoạn và tiến hành sửa chữa để hoàn chỉnh đoạn văn.

Phần II (3điểm)

Lặng lẽ Sa Pa của Nguyễn Thành Long là truyện ngắn giản dị mà vẫn vô cùng hấp dẫn. Sự hấp dẫn ấy chính là những sáng tạo nghệ thuật đặc sắc của tác giả.

1. Nhận xét về nghệ thuật đặc sắc của tác phẩm :

- Cốt truyện đơn giản chỉ xoay quanh cuộc gặp gỡ tình cờ của mấy người khách trên xe với anh thanh niên làm công tác khí tượng trên đỉnh Yên Sơn mà để lại nhiều dư vị sâu lắng, ngọt ngào trong lòng độc giả.

- Sáng tạo ra tình huống truyện đơn giản mà hợp lý để nhân vật chính hiện ra một cách tự nhiên và trở nên sắc nét qua cái nhìn và ấn tượng của các nhân vật khác : cuộc gặp gỡ ngắn giữa bác lái xe, cô kỹ sư trẻ, ông họa sĩ, anh thanh niên làm công tác khí tượng trên đỉnh núi Yên Sơn trong thời gian dừng xe nghỉ mà thể hiện được chủ đề : Giữa bạt

ngàn mây núi của Sa Pa , có biết bao nhiêu con người đang lặng thầm cống hiến cho đất nước.

- Tác phẩm đậm chất trữ tình khiến truyện ngắn có dáng dấp như một bài thơ bởi toàn bộ câu chuyện được trần thuật qua điểm nhìn của ông họa sĩ- người có tâm hồn nhạy cảm, khát khao sáng tạo nghệ thuật.

+ Phong cảnh đẹp thơ mộng của thiên nhiên Sa Pa.

+ Dư vị đẹp trong tâm hồn mỗi người về cuộc sống và những truyện anh thanh niên kể, về những điều anh ấy nghĩ.

2. Cách khắc họa nhân vật chính của truyện rất đặc biệt :

- Nghệ thuật khắc họa nhân vật độc đáo : không chú ý ngoại hình diện mạo chỉ chú ý làm nổi bật bức chân dung tinh thần

- Nhân vật chính được miêu tả qua nhiều điểm nhìn - lọc qua thứ ánh sáng tâm hồn trong trẻo và rực rỡ của các nhân vật phụ khiến nhân vật rạng rỡ hơn, ánh lên nhiều màu sắc hơn. Nhân vật anh thanh niên hiện lên chân thực mà khách quan.

Đề 17

Phần I : (7 điểm)

“Tôi đến gần quả bom...quả bom nằm lạnh lùng trên một bụi cây khô, một đầu vùi xuống đất

Tôi dùng xẻng nhỏ đào đất dưới quả bom. Một tiếng động sắc đến gai người, cửa vào da thịt tôi. Tôi rùng mình và bỗng thấy tại sao mình làm quá chậm.Nhanh lên một tí ! Vỗ quả bom nóng. Một dấu hiệu chẳng lạnh. Hoặc là nóng lên từ bên trong quả bom. Hoặc là mặt trời nung nóng ”

1. Đoạn văn trên trích từ tác phẩm Những ngôi sao xa xôi của tác giả Lê Minh Khuê

- Nội dung của đoạn :

+ Viết về cảm giác, tâm trạng căng thẳng, hành động thận trọng, chính xác của nhân vật Phương Định trong một lần phá bom trên cao điểm

+ Tâm trạng căng thẳng hồi hộp khi phải đối diện với nguy hiểm , khi sự sống và cái chết chỉ cách nhau trong gang tấc.

* Hai tác phẩm thơ viết về người lính trong chương trình Ngữ văn 9 :

- Đồng chí của Chính hữu

- Bài thơ về tiểu đội xe không kính của Phạm Tiến Duật

2. Biện pháp nghệ thuật chính của đoạn :

- Tâm lý của Phương Định khi đang phá bom được miêu tả rất tinh tế đến từng cảm giác, ý nghĩ

- Các chi tiết cụ thể làm hiện lên một thế giới nội tâm phong phú, trong sáng mà chân thực.

- Nhiều câu ngắn thể hiện được sự căng thẳng, hiểm nguy của công việc

3. Viết một đoạn văn kiểu tổng - phân - hợp dài 15 câu về nhân vật chính của tác phẩm trên.

* Đây là câu hỏi trọng điểm để kiểm tra khả năng nhiều mặt :

- Kiến thức cơ bản, cụ thể về nội dung chính của tác phẩm

- Kỹ năng huy động kiến thức, diễn đạt và vận dụng đoạn văn

- Xác định kiến thức cơ bản của câu hỏi yêu cầu cho nội dung phân tích khổ thơ 15 câu

+ Nội dung khái quát : Phương Định - nhân vật chính của tác phẩm là cô thanh niên xung phong có tâm hồn trong sáng, tinh thần dũng cảm dù phải đối mặt với gian khổ và hy sinh nhưng sống hồn nhiên, lạc quan.

+ Các ý cần có :

Phương Định - cô thanh niên xung phong ra đi từ Hà Nội xinh xắn có lý tưởng sống cao đẹp khiến người đọc rất yêu mến

Phương Định để lại ấn tượng đẹp trong lòng độc giả về cô gái thanh niên xung phong dũng cảm, luôn sẵn sàng đối mặt với hiểm nguy để hoàn thành nhiệm vụ.

Phương Định được nhà văn khắc họa với nét đẹp về tâm hồn tươi trẻ trong sáng: giàu mộng mơ, nhạy cảm, hồn nhiên

- Mỗi ý trên triển khai thành 4 câu

- Kết đoạn : 2 câu

- Kết nối các câu thành đoạn và tiến hành sửa chữa để hoàn chỉnh đoạn văn.

Phần II (3điểm)

Trong Bài thơ về tiểu đội xe không kính của Phạm Tiến Duật có câu :

Không có kính, rồi xe không có đèn

1. Hãy chép chính xác 3 câu thơ tiếp nối câu thơ trên.

Bom giạt bom rung kính vỡ đi rồi

Ung dung buồng lái ta ngồi

Nhìn đất, nhìn trời, nhìn thẳng

2. Hoàn cảnh sáng tác bài thơ

- Xem phần II đề 15.

- Bài thơ viết về những chiến sĩ lái xe trên tuyến đường Trường Sơn trong cuộc kháng chiến chống Mỹ vĩ đại của dân tộc ta.

3. Phân tích đoạn thơ trên bằng một đoạn văn diễn dịch dài 12 câu

* Nội dung khái quát của khổ :

Khổ đầu của Bài thơ về tiểu đội xe không kính phản ánh hiện thực khốc liệt của chiến trường vừa làm nổi bật hai hình tượng chính của tác phẩm : những chiếc xe không kính và những chiến sĩ lái xe.

* Những ý chính cần có :

- Những chiếc xe không kính vì bom đạn khốc liệt của chiến tranh mà vẫn băng ra chiến trường

+ Xe không kính của Phạm Tiến Duật là một hình ảnh thực, thực đến trần trụi đã phản ánh sự khốc liệt của hiện thực chiến tranh. “Bom giạt, bom rung” đã phá vỡ kính của xe.

+ Tác giả lý giải sự xuất hiện của những chiếc xe không có kính bằng nguyên nhân rất thực qua giọng điệu thơ thản nhiên gần với văn xuôi

- Những chiến sĩ lái xe xuất hiện với tư thế ung dung, hiên ngang trong buồng lái của những chiếc xe không kính

+ Tư thế, thoải mái “ung dung”, bình thản đến lạ thường

+ Dáng dấp hiên ngang của họ hiện lên qua ánh “nhìn đất, nhìn trời, nhìn thẳng” qua khung cửa xe không còn kính chắn gió. Tác giả đã phát hiện ra nhiều điều thú vị khi lái những chiếc xe không kính. ở đó người lái được tiếp xúc với không gian khoáng đạt của bầu trời với gió mây và cả những cánh chim.

Đề 18

Phần I : (4 điểm)

Truyện Kiều của Nguyễn Du là một kiệt tác văn học của nước nhà.

1. Em hãy cho biết nguồn gốc của tác phẩm và những sáng tạo độc đáo của thi hào Nguyễn Du trong tác phẩm này :

(xem phần I, đề 11)

2. Theo em, chân dung của nhân vật Thuý Kiều đã được tác giả miêu tả:

* Bằng những phép tu từ :

Khắc hoạ chân dung nhân vật bằng bút pháp cổ điển

- Sử dụng những từ ngữ Hán, hình ảnh ước lệ thiên nhiên đẹp như : liễu, hoa, xuân sơn, thu thủy để thể hiện vẻ đẹp của con người
- Nghệ thuật tiểu đối tạo sự cân xứng hài hoà
- Nghệ thuật nhân hoá : hoa ghen, liễu hờn
- Nghiêng về gợi tả tác động qua người đọc: tùy theo trí tưởng tượng và cảm nhận của mỗi người mà hình dung ra vẻ đẹp đôi mắt của Kiều qua qua “làn thu thủy, nét xuân sơn”
- Dùng những điển tích điển cố, thành ngữ

Tuy sử dụng bút pháp ước lệ nhưng chân dung của Thuý Kiều vẫn vẫn hiện lên thật sinh động với vẻ đẹp nhan sắc tâm hồn và trí tuệ hoàn hảo.

* Viết một đoạn văn về nhân vật Thuý Kiều bằng một đoạn văn dài 10 câu.

- Câu mở đoạn chứa nội dung khái quát : Nguyễn Du đã phác hoạ bức chân dung của Thuý Kiều với vẻ đẹp lý tưởng hoàn hảo về cả nhan sắc tài năng và tâm hồn
- Các ý cần có :

Vẻ đẹp nhan sắc của trang tuyệt thế giai nhân : Vẻ đẹp giai nhân của Kiều được gợi tả qua hình ảnh đôi mắt- phần tinh anh của tâm hồn và trí tuệ

+ Làn nước mùa thu dọn sóng từ hình ảnh ước lệ “làn thu thủy” đã gợi tả thật ấn tượng, sống động vẻ đẹp của đôi mắt trong sáng, long lanh, linh hoạt

+ Đôi lông mày thanh tú trên gương mặt trẻ trung tươi tắn lại được gợi lên từ hình ảnh ước lệ “nét xuân sơn”- đỉnh núi mùa xuân

Tài năng của Kiều đạt tới mức lý tưởng theo quan niệm thẩm mỹ phong kiến gồm đủ cả cầm(đàn), kỳ (cờ), thi (thơ) , hoạ (vẽ). Đặc biệt tài đàn đã trở thành “nghề riêng”, sở trường, năng khiếu của nàng.

Kiều còn là cô gái có vẻ đẹp tâm hồn: Cung đàn “bạc mệnh” mà Kiều tự sáng tác là để thể hiện tiếng lòng của một trái tim đa sầu, đa cảm

Chân dung của Thuý Kiều cũng là chân dung mang tính cách, số phận. Vẻ đẹp của Kiều làm cho tạo hoá phải “hờn”, “ghen”, các vẻ đẹp khác phải đố kỵ nên số phận của nàng sẽ éo le, đau khổ.

Phần II (6 điểm)

Chân phải bước tới cha

1. Hãy chép chính xác 8 câu thơ tiếp theo câu thơ trên và cho biết chúng thuộc tác phẩm nào, tác giả là ai ?

Chân trái bước tới mẹ

Một bước chạm tiếng nói

Hai bước tới tiếng cười

Người đồng mình yêu lắm con ơi

Đan lờ cài nan hoa

Vách nhà ken câu hát

Rừng cho hoa

Con đường cho những tấm lòng

Đoạn thơ trên là phần mở đầu của bài thơ Nói với con của Y Phương

2. Giới thiệu về tác giả của bài thơ .

- Y Phương tên khai sinh là Hứa Vĩnh Sước, dân tộc tày, sinh năm 1948, quê ở Trùng Khánh - Cao Bằng

- Thơ của Y Phương thể hiện tâm hồn chân thật, mạnh mẽ và trong sáng, cách tư duy giàu hình ảnh của con người miền núi.

3. Phân tích đoạn thơ đó trong một trang giấy thi . Trong đó có sử dụng hai phép liên kết câu (gạch chân dưới những từ ngữ này).

* Đây là câu hỏi trọng điểm để kiểm tra khả năng nhiều mặt :

- Kiến thức cơ bản tác phẩm, cụ thể, sâu về một đoạn thơ

- Kỹ năng phân tích, diễn đạt và vận dụng đoạn văn

- Xác định kiến thức cơ bản cho nội dung phân tích khổ :

+ Nội dung khái quát : Con lớn lên trong tình thương yêu của cha mẹ, sự đùm bọc của quê hương

+ Các ý cần có :

Con lớn lên từng ngày trong tình yêu thương, trong sự nâng đỡ và mong chờ của cha mẹ

Tác đã giả vờ ra không khí gia đình đầm ấm, quán quýt ngập tràn tình yêu thương và âm thanh tiếng nói cười của con thơ bằng nhịp thơ 2/3, cấu trúc đối xứng, nhiều từ được lấy lại như : chân phải- chân trái; một bước- hai bước; tiếng nói- tiếng cười

Từng bước đi, từng tiếng nói của con đều được cha mẹ chăm chút, mừng vui đón nhận. Con được trưởng thành trong cuộc sống lao động, trong thiên nhiên thơ mộng và nghĩa tình của quê hương

Cuộc sống lao động cần cù, tươi vui của người đồng mình được gợi lên qua những hình đẹp với các thao tác lao động “đan lò cài nan hoa- vách nhà ken câu hát ”.

Rừng núi quê hương thật thơ mộng và nghĩa tình, thiên nhiên ấy đã che chở, đã nuôi dưỡng con người về cả tâm hồn và lối sống

- Mỗi ý trên triển khai thành 5 câu

- Tạo câu theo yêu cầu về ngữ pháp :

+ Dùng phép lặp : Vẻ đẹp tâm hồn của người miền núi (dùng làm chủ ngữ trong hai câu liên tiếp)

+ Phép thế : có thể dùng “nhà thơ” thay thế cho “Y Phương”

- Kết nối các câu thành đoạn và tiến hành sửa chữa để hoàn chỉnh đoạn văn

Đề 19

Phần I : (7 điểm)

1. Bài thơ về tiểu đội xe không kính của Phạm Tiến Duật vốn là một bài thơ. *Vậy có nhất thiết phải dùng từ bài thơ không : nhan đề tác phẩm viết về những người lính lái xe quả cảm trên những chiếc xe không kính của Phạm tiến Duật vẫn cần có hai chữ “bài thơ”

- Bởi hai chữ ấy tạo nên một nhan đề dài là

- Mà còn tạo nên sự tương phản giữa chất thơ với hiện thực trần trụi của chiến tranh từ những chiếc xe biến dạng.
- Thể hiện cách khám hiện thực, phát hiện chất thơ độc đáo của hồn thơ Phạm Tiến Duật.

* Cho biết ý nghĩa nhan đề tác phẩm :

(xem phần đáp cho Câu hỏi tự luận của tác phẩm)

2. Chép lại chính xác hai khổ thơ cuối bài và chỉ ra những biện pháp tu từ mà tác giả sử dụng trong khổ thơ đó :

Bếp Hoàng Cầm ta dựng giữa trời
 Chung bát đĩa nghĩa là gia đình đây
 Vững mắc chông chênh đường xe chạy
 Lại đi, lại đi trời xanh thêm

Không có kính rồi xe không có đèn
 Không có mui xe, thùng xe có xước,
 Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước
 Chỉ cần trong xe có một trái tim

* Các biện pháp tu từ :

- Điệp từ, ngữ : Lại đi, lại đi
- Phép tu từ hoán dụ : có một trái tim
- Hình ảnh tượng trưng : trời xanh thêm

3. Trong Bài thơ về tiểu đội xe không kính, nhà thơ Phạm Tiến Duật đã khắc hoạ được hình tượng người chiến sĩ lái Trường Sơn sôi nổi, hiên ngang, dũng cảm.

Hãy triển khai nội dung trên thành một đoạn văn nghị luận theo kiểu qui nạp có độ dài từ 12 đến 15 câu (sử dụng một câu chứa lời dẫn trực tiếp và một câu bị động - gạch chân chúng).

* Đây là câu hỏi trọng điểm để kiểm tra khả năng nhiều mặt :

- Kiến thức cơ bản về hình tượng nghệ thuật chính của tác phẩm
- Kỹ năng huy động kiến thức, diễn đạt và vận dụng đoạn văn
- Xác định kiến thức cơ bản cho nội dung phân tích khổ :

+ Nội dung khái quát :

+ Các ý cần có :

Những chiến sĩ lái xe dũng cảm, coi thường hiểm nguy

+ Nói đến khó khăn gian khổ bằng giọng điệu ngang tàng, sẵn sàng chấp nhận tất cả :
không có kính ừ thì có bụi

+ Nói đến công việc gian khó trên những chiếc xe không kính bằng giọng than thiên :
chưa cần thay lái trăm cây số nữa

Những chiến sĩ lái xe sôi nổi, tinh nghịch, hóm hỉnh luôn chan hoà trong tình đồng đội ,
đồng chí

+ Nguy hiểm vì phải đối mặt với bom đạn, gian khổ vì phải lái những chiếc xe không
kính nhưng những chiến sĩ trẻ ấy luôn lạc quan

+ Họ tươi cười, sống sôi nổi trẻ trung với nụ cười luôn nở trên môi : nhìn nhau mặt lăm
cười ha ha

Những chiến sĩ lái xe dũng cảm tràn đầy ý chí chiến đấu vì miền Nam

- Mỗi ý trên triển khai thành 4 hoặc 5 câu

- Tạo câu theo yêu cầu về ngữ pháp :

+ Câu chứa lời dẫn trực tiếp : họ luôn vượt qua mọi hiểm nguy với ý nghĩ "Chỉ cần
trong xe..."

+ Câu bị động : Những chiếc xe đã bị bom đạn làm cho biến dạng nhưng vẫn kiên
cường băng ra chiến trường.

- Kết nối các câu thành đoạn và tiến hành sửa chữa để hoàn chỉnh đoạn văn.

Phần II (3đ)

Cho đoạn văn

“Anh không dám nhìn vào mặt con. Trong khi lại nghiêng mặt ra ngoài cửa sổ, anh
ngạc nhiên thấy những cánh hoa bằng lăng càng thắm màu hơn- một màu tím thắm như
bóng tối ” .

1. Đoạn văn trên thuộc tác phẩm :

- Đoạn văn trên trích từ Bến quê của Nguyễn Minh Châu

- Nói về nhân vật Nhĩ trong những ngày cuối đời bị nằm liệt trên giường.

2. Phần văn bản in nghiêng là:

- Thành phần biệt lập trong câu (thành phần phụ chú làm rõ nghĩa cho cụm từ “ càng thắm màu hơn”).

- Nhân vật cảm thấy màu hoa “tím thắm như bóng tối ”

+ “ ...những cánh hoa bằng lăng càng thắm màu hơn- một màu tím thắm như bóng tối ”
là một chi tiết mang ý nghĩa biểu tượng sâu xa.

+ Vì Nhĩ đang trải qua những ngày cuối cùng của đời mình và anh ta cảm nhận rất rõ điều đó nên mới cảm thấy màu hoa “tím thắm như bóng tối ”

3. Trình bày ngắn gọn về nghệ thuật xây dựng tình huống truyện trong tác phẩm này.

(xem phần II, đề 3)

Đề 20

Phần I : (7 điểm)

Người đồng mình thương lắm con ơi

Cao đo nỗi buồn

Xa nuôi chí lớn

1. Chép chính xác 14 câu thơ tiếp theo những câu thơ trên để hoàn chỉnh đoạn thơ (theo văn bản Sách Ngữ văn 9 - Nxb Giáo dục) và cho biết đoạn thơ đó thuộc tác phẩm nào của tác giả nào ?

Dẫu làm sao thì cha vẫn muốn

Sống trên đã không chê đã gập ghềnh

Sống trong thung không chê thung nghèo đói

Sống như sông như suối

Lên thác xuống ghềnh

Không lo cực nhọc

Người đồng mình thô sơ da thịt

Chẳng mấy ai nhỏ bé đâu con

Người đồng mình tự đục đá kê cao quê hương

Còn quê hương thì làm phong tục

Con ơi tuy thô sơ da thịt

Lên đường

Không bao giờ nhỏ bé được

Nghe con.

2. Nội dung chủ đạo của đoạn thơ :

Đoạn thơ gồm hai nội dung

- Thể hiện những phẩm chất cao đẹp của người đồng mình
- Mong ước của người cha qua lời tâm tình với con : người cha muốn truyền cho con lòng tự hào về sức sống mạnh mẽ, bền bỉ, về truyền thống cao đẹp của quê hương và niềm tự tin khi bước vào đời

* Cách thể hiện nội dung rất độc đáo : Lời nói giàu hình ảnh, tư duy cụ thể của người miền núi

- Điệp ngữ, cấu trúc câu
- Nghệ thuật so sánh
- Dùng từ tương phản, tục ngữ

3. Viết một đoạn văn theo kiểu tổng - phân - hợp trình bày cảm nhận của em về phẩm chất của người “đồng mình” có độ dài từ 10 đến 12 câu. Trong đó có sử dụng một câu ghép và một câu cảm (gạch chân các câu đó).

* Đây là câu hỏi trọng điểm để kiểm tra khả năng nhiều mặt :

- Kiến thức cơ bản về một trong những nội dung chính của tác phẩm
- Kỹ năng huy động kiến thức, diễn đạt và vận dụng đoạn văn
- Xác định kiến thức cơ bản cho đoạn văn

+ Nội dung khái quát : Người đồng mình - người miền núi có những phẩm chất đặc trưng cao đẹp

+ Các ý cần có :

Người đồng mình sống vất vả trên núi rừng (cao đo nỗi buồn; Xa nuôi chí lớn) nhưng vô cùng mạnh mẽ

Người đồng mình là những con người kiên trì, thủy chung bền bỉ gắn bó với quê hương dầu quê hương còn cực nhọc, đói nghèo (không chê đá gập ghềnh; không chê thung nghèo đói).

Người đồng mình chân chất, hiền lành, mà có tâm hồn khoáng đạt (sông như sông như suối)

Người đồng mình chân thật, mộc mạc giàu ý chí và niềm tin không hề nhỏ bé về tâm hồn, sẵn sàng đối mặt với muôn vàn khó khăn, thử thách của sống để xây dựng quê hương (Lên thác xuống ghềnh không lo cực nhọc).

Người miền núi lao động cần cù và giàu sức sáng tạo với khát vọng sống tự lập (Tự đục đá kê cao quê hương).

- Mỗi ý trên triển khai thành 2 câu

- Tạo câu theo yêu cầu về ngữ pháp :

+ Câu ghép : khẳng định về phẩm của người đồng mình bằng câu ghép có cặp quan hệ từ “ Không những...mà còn ...”

+ Câu cảm : bộc lộ cảm xúc của người viết về khát vọng của người cha hoặc về tình cảm của mình đối với người miền núi qua thơ của Y Phương.

- Kết nối các câu thành đoạn và tiến hành sửa chữa để hoàn chỉnh đoạn văn.

Phần II (3đ)

Truyện ngắn Bến quê của Nguyễn Minh Châu

4Cũng cè : Khi qu,t néi dung bùi hắc.

5. HDVN: Hắc n³/₄m lÝ thuyỐt, họpn thụnհ c,c bùi tỄp

CHUYÊN ĐỀ III:

ÔN TẬP TRUYỆN VIỆT NAM HIỆN ĐẠI.

BÀI 1: LÀNG.

Các câu hỏi và bài tập ôn Đ/C:

C©u 18 (Tr 60)

Tầm t³/₄t néi dung ®o'n trÝch “ Lụng” cñả Kim L©n (kho¶ng 10 c©u)

Đoạn văn:

Nhân vật ông Hai tiêu biểu cho những người nông dân thời kì đầu kháng chiến chống Pháp có sự chuyển biến mới trong nhận thức và tình cảm: tình yêu làng quê gắn bó với tình yêu đất nước và tinh thần chiến đấu chống xâm lăng. Ông Hai là người làng Chợ Dầu ở Bắc Ninh. Ông tự hào, kiêu hãnh về cái làng Chợ Dầu quê ông - cái gì cũng hơn hẳn các làng khác. Ông mắc tật “khoe làng” với mọi người. Theo lệnh của uỷ ban kháng chiến, ông Hai phải đưa vợ con đi tản cư, tránh những cuộc càn quét bất ngờ của giặc Pháp. Ở nơi tản cư, ông luôn nhớ tới làng, mong muốn được trở về cùng du kích lập làng kháng chiến. Nghe tin làng Chợ Dầu làm “Việt gian” theo giặc, ông Hai đau đớn, phần nộ và tủi nhục, không dám gặp ai, nhìn ai. Ông rơi vào tâm trạng đầy mâu thuẫn: vừa yêu thương, vừa căm giận, vừa tin tưởng, vừa ngờ vực. Được chủ tịch xã thông báo dân làng Chợ Dầu vẫn bền gan chiến đấu chống Pháp, ông Hai vui mừng khôn xiết, lại hớn hờ đi khắp nơi cải chính tin đồn thất thiệt và hết lời ca ngợi dân làng Chợ Dầu yêu nước. Ông Hai đã buồn vui, sướng khổ, đã kiêu hãnh tự hào về làng Chợ Dầu quê hương ông. Đó chính là vẻ đẹp mới trong tâm hồn người nông dân thời kì kháng chiến chống pháp đã được nhà văn Kim Lân khám phá và thể hiện rất thành công.

Câu 19 (Tr 60)

Tình huống cơ bản của truyện làng:

+ Truyện được xây dựng hai tình huống:

- Tình huống thứ nhất: Ông Hai trong truyện lúng lúng, ngại ngùng, ngại nói chuyện với người lạ, ngại đi chợ Dầu theo Tây. Ông Hai nghe tin làng chợ Dầu theo Tây. => Đây là tình huống thắt nút câu chuyện, thử thách lòng yêu làng yêu nước của ông Hai.

- Tình huống thứ hai: Ông Hai nghe tin làng chợ Dầu được cải chính không phải Việt gian theo tây: Đây là tình huống mở nút câu chuyện, khẳng định ông Hai và dân làng chợ Dầu thủy chung với cách mạng với cụ Hồ, với đất nước.

=> Cả hai tình huống đều làm nổi bật tình yêu làng, yêu nước hoà quyện, thống nhất ở nhân vật ông Hai.

Bối cảnh tác phẩm:

Đề 1: Cho đoạn văn sau:

“Cổ ông lão nghẹn ắng hẳn lại, da mặt tê rân rân. Ông lão lặng đi, tưởng như đến không thở được. Một lúc lâu ông mới rặn ẹ ẹ, nuốt một cái gì vướng ở cổ, ông cất tiếng hỏi, giọng lạc hẳn đi:

Liệu có thật không hở bác? Hay là chỉ lại...”

Làng – Kim Lân

a, Trong đoạn văn trên, tác giả sử dụng yếu tố đối thoại, độc thoại hay độc thoại nội tâm?

-> Đoạn văn trên sử dụng yếu tố đối thoại.

b, Truyện ngắn Làng có những tình huống nào?

Nếu ý nghĩa của các tình huống đó.

+ Truyện được xây dựng hai tình huống:

- Tình huống thứ nhất: Ông Hai nghe tin làng chợ Dầu theo Tây. Đây là tình huống thắt nút câu chuyện, thử thách lòng yêu làng yêu nước của ông Hai.

- Tình huống thứ hai: Ông Hai nghe tin làng chợ Dầu được cải chính không phải Việt gian theo tây: Đây là tình huống mở nút câu chuyện, khẳng định ông Hai và dân làng chợ Dầu thủy chung với cách mạng với cụ Hồ, với đất nước.

=> Cả hai tình huống đều làm nổi bật tình yêu làng, yêu nước hoà quyện, thống nhất ở nhân vật ông Hai.

c, Vì sao Kim Lân viết về làng chợ Dầu nhưng lại đặt tên truyện ngắn của mình là làng?

Kim Lân đặt tên truyện là làng mà không đặt làng chợ Dầu vì:

- Làng chợ Dầu là một địa danh, chỉ một ngôi làng cụ thể.

- Làng là danh từ chung chỉ mọi làng quê Việt Nam trên mọi miền đất nước. Nhan đề làng có ý nghĩa rộng lớn hơn, mang tính khai quát hơn. Vì thế những phẩm chất cao đẹp về lòng yêu làng, yêu đất nước của ông Hai là tiêu biểu cho phẩm chất cao đẹp của người nông dân Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống pháp ở làng quê Việt Nam.

d, Viết đoạn văn khoảng 10 câu theo kiểu diễn dịch, nêu cảm nhận về tâm trạng của ông Hai trong đoạn văn trên, có sử dụng thành phần biệt lập (gạch dưới thành phần biệt lập).

Đoạn văn:

Ông Hai có tình yêu làng quê thấm thiết thống nhất với lòng yêu nước và tinh thần kháng chiến. (1) tác giả đặt nhân vật ông Hai vào một tình huống gay cấn để làm bộc lộ sâu sắc tình cảm yêu làng, yêu nước của ông. (2) Tình huống ấy là cái tin làng theo giặc, lập tề mà chính ông nghe được từ mồm những người tản cư dưới xuôi lên. (3) khi nghe tin quá đột ngột ấy, ông Hai sửng sờ. (4) Cổ ông lão nghen ẳng hẳn lại, da mặt tê rân rân. (5) Ông lặng đi, tưởng như đèn không thở được. (6) Khi trấn tĩnh lại được phần nào, ông còn cố chưa tin cái tin ấy. (7) Với giọng ề ề như có cái gì vướng ở cổ, ông hỏi, giọng lạc hẳn đi. (8) Liệu có thật không hở bác, hay là chỉ là... (9) Chỉ vài câu văn ngắn, tác giả đã cụ thể hóa cái sửng sờ, cái ngạc nhiên cao độ đến hốt hoảng, đến nghen ngào, đến khó thở khi nghe cái tin làng chợ Dầu theo tây. (10) Tâm trạng của ông rất xấu, ngượng ngùng, cay đắng, buồn tủi vì ông rất yru làng, tự hào và tin tưởng về làng quê cách mạng của mình.

§Ồ 2: Em hãy chọn một chi tiết đặc sắc thể hiện tình yêu tha thiết làng quê mình của ông Hai trong tác phẩm “*Làng*” của Kim Lân, viết một đoạn văn ngắn phân tích chi tiết đó (sử dụng câu hỏi tu từ cuối đoạn).

Đoạn văn:

“ Tình yêu làng trào dâng như sóng và trở thành một niềm cảm hứng mãnh liệt trong ông Hai. Bằng cách để nhân vật tự kể về mình, nhà văn đã giúp ta hiểu phần nào tâm trạng của ông Hai. Niềm vui sướng của ông khi kể chuyện làng lan sang cả trang sách, len lỏi vào lòng người đọc. Không những vậy, ông còn tự hào về làng mình có những đường hầm, hào liên tiếp, có những ụ giao thông, những buổi tập quân sự của các cụ phụ lão cứu quốc...Điều đó thể hiện một tình cảm sâu kín thấm vào da thịt ông rất giản dị mà cao quý. Tình cảm đó càng được nhân lên gấp bội khi ông nghe tin làng chợ Dầu đi Việt gian: “ **Cổ ông nghen ẳng lại, da mặt ông tê rân**”...Chỉ bằng một chi tiết nhỏ nhưng rất đặc sắc, Kim Lân đã diễn tả thành công sự đau khổ đang giày vò, giằng xé tâm can ông Hai. Nhà văn rất tài tình khi xây dựng, dâng tình tiết truyện lên đến kịch tính, đưa câu chuyện lên đến đỉnh cao mâu thuẫn để bộc lộ đáy sâu tâm hồn ông Hai.

Biết tin sét đánh này, ông nghen ngào, choáng váng, nói không ra lời như một cái gì nuốt không nổi. Suy cho cùng, nỗi đau đớn ấy cũng xuất phát từ tình yêu làng của ông mà ra. Bởi vì yêu làng quá, tin làng quá nên ông mới xấu hổ, tủi hổ khi nghe cái tin ấy.

Tình yêu làng của ông thật cao đẹp, to lớn biết nhường nào?

§Ò 3: Nhan đề của truyện là “Làng” sao không phải là “Làng Dầu” chẳng hạn. Từ nhan đề của truyện, em hiểu gì về chủ đề của tác phẩm?

Gợi ý:

Nhan đề của truyện là “Làng” không phải là “Làng Dầu” vì nếu là “làng Dầu” thì vấn đề mà tác giả đề cập tới chỉ nằm trong phạm vi nhỏ hẹp, cụ thể ở một làng. Dụng ý của tác giả muốn nói tới một vấn đề mang tính phổ biến ở khắp các làng quê, có trong mọi người nông dân. Bởi thế “làng” là nhan đề hợp lý với dụng ý của tác giả. Qua đó ta hiểu chủ đề của truyện: ca ngợi tình yêu làng quê tha thiết của những người nông dân Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp.

Như vậy, nhan đề “làng” vừa nói lên được cái riêng là tình yêu làng của ông Hai, đồng thời qua cái riêng ấy, cũng nói lên được cái chung : tấm lòng yêu nước của những người dân quê đất Việt.

BÀI 2 : LẶNG LẼ SA PA.

Câu hỏi Ôn tập:

Câu 13 (Tr62) Cho đoạn văn: “ Gian khổ nhất là lần ghi và báo cáo về lúc một giờ sáng....không thể nào ngủ lại được”

(Lặng lẽ sa pa – Nguyễn Thành Long)

a) Một câu văn có sử dụng hình ảnh so sánh trong đoạn văn

...Những lúc im lặng lạnh cóng mà lại hùng hực như cháy.

b) - Đoạn văn trên là lời của nhân vật anh thanh niên nói với ông họa sĩ khi anh kể về công việc và cuộc sống của mình.

- Lời tâm sự của anh giúp người đọc hình dung được những khó khăn, gian khổ cả về vật chất và tinh thần. Anh phải làm việc trong một hoàn cảnh khắc nghiệt (phải thức dậy lúc nửa đêm, gió rét, bão tuyết...) phải đối mặt với cuộc sống cô đơn giữa cái im lặng đáng sợ của đất trời, núi rừng.

c) Đoạn văn trên gợi cho em hiểu thêm nhiều về phẩm chất đẹp đẽ về anh thanh niên: Đó là sự hồn nhiên, chân thành, mạnh mẽ giàu nghị lực, tôn trọng và say mê công việc, có tinh thần trách nhiệm cao...

Câu 14 (Tr62)

Hãy phân tích vai trò của ông họa sĩ trong tác phẩm "Lặng lẽ Sa Pa".

Gợi ý:

- Dù không phải là nhân vật chính nhưng ông họa sĩ có vai trò rất quan trọng trong truyện: người kể chuyện đã nhập vào cái nhìn và những ý nghĩ của ông họa sĩ để trần thuật, để quan sát và miêu tả từ cảnh thiên nhiên đến nhân vật chính của truyện. Qua nhân vật này, tác giả muốn gửi gắm những suy nghĩ về con người, về cuộc sống, về nghệ thuật.

- Ông họa sĩ là người nghệ sĩ có tâm hồn nhạy cảm.

+ Ngay từ những lời giới thiệu của bác lái xe về anh thanh niên, ông họa sĩ đã xúc động mạnh khi nhìn thấy người con trai tầm vóc bé nhỏ, nét mặt rạng rỡ từ trên sườn núi

trước mặt chạy lại chỗ xe đỗ”. Sau đó ông lại ngạc nhiên khi thấy anh thanh niên đang hái hoa, cảm động và bị cuốn hút trước sự cởi mở chân thành của anh. Rồi ông lại cảm giác “mình bối rối” khi nghe anh thanh niên kể về công việc. Bằng sự từng trải nghề nghiệp và niềm khao khát của người nghệ sĩ sáng tạo đi tìm đối tượng của nghệ thuật, ông biết mình đang xúc động và bối rối vì đã “bắt gặp một điều thật ra ông vẫn ao ước được biết, một nét thôi đủ khẳng định một tâm hồn, khơi gợi một ý sáng tác, một nét mới đủ là giá trị một chuyến đi dài”. Anh thanh niên là một con người như thế và có thể là nhân vật tương lai trong một tác phẩm của ông.

+ Cảm hứng được khơi gợi đã thôi thúc người họa sĩ sáng tác. Anh thanh niên muốn dành 20 phút để nghe chuyện dưới xuôi. Ông họa sĩ hứa mười ngày nữa trở lại, còn bây giờ ông muốn dành trọn vẹn hai mươi phút ngắn ngủi để hiểu thật kỹ về người thanh niên, về đối tượng mà ông đang định thể hiện trong bức tranh của mình. Ông muốn làm một bức phác họa chân dung về anh thanh niên nhưng làm thế nào “cho người xem hiểu được anh ta, mà không phải hiểu như một ngôi sao xa? Và làm thế nào đặt được chính tấm lòng của nhà họa sĩ vào giữa bức tranh đó? Chao ôi, bắt gặp một con người như anh ta là một cơ hội hãn hữu cho sáng tác, nhưng hoàn thành sáng tác còn là một chặng đường dài”.

+ Ông chấp nhận những thử thách của quá trình sáng tác, đã bắt cảm hứng của mình hiện lên trang giấy: “cũng may mà bằng mấy nét, họa sĩ đã ghi xong lần đầu gương mặt của người thanh niên. Người con trai ấy đáng yêu thật nhưng làm cho ông nhọc quá. Với những điều làm cho người ta suy nghĩ về anh. Và về những điều anh suy nghĩ”

+ Những xúc cảm và suy tư của ông họa sĩ về anh thanh niên và về những vấn đề của nghệ thuật, của đời sống được gợi lên từ câu chuyện của anh thanh niên đã làm cho chân dung nhân vật chính thêm sáng đẹp và tạo nên chiều sâu tư tưởng.

+ Tâm hồn nhạy cảm, mẫn cảm : Ông họa sĩ trong câu chuyện với người thanh niên mặc dù gặp gỡ rất ít phút, chỉ thoáng nghe người thanh niên kể chuyện về công việc của mình, ông cảm nhận ngay được nét đẹp tâm hồn của anh, ông cảm thấy rối bời bởi ông đã bắt gặp điều mà ông vẫn ao ước được biết » - vẻ đẹp tâm hồn cao quý của người thanh niên.

- Là con người từng trải, hiểu đời, hiểu người sâu sắc, gắn bó với hội họa, có nhiều trăn trở về nghề nghiệp, không chịu để khó khăn thuyết phục quyết tâm thể hiện vẻ đẹp có trong cuộc sống.

+ Lòng yêu nghề, say mê với nghề. Dấu ấn nghề nghiệp đã in dấu lên vẻ ngoài của ông

+ Sắp nghỉ hưu vẫn muốn vẽ tranh. ông hiểu vẽ là một công việc gian nan. Ông cảm thấy ngòi bút của mình dường như bất lực trong việc tái hiện lại vẻ đẹp cuộc sống con người. Chỉ có những người thực sự giỏi mới không tự bằng lòng với mình, tự thấy mình phải phấn đấu nhiều hơn nữa.

+ Ông càng xúc động trước những nét đẹp bình dị, đáng quý của anh thanh niên, ông càng khát khao sáng tác. Làm thế nào để phác họa được bức chân dung chàng trai, làm thế nào để người xem phát hiện được, cảm nhận được nét đẹp của anh như ông đang xúc động, làm thế nào để gửi gắm suy tư của ông vào bức tranh đó.

- Là người biết quý trọng lớp trẻ, biết thông cảm với họ

=> Quả thực ta thấy ông là một con người có tâm hồn nhạy cảm, có nhiều suy nghĩ sâu sắc về nghề nghiệp.

Bài 3 : CHIẾC LƯỢC NGÀ.

Câu hái Ở c--ng:

Câu 15 (Tr 62)

Đọc đoạn văn và trả lời câu hỏi:

... Nghe men nó bảo gọi ba vào ăn cơm thì nó lại:

- Thì má cứ kêu đi....

a) Phân tích cấu tạo ngữ pháp và xác định kiểu câu của câu văn sau:

“Me nó / đâm nổi giận quơ đũa bếp dọa đánh, nó / phải gọi nhưng lại nói trống”

CN

VN

CN

VN

-> Là câu ghép đẳng lập.

b) Đoạn văn trên là lời kể của nhân vật bác Ba.

-> Tác dụng của ngôi kể: người kể trực tiếp chứng kiến câu chuyện, làm tăng tính chân thực, sinh động cho câu chuyện; đồng thời làm cho mạch kể tự nhiên, gợi cảm chân thực. Khi cần người kể có thể bày tỏ suy nghĩ hay bình luận về các nhân vật và sự kiện được kể.

c) Nhân vật “nó”, “con bé” trong đoạn văn là bé Thu.

Câu nói “Vô ăn cơm” của nhân vật đã vi phạm phương châm lịch sự. Nguyên nhân dẫn đến sự vi phạm đó là: bé Thu không nhận anh sáu là ba vì có vết sẹo trên mặt cho nên nó kiên quyết không chịu gọi ba cho dù mọi người cố dồn ép em vào đường cùng đi chăng nữa.

Câu 16 (Tr 62)

B»ng lời của nh©n v¸t Thu, h·y viÖt b¸i v¸n kÓ vÒ nh÷ng c¸m xóc, suy nghÖ khi c¸c ®¸c b¸c Ba trao l¸i chiÖc l¸c ng¸ - KØ v¸t của ng-êi cha ®· hi sinh.

(H/S xem g¸i ý Ở c--ng tr 90)

Câu 27 (Tr 72)

Câu v¸n d-íi Ởy cũ mét l¸i sai vÒ ng÷ ph¸p:

“ Trong ®o¸n tr¸ch **Chiếc lược ngà** không chỉ thể hiện tình cảm người cha dành cho con. Qua đoạn trích ấy còn cho ta thấy tình yêu cha thấm thiết của đứa con ngây thơ”.

a, Hãy chỉnh sửa các lỗi về ngữ pháp:

- Sai câu: Câu thiếu ý, chưa hoàn chỉnh nội dung ý nghĩa của câu.

+ Sửa là:

Trong đoạn trích Chiếc lược ngà không chỉ thể hiện tình cảm của người cha dành cho con mà còn cho chúng ta thấy tình yêu cha thấm thiết của đứa con thơ ngây.

b, Nếu câu văn là câu mở đầu cho đoạn văn thì đề tài của đoạn văn đó là gì?

- Đó là đề tài về: Tình yêu cha thấm thiết của bé Thu

c, Viết đoạn văn về đề tài trên sao cho:

- Câu đã sửa là câu mở đoạn

- Thân đoạn: gồm 10 câu (trong đó có sử dụng câu ghép g¸ch chân câu ghép đó).

Đoạn văn:

Trong đoạn trích Chiếc lược ngà không chỉ thể hiện tình cảm của người cha dành cho con mà còn cho chúng ta thấy tình yêu thấm thiết của đứa con thơ ngây. (1) Ba Thu đi kháng chiến tám năm ròng, từ khi sinh ra Thu không gặp ba. (2) Thu chỉ được nhìn thấy ba qua tấm hình chụp chung với má. (3) Trong tâm trí em luôn ghi nhớ và dành

tình cảm cho người ba trong tâm tưởng. (4) Đến khi ba Thu về thăm nhà, do chiến tranh, ba Thu có vết sẹo trên mặt. (5) Bé Thu kiên quyết không nhận ba, không gọi ông sáu một tiếng ba. (6) Ba thu tìm mọi cách gần gũi, làm thân với Thu mong Thu gọi một tiếng ba nhưng bé Thu vẫn lạnh lùng xa lánh, thậm chí còn phản ứng lại kiên quyết khi ba Thu gấp trứng cá cho Thu. (7) Bé Thu luôn yêu ba và chỉ yêu người đàn ông đúng là cha nó như tấm hình kia. (8) Đến khi ông Sáu phải ra đi, Thu mới nhận ông Sáu là ba, do bà ngoại kể nguyên nhân vết sẹo trên mặt ba Thu là do chiến tranh.. lúc này Thu hiểu ra sự thật về cha. (9) Nó khóc thét lên tiếng gọi ba , nhào tới ôm ba, khóc, hôn, hôn ba tới tấp, hôn khắp cơ thể. (10) Tình yêu, nỗi nhớ và cả sự hối hận bùng lên mạnh mẽ, cảm động. Bé thu không chỉ là em bé hồn nhiên, ngây thơ mà còn là em bé có tình yêu thương cha mãnh liệt, một tình yêu mạnh mẽ, dứt khoát, rạch ròi.

Câu 28 (Tr 72)

Sắc Ớn vñ vự tr¶ lờ cỚu hái sau:

(Ớn vñ sgk)

a. PhỚn tÝch ng- ph, p cĩa cỚu vñ:

CỚy l-íc ngu Ớy/ ch-a ch¶i Ớ-íc m, i tấc con, nh-ng nã/ nh- gì rời Ớ-íc phỚn nựo
CN VN

tỚm tr¶ng cĩa anh.

-> Là câu ngép chính phụ.

b. Vì sao cây lược lại có thể “ gỡ rối được phần nào tâm trạng” của anh Sáu?

-> ChiỚc l-íc Ớy lự t×nh c¶m, tỀm lỜng, t×nh yªu th-÷ng mự «ng gời g¾m cho con.

c. Đoạn văn trên đã thể hiện được những tình cảm của con người VN đó là :

- Tình cảm cha con thâm thiết, sâu nặng, thiêng liêng vượt qua mọi khoảng cách của thời gian, không gian ; vượt lên cả thực tại gian khổ, khốc liệt ; bất chấp cả cái chết.

Tình cảm ấy là cội nguồn làm nên sức mạnh của con người VN.

- Tình đồng chí, đồng đội sâu sắc, cảm động : bác Ba đồng cảm, chia sẻ nỗi nhớ con, tình yêu thương con của ông Sáu.

- Tình yêu quê hương, đất nước được thể hiện qua những mất mát, hi sinh của những người lính cầm súng chiến đấu bảo vệ tổ quốc.

d. Chọn một tình cảm nêu ở phần c làm chủ đề để viết đoạn văn diễn đạt theo lối TPH (khoảng 15 câu) có sử dụng một câu ghép quan hệ tương phản.

Bài 4 : BẾN QUÊ

NguyỚn Minh ChỚu

CỚu hỏi theo ỚỒ c-÷ng

Câu 18(tr 63)

Đoạn văn (SGK)

a) **Xác định thành phần biệt lập và gọi tên.**

- Những màu sắc....của đất màu mỡ.

- Cái bờ bãi bên kia sông Hồng...nhà mình

-> Thành phần phụ chú.

b) **Giải thích ý nghĩa nhan đề và giới thiệu ngắn gọn tình huống truyện.**

* **Giải thích nhan đề truyện « Bến quê ».**

- Đặt tên cho truyện ngắn « bến quê », điều ấy vừa bình thường, vừa có gì khác thường. Nó bình thường ở chỗ « Bến quê là nơi sinh hoạt đông vui ở làng quê như bến nước, mái đình, cây đa... ; bến quê còn là nơi bến đậu của con đò quen thuộc, của những con người quê hương đã từng bôn ba đây đó, đã từng trải qua nhiều sóng gió của cuộc đời nay trở về sống những ngày tháng cuối cùng, cảm thấy được che chở và bình yên. Còn khác thường là ở chỗ : cái bến quê ấy, cái bãi bồi bên kia mà nhân vật Nhĩ hướng về chưa hẳn là nơi chôn rau cắt rốn của anh ? Có lẽ đó là quê hương của những người mà anh nhìn thấy : cả một đám khách đợi đò, quê hương của những người đi bộ hay dắt xe đạp, rõ hơn nữa, trong số ấy có « một vài tốp đàn bà đi chợ về đang ngồi kháo chuyện hoặc xỏ tóc ra bắt chấy » đằng kia. Với nhân vật Nhĩ, đây chỉ là một miền tưởng nhớ, một mơ ước xa xôi. Con đò sang bên kia sông cũng là con đò chở niềm ao ước gần gũi mà xa vời của anh. Và con đò đến bến bờ cũng là thực hiện niềm ao ước ấy. Nhan đề truyện cho thấy cách lựa chọn đề tài của tác giả thật dung dị nhưng mang tính biểu tượng sâu sắc. Đó là một đặc điểm nghệ thuật bao trùm của « Bến quê » tạo nên cách hiểu đa dạng và ý nghĩa nhiều tầng của thiên truyện.

* **Tình huống truyện**

Tình huống 1:

- Nhĩ lụm con ng-êi ®· tổng ®i nhiỒu, biỒt nhiỒu chệ. “ kh«ng sắt mét xã xỒnh nạo tr°n tr, i ®Êt”. Nh-ng cuèi ®êi m³/₄c căn bệnh hiểm nghèo khiến Nhĩ hầu như bị liệt toàn thân không thể tự di chuyển. Tất cả mọi sinh hoạt của anh đều phải nhờ vào sự giúp đỡ của người khác mà chủ yếu là của Liên, vợ anh.

Tình huống 2:

- Khi Nhĩ đã phát hiện thấy vẻ đẹp lạ lùng của bãi bồi bên kia sông ngay phía trước cửa sổ nhà anh, nhưng anh biết rằng sẽ không bao giờ có thể được đặt chân lên mảnh đất ấy, dù nó ở rất gần anh, Nhĩ đã nhờ cậu con trai thực hiện giúp mình cái điều khao khát ấy, nhưng rồi cậu ta lại sa ào một đám chơi cờ trên hè phố và có thể lỡ chuyến đò ngang duy nhất trong ngày.

=> Tác dụng : Tạo ra một chuỗi những tình huống nghịch lí như trên, tác giả muốn lưu ý người đọc một nhận thức về cuộc đời : cuộc sống và số phận con người chứa đựng những điều bất thường, những nghịch lí, ngẫu nhiên, vượt ra ngoài những dự định, ước muốn, cả những hiểu biết và toan tính của người ta. Bên cạnh đó, tác giả còn muốn gửi gắm mọi suy ngẫm : trong cuộc đời, người ta hướng đến những điều cao xa mà vô tình không biết đến những vẻ đẹp gần gũi ngay bên cạnh mình.

c) ViỒt ®o°n v°n theo c, ch IỂp luỂn song h×nh tr×nh b×y c¶m nhỂn vỒ h×nh ¶nh “ Bến quê”

Nhà văn Nguyễn Minh Châu đặt nhan đề cho truyện ngắn của mình là “Bến quê”. Bởi vì, đây là hình ảnh xuyên suốt tác phẩm. Nó vừa có ý nghĩa biểu tượng sâu sắc lại vừa có tác dụng liên kết các yếu tố, các hình ảnh trong truyện làm nổi bật chủ đề .

“Bến quê” là những gì gần gũi, thân thương nhất với Nhĩ. Đó là những cảnh hoa bằng lăng đậm sắc với những cánh hoa màu tím thắm; là cái bờ đất lở dốc đứng, có chuyến đò ngang chạy qua mỗi ngày; là cái bãi bồi màu mỡ, tươi tốt nằm phơi mình bên kia sông Hồng; là người vợ hiền thực, đảm đang, ân nghĩa, thủy chung sẵn sàng chịu đựng, hy sinh, dành tất cả tình cảm yêu thương, chăm chút cho anh trong những ngày tháng cuối đời; là bầy trẻ với những ngón tay “chua lòn mùi nước dưa”; là ông lão lảng

giềng sẵn sàng giúp đỡ, hỏi han, động viên anh mỗi ngày... Tất cả là những gì giàu có, đẹp đẽ, thuần phác, cổ sơ nhất của mảnh đất quê hương xứ sở- nơi đã sinh thành ra anh và sẽ đón nhận anh về khi anh nhắm mắt xuôi tay. Đó còn là mái ấm gia đình- điểm tựa để anh cất cánh bay cao đồng thời cũng là nơi nương tựa vững chắc, bình yên của anh trong những ngày tháng cuối đời. Đó là nơi neo đậu bình yên nhất của cuộc đời mỗi con người.

Nhan đề “Bến quê” có ý nghĩa thức tỉnh mọi người sự trân trọng những vẻ đẹp và giá trị bình dị, gần gũi mà đích thực của cuộc sống, của quê hương. Đó cũng là thông điệp mà nhà văn muốn gửi gắm đến bạn đọc được cô đúc qua nhan đề của tác phẩm.

Bổ sung: Tóm tắt truyện « Bến quê » khoảng 5 -6 dòng.

Buổi sáng đầu thu. Nhĩ bị bệnh nặng nằm bên cửa sổ để Liên - vợ anh săn sóc. Anh nghĩ suốt đời mình đã làm vợ khổ. Nhĩ nhìn qua cửa sổ đã phát hiện thấy vẻ đẹp lạ lùng của bãi bồi bên kia sông ngay phía trước cửa sổ nhà anh và trong anh bỗng bùng lên khao khát được đặt chân lên vùng đất ấy, anh cũng biết rằng sẽ không bao giờ thực hiện được điều ấy. Anh sai thằng Tuấn (con trai) thay anh sang bên kia sông chơi loanh quanh một lúc. Chàng trai vâng lời nhưng lại ham vui nên muộn chuyến đò. Bọn trẻ hàng xóm sang giúp anh. Cụ giáo Khuyến ghé vào hỏi thăm. Nhĩ cố sức giơ tay ra ngoài cửa sổ như ra hiệu khẩn thiết cho một người nào đó. Khoát... đều là những nét miêu tả tâm lí vừa tinh tế, vừa nhân đạo của tác giả.

=====

Bài 5 : NHỮNG NGÔI SAO XA XÔI

Câu hỏi «n theo Ôn c--ng:

Câu 17 (tr 63) C[m nhĩn cĩa em vO nh©n vĩt Ph--ng §pnh.

Lê Minh Khuê là nhà văn nữ chuyên viết truyện ngắn. Các tác phẩm của bà thường viết về những chàng trai, cô gái thanh niên xung phong trên tuyến đường Trường Sơn. Bà có tài năng miêu tả tâm lý nhân vật, đặc biệt là tâm lý phụ nữ vô cùng tinh tế. Và tài năng ấy được bà thể hiện rõ nhất trong tác phẩm “Những ngôi sao xa xôi”. Truyện đã ca ngợi vẻ đẹp của ba cô gái thanh niên xung phong đây dũng cảm nhưng cũng rất hồn nhiên, mơ mộng trong cuộc sống chiến đấu đầy gian khổ. Nổi bật nhất chính là Phương Định - một cô gái nhạy cảm, hồn nhiên nhưng rất dũng cảm và có tình yêu thương, gắn bó với đồng đội sâu sắc.

Phương Định – nhân vật chính của truyện *là một cô gái, một nữ sinh Hà Nội thanh lịch, nhạy cảm, hồn nhiên và nhiều mơ mộng*. Cô luôn hoài niệm về một thời học sinh hồn nhiên, vô tư bên mẹ trong căn buồng nhỏ ở một góc phố Hà Nội. Những kỷ niệm hồi nhỏ là động lực chính giúp cô đứng vững trên chiến trường đầy gian khổ và hy sinh. Theo nhận xét của mọi người, Phương Định là một cô gái khá với hai bím tóc dày, tương đối mềm, “cái cổ cao kiêu hãnh như đài hoa loa kèn”. Điểm đặc biệt nhất trên người cô chính là đôi mắt. Đôi mắt ấy được các anh lái xe bảo: “Cô có cái nhìn sao mà xa xăm”. Có thể thấy Phương Định là một cô gái xinh xắn với nhiều hoài niệm về thuở nhỏ. Vào chiến trường được ba năm, quen với khói bom đạn súng, nhưng ẩn hiện trong cô vẫn là nét hồn nhiên, mơ mộng của tuổi trẻ. Cô thích hát, thích làm điệu, thích ngắm

mình trong gương. Đó là những sở thích rất con gái của cô mà hiếm có người nào khi ra chiến trường lại giữ được những tính cách đó. Cô còn là một người kín đáo trong mọi buổi liên hoan. Những lúc thấy các chàng trai, cô gái cùng nhau hát đối đáp, hay chơi các trò chơi, cô đều đứng xa ra một chỗ, khoanh tay trước ngực, môi mím chặt, và mắt nhìn xa xăm. Cô kiêu hãnh về mình khi có nhiều người để ý đến cô. Cô rất yêu mến và cảm phục những người chiến sĩ đang hoạt động trên chiến trường bởi đối với cô, những người mặc quân phục có ngôi sao trên mũ là những người đẹp nhất. Phương Định là một cô gái xinh đẹp, nhạy cảm, hồn nhiên và nhiều mơ mộng. Ở cuối truyện, chỉ một trận mưa đá thôi mà trong cô lại gọi lên nỗi nhớ nhà, nhớ gia đình. Đó chính là sự nhạy cảm, mơ mộng, hồn nhiên trong cô.

Tuy là một cô gái nhạy cảm, lắm ước mơ hoài bão nhưng khi vào chiến trường, cô lại là một cô gái thanh niên xung phong đầy dũng cảm, lạc quan và sẵn sàng hy sinh. Tất cả được tập chung thể hiện rõ nhất trong lần phá bom của cô. Sau khi xác định được vị trí của quả bom chưa nổ, cô cùng đồng đội đã sẵn sàng nhận lệnh và chuẩn bị phá bom. Đến gần quả bom, lúc đầu, Phương Định có vẻ hơi mất bình tĩnh, đi khom người nhưng hình như cảm nhận được ánh mắt mọi người đang dõi theo mình, Phương Định liền đứng thẳng người tiến về phía trước bởi cô biết, các anh không thích cái kiểu đi khom khi có thể cứ đường hoàng mà bước tới. Việc làm ấy đã thể hiện sự dũng cảm cao trong công việc. Trong bầu không khí im lặng chỉ có tiếng xẻng chạm vào đất, thỉnh thoảng lưỡi xẻng sắc nhọn chạm vào quả bom, một tiếng động ghê người, mồ hôi Phương Định túa ra. Quả bom nóng dần lên, không biết là quả bom nóng từ bên trong hay do mặt trời nung nóng? Nỗi sợ lại bắt đầu bao quanh người cô. Nhưng cô vẫn cảm thấy mình làm còn chậm, vì thế nên cô làm nhanh hơn, mặc cho sự sợ hãi vẫn bao quanh người cô. Khi đặt dây và gói thuốc mìn xuống hố bom một cách an toàn, Phương Định chạy nhanh về vị trí ẩn nấp. Bây giờ, cô không còn cảm thấy sợ hãi nữa mà thay vào đó là nỗi sợ khác. Cô sợ khi giật dây mà bom không nổ thì lúc đấy phải làm sao để châm ngòi lần thứ hai? Bao nhiêu câu hỏi được đặt ra trong đầu cô. Tất cả chỉ xoay quanh việc bom có nổ hay không. Đó cũng thể hiện ở cô tinh thần trách nhiệm cao đối với công việc. Tuy phải đối mặt với thần chết, sự sống và cái chết chỉ trong gang tấc nhưng cô lại không sợ mà chỉ sợ nhiệm vụ không được hoàn thành. Nó càng chứng tỏ ở cô tinh thần trách nhiệm, lòng dũng cảm và luôn sẵn sàng hy sinh trong mọi tình huống. Phương Định bắt đầu giật dây, cô chờ đợi tiếng bom nổ. Và thật may là quả bom đã nổ. Cô vui vẻ, mừng rỡ và hạnh phúc bởi công việc đã được hoàn thành tốt đẹp. Ở cô thể hiện là một nữ thanh niên xung phong gan dạ, dũng cảm, có tinh thần trách nhiệm cao đối với công việc, bất chấp khó khăn, gian khổ, sự hy sinh mất mát nhưng Phương Định vẫn luôn lạc quan, sẵn sàng hy sinh trong mọi tình huống.

Không những là một cô thanh niên xung phong dũng cảm, Phương Định còn có tình yêu thương đồng đội sâu sắc. Khi Nho bị thương, Phương Định đã rất lo lắng chạy đến đỡ Nho dậy, lo lắng cho vết thương ở cánh tay Nho. Cô dìu Nho về hang, lấy nước ấm rửa vết thương và băng lại cho Nho thật ân cần, chu đáo và tỉ mỉ để Nho không cảm thấy bị đau. Cô luôn yêu thương và kính trọng chị Thao, xem chị như một người thân trong gia đình. Đối với chị Thao và Nho, cô như một người em, người chị ân cần, chu đáo, luôn quan tâm và chăm sóc cho họ. Bởi với cô, họ như chính thân thể của mình, họ đau thì cô cũng đau. Phương Định là một cô gái có tình yêu thương, gắn bó với đồng đội

sâu sắc.

Tất cả đã làm nên một cô gái nhạy cảm, hồn nhiên đầy mơ mộng, cô là một cô gái thanh niên xung phong đầy dũng cảm, gan dạ với tình yêu và gắn bó với đồng đội sâu sắc, đó chính là Phương Định- ngôi sao sáng chói của tổ trinh sát mặt đường trên nền trời Việt Nam.

Bằng việc sử dụng ngôi kể thứ nhất chân thực, linh hoạt, cốt truyện đơn giản, tình huống truyện hợp lý và việc sử dụng nghệ thuật miêu tả tâm lý nhân vật đặc sắc, “Những ngôi sao xa xôi” đã ca ngợi vẻ đẹp của ba cô gái thanh niên xung phong, đặc biệt là Phương Định với nét hồn nhiên, ngây thơ, trong sáng và đầy mơ mộng nhưng lại là một cô thanh niên xung phong dũng cảm, sâu sắc với đồng đội, gắn bó và yêu thương họ trong mọi hoàn cảnh. Chính cô và thế hệ cô đã làm nên chiến thắng vĩ đại cho dân tộc. Cô tiêu biểu cho thế hệ trẻ Việt Nam thời kỳ kháng chiến chống Mỹ đầy dũng cảm, lạc quan nhưng cũng đầy hồn nhiên, mơ mộng.

C©u 19 (tr 63)

a) Lập dàn ý cho đề bài: so sánh Vẻ đẹp của 3 nhân vật nữ thanh niên xung phong trong truyện " Những ngôi sao xa xôi" của Lê Minh Khuê.

Dàn bài:

1. Mở bài (Nêu những nét chính về tác giả và hoàn cảnh ra đời của tác phẩm)

- Lê Minh Khuê là cây bút nữ chuyên về truyện ngắn. Trong những năm chiến tranh, truyện của Lê Minh Khuê viết về cuộc sống chiến đấu của tuổi trẻ ở tuyến đường Trường Sơn. Sau năm 1975, tác phẩm của nhà văn bám sát những chuyển biến của đời sống xã hội và con người trên con đường đổi mới.

- Truyện " Những ngôi sao xa xôi" ở trong số những tác phẩm đầu tay của Lê Minh Khuê, viết năm 1971, lúc cuộc kháng chiến chống Mỹ của dân tộc đang diễn ra ác liệt.

2. Thân bài

*** Vẻ đẹp chung.**

- Đó là những cô gái tuổi đời còn trẻ. Vì nhiệm vụ giải phóng miền Nam, họ đã không tiếc tuổi xuân chiến đấu, cống hiến cho đất nước.

- Công việc của họ là trinh sát mặt đường gặp nhiều khó khăn nguy hiểm. Họ phải làm việc dưới mưa bom bão đạn, phải phá bom thông đường để những đoàn quân tiến vào giải phóng miền Nam.

- Họ mang lí tưởng chiến đấu để thống nhất Tổ Quốc nên đều giàu tinh thần trách nhiệm, coi thường gian khổ. Mỗi nhân vật có nét tính cách riêng nhưng họ yêu thương, lạc quan, có niềm tin vào tình yêu đất nước.

*** Vẻ đẹp riêng của các cô gái thanh niên xung phong**

+ Nhân vật Phương Định.

- Đây là cô gái Hà Nội trẻ trung yêu đời. Phương Định thích ngắm mình trong gương, là người có ý thức về nhan sắc của mình. Cô có hai bím tóc dày, tương đối mềm, một cái cổ cao, kiêu hãnh như đài hoa loa kèn. Đôi mắt màu nâu, dài dài, hay nheo nheo như chói nắng...

- Phương Định đẹp nhưng không kiêu căng mà có sự thông cảm, hoà nhập. Cô thích hát dân ca quan họ Bắc Ninh, dân ca ý, đặc biệt hát bài Ca Chiu Sa. Cô có tài bịa lời cho những bài hát.

- Phương Định là cô gái dũng cảm. Hành động phá bom của cô cùng đồng đội đã góp phần thông mạch giao thông. Cảnh phá bom vừa hồi hộp, vừa căng thẳng, cho người đọc hình dung cuộc chiến tranh tàn khốc như thế nào nhưng cô vẫn bình tĩnh vì một ngày ít nhất các cô phải phá bom ba lần, đó là chuyện thường tình. Có lúc Phương Định nghĩ đến cái "chết" nhưng một cái chết mờ nhạt, không cụ thể. Còn cái chính liệu mình có nổ, bom có nổ không?

- Phương Định là cô gái dễ thương, hay xúc động. Chứng kiến cảnh trận mưa đá cô nhớ về Hà Nội, nhớ mẹ, nhớ cái cửa sổ, nhớ những ngôi sao, nhớ quảng trường lung linh... Những hoài niệm; kí ức dội lên sâu thẳm càng chứng tỏ sự nhạy cảm trong tâm hồn cô gái Hà Nội mơ mộng, lãng mạn, thật đáng yêu.

+ **Nhân vật Thao**

Đây là cô gái lớn tuổi nhất trong nhóm, là đội trưởng tổ trinh sát mặt đường. ở chị có những nét dễ nhớ ấn tượng. Chị cũng tía tót lông mày nhỏ như cái tăm, cương quyết, mạnh mẽ, táo bạo. Chị không sợ bom đạn, chỉ đạo công việc dứt khoát nhưng lại rất sợ máu và vết.

- Chị yêu thương đồng đội đúng vai trò của người chị cả. Khi Nho bị thương, chị rất lo lắng, săn sóc tận tình từng hớp nước, cốc sữa. Tình đồng đội sưởi ấm tâm hồn những cô gái lúc khó khăn nhất.

- Chị Thao cũng thích hát dù hát sai lời và sai nhạc. Tiếng hát yêu đời, cất lên từ cuộc chiến tranh để khẳng định bản lĩnh, sức mạnh, niềm tin vào lí tưởng của thanh niên thời đại những năm chống Mỹ.

+ **Nhân vật Nho.**

- Nho xuất hiện trong thời điểm quan trọng của câu chuyện. Đó là lúc phá bom, khi ranh giới của sự sống và cái chết gần kề gang tấc. Nho nhỏ nhẹ, dịu dàng, duyên dáng " Trông nó nhẹ mát mẻ như một que kem trắng"

3. Kết luận

- Khẳng định tâm hồn trong sáng sự hồn nhiên và tính cách dũng cảm, lạc quan của các nhân vật nữ thanh niên xung phong trong thời kỳ chống Mỹ cứu nước.

b) Chấn lý trong dựn bụi viỐt mét ②o¹n vñ tæng ph©n híp (kho¶ng 12 c©u)

(H/S tham kh¶o ②o¹n vñ c©u 17 tr 63)

C©u 29 (tr 72)

Gĩ ý:

a) Nh÷ng c©u vñ trªn trÝch trong t,c phÈm “ Nh÷ng ng«i sao xa x«i” của Lª Minh Khuª.

b) “ Chóng t«i” ②-íc nãi tíi trong ②o¹n vñ lụ: 3 c« g,i TNXP: Nho, Thao, P§Đnh.

- C,i c-êi vự lêu ②ĩa gãi ②ã của c,c nh©n vËt thÓ hiÖn vớ ②ñp hản nhiªn trong s,ng, tình thÇn líc quan, yªu cuéc sèng kh«ng sî khã khñ, nguy hiÓm.

c) C©u th¬ trong bụi “ Bụi th¬ vÒ T§XKK” của Ph¹m TiÖn DuËt

“ Nh÷n nhau mÆt lêm c-êi ha ha”

d) **ViỐt ②o¹n vñ**

TruyÖn ng³n “ Nh÷ng ng«i sao xa x«i” lụ mét t,c phÈm hay của n÷ nhự vñ Lª Minh Khuª viỐt vÒ tuæi trř ViỐt Nam thêi kh,ng chiÖn chèo MŨ cøu n-íc. Ba c« g,i thanh niªn xung phong lụ : Ph-÷ng §Đnh, Nho vự chĐ Thao hiÖn lªn vớ vớ ②ñp t©m hản trong s,ng, tÝnh c,ch dòng c¶m hản nhiªn trong cuéc sèng chiÖn ②Êu nhiÒu gian

khả hy sinh nh-ng vến l'c quan y'au @êi. Dĩ hơp c'nh sèng @Çy gian khæ ,c li'Ot, lu'«n ph'i @èi m'Et v'í th'Çn ch'Ot nh-ng hã v'én v--n l'«n to' s,ng nh÷ng ph'Em ch'Et cao @Ñp. Cuéc sèng c'na ba c« g,i ẽ n-i tr'ang @i'Om gi÷a chi'On tr-êng @Çy hi'Om nguy b'ei bom @'n M'U nh-ng c,c c« g,i v'én c'na nh÷ng ni'Om vui c'na tu'æi tr'í. T'Om h'ân hã th'Et tr'í trung, trong s,ng, h'ân nh'i'«n. C,c c« g,i th'Ych ng³/₄m nh'«n nh'au, ng³/₄m nh'«n m'«nh trong g--ng, r'Et m-- m'eng, nhi'Òu -íc m-- h'oi b.o. §Æc bi'Ot, c,c c« r'Et th'Ych h,t, ti'Õng h,t ,t ti'Õng bom. Ti'Õng h,t th'Ó hi'On tinh th'Çn l'c quan y'au @êi. Ti'Õng h,t ca ng'ì @Et n-íc, y'au qu' h--ng, ca ng'ì ch'ñ ngh'Ûa anh h'ing c, ch m'ng. §Æc bi'Ot, trong kh'ãi l'oa c'na chi'On tranh, c,i ch'Ot c'En k'Ò, c,c c« g,i thanh ni'«n xung phong lu'«n gan d', d'ong c'lm, s'½n s'ung @--ng @Çu v'í m'ãi kh' kh'«n, th' th, ch, h'oi th'nh nhi'Om v' ph, bom xu'Et s'¾c. Hã l'p nh÷ng anh h'ing, s'½n s'ung hy sinh v' lý t-êng c, ch m'ng cao @Ñ, chi'On @Eu v' @éc l'Ep t' do c'na d'«n t'éc. Th'«m n÷a, trong kh'ãi l'oa c'na chi'On tranh, t'«nh @ang ch'Y @ang @éi v'én hi'On l'«n th'¾m thi'Ot, keo s--n, @ã l'p t'«nh y'au th--ng ch'«n th'nh s'«u s'¾c thi'ng li'ang cao c' c'na t'«nh @ang ch'Y @ang @éi. Nh- v'ÿy, Ph'Em ch'Et cao @Ñp c'na c,c c« g,i thanh ni'«n xung phong trong t,c ph'Em l'p ti'au bi'Óu cho th'Õ h'Õ tr'í Vi'Ot Nam th'ei ch'eng M'U, cho ch'ñ ngh'Ûa anh h'ing c, ch m'ng th'ei @'i Hã Ch'Y Minh.

C©u 30 (tr 73)

Đọc đoạn văn sau và thực hiện những yêu cầu ở dưới:

"Vắng lặng đến phát sợ. Cây còn lại xo xác. Đất nóng, khói đen vờ từng cụm trong không trung, che đi nhưng gì từ xa. Các anh cao xạ có nhìn thấy chúng tôi không? Chắc cả, các anh ấy có những cái ống nhòm có thể thu cả trái đất vào tầm mắt. Tôi dèn gần qua bom. Cảm thấy có ánh mắt chiến sĩ dõi theo mình, tôi không sợ nữa. Tôi sẽ không đi khom. Các anh ấy không thích cái kiểu đi khom khi có thể cứ đàng hoàng mà bước tới.

Quả bom nằm lạnh lùng trên một bụi cây khô, một đầu vùi xuống đất. Đầu này có vẽ hai hình tròn màu vàng.

Tôi dùng xẻng nhỏ đào đất dưới quả bom. Những hòn sỏi theo tay tôi bay ra hai bên. Thình thoảng lưỡi xẻng chạm vào quả bom. Một tiếng động sắc đến gai người cửa vào da thịt tôi. Tôi rùng mình và bỗng thấy tại sao mình làm quá chậm. Nhanh lên một tí! Vỏ quả bom nóng. Một dấu hiệu chẳng lành. Hoặc là nóng lên từ bên trong quả bom"

(Những ngôi sao xa xôi - Lê Minh Khuê)

a. Nhân vật tôi trong đoạn trích là ai?

- Nhân vật tôi trong đoạn trích là nhân vật Phương Định
- Trong đoạn trích tác giả miêu tả nhân vật Phương Định đang chuẩn bị phá bom nổ chậm

b. Các câu văn trần thuật ngắn gọn trong đoạn trích:

Vắng lặng đến phát sợ. Cây còn lại xơ xác đất nóng... Tôi đến gần quả bom... Tôi sẽ không đi khom.. Đất rắn.. thình thoảng lưỡi xẻng chạm vào quả bom.. Vỏ bom nóng. Một dấu hiệu chẳng lành. Hoặc là nóng lên từ bên trong quả bom.

-> Tác giả Lê Minh Khuê sử dụng một loạt các câu văn trần thuật ngắn gọn làm cho nhịp câu văn trở lên nhanh hơn, gấp hơn, diễn tả không khí ngột ngạt, căng thẳng trên cao điểm sau mỗi trận bom và cảm giác hồi hộp của nhân vật Phương Định khi chuẩn bị phá bom nổ chậm.

c. Viết đoạn văn (từ 8 đến 10 câu) theo kiểu tổng - phân - hợp, phân tích nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật trong đoạn trích. trong đoạn trích có sử dụng một câu ghép chính phụ

*** Đoạn Văn Tham Khảo**

Tác phẩm “ Những ngôi sao xa xôi” của Lê Minh Khuê đã miêu tả tâm lí nhân vật Phương Định trong một lần phá bom rất cụ thể tinh tế. (1) mặc dù đã quen với công việc nguy hiểm này, thậm chí một ngày có thể phá tới năm quả bom, nhưng mỗi lần vẫn là một thử thách với thần kinh cho đến từng cảm giác. (2) Từ khung cảnh và không khí chứa đầy sự căng thẳng đến cảm giác là "Các anh cao xạ" ở bên kia đang dõi theo từng động tác, cử chỉ của mình để rồi lòng dũng cảm của Phương Định như được kích thích bởi sự tự trọng nên yên tâm, không sợ, không đi khom, đằng hoàng mà bước tới. (3) Ở bên quả bom, kẻ sát vùi tở thÇn . Cái im lìm và bất ngờ, từng cảm giác của con người cũng trở lên sắc nhọn hơn. (4) Khi thỉnh thoảng lưỡi xẻng chạm vào quả bom. (5) Một tiếng động sắc đến gai người cứa vào da thịt Phương Định. (6) Phương Định rùng mình. (7) tiếp đó là cảm giác căng thẳng chờ đợi tiếng nổ của quả bom. (8) Tác giả miêu tả diễn biến tâm lí Phương Định rất chân thực, tinh tế, diễn tả được tâm lí hồi hộp, lo lắng, căng thẳng. (9) Mặc dù những cô gái thanh niên xung phong làm nhiệm vụ phá bom rất căng thẳng nguy hiểm nhưng họ vẫn bình tĩnh, tự tin, gan ra, dũng cảm vượt qua mọi thử thách hoàn thành nhiệm vụ của người chiến sĩ cách mạng. (10)

(Câu ghép chính phụ: câu cuối (10)).

*** Bài tập bổ sung**

Câu 1: Tóm tắt truyện: Ba nữ thanh niên xung phong làm thành một tổ trinh sát mặt đường tại một địa điểm trên tuyến đường Trường Sơn. Họ gồm có : hai cô gái rất trẻ là Định và Nho, còn tổ trưởng là chị Thao lớn tuổi hơn một chút. Nhiệm vụ của họ là quan sát địch ném bom, đo khối lượng đất đá phải san lấp do bom địch gây ra, đánh dấu vị trí các trái bom chưa nổ và phá bom. Công việc của họ hết sức nguy hiểm vì luôn phải đối mặt với thần chết trong mỗi lần phá bom và phải làm việc giữa ban ngày dưới bom đạn của quân thù trên một tuyến đường ác liệt. Tuy vậy, họ vẫn lạc quan yêu đời, vẫn có những niềm vui hồn nhiên của tuổi trẻ, những giây phút thanh thản, mơ mộng và đặc biệt họ rất gắn bó, yêu thương nhau trong tình đồng đội, dù mỗi người một cá tính. Cái hang đá dưới chân cao điểm là « ngôi nhà » của họ đã lưu giữ biết bao kỉ niệm đẹp của ba cô gái mở đường trong những tháng ngày gian khổ mà anh hùng của cuộc kháng chiến chống Mỹ.

tác dụng gì trong việc thể hiện nội dung truyện ?

- Truyện được trần thuật từ ngôi thứ nhất và những người kể chuyện cũng là nhân vật chí **Câu 2: Truyện được trần thuật từ nhân vật nào ? Việc chọn vai kể như vậy có nh.** Sự lựa chọn ngôi kể như vậy phù hợp với nội dung tác phẩm và tạo thuận lợi để tác giả miêu tả, biểu hiện thế giới tâm hồn, những cảm xúc và suy nghĩ của nhân vật. Để cho nhân vật là người trong cuộc kể lại thì câu chuyện sẽ thật hơn, cụ thể và sinh động hơn, tạo cho người đọc cảm giác tin vào câu chuyện hơn. Và ở đây, truyện viết về chiến tranh, tất nhiên phải có bom đạn, chiến đấu, hi sinh, nhưng trong truyện này, hiện lên khá rõ là thế giới nội tâm của các cô gái thanh niên xung phong với vẻ đẹp tâm hồn của một thế hệ trẻ thời kháng chiến chống Mỹ. Đó cũng là do cách lựa chñj và kể của tác giả

- nhất là vai kẻ ở đây lại là một cô gái trẻ Hà Nội có cá tính nhiều mộng mơ với những kỉ niệm đẹp của thời thiếu nữ.

Câu 3 : *Viết đoạn văn nêu cảm nhận về Phương Định. (khoảng 12 -> 15 câu)*

Đoạn văn mẫu:

Là con gái Hà Nội vào chiến trường đánh giặc, cô mang theo những kỉ niệm đẹp của một thời học sinh vô tư lự bên người mẹ và những hình ảnh, những kỉ niệm thân thương quá đối với thành phố của cô (1). Ở chiến trường 3 năm, đã quen với những thử thách nguy hiểm, giáp mặt hàng ngày với cái chết, nhưng cô không hề mất đi sự hồn nhiên, trong sáng và những ước mơ về tương lai : nhạy cảm, mơ mộng và thích được hát(2). Cô hồn nhiên đến đáng yêu khi gặp cơn mưa đá trên cao điểm : « *Tôi chạy vào, bỏ trên bàn tay đang xoè ra của Nho mấy viên đá nhỏ. Lại chạy ra, vui thích cuống cuồng. Rồi mưa tạnh, tôi bỗng thần thờ tiếc không nói nổi* »(3). Cùng với trận mưa đá ấy, những kỉ niệm thời thiếu nữ lại trào lên trong cô « xoáy mạnh như sóng » biết bao hình ảnh thân thương của gia đình, thành phố và quê hương (4). Nó vừa là niềm khao khát, vừa làm dịu mát tâm hồn trong hoàn cảnh căng thẳng, khốc liệt của chiến trường (5). Là cô gái xinh đẹp, đầy nữ tính, biết điệu đà làm dáng nhưng lại rất kín đáo, tế nhị, có chiều sâu trong tình cảm và tự trọng về bản thân mình (6). Biết mình được các anh lính để mắt, điều đó khiến cô vui và tự hào nhưng cô không hề tỏ ra vồn vã, sẵn đón, cô luôn kín đáo giữa đám đông : « *đứng ra xa, khoanh tay lại trước ngực và nhìn đi nơi khác, môi mím chặt* » (7). Cô yêu mến đồng đội, đặc biệt là hai người bạn gái cùng tổ, luôn lo lắng sau mỗi lần phá bom : « *Tôi phúi áo, căng mắt nhìn qua khói và chạy theo chị Thao... Chị Thao vấp ngã. Tôi đỡ chị... Tôi moi đất, bẻ Nho đặt lên đùi mình* », rồi chăm sóc đồng đội như một y tá(8). Cô còn yêu mến và cảm phục tất cả những chiến sĩ mà cô gặp trên tuyến đường Trường Sơn (9). Trong suy nghĩ của cô : « *những người đẹp nhất, thông minh, can đảm và cao thượng nhất là những người mặc quân phục có ngôi sao trên mũ* » (10). Cuộc sống chiến đấu đối mặt với kẻ thù hàng ngày, thần Chết luôn đe dọa từng giây phút đã rèn luyện cho cô gái Hà thành đức tính dũng cảm, gan dạ, tự tin để hoàn thành mọi nhiệm vụ (11). Công việc hàng ngày của cô và đồng đội rất nhiều và nguy hiểm : phá bom, ít nhất là 3 quả, có ngày 5 quả », công việc khủng khiếp bóp nghẹt trái tim, nhưng cô nói về chừng ấy công việc gọn gàng, khô khốc, tỉnh nhẹ như không, cô nghĩ về công việc của mình quá giản dị và còn cho là có cái thú riêng : « *có ở đâu như thế này không. Đất bốc khói, không khí bàng hoàng, máy bay đang ầm ỉ xa dần. Thần kinh căng ra như chấu, tim đập bất chấp cả nhịp điệu, chân chạy mà vẫn không biết rằng khắp xung quanh có nhiều quả bom chưa nổ. Có thể nổ bây giờ, có thể chốc nữa. Nhưng nhất định sẽ nổ* » (12). Chiến tranh và đạn bom giặc Mỹ đã làm cô lớn lên, trở thành dũng sĩ mạnh mẽ mà cô không hề biết : « *quen rồi. Một ngày tôi phá bom đến 5 lần. Ngày nào ít : ba lần. Tôi có nghĩ đến cái chết. Nhưng một cái chết mờ nhạt, không cụ thể* » (13). Thế đấy, những cảm xúc, suy nghĩ chân thực của cô đã truyền sang cho người đọc nỗi niềm đồng cảm, yêu mến và sự kính phục (14). Tất cả đã được tác giả kể chân thực, sinh động và tự nhiên qua tâm lí nhân vật ở những sự việc và chi tiết có ý nghĩa trong truyện, và những nét tâm lí này lại được chính nhân vật nói lên qua vai kẻ của mình nên lại càng thấm thía(15).

Câu 4: “ ...Tôi, một quả bom trên đồi. Nho, hai quả bom dưới lòng đường. Chị Thao, một quả bom dưới chân hầm ba - ri - e cũ...”

(Trích Những ngôi sao xa xôi - của LMK)

- a) Những câu văn trên viết về việc gì trong câu chuyện?
- b) Nếu các câu trên viết là: “ Tôi phá một..., Nho phá..., chị Thao...” thì cấu trúc ngữ pháp của câu thay đổi ntn? Vậy cách đặt câu như trong tác phẩm có tác dụng gì đối với việc diễn tả ý và gợi cảm xúc ntn?
- c) Ba cô gái trong đoạn văn trên họ được giới thiệu là những người dũng cảm, tiêu biểu cho thế hệ trẻ VN anh hùng. Hãy viết đoạn văn khoảng 12 câu theo lối lập luận diễn dịch nêu suy nghĩ của em về lòng dũng cảm của tuổi trẻ hiện nay.

Gợi ý:

- a) Những câu văn trên viết về việc các cô gái phân công nhau phá bom nổ chậm.
- b) Nếu viết lại như vậy thì cấu trúc của câu thay đổi:
 - Các câu được viết lại có đủ CN, VN
 - Đặt câu theo nguyên bản thì những câu đó là thiếu VN.

-> Cách đặt câu như tác giả có giá trị biểu cảm cao hơn: thể hiện được tốc độ khẩn trương của công việc cũng như sự chủ động của họ trước thử thách. Đồng thời càng thể hiện rõ hơn công việc nguy hiểm, sự can đảm và lòng dũng cảm của họ.
- c) Trình bày suy nghĩ về lòng dũng cảm của tuổi trẻ hiện nay.
(H/S trình bày được các ý cơ bản sau)
 - Nhận định vấn đề: Lòng dũng cảm là phẩm chất đáng quý trong nhân cách đạo đức của mỗi con người.
 - GT lòng dũng cảm là gì: Là sự quả cảm, kiên cường, ý chí nghị lực cao, dám đương đầu với hoàn cảnh và tình huống khó khăn, không thuận lợi trong c/s.
 - Biểu hiện của lòng dũng cảm:
 - + Trong đoạn trích ngôi sao xa xôi.....
 - + Trong lịch sử dân tộc: Lòng dũng cảm cũng như lòng yêu nước thể hiện đặc biệt, rõ ràng nổi bật khi chiến đấu với kẻ thù của dân tộc, trong cuộc đấu tranh giành độc lập cho tổ quốc.
 - + Trong cuộc sống hàng ngày: Lòng dũng cảm thể hiện qua hành động ý chí vượt qua tình huống khó khăn hiểm nghèo. Lòng dũng cảm có thể là nghị lực vượt qua cám dỗ, thói xấu gặp phải trong đời thường, nhiều khi còn là thể chiến thắng bản thân.
 - Bàn luận về lòng dũng cảm:
 - + Lòng dũng cảm là đức tính quý báu. Người có lòng dũng cảm luôn khẳng định năng lực, phẩm chất của mình, coi đó là nguồn sức mạnh chính giúp con người vững vàng và thành công trong cuộc sống.
 - + Lòng dũng cảm là đức tính cần phải được nuôi dưỡng bằng ý chí, nghị lực vượt qua các tình huống, hoàn cảnh khó khăn, bão táp thường gặp trong cuộc sống, học tập, rèn luyện đạo đức của tuổi trẻ.
 - + Bên cạnh đó vẫn còn một người sống thiếu ý chí, nghị lực, còn sợ hãi...-> khó thành công trong cuộc sống.
 - Bài học nhận thức;
 - + Lòng dũng cảm rất cần thiết trong cuộc sống hiện nay. Xã hội cần những người có lòng dũng cảm để giúp đất nước phát triển, văn minh hơn.
 - + Liên hệ.....

h lệ được tinh thần yêu nước, ý chí chiến đấu của tướng sĩ. Đồng thời cũng là qu

CHUYÊN ĐỀ IV:

ÔN TẬP TRUYỆN TRUNG ĐẠI VIỆT NAM.

BÀI 1: CHUYỆN NGƯỜI CON GAI NAM XƯƠNG.

Các câu hỏi và bài tập ôn Đ/C:

Câu 1 (Tr56)

a) Giải thích nhan đề: Truyền kỳ mạn lục:

Truyện kỳ: Tên một thể loại văn học mang tính truyền miệng trong dân gian, thể loại truyện kỳ (thuật ngữ văn học rất quan trọng)

Mạn: tản mạn

Lục: ghi chép

=> Truyện kỳ mạn lục: Ghi chép về những truyện truyền kỳ của dân gian.

Nhưng không chỉ là ghi chép mà nhiều nhà nghiên cứu khẳng định đây là một trong những tập truyện ngắn đầu tiên của VN.

b) Thể hiện phẩm chất cao đẹp:

- Trọng ân nghĩa, sống thủy chung.
- Gắn bó sâu nặng với gia đình, với cuộc đời trần thế.
- Bao dung, vị tha.

c) Tại sao Vũ Nương lại không trở về trần thế:

- Vũ Nương nói sẽ trở về khi Trương lập đàn giải oan vì nàng khao khát được phục hồi danh dự, mong được chồng chiêu tuyết cho nỗi oan khuất của mình.
- Nhưng cuối cùng nàng lại không trở về vì nàng chẳng còn gì để trở về. Đàn giải oan chỉ là một chút an ủi cho người bạc phận chứ không thể làm sống lại tình xưa. Sự dứt áo ra đi của Vũ Nương biểu hiện thái độ phủ định cõi trần thế với cái xã hội bất công đương thời, cái xã hội mà ở đó người phụ nữ không thể có hạnh phúc.

d) Đáp án cho đúng: 4.

Câu 2 (Tr56) Tóm tắt nội dung tác phẩm: Chuyện bằng đoạn văn 15 câu:

Vũ Thị Thiết quê ở Nam Xương là người con gái thủy mị nét na, xinh đẹp được Trương Sinh cưới về làm vợ. Trương Sinh là con nhà khá giả, ít học lại có tính đa nghi. Cuộc sống gia đình đang êm ấm thì chàng Trương phải đi lính. Ở nhà, ít lâu sau, Vũ Nương sinh con trai và đặt tên là Đản. Bà mẹ Trương Sinh vì nhớ con mà sinh bệnh, Vũ Nương hết lòng chăm sóc, thuốc thang nhưng bà không qua khỏi. Năm sau, Trương Sinh trở về, bé Đản không chịu nhận chàng là cha mà một mực nói cha Đản buổi tối mới đến. Trương Sinh nghi ngờ vợ, mắng nhiếc, đuổi Vũ Nương đi. Vũ Nương oan ức nên gieo mình xuống sông Hoàng Giang tự vẫn. Một đêm dưới ngọn đèn dầu, bé Đản chỉ bóng Trương Sinh bảo đó là cha. Trương Sinh tỉnh ngộ, thần nỗi oan của vợ nhưng chuyện đã quá muộn. Vũ Nương trầm mình nhưng được các nàng tiên dưới thủy cung cứu sống, nàng ở trong cung điện của Linh Phi. Một lần Linh Phi mở tiệc khoản đãi Phan Lang (người cùng làng với Vũ Nương, là ân nhân của Linh Phi bị chết đuối được Linh Phi cứu sống), trong bữa tiệc, tình cờ Phan Lang nhận ra Vũ Nương. Vũ Nương bày tỏ nỗi oan khuất và nàng nhờ họ Phan gửi cho chồng chiếc thoa vàng làm tin, mong chồng lập đàn giải oan cho mình. Trương Sinh tin lời, lập đàn giải oan cho vợ, Vũ Nương hiện lên giữa dòng sông trong khung cảnh lộng lẫy, rực rỡ cờ hoa. Nhưng nàng chỉ hiện lên trong chốc lát, nói với chồng mấy lời từ biệt “*Xin đa tạ tình chàng, thiếp chẳng thể trở về nhân gian được nữa*” rồi biến mất.

Câu 3 (Tr56)

Các yếu tố kì ảo trong truyện:

- Phan Lang nằm mộng rồi thả rùa.
- Phan Lang gặp nạn, lạc vào động rùa, gặp Linh Phi, được cứu giúp, gặp lại Vũ Nương, được sử giả của Linh Phi rẽ đường nước đưa về dương thế.

- Vũ Nương hiện về trong lễ giải oan trên bến Hoàng Giang giữa lung linh huyền ảo rồi từ từ biến mất đi.

-> Các yếu tố kì ảo được đưa xen kẽ với yếu tố thực có tác dụng:

+ Làm thể hiện vẻ đẹp của Vũ Nương: nặng tình, nặng nghĩa, quan tâm đến chồng con, bao dung, vị tha.

+ Tạo lên một kết thúc phần nào có hậu cho câu chuyện.

+ Thể hiện ước mơ và lẽ công bằng ở đời của nhân dân ta.

+ Làm nổi bật giá trị hiện thực và nhân đạo của tác phẩm.

Câu 1 (Tr60)

“ *Chuyện người con gái Nam Xương*” của Nguyễn Dữ đã xây dựng thành công hình ảnh “ **cái bóng**”. Đây là chi tiết vừa tạo ra mâu thuẫn, xung đột cho truyện (thắt nút) vừa đóng vai trò giải quyết những mâu thuẫn (mở nút), bên cạnh ý nghĩa đó thì đây còn là một chi tiết NT được cài đặt đầy dụng ý. Hình ảnh *cái bóng* tưởng như vô tình, ngẫu nhiên nhưng thực ra là một chi tiết quan trọng của câu chuyện. Cái bóng xuất hiện với Vũ Nương là cách để nàng dỗ dành con, mong muốn bù đắp tình cảm của người cha luôn thiếu vắng trong lòng bé Đản. Đó cũng là cách để người vợ thủy chung ấy nguôi ngoai đi nỗi nhớ chồng. Cái bóng sang với bé Đản thì trở thành người thật – một người đàn ông bí ẩn, hàng đêm đến với mẹ, người cha chưa bao giờ bế bé Đản. Và khi đến tai TS lần thứ nhất thì cái bóng trở thành người đàn ông gian díu với vợ mình, là bằng chứng không thể chối cãi về sự hư hỏng của vợ...đề rồi dẫn đến một kết cục đau lòng. Cũng chính cái bóng ấy khi xuất hiện lần thứ hai – cái bóng của chính chàng Trương đã mở mắt cho chàng về sự thật độc ác do chính chàng gây ra. Cái bóng cũng giải tỏa nỗi oan của VN dù tất cả đã quá muộn. Như vậy “ *cái bóng*” là chi tiết quan trọng góp phần thể hiện nội dung chủ đề của tác phẩm.

Câu 2 (Tr 60)

* Khi nói: *Truyện kết thúc có hậu, thể hiện được ước mong của con người về sự công bằng trong cuộc đời*, bởi vì người nói đã thấy được giá trị nhân đạo, nhân văn của tác phẩm: người tốt dù có gặp bao nhiêu oan khuất, cuối cùng cũng sẽ được minh oan, được trả lại thanh danh và phẩm giá. Cách kết đó mang dáng dấp một kết thúc có hậu của truyện cổ tích.

* Khi nhận xét: *Tính bi kịch của truyện vẫn tiềm ẩn ở ngay trong cái kết lung linh kì ảo*, bởi ý kiến đó xuất phát từ việc nắm bắt giá trị hiện thực của tác phẩm: tuy nhân vật Vũ Nương vẫn được miêu tả với kiếp sống ở chốn thủy cung và sự trở về lung linh kì ảo để thể hiện ước mơ của con người về sự công bằng trong cuộc đời, nhưng tính bi kịch cũng tiềm ẩn ngay từ cái kết này bởi sự trở về và ước mơ hạnh phúc của Vũ Nương mang màu sắc ảo ảnh, hư vô, con người chỉ biết tìm đến cho mình hạnh phúc ở một thế giới không hiện hữu.

-> Hai ý kiến trên tưởng chừng là mâu thuẫn, đối lập nhưng thực chất là bổ sung, soi sáng trong việc khám phá dụng ý nghệ thuật của nhà văn Nguyễn Dữ, nó được xem là hai mặt của một vấn đề.

- Mở rộng và nâng cao vấn đề :

+ Mỗi ý kiến trên đều xuất phát từ một góc nhìn, cách khám phá và tiếp cận ở phần kết của tác phẩm

+ Từ hai ý kiến trên, người đọc sẽ thấy được tài năng nghệ thuật của Nguyễn Dữ trong việc “dồn nén tư tưởng và cảm xúc” ở một cái kết độc đáo.

Kết thúc "chuyện người con gái Nam Xương" của Nguyễn Dữ là một chi tiết kì ảo mang nhiều ý nghĩa. Nếu chuyện chỉ dừng lại ở chi tiết Vũ Nương nhảy xuống bến hoàng giang thì câu chuyện nghiêng về nghệ thuật của thể truyền kì. Ngoài ra chi tiết kì ảo cuối truyện còn đưa con người đến 1 quan niệm nhân sinh sâu sắc. Vũ Nương ăn ở hiền lành nên không chết, nàng được Linh Phi cứu về và sống ở thủy cung. Rồi nàng trở về thắp thoáng giữa dòng nước nói vọng vào "đa tạ tình chàng nhưng thiếp chẳng trở về nhân gian được nữa". Người ăn ở hiền lành sẽ được thần tiên giúp đỡ, chỉ có điều câu chuyện vẫn mang tính bi kịch. Vũ Nương chết, vợ xa chồng, con thơ mất mẹ, gia đình tan vỡ. Vũ Nương dù nhớ quê, nhớ con và tha thứ cho chồng nhưng tại sao nàng không thể trở về? Phải chăng người chết thì không thể trở về? Vũ Nương không chết nhưng nàng không thể trở về sum họp cùng ra đình vì vậy chi tiết kết thúc truyện chỉ làm giảm phần nào bi kịch cho câu chuyện. Văn bản thể hiện rõ tinh thần nhân đạo cao cả của nhà văn đối với số phận bất hạnh của người phụ nữ trong xã hội phong kiến. Chi tiết cuối chuyện cũng nhằm an ủi những con người hiền lành lương thiện "ở hiền gặp lành".

Câu 5 (Tr 61)

Gợi ý:

1. Mở Bài:

- Nhấn mạnh về số phận bất hạnh của người phụ nữ việt nam xưa.
- Giới thiệu hai tác phẩm Chuyện Người con gái nam xương - Nguyễn Dữ và Truyện Kiều - ND).

2. Thân bài:

+ Số phận bi kịch của người phụ nữ xưa:

- Vũ Nương: đau khổ, bất hạnh, oan khuất tài hoa bạc mệnh. Hồng nhan đa truân. (Không được sum họp vợ chồng hạnh phúc, một mình nuôi mẹ già, dạy trẻ, bị chồng nghi oan, phải tìm đến cái chết, vĩnh viễn không thể đoàn tụ với gia đình chồng con...

- Số phận Thuý Kiều: Bị kịch tình yêu, mối tình đầu tan vỡ, phải bán mình chuộc cha, thanh lâu hai lượt thanh y hai lần (Hai lần tự tử, hai lần đi tu, hai lần phải vào lầu xanh, hai lần làm con ớ) quyền sống và quyền hạnh phúc bị cướp đoạt nhiều lần...).

+ Cảm thương xót xa cho cuộc đời của những người phụ nữ xưa. Cảm giận xã hội phong kiến bất công tàn bạo đã trả đũa lên nhân phẩm cuộc đời họ...

- Vẻ đẹp, nhân phẩm của họ:

+ Tài sắc vẹn toàn:

- Chung thủy son sắt (Vũ Thị Thiết)

- Tài sắc hiếu thảo nhân hậu, bao dung khát vọng tự do công lý và chính nghĩa (Thuý Kiều).

3. Kết bài:

- Nêu cảm nhận bản thân. (Xót xa thương cảm) .
- Bày tỏ thái độ không đồng tình, lên án chế độ xã hội phong kiến bất công vô nhân đạo xưa).
- Khẳng định sự ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa hôm nay...

BÀI 2: CHUYỆN CŨ TRONG PHỦ CHÚA TRỊNH

Trích: *Vũ trung tùy bút*- Phạm Đình Hồ”

Tóm tắt kiến thức cơ bản

1. Tác giả: Phạm Đình Hồ (1768- 1839) tục gọi là Chiêu Hồ

- Quê: Đan Loan - Đường An - Tỉnh Hải Dương
- Sự nghiệp: Có nhiều công trình biên soạn, khảo cứu có giá trị đủ các lĩnh vực tất cả đều bằng chữ Hán

2. Tác phẩm "Chuyện cũ trong phủ chúa Trịnh"

- Gồm 88 mẩu chuyện nhỏ bàn về các thứ lễ nghi, phong tục, tập quán, ghi chép những sự việc xảy ra trong xã hội lúc đó. Tác phẩm có giá trị văn chương đặc sắc, cung cấp những tài liệu quý về sử học, địa lí, xã hội học

a. Nội dung

- Thói ăn chơi xa xỉ của chúa Trịnh và các quan lại hầu cận trong phủ chúa Trịnh
- Những thủ đoạn những nhiều dân của bọn quan lại hầu cận
- Tình cảnh của người dân

b. Nghệ thuật

- Các sự việc đưa ra cụ thể, chân thực, khách quan, không xen lời bình của tác giả, có liệt kê và cũng có miêu tả tỉ mỉ, vài sự kiện để khắc hoạ ấn tượng. Cảm xúc của tác giả (*thái độ bất bình, phê phán*) cũng được gửi gắm kín đáo

c. Chủ đề: "*Chuyện cũ trong phủ chúa Trịnh*" phản ánh đời sống xa hoa của vua chúa và sự nhũng nhiễu của quan lại thời Lê - Trịnh

CÁC DẠNG ĐỀ

1. Dạng đề 3 điểm :

Đề 1: Viết đoạn văn từ 10-15 dòng nêu ý nghĩa của đoạn văn sau "*Nhà ta ở phường Hà Khẩu, huyện Thọ Xương, trước nhà Tiền đường có trồng một cây lê, cao vài mươi trượng, lúc nở hoa, trắng xoá thơm lừng; trước nhà trung đường cũng trồng hai cây lựu trắng, lựu đỏ, lúc ra quả trông rất đẹp, bà cung nhân ta sai chặt đi cũng vì có ấy.*"

(Phạm Đình Hồ - *Chuyện cũ trong phủ chúa Trịnh* - Ngữ văn 9 tập 1)

*** Gợi ý :**

a. Mở đoạn:

- Giới thiệu khái quát về tác giả, tác phẩm
- Đoạn văn được trích trong văn bản "*Chuyện cũ trong phủ chúa Trịnh*" - Phạm Đình Hồ - Ngữ văn 9 tập 1

b. Thân đoạn:

- Tác giả kể lại một sự việc đã từng xảy ra ngay tại gia đình mình . Bà mẹ của tác giả đã phải sai chặt đi một cây lê và hai cây lựu quý rất đẹp trong vườn nhà mình để tránh tai hoạ.

- Ý nghĩa: Cách dẫn dắt câu chuyện làm tăng sức thuyết phục cho những chi tiết chân thực mà tác giả đã ghi chép, cách viết phong phú và sinh động. Qua đó cảm xúc của tác giả (*thái độ bất bình, phê phán*) cũng được gửi gắm một cách kín đáo. Sự vật được kể mang tính khách quan.

c. Kết đoạn:

- Thủ đoạn của bọn hoạn quan khiến cho người dân phải tự huỷ bỏ cây quý của nhà mình. Đó là điều hết sức vô lí, bất công

2. Dạng đề 5 hoặc 7 điểm :

Đề 1: *Cảm nhận của em về văn bản "Chuyện cũ trong phủ chúa Trịnh" của Phạm Đình Hổ (Ngữ văn 9- tập 1)*

***Gợi ý :**

1. Mở bài: Giới thiệu chung về tác giả - tác phẩm, khái quát nội dung nghệ thuật của tác phẩm

"*Chuyện cũ trong phủ chúa Trịnh*" phản ánh đời sống xa hoa của vua chúa và sự nhũng nhiễu của quan lại thời Lê - Trịnh

2. Thân bài:

a. Thói ăn chơi xa xỉ của chúa Trịnh

- Xây dựng nhiều cung điện, đình đài ở các nơi để thoả ý
- Thích chơi đèn đuốc, ngắm cảnh đẹp - > Ý thích đó không biết bao nhiêu cho vừa. Vì vậy việc xây dựng đình đài cứ liên miên, hao tài, tốn của
- Những cuộc dạo chơi của chúa ở Tây Hồ được miêu tả tỉ mỉ (diễn ra thường xuyên, tháng ba bốn lần). Huy động rất đông người hầu hạ (*Binh lính dàn hầu vòng quanh bốn mặt hồ mà Tây Hồ rất rộng*)
- Các nội thần, quan hộ giá, nhạc công ... bày đặt nhiều trò giải trí lơ lửng và tốn kém
- Việc tìm thu vật "phụng thủ" thực chất là cưỡng đoạt những của quý trong thiên hạ (*chim quý, thú lạ*) về tô điểm cho nơi ở của chúa.

VD: Miêu tả kĩ, công phu: Đưa một cây đa cổ thụ "từ bên bờ Bắc chở qua sông đem về" phải một cơ binh hàng trăm người mới khiêng nổi

-> Ý nghĩa đoạn văn "*Mỗi khi đêm thanh vắng... biết đó là triệu bất tường*" => Cảm xúc chủ quan của tác giả được bộc lộ, nhất là khi ông xem đó là "triệu bất tường" -> Điềm gở, điềm chẳng lành -> Báo trước sự suy vong tất yếu của một triều đại chỉ biết ăn chơi hưởng lạc.

b. Những thủ đoạn nhũng nhiễu dân của bọn quan lại hầu cận

Thời chúa Trịnh Sâm bọn hoạn quan hầu cận trong phủ chúa rất được sủng ái -> Chúng ý thể nhà chúa mà hoành hành tác oai, tác quái trong nhân dân. Thủ đoạn của chúng là hành động vừa ăn cướp vừa la làng.

c. Tình cảnh của người dân

- Người dân bị cướp tới hai lần, bằng không thì phải tự tay huỷ bỏ của quý của mình. Chính bà mẹ của tác giả đã phải sai chặt đi một cây lê và hai cây lựu quý rất đẹp trong vườn nhà mình để tránh tai hoạ

*** Nghệ thuật:** Cảnh được miêu tả là cảnh thực (*cảnh ở các khu vườn rộng...*)

- Cảm xúc chủ quan của tác giả được bộc lộ khi ông xem đó là "triệu bất tường"
- Các sự việc đưa ra cụ thể, chân thực, khách quan, không xen lời bình của tác giả, có liệt kê và cũng có miêu tả tỉ mỉ vài sự kiện để khắc hoạ ấn tượng. Cảm xúc của tác giả (thái độ bất bình, phê phán) cũng được gửi gắm kín đáo.

3. Kết đoạn

- Suy nghĩ của bản thân về thực trạng của đất nước qua những ghi chép của tác giả.
- Liên hệ thực tế xã hội ngày nay.

BÀI 3 : HOÀNG LÊ NHẤT THỐNG CHÍ

(*Ngô gia văn Phái*)

TÓM TẮT KIẾN THỨC CƠ BẢN:

1. Tác giả:

Ngô gia văn Phái là một nhóm tác giả thuộc dòng họ Ngô Thì ở làng Tả Thanh Oai nay thuộc huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Tây. Trong đó hai tác giả chính là Ngô Thì Chí, Ngô Thì Du làm quan thời Lê Chiêu Thống...

2. Tác phẩm:

a/ **Nội dung:** phản ánh vẻ đẹp hào hùng của người anh hùng dân tộc Nguyễn Huệ trong chiến công đại phá quân Thanh. Sự thảm bại của quân tướng nhà Thanh và bè lũ bán nước Vua tôi nhà Lê.

b/ **Nghệ thuật:**

- Lối văn trần thuật kết hợp miêu tả chân thực, sinh động. Thể loại tiểu thuyết viết theo lối chương hồi. Tất cả các sự kiện lịch sử trên đều được miêu tả một cách cụ thể, sinh động.

- Tác phẩm được viết bằng văn xuôi chữ Hán, có quy mô lớn đạt được những thành công xuất sắc về mặt nghệ thuật, đặc biệt trong những lĩnh vực tiểu thuyết lịch sử.

c/ **Chủ đề:** Phản ánh chân thực vẻ đẹp của người anh hùng dân tộc Nguyễn Huệ với lòng yêu nước, quả cảm, tài trí, nhân cách cao đẹp. Sự hèn nhát, thần phục ngoại bang một cách nhục nhã của quân tướng nhà Thanh và vua tôi nhà Lê.

CÂU HỎI ĐỀ CƯƠNG:

Câu 4 (Tr 57)

a) Đoạn văn trên là lời của nhân vật vua Quang Trung (trong đoạn trích hồi thứ 14, tác phẩm Hoàng Lê nhất thống chí - Ngô gia văn phái)

b) Vua Quang Trung nói với các tướng lĩnh (Ngô Thì Nhậm, Ngô Văn Sở...) ở Tam Điệp, trên đường đưa đại quân ra Bắc đánh đuổi quân xâm lược nhà Thanh.

-> Những lời nói đó thể hiện phẩm chất cao đẹp của vua Quang Trung: Lòng quả cảm, trí tuệ sắc sảo, tự tin, quyết đoán, tầm nhìn xa, rộng, suy nghĩ sâu sắc và đặc biệt là tư tưởng nhân nghĩa.

Câu 5 (Tr 58)

Nội dung lời phủ dụ của vua Quang Trung với binh sĩ:

- Khẳng định chủ quyền của dân tộc ta: lên án, tố cáo hành động xâm lăng phi nghĩa và dã tâm cướp nước của quân Thanh.

- Nhắc lại truyền thống chống giặc ngoại xâm của dân tộc ta.

- Kêu gọi quân sĩ đồng tâm hiệp lực chống lại kẻ thù, bảo vệ đất nước.

- Đề ra kỉ luật nghiêm minh

-> Lời kêu gọi thấu tình đạt lý, khích lệ nghiêm khắc có tác động chấn chỉnh đội ngũ, củng cố sức mạnh của đạo quân

* Đề tham khảo:

Phân tích ngắn gọn hình tượng người anh hùng Nguyễn Huệ ở hồi 14 trong tác phẩm Hoàng Lê nhất thống chí

* Gợi ý

a. Mở bài:

- Giới thiệu khái quát về tác giả và hoàn cảnh ra đời tác phẩm.
- Giới thiệu chung về hình tượng người anh hùng Nguyễn Huệ ở hồi 14.

b. Thân bài:

- *Con người hành động mạnh mẽ, quyết đoán.*
- + Nghe tin giặc chiếm thành Thăng Long, Quang Trung định thân chinh cầm quân đi ngay.
- + Chỉ trong vòng hơn một tháng lên ngôi Hoàng đế, đốc xuất đại binh ra Bắc gặp gỡ người Cống Sỹ ở huyện La Sơn, tuyển mộ quân lính và mở cuộc duyệt binh lớn ở Nghệ An, phủ dụ tướng sỹ, định kế hoạch hành quân, đánh giặc và cả kế hoạch đối phó với nhà Thanh sau chiến thắng.
- *Trí tuệ sáng suốt, nhạy bén.*
- + Sáng suốt trong việc phân tích tình hình thời cuộc và thế tương quan chiến lược giữa ta và địch.
- + Sáng suốt, nhạy bén trong việc xét đoán và dùng người thể hiện qua cách xử trí với các tướng sỹ ở Tam Điệp ...
- *Ý chí quyết chiến, quyết thắng và tầm nhìn xa trông rộng.*
- *Tài dùng binh như thần.*
- + Cuộc hành quân thần tốc của vua Quang Trung làm cho giặc phải kinh ngạc...
- + Vừa hành quân vừa đánh giặc
- *Hình ảnh lẫm liệt trong chiến trận.*
- + Vua Quang Trung thân chinh cầm quân...
- + Đội quân không phải là lính thiện chiến, lại trải qua cuộc hành quân cấp tốc, không có thời gian nghỉ ngơi mà dưới sự lãnh đạo tài tình của Quang Trung trận nào cũng thắng lớn...

c. Kết bài:

- Khẳng định lòng yêu nước, tài trí, mưu lược của người anh hùng Nguyễn Huệ.

BÀI 4 : TRUYỆN KIỀU

(Nguyễn Du)

CÂU HỎI ĐỀ CƯƠNG:

Câu 6 (Tr58)

Viết bài văn ngắn giới thiệu truyện kiều của Nguyễn Du.

- Nguồn gốc : Nguyễn Du sáng tác TK đã dựa vào cốt truyện từ một tác phẩm văn học Trung Quốc “ Kim vân kiều truyện” của tác giả Thanh Tâm Tài Nhân.
- Tác phẩm kể về cuộc đời của TK qua ba giai đoạn.(Gặp gỡ và đính ước; Gia biến và lưu lạc; Đoàn tụ)

TK là một người phụ nữ tài sắc vẹn toàn con gái đầu lòng của một gia đình trung lưu lương thiện. Trong buổi du xuân TK gặp KT, hai người đã chủ động tự do đính ước với nhau. Trong lúc KT về quê chịu tang chú, gia đình Kiều gặp nạn. Kiều bán mình chuộc cha. Kiều bị rơi vào chốn lầu xanh. Kiều được Thúc Sinh chuộc khỏi lầu xanh, bị vợ cả của TS là Hoạn Thư ghen tuông, đày đoạ. Kiều đành phải trốn đến nương nhờ của phật. Sư giác Duyên vô tình gửi nàng cha Bạc Bà - kẻ lừa người như Tú Bà. Kiều rơi vào Lầu

xanh lần 2. Kiều gặp từ Hải và kết duyên với TH, TH đã giúp Kiều báo ân, báo oán. Do mắc lừa HT Hiến, TH bị giết, Kiều phải hầu đàn, hầu rượu cho hắn, rồi bị ép gả cho Viên Thỏ Quan. Đau đớn tủi nhục Kiều trẫm mình xuống sông, được sư Giác Duyên cứu, Kiều nương nhờ cửa Phật lần 2.. Chịu tang chú xong, KT trở lại tìm Kiều, hay tin, KT đau đớn vô cùng. Tuy kết duyên với TV nhưng KT vẫn không thể quên mối tình đầu. Chàng quyết đi tìm Kiều, gặp lại Kiều, nối lại duyên xưa nhưng cả hai cùng nguyện ước “Duyên đôi lứa cũng là duyên bạn bầy”.

- Giá trị ND và NT:

+ Nội dung: - Giá trị hiện thực: (Phản ánh bộ mặt tàn bạo của tầng lớp thống trị và thế lực hắc ám chà đạp lên quyền sống của con người; Phơi bày nỗi khổ đau của những con người bị áp bức, đặc biệt là người phụ nữ)

- Giá trị nhân đạo: Bộc lộ niềm thương cảm sâu sắc trước những khổ đau của con người; (Tố cáo thế lực tàn bạo chà đạp lên quyền sống của những con người lương thiện khiến họ phải điêu đứng, khổ sở; trân trọng đề cao vẻ đẹp, ước mơ và khát vọng chân chính của con người.)

+ Nghệ thuật: - Truyện được coi là đỉnh cao NT của NĐ

- Về ngôn ngữ: Tiếng Việt trong truyện Kiều không chỉ có chức năng biểu cảm mà còn có chức năng thẩm mỹ.

- Khắc họa nhân vật qua phương thức tự sự, MT chỉ bằng vài nét chấm phá, bút pháp ước lệ và tả thực.

-> Truyện Kiều không những có vị trí quan trọng trong lịch sử văn học nước nhà mà còn có vai trò đặc biệt trong đời sống tâm hồn dân tộc.

Câu 7 (Tr58)

a) Điểm giống và khác nhau giữa NT tả cảnh và tả cảnh ngụ tình?

* Giống nhau:

- Dùng TN làm đối tượng miêu tả.

- Người viết đều cần có sự quan sát, có trí tưởng tượng, liên tưởng phong phú.

- MĐ giúp người đọc thấy được cảnh TN hiện lên một cách sống động.

* Khác nhau:

- Tả cảnh: TN làm đối tượng chính -> MĐ gợi lên trong lòng mình hoặc bạn đọc một bức tranh phong cảnh TN cụ thể.

- Tả cảnh ngụ tình: Sử dụng TN làm phương tiện để khám phá, khắc họa thế giới nội tâm nhân vật...

b) Chéo đoạn thơ tả cảnh ngụ tình:

- 6 câu cuối đoạn trích “Cảnh ngầu xuân”

“Tà tàbắc ngang”

- 8 câu cuối trong đoạn trích “Kiều ở lầu ngưng bích”

“Buồn trông.....ngề ngòi”

Câu 8 (Tr58)

a) Em hiểu thế nào là bút pháp ước lệ?

- Sử dụng những tín hiệu thẩm mỹ đã thành quy ước chung của cộng đồng văn chương như: (dùng vẻ đẹp của thiên nhiên để gợi tả vẻ đẹp của con người: Hoa ngọc, trăng, mây, tuyết)

- Lời miêu tả thiên về gợi, chủ yếu tác động đến trí tưởng tượng của người đọc.

- b) Hai câu miêu tả TV: “Vân xem....nở nang”
Hai câu tả TK: “Làn thu thủy.....kém xanh”

Câu 9 (Tr58)

a) Bốn câu thơ trên thuộc trích trong “Kiều ở Lầu Ngưng Bích” -TK của Ndu.
Đoạn trích đó nằm ở phần II của tác phẩm: “Gia biến và lưu lạc”

b) - ... “người tựa cửa hôm mai” được nói đến trong đoạn trích là cha mẹ cuat TK.

- Những suy nghĩ thể hiện vẻ đẹp của Kiều: Lòng hiếu thảo, đức hi sinh.

(Trong tình cảnh cô đơn, bơ vơ của mình khi bị giam lỏng ở lầu Ngưng Bích nhưng lúc nào Kiều cũng nghĩ về cha mẹ, thương cho cha mẹ ngày đêm ngóng tin con; đau xót vì không được sớm hôm chăm sóc cha mẹ lúc tuổi già. Những tình cảm đó cho thấy Kiều luôn gắn bó sâu nặng với gai đình; thủy chung, vị tha trong tình yêu.

Câu 3 (Tr 60)

a) Đoạn thơ trên được trích trong từ văn bản “Kiều ở lầu Ngưng Bích” TK - NĐu

b) Đoạn thơ trên tác giả sử dụng biện pháp điệp từ “Buồn trông”

-> Để diễn tả tâm trạng đau buồn triền miên, chông chênh của TK. Nỗi buồn trong lòng người đã nhuốm vào cảnh vật.

c) Viết đoạn văn phân tích NT miệt tả nội tâm nhân vật (khoảng 1 trang giấy).

H/S nêu được các ý sau:

- Giới thiệu ngắn gọn vị trí, chủ đề khái quát đoạn trích.

- Trong đoạn trích trên tác giả đã sử dụng bút pháp tả cảnh ngụ tình để khám phá thế giới nội tâm của nhân vật.

+ Tất cả các cặp câu lục bát đều được mở đầu bằng điệp từ “Buồn trông” để diễn tả tâm trạng đau buồn triền miên, chông chênh của TK. Nỗi buồn trong lòng người đã nhuốm vào cảnh vật. Nhìn về phía nào, cũng chỉ thấy không gian sóng nước mênh mông, rợn ngợp: cửa bể chiều hôm, ngọn nước mới sa...

+ Trên nền không gian ấy, thấp thoáng con thuyền cô lẻ, cánh ychao nhỏ nhoi, lênh đênh, trôi dạt sẽ không biết sẽ không biết đi đâu, về đâu...ngoài trở về mặt đất cũng chỉ thấy “nội cỏ rầu rầu” ảm đạm, thê lương và nhìn đến hút tầm mắt cũng không thấy gì ngoài những màu cây lá trải ra vô tận. Khung cảnh thiên nhiên phản chiếu cảm giác cô đơn, rợn ngợp trước một thế giới xa lạ, mênh mông, trống vắng.

+ Đặc biệt hình ảnh thiên nhiên hiên dữ dội “gió cuốn mặt duềnh” và âm thanh của tiếng sóng “kêu quanh ghé ngòi” đã diễn tả nỗi lo âu, kinh sợ trước những sóng gió của cuộc đời. Đây là dự cảm của TK về những biến cố đau đớn, kinh hoàng sắp ập tới...Cảnh sắc thiên nhiên đã được “tâm trọng hóa” một cách cao độ.

- Bức tranh TN được miêu tả từ xa đến gần, màu sắc từ nhạt đến đậm, âm thanh từ tĩnh đến động...qua đó, nhà thơ thể hiện được thế giới nội tâm của nhân vật với nhiều cung bậc, sắc thái cảm xúc, với diễn biến chân thực, hợp lí:từ cảm giác cô đơn, lạc lõng đến những lo âu, hãi hùng; từ nỗi nhớ người yêu đến niềm thương xót cha mẹ...

Câu 5 (Tr 61)

Suy nghĩ về thân phận người phụ nữ qua: Chuyện người con gái Nam Xương, TK.

1. Mở Bài:

- Nhấn mạnh về số phận bất hạnh của người phụ nữ việt nam xưa.

- Giới thiệu hai tác phẩm Chuyện Người con gái nam xương- Nguyễn Dữ và Truyện Kiều-ND).

2. Thân bài:

+ Số phận bi kịch của người phụ nữ xưa:

- Vũ Nương: đau khổ, bất hạnh, oan khuất tài hoa bạc mệnh . Hồng nhan đa truân. (Không được sum họp vợ chồng hạnh phúc, một mình nuôi mẹ già, dạy trẻ, bị chồng nghi oan, phải tìm đến cái chết, vĩnh viễn không thể đoàn tụ với gia đình chồng con...

- Số phận Thuý Kiều: Bị kịch tình yêu, mỗi tình đầu tan vỡ, phải bán mình chuộc cha, thanh lâu hai lượt thanh y hai lần (Hai lần tự tử, hai lần đi tu, hai lần phải vào lầu xanh, hai lần làm con ớ) quyền sống và quyền hạnh phúc bị cướp đoạt nhiều lần...).

+ Cảm thương xót xa cho cuộc đời của những người phụ nữ xưa. Cảm giận xã hội phong kiến bất công tàn bạo đã trả đũa lên nhân phẩm cuộc đời họ...

- Vẻ đẹp, nhân phẩm của họ:

+ Tài sắc vẹn toàn:

- Chung thủy son sắt (Vũ Thị Thiết)

- Tài sắc hiếu thảo nhân hậu, bao dung khát vọng tự do công lý và chính nghĩa (Thuý Kiều).

3. Kết bài:

- Nêu cảm nhận bản thân. (Xót xa thương cảm) .

- Bày tỏ thái độ không đồng tình, lên án chế độ xã hội phong kiến bất công vô nhân đạo xưa).

- Khẳng định sự ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa hôm nay...

Câu 14 (Tr 68)

Đoạn trích Chị em Thuy Kiều rất tiêu biểu cho NT tả người của NDU.

a) Chép 8 dòng thơ tả TK, TV:

“ Vân xem trang trọng khác vời

.....

Hoa ghen thua thắm liễu hờn kém xanh”

b) Vì sao tác giả lại chọn MT TV trước TK?

Tác giả miêu tả TV trước là một dụng ý của tác giả, sử dụng NT đòn bẩy (MT vẻ đẹp của Vân để làm nổi bật vẻ đẹp của Kiều). So với Vân, cả về mặt tài lẫn sắc Kiều đều trội hơn. Từ ngữ “ càng” làm ta thấy rõ nét đặc biệt về nhan sắc và tài hoa của nàng Kiều.NT đòn bẩy đã được ND sử dụng một cách tài tình, khéo léo: dùng Vân làm nền, làm chuẩn mực để làm trội hơn vẻ đẹp của Kiều.TK có một vẻ đẹp thật tuyệt diệu: sắc sảo về trí tuệ, mềm mại về nhan sắc, một vẻ đẹp hoàn hảo cố sức lôi cuốn mạnh mẽ cho mọi người.

c) Hai hình ảnh ẩn dụ được sử dụng trong đoạn thơ:

- Khuôn trăng, nét ngài.

- Làn thu thủy, nét xuân sơn.

d) Viết đoạn văn theo lối lập luận quy nạp (12 -> 15 câu) phân tích NT miệt tả ngoại hình nhân vật của Nguyễn Du trong đoạn thơ trên.

* Đoạn văn:

Đoạn thơ trên được trích từ văn bản “Chị em Thúy Kiều” của Nguyễn Du.(1) Với cách miêu tả phong phú đa dạng cùng sử dụng bút pháp ước lệ - lấy vẻ đẹp của thiên nhiên làm nổi bật vẻ đẹp của con người.(2) Nhưng ở mỗi nhân vật nhà thơ lại chọn cách tả khác nhau.(3) Khi miêu tả chân dung của TV nhà thơ tập trung miệt tả ác chi tiết trên khuôn mặt bằng bút pháp ước lệ và phép liệt kê: “khuôn trăng”, “nét ngài”, “hoa cười”, “ngọc thốt”, cách miệt tả thiên về nhan sắc.(4) Chỉ bằng vài nét chấm phá mà TV hiện lên xinh đẹp, thùy mị, đoan trang, phúc hậu và khiêm nhường.(5) Miêu tả Kiều nhà văn sử dụng bút pháp ước lệ và thiên về gợi, tập trung vào một vài chi tiết giàu sức gợi cảm như đôi mắt, nét mày.(6)Đôi mắt của Kiều trong đẹp như làn nước hồ thu, nét lông mày thanh tú mơn mớn như núi mùa xuân “Làn thu thủy, nét xuân sơn”.(7) Gợi tả đôi mắt thôi mà Kiều hiện lên với một vẻ đẹp kiều diễm - vẻ đẹp của một tuyệt thế giai nhân.(8)Đặc tả vẻ đẹp của Kiều nhà thơ không chỉ tập trung làm nổi bật vẻ của sắc và tài mà còn thiên về miêu tả chiều sâu tâm hồn.(9) Tài của Kiều rất phong phú, đa dạng: cầm kì, thi họa, tất cả đều đạt mức lí tưởng.(10)Hơn nữa Kiều còn có trái tim đa sầu, đa cảm, đã sáng tác cả bản nhạc bạc mệnh làm nao lòng người.(11) Cái tài trong NT tả người của Ndu là miêu tả ngoại hình nhân vật mà hiện lên cả vẻ đẹp tính cách, số phận.(12) Vẻ đẹp đoan trang phúc hậu của TV khiến mây thư, tuyết nhường gợi sự liên tưởng và dự cảm về cuộc đời bình yên suôn sẻ đến với nàng.(13) Còn vẻ đẹp sắc sảo, mặn mà khiến hoa ghen, liễu hờn của TK gợi sự liên tưởng về số phận nhiều sóng gió.(14) Chỉ với tám câu thơ lục bát đã cho ta thấy Nguyễn Du là cây bút tài hoa về miêu tả ngoại hình nhân vật.(15)

Câu 15 (Tr 68) Đây là câu văn mở đầu đoạn văn nghị luận trong bài làm của 1 học sinh: *Với TK không những NĐu chỉ gợi tả vẻ đẹp hình thức mà nhà thơ còn nhấn mạnh vẻ đẹp tài năng, tâm hồn.*

Hãy cho biết:

- Đoạn văn trước viết về vẻ đẹp hình thức của Kiều. Đoạn văn chứa câu đó có đề tài là: Vẻ đẹp tài năng, tâm hồn của Kiều.
- Lấy câu văn trên làm câu chủ đề, viết đoạn văn diễn dịch (khoảng 12 câu) chỉ ra ba phép liên kết có sử dụng trong đoạn văn.

* Đoạn Văn:

Với TK không những NĐu chỉ gợi tả vẻ đẹp hình thức mà nhà thơ còn nhấn mạnh vẻ đẹp tài năng, tâm hồn của nàng.(1) Về tài năng Thúy Kiều được coi là người thông minh bẩm sinh “vốn sẵn tính trời”.(2) Nàng có tài: tài làm thơ, tài vẽ đặc biệt là âm nhạc.(3) Không những nàng giỏi nhạc, sáng tác khúc bạc mệnh mà còn giỏi chơi đàn Hồ Cầm.(4) Tài năng của Kiều đạt đến mức thành thạo như nhà nghề ăn đứt thiên hạ: “sắc đành đòi một, tài đành họa hai”.(5) Như vậy về tài kiều có nhiều tài và tài nào cũng đạt đến mức độ cao.(6) Không chỉ vậy, Kiều còn là người giàu tình cảm, tâm hồn đa sầu, đa cảm.(7) Nàng sáng tác “khúc bạc mệnh” làm cho ai nghe cũng thấy cảm động, xót xa.(8) Kiều không chỉ đẹp hình thức mà còn đẹp cả tài năng và tâm hồn, đó là vẻ đẹp sắc sảo mặn mà.(9) Kiều sắc sảo ở tài năng, mặn mà ở tâm hồn.(10) Nhưng vẻ đẹp sắc sảo mặn mà ấy cũng dự báo về số phận cuộc đời Kiều sẽ trầm luân, dâu bể.(11) Điều đó khiến chúng ta cảm nhận thấy Kiều là người phụ nữ hồng nhan, bạc mệnh.(12)

Đoạn văn sử dụng các phép liên kết:

- Phép lặp: TK, nàng.
- Phép thế: Đó, điều đó.
- Phép nối: nhưng.

Câu 16 (Tr 68)

a) So sánh và nêu nhận xét về bức tranh phong cảnh qua hai đoạn thơ?

Hai đoạn thơ cùng miêu tả thời gian của buổi hoàng hôn và không gian của dòng suối với cây cầu nhỏ...Nhưng ở mỗi bức tranh TN lại có một vẻ đẹp riêng phản chiếu nét tâm trạng khác nhau:

- Trong đoạn thơ thứ nhất: Không gian vắng vẻ, đượm buồn: dòng suối lặng lẽ như không trôi chảy; cây cầu nhỏ “ cuối ghềnh bắc ngang” gợi cảm giác cô đơn, lẻ loi...Cảnh sắc TN thấm nỗi buồn khuâng, man mác của hồn người (tiếc tuổi ngày hội vui, một ngày xuân đẹp đã trôi qua; buồn trước buổi chiều tà im vắng.)

- Đoạn thơ thứ hai, sau cuộc gặp gỡ “ Người quốc sắc kẻ thiên tài” cảnh vật có nhiều thay đổi. Hình ảnh cây cầu được tả cận cảnh, không còn nhỏ nhoi, đơn lẻ nữa mà hiện lên giữa khung cảnh hữu tình. Dưới cầu là dòng nước trong trẻo, sóng động như đang reo vui; bên cầu có dáng liễu mùa thu thướt tha, kiêu diễm... cảnh sắc êm đềm thơ mộng, phản chiếu những rung động, bồi hồi, xao xuyến cuat tình yêu chớm nở.

-> Như vậy, hình tượng thiên nhiên trong truyện kiều không chỉ là những bức tranh phong cảnh đẹp mà là phương tiện để nhà thơ khám phá, khắc họa thế giới nội tâm của nhân vật. Đây cũng là một trong những bằng chứng đầy sức thuyết phục về sáng tạo thiên tài của NDu.

b) Viết đoạn văn theo cách lập luận tổng phân hợp (khoảng 12 câu) bàn về NT miêu tả TN của ND trong sáu câu thơ cuối đoạn trích “ Cảnh ngày xuân”.

* Đoạn văn:

Sáu câu thơ trên được trích trong “ Cảnh ngày xuân” TK của Nguyễn Du miêu tả cảnh buổi chiều lúc chị em Thúy Kiều du xuân trở về.(1) Bức tranh buổi chiều được miệt tả với nét dịu dàng, thanh nhẹ, nhuốm màu tâm trạng, buồn khuâng, xao xuyến mà con người thường có sau một cuộc vui và trong một buổi chiều tà.(2) Bức tranh hoàng hôn buổi chiều tà qua ánh nhìn và tâm trạng của nàng Kiều hiện lên trong một không gian xuân thu hẹp, tĩnh lặng hơn.(3) Mọi chuyển động đều hết sức nhẹ nhàng: mặt trời từ từ ngã bóng về tây, bước chân người chậm chậm, thơ thẩn, dòng nước róc rách uốn quanh.(4) Sự nhộn nhịp, rộn ràng của lễ hội không còn nữa.(5) Các từ láy “ tà tà, thơ thẩn, thanh thanh, nao nao” không chỉ biểu đạt sắc thái của cảnh vật mà còn bộc lộ tâm trạng của con người.(6) Dường như có cái gì đó đang mơ hồ xâm lấn, cảnh vật đã nhuốm sắc thái vấn vương, man mác của tâm trạng con người.(7) Ở đây, Nguyễn Du đã sử dụng bút pháp tả cảnh ngụ tình, mượn cảnh vật để diễn tả những dung động tinh tế trong tâm hồn người thiếu nữ.(8) Đó là tâm trạng nuối tiếc, quyến luyến của chị em Thúy Kiều khi phải chia tay với hội xuân.(9) Khung cảnh thiên nhiên cũng theo đó mà nhỏ đi để phù hợp với tâm trạng con người: “ ngọn tiêu khô” - dòng suối nhỏ, phong cảnh thanh thoát, nhịp cầu nhỏ nhỏ lại nằm ở cuối ghềnh phía xa xa.(10) Cảnh và người như có sự tương liên để giao hòa trong bầu không khí buồn khuâng, lưu luyến, khe khẽ sầu lay.(11) Có thể mơ hồ cảm nhận được cảnh vật đang tạo ra dự cảm về những sự việc sắp xảy ra.(12) Qua khổ thơ đã thể hiện tài năng nghệ thuật miêu tả của Nguyễn Du.

BÀI 5 : TRUYỆN LỤC VÂN TIÊN

(Nguyễn Đình Chiểu)

CÂU HỎI ĐỀ CƯƠNG

Câu 10 (Tr 58)

a) Giải thích cụm từ “ Kiến nghĩa bất vi”

-> Thấy việc nghĩa không làm (Cả hai câu thơ ý nói thấy việc nghĩa mà bỏ qua không làm thì không phải là người anh hùng)

b) - Những quan niệm sống được LVT bày tỏ trong đoạn thơ là:

+ Sẵn sàng cứu giúp người hoạn nạn mà không màng tới sự báo đáp.

+ Coi việc nghĩa là bổn phận của người anh hùng.

- Những quan niệm sống ấy thể hiện tính cách hào hiệp, nghĩa khí; tâm hồn nhân hậu, cao thượng của Lục Vân Tiên.

CHUYÊN ĐỀ V:

ÔN TẬP PHẦN VĂN NGHỊ LUẬN.

GỢI Ý CÁC CÂU HỎI ĐỀ CƯƠNG

Câu 1 (Tr 64)

PHẦN I: TRUYỆN TRUNG ĐẠI VIỆT NAM.

BÀI 1: CHUYỆN NGƯỜI CON GAI NAM XƯƠNG.

A. TÓM TẮT KIẾN THỨC CƠ BẢN

1. Tác giả:

- Nguyễn Dữ (chưa rõ năm sinh, năm mất) quê Hải Dương.

- Nguyễn Dữ sống ở thế kỷ XVI, là thời kì triều đình nhà Lê đã bắt đầu khủng hoảng, các tập đoàn pk Lê, Mạc, Trịnh tranh giành quyền lực, gây ra những cuộc nội chiến kéo dài.

- Ông học rộng, tài cao nhưng chỉ làm quan một năm rồi cáo về, sống ẩn dật ở vùng núi Thanh Hóa. Dù vậy qua tác phẩm, ông vẫn tỏ ra quan tâm đến xã hội và con người.

2. Tác phẩm:

- Xuất xứ đoạn trích: "Chuyện người con gái Nam Xương" là truyện thứ 16 trong số 20 truyện của *Truyện kỳ mạn lục*.

- Thể loại: Truyền kì (những truyện kì lạ được lưu truyền) viết bằng chữ Hán

a. Chủ đề.

- “Chuyện người con gái Nam Xương” thể hiện niềm thương cảm đối với số phận oan nghiệt, đồng thời ca ngợi vẻ đẹp truyền thống của người phụ nữ Việt Nam dưới chế độ phong kiến.

b. Tóm tắt “Chuyện người con gái Nam Xương” của Nguyễn Dữ.

Vũ Thị Thiết quê ở Nam Xương là người con gái thùy mị nết na, xinh đẹp được Trương Sinh cưới về làm vợ. Trương Sinh là con nhà khá giả, ít học lại có tính đa nghi. Cuộc sống gia đình đang êm ấm thì chàng Trương phải đi lính. Ở nhà, ít lâu sau, Vũ Nương sinh con trai và đặt tên là Đản. Bà mẹ Trương Sinh vì nhớ con mà sinh bệnh, Vũ Nương hết lòng chăm sóc, thuốc thang nhưng bà không qua khỏi. Năm sau, Trương Sinh trở về, bé Đản không chịu nhận chàng là cha mà một mực nói cha Đản buổi tối mới đến. Trương Sinh nghi ngờ vợ, mắng nhiếc, đuổi Vũ Nương đi. Vũ Nương oan ức nên gieo mình xuống sông Hoàng Giang tự vẫn. Một đêm dưới ngọn đèn dầu, bé Đản chỉ bóng Trương Sinh bảo đó là cha. Trương Sinh tỉnh ngộ, thần nỗi oan của vợ nhưng chuyện đã quá muộn. Vũ Nương trầm mình nhưng được các nàng tiên dưới thủy cung cứu sống, nàng ở trong cung điện của Linh Phi. Một lần Linh Phi mở tiệc khoản đãi Phan Lang (người cùng làng với Vũ Nương, là ân nhân của Linh Phi bị chết đuối được Linh Phi cứu sống), trong bữa tiệc, tình cờ Phan Lang nhận ra Vũ Nương. Vũ Nương bày tỏ nỗi oan khuất và nàng nhờ họ Phan gửi cho chồng chiếc thoa vàng làm tin, mong chồng lập đàn giải oan cho mình. Trương Sinh tin lời, lập đàn giải oan cho vợ, Vũ Nương hiện lên giữa dòng sông trong khung cảnh lộng lẫy, rực rỡ cờ hoa. Nhưng nàng chỉ hiện lên trong chốc lát, nói với chồng mấy lời từ biệt “*Xin đa tạ tình chàng, thiếp chẳng thể trở về nhân gian được nữa*” rồi biến mất.

B. GIÁ TRỊ NỘI DUNG VÀ NGHỆ THUẬT:

1: Giá trị nội dung:

a) Giá trị hiện thực:

- Chuyện phản ánh hiện thực xã hội bất công với chế độ nam quyền, chà đạp lên số phận người phụ nữ (đại diện là nhân vật TS)

- Phản ánh số phận con người chủ yếu qua số phận người phụ nữ chịu nhiều oan khuất và bế tắc.

b) Giá trị nhân đạo:

- Ca ngợi vẻ đẹp của người phụ nữ VN qua nhân vật Vũ Nương.

- Thể hiện niềm cảm thương đối với số phận oan nghiệt của người phụ nữ và ước mơ khát vọng về một cuộc sống công bằng, hạnh phúc cho họ.

- Gián tiếp lên án, tố cáo xã hội PK bất công.

2. Giá trị NT:

- Nghệ thuật dựng truyện.

- Miêu tả nhận vật.
- Sử dụng yếu tố kì ảo làm nổi bật giá trị nhân đạo của tác phẩm.
- Kết hợp phương thức biểu đạt: Tự sự, biểu cảm.

C. CÂU HỎI Đ/C:

Câu 1 (Tr56)

a) Giải thích nhan đề: Truyền kỳ mạn lục:

Truyền kỳ: Tên một thể loại văn học mang tính truyền miệng trong dân gian, thể loại truyền kỳ (thuật ngữ văn học rất quan trọng)

Mạn: tản mạn

Lục: ghi chép

=> Truyền kỳ mạn lục: Ghi chép về những truyện truyền kỳ của dân gian.

Nhưng không chỉ là ghi chép mà nhiều nhà nghiên cứu khẳng định đây là một trong những tập truyện ngắn đầu tiên của VN.

b) Thể hiện phẩm chất cao đẹp:

- Trọng ân nghĩa, sống thủy chung.
- Gắn bó sâu nặng với gia đình, với cuộc đời trần thế.
- Bao dung, vị tha.

c) Tại sao Vũ Nương lại không trở về trần thế:

- Vũ Nương nói sẽ trở về khi Trương lập đàn giải oan vì nàng khao khát được phục hồi danh dự, mong được chồng chiêu tuyết cho nỗi oan khuất của mình.
- Nhưng cuối cùng nàng lại không trở về vì nàng chẳng còn gì để trở về. Đàn giải oan chỉ là một chút an ủi cho người bạc phận chứ không thể làm sống lại tình xưa. Sự dứt áo ra đi của Vũ Nương biểu hiện thái độ phủ định cõi trần thế với cái xã hội bất công đương thời, cái xã hội mà ở đó người phụ nữ không thể có hạnh phúc.

d) Đáp án cho đúng: 4.

Câu 2 (Tr56) Tóm tắt nội dung tác phẩm: Chuyện bằng đoạn văn 15 câu:

Vũ Thị Thiết quê ở Nam Xương là người con gái thủy mị nét na, xinh đẹp được Trương Sinh cưới về làm vợ. Trương Sinh là con nhà khá giả, ít học lại có tính đa nghi. Cuộc sống gia đình đang êm ấm thì chàng Trương phải đi lính. Ở nhà, ít lâu sau, Vũ Nương sinh con trai và đặt tên là Đản. Bà mẹ Trương Sinh vì nhớ con mà sinh bệnh, Vũ Nương hết lòng chăm sóc, thuốc thang nhưng bà không qua khỏi. Năm sau, Trương Sinh trở về, bé Đản không chịu nhận chàng là cha mà một mực nói cha Đản buổi tối mới đến. Trương Sinh nghi ngờ vợ, mắng nhiếc, đuổi Vũ Nương đi. Vũ Nương oan ức nên gieo mình xuống sông Hoàng Giang tự vẫn. Một đêm dưới ngọn đèn dầu, bé Đản chỉ bóng Trương Sinh bảo đó là cha. Trương Sinh tỉnh ngộ, thần nỗi oan của vợ nhưng chuyện đã quá muộn. Vũ Nương trầm mình nhưng được các nàng tiên dưới thủy cung cứu sống, nàng ở trong cung điện của Linh Phi. Một lần Linh Phi mở tiệc khoản đãi Phan Lang (người cùng làng với Vũ Nương, là ân nhân của Linh Phi bị chết đuối được Linh Phi cứu sống), trong bữa tiệc, tình cờ Phan Lang nhận ra Vũ Nương. Vũ Nương bày tỏ nỗi oan khuất và nàng nhờ họ Phan gửi cho chồng chiếc thoa vàng làm tin, mong chồng lập đàn giải oan cho mình. Trương Sinh tin lời, lập đàn giải oan cho vợ, Vũ Nương hiện lên giữa dòng sông trong khung cảnh lộng lẫy, rực rỡ cờ hoa. Nhưng nàng chỉ hiện lên trong chốc lát, nói với chồng mấy lời từ biệt “ *Xin đa tạ tình chàng, thiếp chẳng thể trở về nhân gian được nữa*” rồi biến mất.

Câu 3 (Tr56)

Các yếu tố kì ảo trong truyện:

- Phan Lang nằm mộng rồi thả rùa.
- Phan Lang gặp nạn, lạc vào động rùa, gặp Linh Phi, được cứu giúp, gặp lại Vũ Nương, được sử giả của Linh Phi rẽ đường nước đưa về dương thế.
- Vũ Nương hiện về trong lễ giải oan trên bến Hoàng Giang giữa lung linh huyền ảo rồi từ từ biến mất đi.

-> Các yếu tố kì ảo được đưa xen kẽ với yếu tố thực có tác dụng:

- + Làm thể hiện vẻ đẹp của Vũ Nương: nặng tình, nặng nghĩa, quan tâm đến chồng con, bao dung, vị tha.
- + Tạo lên một kết thúc phần nào có hậu cho câu chuyện.
- + Thể hiện ước mơ và lẽ công bằng ở đời của nhân dân ta.
- + Làm nổi bật giá trị hiện thực và nhân đạo của tác phẩm.

Câu 1(Tr60)

Truyện “ *Chuyện người con gái Nam Xương*” của Nguyễn Dữ đã xây dựng thành công một chi tiết rất quan trọng đó chính là “ **cái bóng**”. “ *Cái bóng*” thắt nút mâu thuẫn, đẩy kịch tính của câu chuyện lên đến cao trào và đỉnh điểm mâu thuẫn. Song cuối cùng chính “ *cái bóng*” cởi nút mâu thuẫn, giải oan cho Vũ Nương. Không có cái bóng sẽ không có sự hiểu lầm, không có oan tình, không có cái chết oan khuất của Vũ Nương. Mặt khác, “ *cái bóng*” ẩn chứa những tình cảm đẹp của Vũ Nương với chồng con. Nàng nhớ chồng thương con nên đã nghĩ ra trò đùa như vậy. Nhưng “ *cái bóng*” đã gây nên nỗi oan tình khiến nàng phải trầm mình xuống dòng sông Hoàng Giang mà chết oan khuất. “ *Cái bóng*” trong lời nói của bé Đản là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến cái chết của Vũ Nương. Qua cái chết của Vũ Nương, người đọc hiểu hơn số phận bi thảm của người phụ nữ trong xã hội xưa, hiểu được chế độ nam quyền độc đoán, bất công, vô nhân đạo. Như vậy “ *cái bóng*” là chi tiết quan trọng góp phần thể hiện nội dung chủ đề của tác phẩm.

Câu 2 (Tr 60)

* Khi nói: *Truyện kết thúc có hậu, thể hiện được ước mong của con người về sự công bằng trong cuộc đời*, bởi vì người nói đã thấy được giá trị nhân đạo, nhân văn của tác phẩm: người tốt dù có gặp bao nhiêu oan khuất, cuối cùng cũng sẽ được minh oan, được trả lại thanh danh và phẩm giá. Cách kết đó mang dáng dấp một kết thúc có hậu của truyện cổ tích.

* Khi nhận xét: *Tính bi kịch của truyện vẫn tiềm ẩn ở ngay trong cái kết lung linh kì ảo*, bởi ý kiến đó xuất phát từ việc nắm bắt giá trị hiện thực của tác phẩm: tuy nhân vật Vũ Nương vẫn được miêu tả với kiếp sống ở chốn thủy cung và sự trở về lung linh kì ảo để thể hiện ước mơ của con người về sự công bằng trong cuộc đời, nhưng tính bi kịch cũng tiềm ẩn ngay từ cái kết này bởi sự trở về và ước mơ hạnh phúc của Vũ Nương mang màu sắc ảo ảnh, hư vô, con người chỉ biết tìm đến cho mình hạnh phúc ở một thế giới không hiện hữu.

-> Hai ý kiến trên tưởng chừng là mâu thuẫn, đối lập nhưng thực chất là bổ sung, soi sáng trong việc khám phá dụng ý nghệ thuật của nhà văn Nguyễn Dữ, nó được xem là hai mặt của một vấn đề.

- Mở rộng và nâng cao vấn đề :

Kết thúc "chuyện người con gái Nam Xương" của Nguyễn Dữ là một chi tiết kì ảo mang nhiều ý nghĩa. Nếu chuyện chỉ dừng lại ở chi tiết Vũ Nương nhảy xuống bên hoàng giang thì câu chuyện nghiêng về nghệ thuật của thể truyền kì. Ngoài ra chi tiết kì ảo cuối truyện còn đưa con người đến 1 quan niệm nhân sinh sâu sắc. Vũ Nương ăn ở hiền lành nên không chết, nàng được Linh Phi cứu về và sống ở thủy cung. Rồi nàng trở về tháp thoảng giữa dòng nước nói vọng vào "đa tạ tình chàng nhưng thiếp chẳng trở về nhân gian được nữa". Người ăn ở hiền lành sẽ được thần tiên giúp đỡ, chỉ có điều câu chuyện vẫn mang tính bi kịch. Vũ Nương chết, vợ xa chồng, con thơ mất mẹ, gia đình tan vỡ. Vũ Nương dù nhớ quê, nhớ con và tha thứ cho chồng nhưng tại sao nàng không thể trở về? Phải chăng người chết thì không thể trở về? Vũ Nương không chết nhưng nàng không thể trở về xum họp cùng ra đình vì vậy chi tiết kết thúc truyện chỉ làm giảm phần nào bi kịch cho câu chuyện. Văn bản thể hiện rõ tinh thần nhân đạo cao cả của nhà văn đối với số phận bất hạnh của người phụ nữ trong xã hội phong kiến. Chi tiết cuối chuyện cũng nhằm an ủi những con người hiền lành lương thiện "ở hiền gặp lành".

Câu 5 (Tr 61)

Gợi ý:

1. Mở Bài:

- Nhấn mạnh về số phận bất hạnh của người phụ nữ việt nam xưa.
- Giới thiệu hai tác phẩm Chuyện Người con gái nam xương - Nguyễn Dữ và Truyện Kiều - ND).

2. Thân bài:

+ Số phận bi kịch của người phụ nữ xưa:

- Vũ Nương: đau khổ, bất hạnh, oan khuất tài hoa bạc mệnh. Hồng nhan đa truân. (Không được sum họp vợ chồng hạnh phúc, một mình nuôi mẹ già, dạy trẻ, bị chồng nghi oan, phải tìm đến cái chết, vĩnh viễn không thể đoàn tụ với gia đình chồng con...

- Số phận Thuý Kiều: Bị kịch tình yêu, mối tình đầu tan vỡ, phải bán mình chuộc cha, thanh lâu hai lượt thanh y hai lần (Hai lần tự tử, hai lần đi tu, hai lần phải vào lầu xanh, hai lần làm con ở) quyền sống và quyền hạnh phúc bị cướp đoạt nhiều lần...).

+ Cảm thương xót xa cho cuộc đời của những người phụ nữ xưa. Cảm giận xã hội phong kiến bất công tàn bạo đã trả đũa lên nhân phẩm cuộc đời họ...

- Vẻ đẹp, nhân phẩm của họ:

+ Tài sắc vẹn toàn:

- Chung thủy son sắt (Vũ Thị Thiết)

- Tài sắc hiểu thảo nhân hậu, bao dung khát vọng tự do công lý và chính nghĩa (Thuý Kiều).

3. Kết bài:

- Nêu cảm nhận bản thân. (Xót xa thương cảm) .
- Bày tỏ thái độ không đồng tình, lên án chế độ xã hội phong kiến bất công vô nhân đạo xưa).
- Khẳng định sự ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa hôm nay...

Bài tập bổ sung:

Bài 1: Qua chuyện người con gái Nam Xương - Nguyễn Dữ

1. Em hiểu gì về thân phận người phụ nữ trong xã hội PK?

2. Nhận xét về cách dẫn dắt tình tiết truyện của tác giả?

* Gợi ý:

1: - Người phụ nữ trong XHPK phải chịu nhiều thiệt thòi, oan khuất: nhười đức hạnh không được bên vực, chở che mà bị đối xử bất công, vô lý; chỉ vì lời nói ngây thơ của con trẻ và sự hồ đồ vũ phu của người chồng ghen tuông mà phải chết trong oan khuất.

- Bi kịch cuộc đời của Vũ Nương là lời tố cáo XHPK xem trọng quyền uy của kẻ giàu và người đàn ông trong gia đình.

2: Các tình tiết trong truyện được dẫn dắt hợp lý mâu thuẫn ngày càng tăng, đẩy đến cao trào. Nỗi oan khuất của Vũ Nương có nhiều nguyên nhân được diễn tả sinh động như một màn kịch ngắn, có tạo tình huống, xung đột, thắt nút, mở nút. Trên cơ sở cốt truyện có sẵn, tác giả đã sắp xếp lại một số tình tiết, tô đậm những tình tiết có ý nghĩa tăng kịch tính cho câu chuyện.

- Trong phần mở đầu nhà văn đã hé mở về cuộc hôn nhân không bình đẳng qua chi tiết TS đem “trăm lạng vàng cưới...”; câu nói của VN “thiếp vốn con nhà kẻ khó, được nương tựa nhà giàu” và tính đa nghi của TS.

- Sau đó chiến tranh diễn ra khiến vợ chồng sống cách xa nhau. Khi trở về tâm trạng TS có phần không vui: “Cha về, bà đã mất, lòng cha buồn khổ lắm”

- Nghe lời nói của con trẻ, khiến tính đa nghi của TS phát triển thêm một bước mới. Từ đó, TS hồ đồ, độc đoán, bỏ ngoài tai lời phân trần của vợ, cũng không nói ra duyên cớ nghi ngờ để vợ có cơ hội minh oan.

- cuối cùng kịch tính đạt đến cao độ, TS mắng nhiếc và đuổi vợ đi, dẫn đến cái chết oan nghiệt của VN.

Bài 2: Bằng sự hiểu biết về tác phẩm CNCGNX của Nguyễn Dữ:

1: Chỉ ra những chi tiết sáng tạo của tác giả trong tác phẩm?

2: Phần cuối của tác phẩm (Kể về cuộc sống nơi cung nước và sự trở về trong chốc lát của VN) không chỉ thể hiện tính chất truyền kỳ mà còn chứa đựng giá trị nghệ thuật, nội dung sâu sắc.

Trình bày suy nghĩ của mình về nội dung trên bằng một đoạn văn dài từ 12 -> 15 câu theo lối tổng - phân - hợp (trong đoạn văn có sử dụng câu phủ định, câu cảm, gach chân)

* Gợi ý:

1: Những chi tiết sáng tạo của tác giả trong tác phẩm:

- Sáng tạo độc đáo từ truyện dân gian trong việc cấu tạo, tô đậm những tình tiết giàu ý nghĩa khiến tác phẩm giàu kịch tính, hấp dẫn.

- Sáng tạo trong việc kết hợp yếu tố kì ảo với những tình tiết hiện thực làm cho thế giới kỳ ảo lung linh, mơ hồ trở nên gần gũi với cuộc đời thực hơn, làm tăng độ tin cậy.

2. Yêu cầu viết đoạn văn:

H/S cần đảm bảo các kiến thức sau:

- Nội dung khái quát: Phần cuối của tác phẩm Chuyện người con gái Nam Xương không chỉ thể hiện tính chất truyền kỳ của truyện mà còn chứa đựng giá trị NT, nội dung sâu sắc.

- Các ý cần có:

+ Cuộc sống nơi cung nước và sự chờ về dương gian trong chốc lát của VN rực rỡ, uy nghi nhưng chỉ thoáng thoắt ngắn ngủi, loang loáng rồi mờ dần là những yếu tố kì ảo đặc sắc của tác phẩm....

+ Hình ảnh VN trở về chỉ là một thứ ảo ảnh, chỉ đủ an ủi cho người bạc phận khi đã được trả lại danh dự, phẩm tiết.

+ Hình ảnh rực rỡ trong chốc lát ấy làm tăng thêm tính bi kịch cho số phận nhân vật: sương khói kỳ ảo tan đi chỉ còn lại sự thực cay đắng: VN, người phụ nữ đức hạnh, khát khao hạnh phúc gia đình khiing được trở lại trần gian; trên bờ chồng và con vẫn đứng đầy trong sự trống vắng và đau đớn vì hồi hận.

+ Chi tiết này cũng thể hiện rõ nhân quan hiện thực sâu sắc của N. Dữ: Hạnh phúc không có trong ảo ảnh hay ở thế giới bên kia, hạnh phúc chỉ có thật ở trần gian và con người phải biết giữ gìn, vun đắp, trân trọng thì mới có được.

+ Qua đây, N Dữ đã thể hiện nỗi xót thương cho thân phận bất hạnh của người phụ nữ trong xã hội PK.

BÀI 2 : HOÀNG LÊ NHẤT THỐNG CHÍ

(*Ngô gia văn Phái*)

A.TÓM TẮT KIẾN THỨC CƠ BẢN:

1. Tác giả:

Ngô gia văn Phái là một nhóm tác giả thuộc dòng họ Ngô Thì ở làng Tả Thanh Oai nay thuộc huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Tây. Trong đó hai tác giả chính là:

Ngô Thì Chí (1735 - 1788) em ruột Ngô Thì Nhậm, làm quan thời Lê Chiêu Thống, viết 7 hồi đầu.

Ngô Thì Du (1772 - 1840) làm quan dưới triều nhà Nguyễn là tác giả của 7 hồi tiếp (trong đó có hồi thứ 14)

2.Tác phẩm:

a/ Hoàn cảnh ST: Được viết trong một thời gian dài, ở nhiều thời điểm khác nhau, gồm 17 chương, tái hiện một giai đoạn lịch sử đầy biến động của XHPKVN cuối thế kỷ 18, đầu 19.

b/ Chủ đề: Chiến thắng lẫy lừng của vua Quang Trung, sự thảm bại của quân tướng nhà Thanh và số phận lũ vua quan phản nước, hại dân.

c/ Thể loại: Tiểu thuyết lịch sử, viết bằng chữ Hán.

d/ Tóm tắt:

Lê Chiêu Thống sợ uy danh của quân Tây Sơn, sang cầu cứu nhà Thanh. Quân Thanh do Tôn Sĩ Nghị cầm đầu kéo quân vào Thăng Long. Ngô Văn Sở, tướng của Tây Sơn cho quân lui về núi Tam Điệp để bảo tồn lực lượng và cho quân cấp báo với Nguyễn Huệ. Nguyễn Huệ nghe tin quân Thanh đến Thăng Long giận lắm liền họp các tướng sĩ định thân chinh cầm quân đi ngay. Thuận theo lòng tướng sĩ Nguyễn Huệ lên ngôi hoàng đế lấy niên hiệu là Quang Trung. Ngày 25 tháng Chạp năm Mậu Thân hạ lệnh xuất quân. Đến Nghệ An nhà vua lấy thêm quân mở cuộc duyệt binh lớn, huấn dụ quân sĩ ai nấy đều đồng sức đồng lòng rồi tiến quân ra Bắc. Đến núi Tam Điệp gặp hai

tướng Lâm, Sở, Ngô Thời Nhiệm bàn kế hoạch sau khi đánh xong quân Thanh, mở tiệc khao quân.

Hẹn với tướng sĩ tối 30 lên đường, ngày 7 Tết tới Thăng Long. Giặc trấn thủ ở đó chưa đánh đã tan vỡ. Toán quân do thám bị bắt sống hết. Nửa đêm ngày mùng 3 Kỉ Dậu bắt đầu tấn công đồn Hạ Hồi quân giặc sợ hãi xin hàng. Sau đó tiếp tục đang thành chữ nhất tiến công đồn Ngọc Hồi, quân Thanh chống không nổi bỏ chạy tán loạn, rơi vào kế nghi binh của Tây Sơn, bị dồn xuống đầm vực, bị chết hàng vạn người. Giữa trưa hôm ấy quân Tây Sơn kéo vào Thăng Long. Tôn Sĩ Nghị nghe tin sợ hãi không kịp mặc áo giáp chạy trốn. Vua Lê Chiêu Thống đem hoàn thân quốc thích rồi bỏ kinh thành chạy theo quân Thanh đại bại.

B/ NỘI DUNG VÀ NGHỆ THUẬT:

1/ Nội dung:

phản ánh vẻ đẹp hào hùng của người anh hùng dân tộc Nguyễn Huệ trong chiến công đại phá quân Thanh. Sự thảm bại của quân tướng nhà Thanh và bè lũ bán nước Vua tôi nhà Lê.

2/ Nghệ thuật:

- Lối văn trần thuật kết hợp miêu tả chân thực, sinh động. Thể loại tiểu thuyết viết theo lối chương hồi.
- Nghệ thuật tương phản tạo thế đối lập giữa hai đội quân.
- Tác phẩm được viết bằng văn xuôi chữ Hán, có quy mô lớn đạt được những thành công xuất sắc về mặt nghệ thuật, đặc biệt trong những lĩnh vực tiểu thuyết lịch sử.

C. CÂU HỎI ĐỀ CƯƠNG:

Câu 4 (Tr 57)

a) Đoạn văn trên là lời của nhân vật vua Quang Trung (trong đoạn trích hồi thứ 14, tác phẩm Hoàng Lê nhất thống chí - Ngô gia văn phái)

b) Vua Quang Trung nói với các tướng lĩnh (Ngô Thì Nhậm, Ngô Văn Sở...) ở Tam Điệp, trên đường đưa đại quân ra Bắc đánh đuổi quan xâm lược nhà Thanh.

-> Những lời nói đó thể hiện phẩm chất cao đẹp của vua Quang Trung: Lòng quả cảm, trí tuệ sắc sảo, tự tin, quyết đoán, tầm nhìn xa, rộng, suy nghĩ sâu sắc và đặc biệt là tư tưởng nhân nghĩa.

Câu 5 (Tr 58)

Nội dung lời phủ dụ của vua Quang Trung với binh sĩ:

- Khẳng định chủ quyền của dân tộc ta: lên án, tố cáo hành động xâm lăng phi nghĩa và dã tâm cướp nước của quân Thanh.
- Nhắc lại truyền thống chống giặc ngoại xâm của dân tộc ta.
- Kêu gọi quân sĩ đồng tâm hiệp lực chống lại kẻ thù, bảo vệ đất nước.
- Đề ra kỉ luật nghiêm minh

-> Lời kêu gọi thấu tình đạt lý, khích lệ được tinh thần yêu nước, ý chí chiến đấu của tướng sĩ. Đồng thời cũng là quân lệnh nghiêm khắc có tác động chấn chỉnh đội ngũ, củng cố sức mạnh của đạo quân

Đề tham khảo:

Bài 1: Viết đoạn văn tổng phân hợp dài 10 -> 12 câu, phân tích Quang Trung là bậc kì tài quân sự (qua hồi 14 trong tác phẩm “ Hoàng Lê nhất thống chí” của Ngô gia văn phái).

- Đoạn văn

Độc hồi thứ 14 “Hoàng Lê nhất thống chí” của Ngô gia văn phái, ta thấy tác giả đã xây dựng được một hình tượng kì vĩ tráng lệ là người anh hùng áo vải Nguyễn Huệ; Nguyễn Huệ (xưng vương là Quang Trung) là một bậc kì tài quân sự(1). Khi nghe được tin cấp báo quân Thanh sang xâm lược nước ta, ông vạch phương hướng rành(2). Ông trực tiếp chỉ huy đại binh tiến ra Bắc thần tốc, bí mật chưa từng thấy trong lịch sử(3). Ông có tài điều binh khiển tướng, tài đó được thể hiện rõ trong lời dụ của ông trước ba quân và thể hiện trong cách xử tướng(4). Lời dụ của ông trước quân tướng sang sảng, hùng hồn như lời hịch lúc ra quân, kích thích lòng yêu nước, khơi gợi chí căm thù và khích lệ tinh thần xả thân cứu nước(5). Cách đánh giặc của ông đa dạng, linh hoạt, phong phú, luôn ở thế chủ động khiến giặc trở tay không kịp(6). Khi thì bao vây đánh giặc ở Hà Hồi, lúc thì áp sát đánh giặc dừng camp sáng tạo ở Ngọc Hồi, lúc đánh nghi binh ở đê Yên Duyên, khi mai phục ở Đàm Mục,...(7) Quân Tây Sơn dưới sự chỉ huy của Quang Trung tiến quân như vũ bão khiến giặc đại bại “thây chất đầy đồng, máu trôi đỏ nước”, tướng Sầm Nghi Đống “thắt cổ tự vẫn”, Tôn Sĩ Nghị bỏ chạy về nước “ngựa không kịp đóng yên”,...(8) Quả thật, Quang Trung là bậc anh hùng lão luyện, là nhà quân sự đại tài mà lịch sử đời đời ghi nhớ, nhân dân ta đời đời biết ơn(9). Xây dựng và khắc họa hình tượng người anh hùng Nguyễn Huệ là một thành công đặc sắc của các văn sĩ trong “Ngô gia văn phái” (10). Nó làm cho trang văn “Hoàng Lê nhất thống chí” thấm đẫm chủ nghĩa yêu nước, chủ nghĩa anh hùng Đại Việt (11).

Bài 2:

Bằng hiểu biết về VHTĐ, em hãy:

- 1: Giới thiệu về tác phẩm HLNTC?
- 2: Cho biết ND và NT của đoạn trích?

*** Gợi ý:**

- 1: Giới thiệu:

- HLNTC (Ngô gia văn Phái) được viết bởi một nhóm tác giả thuộc dòng họ Ngô Thì ở làng Tả Thanh Oai nay thuộc huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Nội. Trong đó hai tác giả chính là: Ngô Thì Chí, Ngô Thì Du.

- HLNTC là tác phẩm viết bằng chữ Hán có quy mô lớn nhất ghi chép về sự thống nhất của vương triều nhà Lê vào thời điểm Tây Sơn diệt Trịnh, trả lại Bắc Hà cho vua Lê

- HLNTC là cuốn tiểu thuyết lịch sử viết theo lối chương hồi (gồm 14 hồi) và đạt được những thành công xuất sắc về mặt NT, đặc biệt là lĩnh vực tiểu thuyết.

- Nội dung: Tái hiện một giai đoạn lịch sử đầy biến động của xã hội PKVN vào khoảng 30 năm cuối thế kỷ XVIII và mấy năm đầu của TK XIX.

- 2: ND và NT của đoạn trích:

- Nội dung chính của đoạn trích:

Đoạn trích thể hiện vẻ đẹp hào hùng của người anh hùng dân tộc N Huệ trong chiến công đại phá quân Thanh, sự thất bại thảm hại của quân xâm lược và số phận của lũ vua quan phản dân hại nước.

- Nghệ thuật:

+ Lối văn trần thuật kết hợp miêu tả chân thực, sinh động. Thể loại tiểu thuyết viết theo lối chương hồi.

- + Nghệ thuật tương phản tạo thế đối lập giữa hai đội quân.
 - + Tác phẩm được viết bằng văn xuôi chữ Hán, có quy mô lớn đạt được những thành công xuất sắc về mặt nghệ thuật, đặc biệt trong những lĩnh vực tiểu thuyết lịch sử.
-

BÀI 3 : TRUYỆN KIỀU

(Nguyễn Du)

A.KIẾN THỨC CƠ BẢN:

1. Tác giả: Nguyễn Du (1765 - 1820) tên chữ là Tố Như, hiệu Thanh Hiên, quê Tiên Điền, Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh.

*** Gia đình:**

- Sinh trưởng trong một gia đình đại quý tộc, nhiều đời làm quan, có truyền thống văn học.
- Cha là Nguyễn Nhiễm, đỗ tiến sĩ, giữ chức tể tướng, có tiếng là giỏi văn chương. Mẹ là Trần Thị Tần, một người đẹp nổi tiếng ở kinh Bắc.
- Các anh đều học giỏi, đỗ đạt, làm quan to trong đó có anh cùng cha khác mẹ là Nguyễn Khản từng làm quan thượng thư dưới triều Lê - Trịnh, giỏi thơ phú.

*** Thời đại:**

- Cuộc đời ông gắn bó sâu sắc với những biến cố lịch sử của giai đoạn cuối TK 18, đầu 19. Chế độ PK khủng hoảng trầm trọng, giai cấp thống trị thối nát, tham lam, tàn bạo, các tập đoàn PK (Lê - Mạc, Trịnh - Nguyễn) chém giết lẫn nhau. Nông dân nổi dậy khởi nghĩa khắp nơi, đỉnh cao là phong trào Tây Sơn đánh đổ tập đoàn PK Lê, Trịnh, Nguyễn.
- Trong hoàn cảnh ấy, ND đã sống phiêu bạt nhiều năm trên đất Bắc, khi thì về ở ẩn tại quê nhà. Sau khi đánh bại Tây Sơn, Nguyễn Ánh lên ngôi vua, ND bắt đầu đi ra làm quan cho triều Nguyễn, ông được cử làm chánh sứ sang TQ.
- Cuộc đời phiêu bạt của ông đã từng trải qua nhiều thăng trầm. Ông tận mắt chứng kiến nhiều cảnh đời, nhiều số phận. Ông sống gần gũi với nhân dân, thấu hiểu những tâm tư, nỗi khổ của con người, đặc biệt là người phụ nữ.

*** Cuộc đời:**

- Lúc nhỏ: 9 tuổi mất cha, 12 tuổi mất mẹ, ở với anh trai là Nguyễn Khản
- Ông là người có tài văn học bẩm sinh.
- Có trái tim nhạy cảm, tấm lòng nhân hậu, tâm hồn tinh tế sâu sắc.
- Là người thông minh, kiến thức sâu rộng, giàu nghị lực.
- > Tất cả những yếu tố đó tạo nên thiên tài văn học ND.

2. Tác phẩm:

a) Nguồn gốc và sự sáng tạo:

* Nguồn gốc: TK có nguồn gốc cốt truyện từ một tác phẩm văn học TQ: “ Kim Vân Kiều Truyện” của tác giả Thanh Tâm Tài Nhân.

*** Sự sáng tạo:**

- + Nội dung: Từ một câu chuyện tình trung quốc đời Minh biến thành một khúc ca đau lòng thương người bạc mệnh.

+ Nghệ thuật:

- Thể loại: Chuyển từ văn xuôi thành thơ lục bát thể thơ truyền thống của DT.
- NT xây dựng nhân vật, miêu tả TN, đặc biệt là bút pháp tả cảnh ngụ tình (ở đoạn trích cảnh ngày xuân, bức tranh tả cảnh ngụ tình ở cuối đoạn trích Kiều ở lầu Ngưng Bích)
- Ngôn ngữ: TK đạt tới đỉnh cao của ngôn ngữ NT.

b) Thời điểm sáng tác:

- Viết vào đầu thế kỷ XIX (1805 - 1809) dưới triều Nguyễn.
- Gồm 2354 câu thơ lục bát

c) Thể loại: Truyện nôm: Loại truyện viết bằng chữ Hán (Truyện có khi được viết bằng thể thơ lục bát) có 2 loại truyện Nôm

- T. Nôm bình dân: thường k có tên tác giả, viết trên cơ sở truyện dân gian.
- T. Nôm bác học: phần nhiều có tên TG, được viết trên cơ sở cốt truyện có sẵn của VH Trung Quốc do TG sáng tạo ra.

d) Ý nghĩa nhan đề: TK có 2 tên chữ Hán và chữ Nôm.

- Tên chữ Hán: Kim vân Kiều truyện của TTTN: Tên của 3 nhân vật trong truyện: KT, TV, TK. Đoạn trường tân thanh: Tiếng kêu mới về nỗi đau thương rút ruột: bộc lộ chủ đề tác phẩm (tiếng kêu cứu số phận người phụ nữ)
- Tên chữ Nôm: TK: tên nhân vật chính – TK (do nhân vật đặt)

e) Chủ đề: TK là một bức tranh hiện thực về một xã hội bất công, tàn bạo, là tiếng nói thương cảm trước số phận bi kịch của con người, lên án những thế lực xấu xa và khẳng định tài năng, phẩm chất đồng thời thể hiện khát vọng chân chính của con người.

g) Tóm tắt tác phẩm.

- Bố cục 3 phần:
- P1: Gặp gỡ và đính ước.
 - P2: Gia biến và lưu lạc.
 - P3 : Đoàn tụ.

Là con gái một gia đình trung lưu lương thiện, Thúy Kiều sống bên cạnh cha mẹ và hai em là Thúy Vân, Vương Quan. Trong ngày hội Đạp Thanh, gần năm mùng Đạp Tiên - một hình ảnh báo hiệu định mệnh oan nghiệt sau này của nàng- Thúy Kiều gặp Kim Trọng. Mỗi tình đầu chớm nở. Nhân nhật được chiếc thoa rơi của Thúy Kiều, Kim Trọng bày tỏ nỗi lòng với Kiều và hai bên đính ước.

Khi Kim Trọng về quê hộ tang chú, gia đình Kiều bị vu oan, cha và em bị bắt. Kiều phải bán mình chuộc cha.

Lần lượt bọn buôn người Mã Giám Sinh, Sở Khanh, Tú Bà dùng mọi thủ đoạn lừa gạt, dồn Thúy Kiều vào cuộc sống ô nhục. Nàng được Thúc Sinh, một khách làng chơi hào phóng, yêu thương và cứu vớt ra khỏi cuộc sống ở lầu xanh. Vợ cả Thúc Sinh là Hoạn Thư bày mưu bắt Kiều về hành hạ và đày đoạ nàng. Kiều trốn đến nương nhờ Sư Giác Duyên ở nơi cửa Phật. Sợ bị liên lụy, Giác Duyên gửi nàng cho Bạc Bà, không ngờ Bạc Bà lại lừa bán nàng cho một chủ lầu xanh. Ở đây, nàng gặp người anh hùng Từ Hải. Từ Hải chuộc nàng về làm vợ. Khi sự nghiệp thành, Từ Hải giúp Kiều báo ân báo oán. Do mắc lừa Hồ Tôn Hiến, tên đại thần trá trở, Từ Hải bị giết. Kiều bị nhục phải hầu rượu, đánh đàn trong tiệc mừng công của quân triều rồi lại bị ép gả cho một viên thổ quan. Đau xót và tủi nhục, Kiều nhảy xuống sông Tiền Đường tự tử nhưng lại được Giác Duyên cứu. Lần thứ hai, Kiều nương nhờ nơi cửa Phật. Kim Trọng sau khi hộ tang chú,

chàng trở lại tìm người yêu. Hay tin thảm khốc, Kim Trọng vô cùng đau đớn. Theo lời dặn của Kiều, cha mẹ Kiều cho Thuý Vân kết duyên với Kim Trọng. Không nguôi tình xưa, Kim Trọng lặn lội tìm kiếm và chàng đã gặp lại Kiều, cả gia đình đoàn tụ. Trong ngày đoàn viên vui vẻ, để bảo vệ “ danh tiết” và tỏ lòng kính trọng người yêu, Kiều đổi tình vợ chồng thành tình bạn.

B. GIÁ TRỊ NỘI DUNG VÀ NGHỆ THUẬT:

1. Giá trị nội dung :

**** Giá trị hiện thực***

- Truyện Kiều phản ánh bộ mặt tàn bạo của tầng lớp thống trị và thế lực hắc ám trà đạp lên quyền sống của con người.(dẫn chứng các nhân vật phản diện: Tú Bà, Mã Giám Sinh, Hồ Tôn Hiến....).
- Phơi bày nỗi khổ đau của những con người bị áp bức, đặc biệt là người phụ nữ trong xã hội, cho dù là người phụ nữ có nhan sắc => dẫn chứng Kiều:

**** Giá trị nhân đạo***

- Viết TK, N Du bộc lộ niềm thương cảm sâu sắc trước những khổ đau của con người. Ông xót thương cho TK - một người con gái tài sắc mà lâm vào cảnh bị đọa đày.
- Ông còn tố cáo các thế lực bạo tàn đã chà đạp lên quyền sống của những con người lương thiện, khiến họ khổ sở, điêu đứng.
- Ông trân trọng đề cao vẻ đẹp, ước mơ và khát vọng chân chính của con người.

2. Giá trị nghệ thuật

- TK được coi là đỉnh cao nghệ thuật của ND.
- Về ngôn ngữ: Tiếng việt trong TK không chỉ có khả năng biểu đạt(phản ánh), biểu cảm(bộc lộ cảm xúc) mà còn có chức năng thẩm mỹ(vẻ đẹp của ngôn từ)
- Khắc họa nhân vật qua phương thức tự sự, miêu tả chỉ bằng vài nét chấm phá. Cách xây dựng nhân vật chính diện, phản diện chủ yếu qua bút pháp ước lệ và tả thực.
- NT tả cảnh (TN, tả cảnh ngụ tình)

C. CÂU HỎI ĐỀ CƯƠNG:

Câu 6 (Tr58)

Viết bài văn ngắn giới thiệu truyện kiều của Nguyễn Du.

- Nguồn gốc : Nguyễn Du sáng tác TK đã dựa vào cốt truyện từ một tác phẩm văn học Trung Quốc “ Kim vân kiều truyện” của tác giả Thanh Tâm Tài Nhân.
- Tác phẩm kể về cuộc đời của TK qua ba giai đoạn.(Gặp gỡ và đính ước; Gia biến và lưu lạc; Đoàn tụ)

TK là một người phụ nữ tài sắc vẹn toàn con gái đầu lòng của một gia đình trung lưu lương thiện. Trong buổi du xuân TK gặp KT, hai người đã chủ động tự do đính ước với nhau. Trong lúc KT về quê chịu tang chú, gia đình Kiều gặp nạn. Kiều bán mình chuộc cha. Kiều bị rơi vào chốn lầu xanh. Kiều được Thúc Sinh chuộc khỏi lầu xanh, bị vợ cả của TS là Hoạn Thư ghen tuông, đày đọa. Kiều đành phải trốn đến nương nhờ của phật. Sư Giác Duyên vô tình gửi nàng cha Bạc Bà - kẻ lừa người như Tú Bà. Kiều rơi vào Lầu xanh lần 2. Kiều gặp từ Hải và kết duyên với TH, TH đã giúp Kiều báo ân, báo oán. Do mắc lừa HT Hiến, TH bị giết, Kiều phải hầu đàn, hầu rượu cho hắn, rồi bị ép gả cho Viên Thỏ Quan. Đau đớn tủi nhục Kiều trẫm mình xuống sông, được sư Giác Duyên cứu, Kiều nương nhờ của phật lần 2.. Chịu tang chú xong, KT trở lại tìm Kiều, hay tin,

KT đau đớn vô cùng. Tuy kết duyên với TV nhưng KT vẫn không thể quên mối tình đầu. Chàng quyết đi tìm Kiều, gặp lại Kiều, nối lại duyên xưa nhưng cả hai cùng nguyện ước “Duyên đôi lứa cũng là duyên bạn bầy”.

Giá trị ND và NT:

* Nội dung:

- Giá trị hiện thực:

+ Phản ánh bộ mặt tàn bạo của tầng lớp thống trị và thế lực hắc ám chà đạp lên quyền sống của con người.

+ Phơi bày nỗi khổ đau của những con người bị áp bức, đặc biệt là người phụ nữ)

- Giá trị nhân đạo:

+ Bộc lộ niềm thương cảm sâu sắc trước những khổ đau của con người.

+ Tố cáo thế lực tàn bạo chà đạp lên quyền sống của những con người lương thiện khiến họ phải điêu đứng, khổ sở.

+ Trân trọng đề cao vẻ đẹp, ước mơ và khát vọng chân chính của con người.

* Nghệ thuật: - Truyện được coi là đỉnh cao NT của NDu

- Về ngôn ngữ: Tiếng Việt trong truyện Kiều không chỉ có chức năng biểu cảm mà còn có chức năng thẩm mỹ.

- Khắc họa nhân vật qua phương thức tự sự, MT chỉ bằng vài nét chấm phá, bút pháp ước lệ và tả thực.

-> Truyện Kiều không những có vị trí quan trọng trong lịch sử văn học nước nhà mà còn có vai trò đặc biệt trong đời sống tâm hồn dân tộc.

Câu 7 (Tr58)

a) Điểm giống và khác nhau giữa NT tả cảnh và tả cảnh ngụ tình?

* Giống nhau:

- Dùng lấy TN làm đối tượng miêu tả.

- Người viết đều cần có sự quan sát, có trí tưởng tượng, liên tưởng phong phú.

- MĐ giúp người đọc thấy được cảnh TN hiện lên một cách sống động.

* Khác nhau:

- Tả cảnh: TN làm đối tượng chính -> MĐ gợi lên trong lòng mình hoặc bạn đọc một bức tranh phong cảnh TN cụ thể.

- Tả cảnh ngụ tình: Sử dụng TN làm phương tiện để khám phá, khắc họa thế giới nội tâm nhân vật...

b) Chéo đoạn thơ tả cảnh ngụ tình:

- 6 câu cuối đoạn trích “ Cảnh ngầu xuân”

“ Tà tàbắc ngang”

- 8 câu cuối trong đoạn trích “ Kiều ở lầu ngưng bích”

“ Buồn trông.....ngề ngòi”

Câu 8 (Tr58)

a) Em hiểu thế nào là bút pháp ước lệ?

- Sử dụng những tín hiệu thẩm mỹ đã thành quy ước chung của cộng đồng văn chương như: (dùng vẻ đẹp của thiên nhiên để gợi tả vẻ đẹp của con người: Hoa ngọc, trăng, mây, tuyết)

- Lời miêu tả thiên về gợi, chủ yếu tác động đến trí tưởng tượng của người đọc.

- b) Hai câu miêu tả TV: “Vân xem....nở nang”
Hai câu tả TK: “Làn thu thủy.....kém xanh”

Câu 9 (Tr58)

a) Bốn câu thơ trên thuộc trích trong “ Kiều ở Lầu Ngưng Bích” -TK của Ndu.
Đoạn trích đó nằm ở phần II của tác phẩm: “ Gia biến và lưu lạc”

b) - ... “ người tựa cửa hôm mai” được nói đến trong đoạn trích là cha mẹ cuat TK.

- Những suy nghĩ thể hiện vẻ đẹp của Kiều: Lòng hiếu thảo, đức hi sinh.

(Trong tình cảnh cô đơn, bơ vơ của mình khi bị giam lỏng ở lầu Ngưng Bích nhưng lúc nào Kiều cũng nghĩ về cha mẹ, thương cho cha mẹ ngày đêm ngóng tin con; đau xót vì không được sớm hôm chăm sóc cha mẹ lúc tuổi già. Những tình cảm đó cho thấy Kiều luôn gắn bó sâu nặng với gai đình; thủy chung, vị tha trong tình yêu.

Câu 3 (Tr 60)

a) Đoạn thơ trên được trích trong từ văn bản “ Kiều ở lầu Ngưng Bích” TK - NĐu

b) Đoạn thơ trên tác giả sử dụng biện pháp điệp từ “ Buồn trông”

-> Để diễn tả tâm trạng đau buồn triền miên, chông chênh của TK. Nỗi buồn trong lòng người đã nhuốm vào cảnh vật.

c) Viết đoạn văn phân tích NT miệt tả nội tâm nhân vật (khoảng 1 trang giấy).

H/S nêu được các ý sau:

- Giới thiệu ngắn gọn vị trí, chủ đề khái quát đoạn trích.

- Trong đoạn trích trên tác giả đã sử dụng bút pháp tả cảnh ngụ tình để khám phá thế giới nội tâm của nhân vật.

+ Tất cả các cặp câu lục bát đều được mở đầu bằng điệp từ “ Buồn trông” để diễn tả tâm trạng đau buồn triền miên, chông chênh của TK. Nỗi buồn trong lòng người đã nhuốm vào cảnh vật. Nhìn về phía nào, cũng chỉ thấy không gian sóng nước mênh mông, rợn ngợp: cửa bể chiều hôm, ngọn nước mới sa...

+ Trên nền không gian ấy, thấp thoáng con thuyền cô lẻ, cánh ychao nhỏ nhoi, lênh đênh, trôi dạt sẽ không biết sẽ không biết đi đâu, về đâu...ngoài trở về mặt đất cũng chỉ thấy “ nội cỏ rầu rầu” ảm đạm, thê lương và nhìn đến hút tầm mắt cũng không thấy gì ngoài những màu cây lá trải ra vô tận. Khung cảnh thiên nhiên phản chiếu cảm giác cô đơn, rợn ngợp trước một thế giới xa lạ, mênh mông, trống vắng.

+ Đặc biệt hình ảnh thiên nhiên hiên dũ dội “ gió cuốn mặt duềnh” và âm thanh của tiếng sóng “ kêu quanh ghế ngồi” đã diễn tả nỗi lo âu, kinh sợ trước những sóng gió của cuộc đời. Đây là dự cảm của TK về những biến cố đau đớn, kinh hoàng sắp ập tới...Cảnh sắc thiên nhiên đã được “ tâm trọng hóa” một cách cao độ.

- Bức tranh TN được miêu tả từ xa đến gần, màu sắc từ nhạt đến đậm, âm thanh từ tĩnh đến động...qua đó, nhà thơ thể hiện được thế giới nội tâm của nhân vật với nhiều cung bậc, sắc thái cảm xúc, với diễn biến chân thực, hợp lí:từ cảm giác cô đơn, lạc lõng đến những lo âu, hãi hùng; từ nỗi nhớ người yêu đến niềm thương xót cha mẹ...

Câu 5 (Tr 61)

Suy nghĩ về thân phận người phụ nữ qua: Chuyện người con gái Nam Xương, TK.

1. Mở Bài:

- Nhấn mạnh về số phận bất hạnh của người phụ nữ việt nam xưa.

- Giới thiệu hai tác phẩm Chuyện Người con gái nam xương- Nguyễn Dữ và Truyện Kiều-ND).

2. Thân bài:

+ Số phận bi kịch của người phụ nữ xưa:

- Vũ Nương: đau khổ, bất hạnh, oan khuất tài hoa bạc mệnh . Hồng nhan đa truân. (Không được sum họp vợ chồng hạnh phúc, một mình nuôi mẹ già, dạy trẻ, bị chồng nghi oan, phải tìm đến cái chết, vĩnh viễn không thể đoàn tụ với gia đình chồng con...

- Số phận Thuý Kiều: Bị kịch tình yêu, mỗi tình đầu tan vỡ, phải bán mình chuộc cha, thanh lâu hai lượt thanh y hai lần (Hai lần tự tử, hai lần đi tu, hai lần phải vào lầu xanh, hai lần làm con ớ) quyền sống và quyền hạnh phúc bị cướp đoạt nhiều lần...).

+ Cảm thương xót xa cho cuộc đời của những người phụ nữ xưa. Cảm giận xã hội phong kiến bất công tàn bạo đã trả đũa lên nhân phẩm cuộc đời họ...

- Vẻ đẹp, nhân phẩm của họ:

+ Tài sắc vẹn toàn:

- Chung thủy son sắt (Vũ Thị Thiết)

- Tài sắc hiếu thảo nhân hậu, bao dung khát vọng tự do công lý và chính nghĩa (Thuý Kiều).

3. Kết bài:

- Nêu cảm nhận bản thân. (Xót xa thương cảm) .

- Bày tỏ thái độ không đồng tình, lên án chế độ xã hội phong kiến bất công vô nhân đạo xưa).

- Khẳng định sự ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa hôm nay...

Câu 14 (Tr 68)

Đoạn trích Chị em Thuy Kiều rất tiêu biểu cho NT tả người của NDU.

a) Chép 8 dòng thơ tả TK, TV:

“ Vân xem trang trọng khác vời

.....

Hoa ghen thua thắm liễu hờn kém xanh”

b) Vì sao tác giả lại chọn MT TV trước TK?

Tác giả miêu tả TV trước là một dụng ý của tác giả, sử dụng NT đòn bẩy (MT vẻ đẹp của Vân để làm nổi bật vẻ đẹp của Kiều). So với Vân, cả về mặt tài lẫn sắc Kiều đều trội hơn. Từ ngữ “ càng” làm ta thấy rõ nét đặc biệt về nhan sắc và tài hoa của nàng Kiều.NT đòn bẩy đã được ND sử dụng một cách tài tình, khéo léo: dùng Vân làm nền, làm chuẩn mực để làm trội hơn vẻ đẹp của Kiều.TK có một vẻ đẹp thật tuyệt diệu: sắc sảo về trí tuệ, mềm mại về nhan sắc, một vẻ đẹp hoàn hảo cố sức lôi cuốn mạnh mẽ cho mọi người.

c) Hai hình ảnh ẩn dụ được sử dụng trong đoạn thơ:

- Khuôn trăng, nét ngài.

- Làn thu thủy, nét xuân sơn.

d) Viết đoạn văn theo lối lập luận quy nạp (12 -> 15 câu) phân tích NT miệt tả ngoại hình nhân vật của Nguyễn Du trong đoạn thơ trên.

* Đoạn văn:

Đoạn thơ trên được trích từ văn bản “Chị em Thúy Kiều” của Nguyễn Du.(1) Với cách miêu tả phong phú đa dạng cùng sử dụng bút pháp ước lệ - lấy vẻ đẹp của thiên nhiên làm nổi bật vẻ đẹp của con người.(2) Nhưng ở mỗi nhân vật nhà thơ lại chọn cách tả khác nhau.(3) Khi miêu tả chân dung của TV nhà thơ tập trung miệt tả ác chi tiết trên khuôn mặt bằng bút pháp ước lệ và phép liệt kê: “khuôn trăng”, “nét ngài”, “hoa cười”, “ngọc thốt”, cách miệt tả thiên về nhan sắc.(4) Chỉ bằng vài nét chấm phá mà TV hiện lên xinh đẹp, thùy mị, đoan trang, phúc hậu và khiêm nhường.(5) Miêu tả Kiều nhà văn sử dụng bút pháp ước lệ và thiên về gợi, tập trung vào một vài chi tiết giàu sức gợi cảm như đôi mắt, nét mày.(6)Đôi mắt của Kiều trong đẹp như làn nước hồ thu, nét lông mày thanh tú mơn mớn như núi mùa xuân “Làn thu thủy, nét xuân sơn”.(7) Gợi tả đôi mắt thôi mà Kiều hiện lên với một vẻ đẹp kiều diễm - vẻ đẹp của một tuyệt thế giai nhân.(8)Đặc tả vẻ đẹp của Kiều nhà thơ không chỉ tập trung làm nổi bật vẻ của sắc và tài mà còn thiên về miêu tả chiều sâu tâm hồn.(9) Tài của Kiều rất phong phú, đa dạng: cầm kì, thi họa, tất cả đều đạt mức lí tưởng.(10)Hơn nữa Kiều còn có trái tim đa sầu, đa cảm, đã sáng tác cả bản nhạc bạc mệnh làm nao lòng người.(11) Cái tài trong NT tả người của Ndu là miêu tả ngoại hình nhân vật mà hiện lên cả vẻ đẹp tính cách, số phận.(12) Vẻ đẹp đoan trang phúc hậu của TV khiến mây thư, tuyết nhường gợi sự liên tưởng và dự cảm về cuộc đời bình yên suôn sẻ đến với nàng.(13) Còn vẻ đẹp sắc sảo, mặn mà khiến hoa ghen, liễu hờn của TK gợi sự liên tưởng về số phận nhiều sóng gió.(14) Chỉ với tám câu thơ lục bát đã cho ta thấy Nguyễn Du là cây bút tài hoa về miêu tả ngoại hình nhân vật.(15)

Câu 15 (Tr 68) Đây là câu văn mở đầu đoạn văn nghị luận trong bài làm của 1 học sinh: *Với TK không những NĐu chỉ gợi tả vẻ đẹp hình thức mà nhà thơ còn nhấn mạnh vẻ đẹp tài năng, tâm hồn.*

Hãy cho biết:

- Đoạn văn trước viết về vẻ đẹp hình thức của Kiều. Đoạn văn chứa câu đó có đề tài là: Vẻ đẹp tài năng, tâm hồn của Kiều.
- Lấy câu văn trên làm câu chủ đề, viết đoạn văn diễn dịch (khoảng 12 câu) chỉ ra ba phép liên kết có sử dụng trong đoạn văn.

* Đoạn Văn:

Với TK không những NĐu chỉ gợi tả vẻ đẹp hình thức mà nhà thơ còn nhấn mạnh vẻ đẹp tài năng, tâm hồn của nàng.(1) Về tài năng Thúy Kiều được coi là người thông minh bẩm sinh “vốn sẵn tính trời”.(2) Nàng có tài: tài làm thơ, tài vẽ đặc biệt là âm nhạc.(3) Không những nàng giỏi nhạc, sáng tác khúc bạc mệnh mà còn giỏi chơi đàn Hồ Cầm.(4) Tài năng của Kiều đạt đến mức thành thạo như nhà nghề ăn đứt thiên hạ: “sắc đành đòi một, tài đành họa hai”.(5) Như vậy về tài kiều có nhiều tài và tài nào cũng đạt đến mức độ cao.(6) Không chỉ vậy, Kiều còn là người giàu tình cảm, tâm hồn đa sầu, đa cảm.(7) Nàng sáng tác “khúc bạc mệnh” làm cho ai nghe cũng thấy cảm động, xót xa.(8) Kiều không chỉ đẹp hình thức mà còn đẹp cả tài năng và tâm hồn, đó là vẻ đẹp sắc sảo mặn mà.(9) Kiều sắc sảo ở tài năng, mặn mà ở tâm hồn.(10) Nhưng vẻ đẹp sắc sảo mặn mà ấy cũng dự báo về số phận cuộc đời Kiều sẽ trầm luân, dâu bể.(11) Điều đó khiến chúng ta cảm nhận thấy Kiều là người phụ nữ hồng nhan, bạc mệnh.(12)

Đoạn văn sử dụng các phép liên kết:

- Phép lập: TK, nàng.
- Phép thế: Đó, điều đó.
- Phép nối: nhưng.

Câu 16 (Tr 68)

a) So sánh và nêu nhận xét về bức tranh phong cảnh qua hai đoạn thơ?

Hai đoạn thơ cùng miêu tả thời gian của buổi hoàng hôn và không gian của dòng suối với cây cầu nhỏ...Nhưng ở mỗi bức tranh TN lại có một vẻ đẹp riêng phản chiếu nét tâm trạng khác nhau:

- Trong đoạn thơ thứ nhất: Không gian vắng vẻ, đượm buồn: dòng suối lặng lẽ như không trôi chảy; cây cầu nhỏ “ cuối ghềnh bắc ngang” gợi cảm giác cô đơn, lẻ loi...Cảnh sắc TN thấm nỗi buồn khuâng, man mác của hồn người (tiếc buổi ngày hội vui, một ngày xuân đẹp đã trôi qua; buồn trước buổi chiều tà im vắng.)

- Đoạn thơ thứ hai, sau cuộc gặp gỡ “ Người quốc sắc kẻ thiên tài” cảnh vật có nhiều thay đổi. Hình ảnh cây cầu được tả cận cảnh, không còn nhỏ nhoi, đơn lẻ nữa mà hiện lên giữa khung cảnh hữu tình. Dưới cầu là dòng nước trong trẻo, sóng động như đang reo vui; bên cầu có dáng liễu mùa thu thướt tha, kiêu diễm... cảnh sắc êm đềm thơ mộng, phản chiếu những rung động, bồi hồi, xao xuyến cuat tình yêu chớm nở.

-> Như vậy, hình tượng thiên nhiên trong truyện kiều không chỉ là những bức tranh phong cảnh đẹp mà là phương tiện để nhà thơ khám phá, khắc họa thế giới nội tâm của nhân vật. Đây cũng là một trong những bằng chứng đầy sức thuyết phục về sáng tạo thiên tài của NDu.

b) Viết đoạn văn theo cách lập luận tổng phân hợp (khoảng 12 câu) bàn về NT miêu tả TN của ND trong sáu câu thơ cuối đoạn trích “ Cảnh ngày xuân”.

* Đoạn văn:

Sáu câu thơ trên được trích trong “ Cảnh ngày xuân” TK của Nguyễn Du miêu tả cảnh buổi chiều lúc chị em Thúy Kiều du xuân trở về.(1) Bức tranh buổi chiều được miệt tả với nét dịu dàng, thanh nhẹ, nhuốm màu tâm trạng, buồn khuâng, xao xuyến mà con người thường có sau một cuộc vui và trong một buổi chiều tà.(2) Bức tranh hoàng hôn buổi chiều tà qua ánh nhìn và tâm trạng của nàng Kiều hiện lên trong một không gian xuân thu hẹp, tĩnh lặng hơn.(3) Mọi chuyển động đều hết sức nhẹ nhàng: mặt trời từ từ ngả bóng về tây, bước chân người chậm chậm, thơ thẩn, dòng nước róc rách uốn quanh.(4) Sự nhộn nhịp, rộn ràng của lễ hội không còn nữa.(5) Các từ láy “ tà tà, thơ thẩn, thanh thanh, nao nao” không chỉ biểu đạt sắc thái của cảnh vật mà còn bộc lộ tâm trạng của con người.(6) Dường như có cái gì đó đang mơ hồ xâm lấn, cảnh vật đã nhuốm sắc thái vấn vương, man mác của tâm trạng con người.(7) Ở đây, Nguyễn Du đã sử dụng bút pháp tả cảnh ngụ tình, mượn cảnh vật để diễn tả những dung động tinh tế trong tâm hồn người thiếu nữ.(8) Đó là tâm trạng nuối tiếc, quyến luyến của chị em Thúy Kiều khi phải chia tay với hội xuân.(9) Khung cảnh thiên nhiên cũng theo đó mà nhỏ đi để phù hợp với tâm trạng con người: “ ngọn tiêu khô” - dòng suối nhỏ, phong cảnh thanh thoát, nhịp cầu nhỏ nhỏ lại nằm ở cuối ghềnh phía xa xa.(10) Cảnh và người như có sự tương liên để giao hòa trong bầu không khí buồn khuâng, lưu luyến, khe khẽ sầu lay.(11) Có thể mơ hồ cảm nhận được cảnh vật đang tạo ra dự cảm về những sự việc sắp xảy ra.(12) Qua khổ thơ đã thể hiện tài năng nghệ thuật miêu tả của Nguyễn Du.

Bài tập bổ xung

Bài 1: Bằng hiểu biết về VHTĐ, em hãy cho biết?

1: Xuất xứ, sáng tạo của ND khi viết T Kiều?

2: Chép chính xác 4 câu thơ tả người, 4 câu thơ tả cảnh trong các đoạn trích từ TK (sách Ngữ Văn 9) mà em cho là hay nhất?

*** Gợi ý.**

1: **Xuất xứ và sự sáng tạo:**

- TK có nguồn gốc cốt truyện từ một tác phẩm văn học TQ: “ Kim Vân Kiều Truyện” của tác giả Thanh Tâm Tài Nhân.

- Sự sáng tạo:

+ Nội dung: Từ một câu chuyện tình trung quốc đời Minh biến thành một khúc ca đau lòng thương người bạc mệnh.

+ Nghệ thuật:

- Thể loại: Chuyển từ văn xuôi thành thơ lục bát thể thơ truyền thống của DT.

- NT xây dựng nhân vật, miêu tả TN, đặc biệt là bút pháp tả cảnh ngụ tình (ở đoạn trích cảnh ngày xuân, bức tranh tả cảnh ngụ tình ở cuối đoạn trích Kiều ở lầu Ngưng Bích)

- Ngôn ngữ: TK đạt tới đỉnh cao của ngôn ngữ NT.

2. Chép 4 câu tả người, 4 câu tả cảnh:

- Tả người: Đoạn trích chị em TK (4 câu tả vắn)

- Tả cảnh: Đoạn trích cảnh ngày xuân (4 câu đầu).

Bài 2: TK của NDu là một kiệt tác VH nước nhà:

1: Cho biết nguồn gốc và sự sáng tạo độc đáo của NDu trong tác phẩm?

2: Theo em chân dung của TK được tác giả miêu tả bằng những phép tu từ nào? Hãy viết một đoạn văn về nhân vật TK dài 10 câu (có dùng phép thế và 1 câu phủ định).

*** Gợi ý:**

1. Đ/A phần trên bài 1.

2. * Theo em chân dung TK được tác giả miêu tả bằng những phép tu từ:

Khắc họa chân dung nhân vật bằng bút pháp cổ điển

- Sử dụng từ ngữ Hán, hình ảnh ước lệ thiên nhiên đẹp như: liễu, hoa, xuân sơn, thu thủy để thể hiện vẻ đẹp của con người.

- NT tiêu đối tạo sự cân xứng hài hòa.

- NT nhân hóa: hoa ghen, liễu hờn.

- Nghiêng về gợi tả.

- Dùng những điển tích điển cố, thành ngữ.

* Viết đoạn văn 10 câu về nhân vật TK.

- Câu mở đoạn chứa nội dung khái quát:

Nguyễn Du đã phác họa bức chân dung TK_với vẻ đẹp lý tưởng hoàn hảo cả về nhân sắc tài năng và tâm hồn.

Các ý cần có:

- Vẻ đẹp nhan sắc của trang tuyệt thế giai nhân: Vẻ đẹp tuyệt thế giai nhân của Kiều được gợi tả qua hình ảnh đôi mắt - phần tinh anh của tâm hồn và trí tuệ.

. Làn nước mùa thu dọn sóng từ hình ảnh ước lệ “ làn thu thủy” đã gợi tả thật ấn tượng, sống động vẻ đẹp của đôi mắt trong sáng, long lanh, linh hoạt.

. Đôi lông mày thanh tú trên gương mặt trẻ trung tươi tắn cũng được gợi từ hình ảnh ước lệ “ nét xuân sơn” - đỉnh núi màu xuân.

- Tài năng của Kiều đạt tới mức lý tưởng theo quan niệm thẩm mỹ phong kiến gồm đủ cả cầm(đàn), kỳ(cờ), thi(thơ), họa(vẽ). Đặc biệt tài đàn đã trở thành “ nghề riêng”, sở trường, năng khiếu của nàng.

- Kiều còn là cô gái có vẻ đẹp tâm hồn: Cung đàn “bạc mệnh” mà Kiều tự sáng tác là để thể hiện tiếng lòng của một trái tim đa sầu, đa cảm.

- Chân dung của TK cũng là chân dung mang tính cách, số phận. Vẻ đẹp của Kiều làm cho tạo hóa phải “ hờn”, “ ghen”, vẻ đẹp của TN phải đố kỵ nên số phận của nàng sẽ éo le, đau khổ.

BÀI 4 : TRUYỆN LỤC VÂN TIÊN

(Nguyễn Đình Chiểu)

CÂU HỎI ĐỀ CƯƠNG

Câu 10 (Tr 58)

a) Giải thích cụm từ “ Kiến nghĩa bất vi”

-> Thấy việc nghĩa không làm (Cả hai câu thơ ý nói thấy việc nghĩa mà bỏ qua không làm thì không phải là người anh hùng)

b) - Những quan niệm sống được LVT bày tỏ trong đoạn thơ là:

+ Sẵn sàng cứu giúp người hoạn nạn mà không màng tới sự báo đáp.

+ Coi việc nghĩa là bổn phận của người anh hùng.

- Những quan niệm sống ấy thể hiện tính cách hào hiệp, nghĩa khí; tâm hồn nhân hậu, cao thượng của Lục Vân Tiên.
